



VƯỢT QUA THỬ THÁCH

VỮNG VÀNG TƯƠNG LAI

PV Drilling

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TÍCH HỢP
2015



TÂM NHÌN

Trở thành nhà thầu khoan, cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí tin cậy và có uy tín trên thế giới.

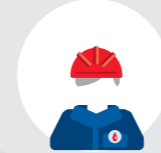
SỨ MỆNH

Cung cấp dịch vụ khoan và kỹ thuật khoan dầu khí hàng đầu trong khu vực, tạo ra những giá trị gia tăng cho khách hàng bằng những dịch vụ chất lượng cao và giá cả cạnh tranh.



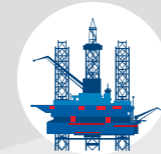
Mục lục

XÂY DỰNG NIỀM TIN



| | |
|------------------------------------|-------|
| Thông điệp của Tổng Giám đốc | 06-07 |
| Giới thiệu HĐQT, BKS, B.TGD | 08-15 |
| Sơ đồ tổ chức | 16-17 |
| Báo cáo của Hội đồng quản trị | 18-23 |
| Định hướng của HĐQT trong năm 2016 | 24-25 |
| Báo cáo của Ban Kiểm soát | 26-31 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 32-43 |
| Kế hoạch kinh doanh năm 2016 | 44-47 |
| Các đơn vị thành viên | 48-63 |

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ



| | |
|--|-------|
| Vị thế PV Drilling sau 14 năm xây dựng và phát triển | 66-69 |
| Quá trình hình thành và phát triển | 70-73 |
| Chiến lược phát triển bền vững | 74-77 |
| Mô hình kinh doanh bền vững | 78-79 |
| Các chỉ số tài chính tiêu biểu năm 2015 | 80 |
| Vốn cổ phần, cơ cấu cổ đông | 81 |
| Danh hiệu và giải thưởng năm 2015 | 82-83 |

VƯỢT QUA THỬ THÁCH



| | |
|--|---------|
| Tổng quan thị trường dầu khí | 86-87 |
| Các rủi ro trọng yếu tại PV Drilling | 88-91 |
| Gắn kết các bên có liên quan | 92-93 |
| Đánh giá các lĩnh vực trọng yếu | 94-95 |
| Giữ vững vị thế nhà thầu khoan tiên phong tại VN | 96-101 |
| Dự án tối ưu hóa và cắt giảm chi phí | 102-105 |
| Xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro | 106-109 |
| Hoàn thiện hệ thống CNTT ERP giai đoạn III | 110-111 |
| Phát triển quỹ Khoa học Công nghệ | 112-113 |

VỮNG VÀNG TƯƠNG LAI



| | |
|--|---------|
| Quản trị Nguồn nhân lực bền vững | 116-123 |
| An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng | 124-137 |
| Cộng đồng xã hội | 138-139 |
| Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Nhà nước | 140-143 |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



| | |
|---|---------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 146 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 147 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 148-149 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 150 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 151-152 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 153-188 |

01

XÂY DỰNG NIỀM TIN

Trong bối cảnh khó khăn hiện nay, PV Drilling tập trung vào các giải pháp nhằm nâng cao năng lực hoạt động, tối ưu hóa chi phí và hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Với định hướng rõ ràng, tập trung vào những vấn đề cốt lõi, với sự nhiệt huyết và để ra các quyết sách của Ban lãnh đạo, với sự nỗ lực, nhiệt thành của đội ngũ CBCNV, PV Drilling sẽ thành công và phát triển bền vững trong tương lai.

Thông điệp của Tổng Giám đốc

Giới thiệu HĐQT, BKS, B.TGD

Sơ đồ tổ chức

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Định hướng của HĐQT trong năm 2016

Báo cáo của Ban Kiểm soát

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch kinh doanh năm 2016

Các đơn vị thành viên



Thông điệp của Tổng Giám đốc



Ông PHẠM TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc PV Drilling

KÍNH GỜI QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

Năm 2015 được ghi nhận là một năm đặc biệt thử thách đối với ngành khoan dầu khí. Ngân sách dành cho các chiến dịch khoan của các nhà thầu đã giảm mạnh xuống mức tối thiểu dưới tác động giảm sâu của giá dầu. Khối lượng công việc liên quan đến hoạt động khoan đã giảm 20% - 30% trong hơn một năm qua, kéo theo sự dư thừa giàn khoan trong khu vực. Nguồn cung trên thị trường tăng, cùng với trách nhiệm chia sẻ chi phí với khách hàng trong bối cảnh giá dầu thấp đã kéo đơn giá cho thuê giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan giảm 15% - 25%. Không chỉ riêng đối với PV Drilling, các nhà thầu khoan trong khu vực đều chịu sức ép hai đầu: đơn giá dịch vụ cùng với khối lượng công việc đều giảm mạnh.

Không như năm 2014, là năm ở đỉnh cao nhất ở một chu kỳ tăng trưởng, khi cường độ công việc tăng cao do nhu cầu giàn khoan tại Việt Nam tăng đột biến lên 17 - 18 giàn, sự bận rộn của năm 2015 chuyển sang một hình thái khác.

PV Drilling đã và đang xây dựng một kế hoạch tổng thể mang tính chiến lược nhằm nâng cao nội lực doanh nghiệp, bảo đảm sự tồn tại và phát triển bền vững khi thị trường hồi phục

Hàng loạt các giải pháp được triển khai để ứng phó với sự suy giảm thị trường mà theo đánh giá của chúng tôi có thể dài hơn 2 năm. Những gì được chia sẻ trong BCTN năm trước cũng chính là những gì chúng tôi đã thực hiện một cách nghiêm túc và quyết liệt: tối ưu hóa quy trình hoạt động, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, tìm kiếm các cơ hội phát triển thị trường, thúc đẩy các dự án khoa học công nghệ, hoàn thiện dự án quản trị rủi ro và nhiều giải pháp nâng cao năng lực hoạt động Tổng Công ty. Chúng tôi cần đảm bảo phát triển kinh doanh trong nguồn lực hạn hẹp để hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn có hiệu quả. Vì vậy, năm 2015 đã là một năm vô cùng bận rộn với chúng tôi.

Kết quả kinh doanh sụt giảm là điều không thể tránh khỏi đối với các nhà thầu khoan trong tình hình khó khăn của thị trường. Trong năm 2015, PV Drilling đạt doanh thu 14.444 tỷ đồng và LNST 1.664 tỷ đồng, tương ứng giảm 31% so với năm 2014 và giảm 12% so với năm 2013. Đây là con số sụt giảm mạnh so với năm 2014, năm mà sự thành công đột biến lại trở thành thách thức vô cùng lớn lao cho năm 2015 và những năm tiếp theo, nhưng có thể nói đây là con số tương đối khả quan trong tình hình chung còn nhiều khó khăn của các công ty dầu khí trong ngành.

Năm 2015 vừa qua cũng có những điểm sáng khi Tổng Công ty duy trì thành công những chỉ số quan trọng đối với một nhà thầu khoan dầu khí. PV Drilling tiếp tục bảo đảm hoạt động an toàn cao với thành tích giàn PV DRILLING I đạt 9 năm liên tiếp Zero LTI, giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 6 năm Zero LTI, giàn PV DRILLING V (TAD) đạt 3 năm Zero LTI, cùng với hiệu suất hoạt động giàn đạt 95% - 99%.

Một sự kiện có ý nghĩa khích lệ trong năm 2015 mà tôi muốn chia sẻ, đó là lần thứ ba PV Drilling được vinh danh là "Nhà thầu khoan dầu khí tốt nhất Châu Á năm 2015", sau hai năm liên tiếp 2012 - 2013 được trao tặng giải thưởng quan trọng này từ WorldFinance tại London Stock Exchange.

Năm 2016 được chờ đón với tinh thần quyết tâm, sẵn sàng vượt qua thử thách!

Trong bối cảnh hiện nay, những con người dầu khí đang đối diện với vô vàn khó khăn. Giá dầu giảm sâu về mức 35 - 40 USD/thùng và chưa có dấu hiệu hồi phục rõ ràng. Điều này không còn là ngắn hạn mà ít nhất tới năm 2017 mới có dấu hiệu tích cực. Nhưng có một điều mà tôi luôn tin tưởng rằng ngành dầu khí đã, đang và sẽ luôn là mũi nhọn kinh tế, là nguồn tài nguyên quan trọng đối với tăng trưởng tương lai và nhu cầu năng lượng sẽ tăng trở lại cùng với sự hồi phục của các nền kinh tế lớn.

Ứng phó với giai đoạn đầy khó khăn hiện nay cũng như sẵn sàng nắm bắt cơ hội trong tương lai, chúng ta hành động như thế nào? Với vị thế là một trong những nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật cao trong ngành dầu khí có uy tín và kinh nghiệm tại Việt Nam, PV Drilling đã và đang xây dựng một kế hoạch tổng thể mang tính chiến lược nhằm nâng cao nội lực doanh nghiệp, bảo đảm sự tồn tại, trong đó ưu tiên một số giải pháp sau:

- Bảo đảm vận hành giàn khoan an toàn và hiệu suất hoạt động cao, bảo đảm cung cấp dịch vụ với chất lượng dịch vụ tốt nhất và giá cả cạnh tranh nhằm duy trì sự ủng hộ và hỗ trợ của Petrovietnam và các nhà thầu dầu khí, giữ vững thị trường trong nước, đặc biệt hợp tác triển khai hợp lý dự án Lô B Ô Môn và các vùng biển nước sâu trong tương lai;
- Nhìn xa hơn những cơ hội phía trước, PV Drilling tăng cường tham gia đấu thầu ở các nước khu vực Malaysia, Thái Lan, Myanmar, Brunei, Indonesia, v.v... hay tìm kiếm các cơ hội cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí thông qua các liên doanh ở nước ngoài;
- Triệt để thực hiện các giải pháp cấp bách hiện nay là tối ưu hóa, cắt giảm chi phí với 4 giải pháp chính về hành chính, nhân sự, quản lý vận hành và thương mại để bảo đảm hiệu quả kinh doanh khi giá cho thuê giàn xuống thấp;
- Rà soát nhân sự, đẩy mạnh chương trình tối ưu hóa nguồn lực, phát triển đội ngũ kỹ thuật cao bằng người Việt Nam;

- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, thúc đẩy các dự án ERP giai đoạn III, dự án quản trị rủi ro, các dự án sử dụng quỹ KHCN, tái cơ cấu bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tinh gọn và hiệu quả;
- Và chúng tôi vẫn luôn dành sự quan tâm đến cộng đồng và môi trường, đặc biệt đối với công tác chăm sóc đời sống cán bộ công nhân viên. Sự gắn kết giữa Ban lãnh đạo và nhân viên ngày càng chặt chẽ, khăng khít hơn bao giờ hết trong tình hình khó khăn hiện nay.

Những giải pháp PV Drilling đề ra nêu trên là cốt lõi của kế hoạch và chiến lược để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và phát triển bền vững khi thị trường hồi phục. PV Drilling đã trải qua chặng đường 14 năm không ít chông gai, chặng đường phía trước thử thách còn to lớn hơn. Mặc dù vậy, tôi có niềm tin và sự tin cậy vào tập thể CBCNV, vào các khách hàng và đối tác trong ngành, cổ đông và nhà đầu tư, vào sự đồng lòng trước khó khăn to lớn chúng ta đang đối diện và sẽ phải vượt qua, niềm tin vào sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của PV Drilling trong một tương lai không xa.

"Lửa thử vàng, gian nan thử sức" - có những khó khăn PV Drilling đang đối mặt và chúng ta sẽ dũng cảm vượt qua thử thách, vững vàng trong tương lai. Tôi có niềm tin như vậy.

Cuối cùng, thay mặt cho hơn 2.000 CBCNV, tôi chân thành cảm ơn sự quan tâm, ủng hộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng và các Đối tác liên quan. Sự ủng hộ của Quý vị chính là những đóng góp giá trị giúp PV Drilling sớm hồi phục, vượt qua giai đoạn khó khăn thử thách này, để đi đến giai đoạn mới phát triển hơn, bền vững hơn.

PHẠM TIẾN DŨNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Giới thiệu Hội đồng quản trị



Ông Đỗ Văn Khanh

Chủ tịch Hội đồng quản trị PV Drilling
 Chịu trách nhiệm chỉ đạo chung, phụ trách lĩnh vực Chiến lược, Đổi mới Doanh nghiệp của Tổng Công ty.

Tiến sĩ Đỗ Văn Khanh được tôn vinh là một trong 50 gương mặt tiêu biểu trong nửa thập kỷ hình thành và phát triển của ngành Dầu khí Việt Nam (1961 - 2011).

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Khoan Dầu khí;
 Tiến sĩ Địa chất Dầu khí.

Quá trình công tác

12/2015 đến nay Chủ tịch Hội đồng quản trị PV Drilling;
 2/2012 - 11/2015 Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP);
 8/2010 - 2/2012 Chủ tịch Hội đồng thành viên PVEP;
 2001 - 8/2010 Tổng Giám đốc PV Drilling;
 1994 - 2001 Giám đốc Xí nghiệp PTSC Offshore, thuộc Công ty PTSC (tiền thân Tổng Công ty PV Drilling) - đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
 1992 - 1994 Phó Giám đốc Công ty Liên doanh Khoan Odfjell, đơn vị liên doanh giữa PetroVietnam và Công ty Dầu khí Odfjell của Na Uy;
 1984 - 1992 Kỹ sư Khoan Công ty Dầu khí Thái Bình, Kỹ sư Khoan PetroVietnam II và là Trưởng đại diện PetroVietnam tại Đà Nẵng (tiền thân Tổng Công ty PVEP).



Ông Đỗ Đức Chiến

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị PV Drilling
 Phụ trách lĩnh vực Thương mại, Kế hoạch - Đầu tư và Chế độ chính sách đối với CBCNV của Tổng Công ty.

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Luật;
 Cử nhân Chính trị.

Quá trình công tác

12/2015 đến nay Phó Chủ tịch HĐQT PV Drilling;
 4/2010 - 12/2015 Chủ tịch HĐQT PV Drilling;
 2009 - 2010 Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Petrosetco;
 2007 - 2009 Chủ tịch HĐQT Công ty Petroland;
 2007 Phó Tổng Giám đốc Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng phía Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
 1999 - 2006 Chánh Văn phòng, Phó Bí thư thường trực, Bí thư Đảng ủy Khối Dầu khí tại TP. Hồ Chí Minh;
 1988 - 1999 Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng phòng Vật tư Công ty Đầu tư phát triển Giao thông vận tải;
 1983 - 1987 Công tác tại Cục cảnh vệ Bộ Công an.



Ông Phạm Tiến Dũng

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV Drilling
 Chỉ đạo quản lý và điều hành chung công tác Phát triển bền vững, Pháp chế và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Năm 2015, Ông Phạm Tiến Dũng được vinh danh là "Nhà lãnh đạo có hiệu quả kinh doanh xuất sắc nhất" (Top 50 Nhà lãnh đạo doanh nghiệp - Mark of Respect 2015) do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư trao tặng.

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Cơ khí;
 Cử nhân Ngoại ngữ - Anh văn.

Quá trình công tác

8/2010 đến nay Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV Drilling;
 2009 - 8/2010 Phó Tổng Giám đốc thường trực PV Drilling;
 2005 - 2009 Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan;
 2002 - 2005 Giám đốc Xí nghiệp Khoan Dầu khí, PV Drilling;
 1997 - 2001 Xưởng trưởng Xưởng Kiểm định và Sửa chữa thiết bị Dầu khí PTSC Offshore;
 1992 - 1997 Làm việc tại các công ty dịch vụ dầu khí đa quốc gia (Singapore, Úc, Thái Lan...)
Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch HĐQT PVD - Baker Hughes và Chủ tịch HĐQT PVD Overseas.



Ông Trần Văn Hoạt

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc PV Drilling
 Theo dõi lĩnh vực Đầu thầu và Nghiên cứu khoa học công nghệ của Tổng Công ty.

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Khoan Dầu khí;
 Kỹ sư Khoan Dầu khí nâng cao tại Liên Xô cũ.

Quá trình công tác

5/2012 đến nay Thành viên HĐQT PV Drilling;
 2006 đến nay Phó Tổng Giám đốc PV Drilling và Giám đốc Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam (NASOS);
 2001 - 2006 Phó Tổng Giám đốc PV Drilling;
 1987 - 2001 Chánh kỹ sư và Giàn trưởng giàn khoan tự nâng Cửu Long, Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro;
 1983 - 1987 Đốc công khoan tại Công ty Dầu khí I Thái Bình.
Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch Hội đồng thẩm định các dự án đầu tư của PV Drilling, Giám đốc Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam (NASOS).

Giới thiệu Hội đồng quản trị (tiếp theo)



Ông Lê Văn Bé

Thành viên HĐQT độc lập, PV Drilling
Theo dõi lĩnh vực Kế toán Tài chính của Tổng Công ty.

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế (Đại học Tài chính Kế toán).

Quá trình công tác

2010 đến nay Thành viên HĐQT độc lập, PV Drilling;
1/2010 - 4/2014 Phó Chủ tịch thứ nhất Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank);
1995 - 2009 Tổng Giám đốc Ngân hàng MBBank;
3/1993 - 1995 Trực tiếp xây dựng để án thành lập MBBank, Trưởng Ban tư vấn Thư ký của Hội đồng quản trị MBBank;
1990 - 1995 Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính, phụ trách công tác Kế toán Ngân hàng;
1975 - 1989 Trợ lý tại Phòng Tài chính - Tổng cục Kỹ thuật;
1970 - 1974 Trợ lý tại Phòng Tài chính Tổng cục Hậu cần.



Bà Phạm Thị An Bình

Thành viên HĐQT độc lập, PV Drilling
Theo dõi Hiệu quả Đầu tư và Tài chính của Tổng Công ty.

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Ngân hàng - Tài chính;
Thạc sỹ Kinh tế Quốc tế và Kinh tế Phát triển.

Quá trình công tác

7/2014 đến nay Thành viên HĐQT độc lập, PV Drilling;
5/2014 đến nay Phó Trưởng phòng, Phòng Khách hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
8/2009 - 5/2014 Phó Trưởng phòng, Phòng Tài trợ Dự án, Vietcombank;
3/2001 - 8/2009 Cán bộ Phòng Đầu tư Dự án, Vietcombank.



Ông Dương Xuân Quang

Thành viên HĐQT độc lập, PV Drilling
Theo dõi Hiệu quả Sử dụng vốn của Tổng Công ty.

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác

2010 đến nay Thành viên HĐQT độc lập, PV Drilling;
10/2013 đến nay Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng PVCombank kiêm Giám đốc chi nhánh Ngân hàng PVCombank - Chi nhánh Hồ Chí Minh;
5/2009 - 9/2013 Phó Giám đốc / Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh;
1/2009 - 4/2009 Phó Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
2002 - 2008 Phó phòng / Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long;
1994 - 2000 Chuyên viên Phòng Kế toán, Phòng Kiểm toán nội bộ, Tổng Công ty Dầu khí.

Giới thiệu Ban Kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Thủy

— Trưởng Ban Kiểm soát —

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế (Tài chính Kế toán);
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế.

Quá trình công tác

2008 đến nay Trưởng Ban Kiểm soát PV Drilling kiêm Kế toán trưởng Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu khu vực miền Nam (NASOS);
2007 - 2008 Kế toán trưởng NASOS kiêm thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (PVD Invest);
2003 - 2007 Kế toán trưởng Xí nghiệp Khoan Dầu khí thuộc PV Drilling;
2002 - 2003 Phụ trách Phòng Kế toán Xí nghiệp Khoan Dầu khí thuộc PV Drilling;
1989 - 2001 Công tác tại Phòng Kế toán Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.



Ông Nguyễn Văn Tứ

— Thành viên Ban Kiểm soát —

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp;
CPA, ACCA;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (Đại học South Colombia).

Quá trình công tác

2010 đến nay Thành viên Ban Kiểm soát PV Drilling;
2008 đến nay Trưởng Ban Kiểm toán Nội bộ PV Drilling;
2007 - 2008 Chuyên viên Phòng Kiểm toán Nội bộ PV Drilling;
2004 - 2007 Công tác tại Công ty Theodore Alexander Ltd;
2000 - 2004 Công tác tại Công ty TNHH Deloitte Vietnam;
1997 - 2000 Công tác tại Công ty Thương mại và Đầu tư Petec.



Bà Phạm Bảo Ngọc

— Thành viên Ban Kiểm soát —

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế thế giới hệ chính quy, Học viện Tài chính trực thuộc Chính phủ Liên bang Nga.

Quá trình công tác

5/2012 đến nay Thành viên Ban Kiểm soát PV Drilling;
2005 đến nay Chuyên viên Phòng Đầu tư thuộc Hội sở chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
2003 - 2005 Chuyên viên Phòng Thanh toán liên ngân hàng NH Vietcombank.

Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc



1 Ông Phạm Tiến Dũng

— Tổng Giám đốc —

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Cơ khí;
Cử nhân Ngoại ngữ - Anh văn.

Quá trình công tác

8/2010 đến nay Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PV Drilling;
2009 - 8/2010 Phó Tổng Giám đốc thường trực PV Drilling;
2005 - 2009 Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan;
2002 - 2005 Giám đốc Xí nghiệp Khoan Dầu khí, PV Drilling;
1997 - 2001 Xưởng trưởng Xưởng Kiểm định và Sửa chữa thiết bị Dầu khí thuộc PTSC Offshore.
1992 - 1997 Làm việc tại các công ty dịch vụ dầu khí đa quốc gia (Singapore, Úc, Thái Lan...).

Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch HĐQT PVD Baker Hughes và Chủ tịch HĐQT PVD Overseas.

2 Bà Hồ Ngọc Yến Phương

— Phó Tổng Giám đốc —

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Tài chính Kế toán Quốc tế tại Trường Đại học Swinburne, Úc.

Quá trình công tác

7/2008 đến nay Phó Tổng Giám đốc PV Drilling;
2007 - 6/2008 Giám đốc Tài chính PV Drilling;
2003 - 2007 Giám đốc Tài chính (CFO) Công ty S-Telecom (Sfone);
2000 - 2003 Financial Controller Công ty Holcim Việt Nam;
1998 - 2000 Giám đốc Tài chính Công ty FDI VMEP (SYM);
1993 - 1998 Kế toán viên, Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng Công ty SYM.

Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch HĐQT PVD Deepwater, Phó Chủ tịch PVD Tubulars Management, Phó chủ tịch Vietubes, Thành viên HĐQT PVD Tech, Thành viên HĐQT PVD Baker Hughes, Thành viên HĐQT PVD Overseas.

3 Ông Vũ Văn Minh

— Phó Tổng Giám đốc —

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Kỹ thuật khoan, Khai thác và Công nghệ dầu khí.

Quá trình công tác

11/2014 - đến nay Phó Tổng Giám đốc PV Drilling, Phó Giám đốc PVD Baker Hughes;
4/2011 - 11/2014 Phó Giám đốc PVD - Baker Hughes;
7/2010 - 3/2011 Trưởng Ban thành lập liên doanh PVD - Baker Hughes;
6/2008 - 6/2010 Kỹ sư khoan chính & giám sát khoan, Công ty Liên doanh điều hành Hoàng Long JOC & Hoàn Vũ JOC;
9/2006 - 5/2008 Phó Trưởng phòng Kỹ thuật và hỗ trợ sản xuất, Ban Quản lý Hợp đồng Dầu khí, Petrovietnam;
2/1996 - 8/2006 Kỹ sư Khoan phòng Thăm dò - Khai thác và Ban Tìm kiếm - Thăm dò, Petrovietnam;
10/1993 - 1/1996 Kỹ sư Khoan, Công ty giám sát các hợp đồng chia sản phẩm Dầu khí (PVSC).

4 Ông Trần Văn Hoạt

— Phó Tổng Giám đốc —

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Khoan Dầu khí;
Kỹ sư Khoan Dầu khí năng cao tại Liên Xô cũ.

Quá trình công tác

5/2012 đến nay Thành viên HĐQT PV Drilling;
2006 đến nay Phó Tổng Giám đốc PV Drilling và Giám đốc Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần đầu khu vực miền Nam (NASOS);
2001 - 2006 Phó Tổng Giám đốc PV Drilling;
1987 - 2001 Chánh kỹ sư và Giàn trưởng giàn khoan tự nâng Cửu Long, Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro;
1983 - 1987 Đốc công khoan tại Công ty Dầu khí I Thái Bình.
Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch Hội đồng thẩm định các dự án đầu tư của PV Drilling, Giám đốc Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần đầu khu vực miền Nam (NASOS).



Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

5 Ông Trịnh Văn Vinh

— Phó Tổng Giám đốc —

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Cơ khí.

Quá trình công tác

8/2011 đến nay Phó Tổng Giám đốc PV Drilling;
6/2011 - 8/2011 Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Công ty PVD Tech;
2006 - 6/2011 Giám đốc Công ty PVD Tech;
2002 - 2006 Phó Trưởng phòng/ Trưởng phòng Kỹ thuật PV Drilling;
1987 - 2002 Kỹ sư Cơ khí; Giàn phó Cơ điện; Trợ lý Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch HĐQT BJ - PV Drilling, Chủ tịch HĐQT PVD - OSI, Thành viên HĐQT PVD Tech, Thành viên HĐQT PVD Overseas và Thành viên HĐQT Vietubes.

6 Ông Nguyễn Xuân Cường

— Phó Tổng Giám đốc —

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Khoan Dầu khí;
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác

9/2010 đến nay Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan;
6/2008 - 9/2010 Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP);
2005 - 2008 Giám đốc Thi Công, Phó Giám đốc, Công ty PVEP - Algeria;
2003 - 2005 Phó Trưởng phòng Thi công Khoan, Trưởng phòng Thi công Khoan Công ty PIDC;
2001 - 2003 Trưởng Dự án Bốn trũng Hà Nội, Trưởng Dự án Amara, Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí (PIDC);

1999 - 2001 Kỹ sư Khoan, Công ty Unocal;
1996 - 1999 Kỹ sư Khoan, Công ty Giám sát các hợp đồng PSC (PVSC);
1992 - 1996 Công tác tại Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC).

Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch HĐQT PVD Training, Thành viên HĐQT PVD Overseas, Chủ tịch Hội đồng bảo hộ lao động PV Drilling.

7 Ông Hồ Vũ Hải

— Phó Tổng Giám đốc —

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Điều khiển tàu biển.

Quá trình công tác

3/2015 đến nay Phó Tổng Giám đốc PV Drilling;
2011 - 2015 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP);
2009 - 2011 Phó Tổng Giám đốc PV Drilling, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan;
2008 - 2009 Phó Tổng Giám đốc PV Drilling, kiêm Giám đốc Công ty PVD Offshore;
2007 - 2008 Giám đốc Công ty PVD Offshore, PV Drilling;
2006 - 2007 Giám đốc Xí nghiệp Khoan, PV Drilling;
2001 - 2006 Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Ứng cứu Sự cố Tràn dầu, PV Drilling;
1994 - 2001 Đội trưởng Đội ứng cứu tràn dầu thuộc Xí nghiệp PTSC Offshore - đơn vị thành viên Công ty PTSC.

Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch HĐQT PVD Offshore.

8 Ông Đào Ngọc Anh

— Phó Tổng Giám đốc —

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Thiết bị Động lực Tàu thủy, Trường Đại học Đổng Tàu Leningrad, Liên Xô.

Quá trình công tác

12/2009 đến nay Phó Tổng Giám đốc PV Drilling;
2008 - 2009 Trưởng phòng Quản lý Dự án & Xây dựng cơ bản PV Drilling;
2003 - 2008 Trưởng phòng Nhập Công ty Thương mại Dầu khí, Petechim;
2001 - 2003 Phó phòng Vận tải Dầu khí Công ty Thương mại Dầu khí, Petechim;
1994 - 2001 Phó phòng Nhập Công ty Thương mại Dầu khí, Petechim;
1987 - 1994 Nhân viên phòng Phương tiện Nổi - Công ty Xuất nhập khẩu Thiết bị & Kỹ thuật Dầu khí, Petechim.

Chức vụ kiêm nhiệm: Thành viên HĐQT PVD-Expro.

GIỚI THIỆU KẾ TOÁN TRƯỞNG & TRƯỞNG BAN TÀI CHÍNH

Ông Đoàn Đắc Tùng

— Kế toán trưởng —

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế (Đại học Tài chính Kế toán);
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác

2006 đến nay Kế toán trưởng PV Drilling;
2002 - 2006 Phó phòng Tài chính - Kế toán của PV Drilling;
1998 - 2001 Phụ trách công tác kế toán cho Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore) - đơn vị thành viên Công ty PTSC.

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Tài chính Kế toán Quốc tế tại Trường Đại học Swinburne (Úc).

Quá trình công tác

1/2009 đến nay Trưởng Ban Tài chính PV Drilling;
1/2008 - 12/2008 Phó phòng Tài chính PV Drilling;
6/2006 - 12/2007 Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Kimberly Clark Vietnam Ltd;
7/2003 - 6/2006 Trưởng phòng Tài chính S-TELECOM - Trung tâm ĐTDD CDMA;
6/2001 - 7/2003 Trưởng BP Tài chính Kế toán Công ty Liên doanh Holcim Vietnam;
7/1998 - 6/2001 Trưởng BP Kế toán Giá thành Công ty Liên doanh American Standard Vietnam;
10/1995 - 6/1998 Kế toán Tổng hợp Công ty Liên doanh Grand Imperial Saigon Hotel Ltd (Park Hyatt Hotel).

Ông Đỗ Danh Rạng

— Trưởng Ban Tài chính —

 **Sơ đồ tổ chức**



2.147
CBCNV

Tính đến ngày 31/12/2015, PV Drilling và các đơn vị trực thuộc có tổng số cán bộ công nhân viên là 2.147 người. Cơ cấu tổ chức của PV Drilling bao gồm Văn phòng điều hành Tổng Công ty và các Đơn vị thành viên như sau:

Báo cáo của Hội đồng quản trị

I. ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA PV DRILLING NĂM 2015

1. Những khó khăn, thách thức trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của PV Drilling:

Năm 2015, kinh tế thế giới tồn tại nhiều yếu tố thiếu chắc chắn và tiềm ẩn nhiều bất ổn bởi diễn biến khó lường trước tình hình địa chính trị và xung đột khu vực diễn ra; sự trì trệ và giảm sút tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc và hệ quả phá giá đồng nhân dân tệ làm gia tăng nỗi lo về tăng trưởng của nền kinh tế thế giới cũng như nhu cầu các loại hàng hóa cơ bản; đồng đô-la Mỹ tăng giá và lập đỉnh 13 năm (tăng khoảng 9% trong năm 2015) do sự phục hồi của kinh tế Mỹ mạnh hơn so với các nước EU và Nhật Bản dẫn đến phản ánh tâm lý lo ngại rủi ro của giới đầu tư toàn cầu. Đặc biệt, sự giảm sâu của giá dầu thế giới từ cuối năm 2014 đến nay (từ trên 100 USD/thùng xuống dưới 40 USD/thùng) đã tác động mạnh và ảnh hưởng trực tiếp tới ngân sách nhà nước của các nước xuất khẩu dầu mỏ.

Giá dầu giảm mạnh là nguyên nhân làm giảm kế hoạch khoan của các nhà thầu dầu khí. Bên cạnh đó, một lượng không nhỏ giàn khoan mới gia nhập thị trường trong năm 2015 đã làm nguồn cung tăng đột biến so với nhu cầu sử dụng. Hiện nay, số giàn khoan có việc làm chỉ chiếm 50 - 60% trong tổng số giàn có thể cung ứng. Vì lý do cung cầu nên giá thuê giàn đã giảm nhiều và đã có nhiều hợp đồng mới ký gần đây với giá thấp hơn chi phí vận hành. Phần lớn các giàn khoan cũng như dịch vụ kỹ thuật của PV Drilling chủ yếu cung cấp cho thị trường trong nước. Trong khi đó phần lớn các chương trình khoan của các nhà thầu tại Việt Nam đều dừng triển khai hoặc giãn tiến độ sang các năm sau.

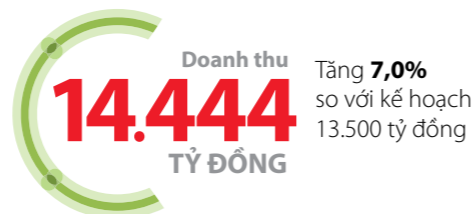
Do vậy, nhiều giàn khoan của PV Drilling đã hết hợp đồng, đang trong tình trạng chờ việc và chưa có hợp đồng mới. Các dịch vụ kỹ thuật khác do các đơn vị thành viên của PV Drilling đảm nhận cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng của biến động giá dầu: khối lượng công việc giảm từ 15% đến 25% và đơn giá dịch vụ đồng thời giảm từ 10% đến 20% đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận của PV Drilling trong năm 2015.

Công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh cao của các công ty đa quốc gia và nội địa, các rào cản về bảo hộ mậu dịch, thương mại, thuế quan, văn hóa của các nước sở tại.

Đây thực sự là những khó khăn và thách thức rất lớn với PV Drilling trong việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.

2. Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

Đối mặt với những khó khăn nêu trên, với mục tiêu bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, tăng cường kiểm soát ngân sách cùng với sự nỗ lực và quyết tâm cao của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Tổng Công ty PV Drilling đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra với kết quả cụ thể như sau:



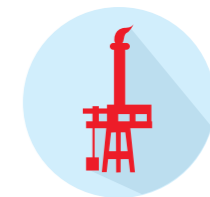
Để đạt được những kết quả nêu trên, trong năm 2015, PV Drilling đã có một số thuận lợi sau đây:

- Vẫn còn các hợp đồng với đơn giá cung cấp dịch vụ khá tốt từ năm 2014 chuyển sang cho đến hết Q1/2015;
- Các giàn khoan biển của PV Drilling tiếp tục được vận hành an toàn và hiệu quả;
- Các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và dịch vụ dầu khí khác vẫn duy trì được hợp đồng;
- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp hiệu quả, chuyên nghiệp;
- Tập trung triển khai mạnh mẽ các giải pháp tối ưu hoá chi phí;
- Đẩy mạnh các chính sách tài chính, tăng cường trích lập dự phòng;
- Luôn nhận được sự hỗ trợ hiệu quả và kịp thời từ Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các Bộ, ban ngành liên quan, các Cổ đông, Tổ chức và Nhà đầu tư cùng toàn thể hơn 2.100 CBCNV của PV Drilling.

3. Kết quả thực hiện công tác An sinh xã hội trong năm 2015:

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động An sinh xã hội cũng luôn được HĐQT quan tâm và đã trở thành

hoạt động thường xuyên của PV Drilling. Với mong muốn xây dựng xã hội phát triển bằng việc đem lại những hành động thiết thực, năm 2015 Tổng Công ty đã dành 38 tỷ đồng cho các chương trình hỗ trợ cho giáo dục, xây dựng trường học; tài trợ y tế, bệnh viện; các chương trình đền ơn đáp nghĩa. Qua đó tiếp tục khẳng định thông điệp "luôn nỗ lực để đem lại những giá trị thiết thực, lâu dài nhằm góp phần nâng cao chất lượng đời sống của cộng đồng" và cũng là cam kết của PV Drilling.



2015 LÀ NĂM THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ BỊ ẢNH HƯỞNG NẶNG NỀ BỞI GIÁ DẦU SỤT GIẢM THỂ NHƯNG NHỜ VÀO HỆ THỐNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HIỆU QUẢ, PV DRILLING ĐÃ HẠN CHẾ ĐƯỢC SỰ SUY GIẢM HIỆU QUẢ SXKD Ở MỨC THẤP NHẤT. THÀNH QUẢ NÀY ĐÃ ĐƯỢC BAN LÃNH ĐẠO TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM GHI NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ RẤT CAO

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

II. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2015

1. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị PV Drilling:

Hội đồng quản trị PV Drilling là một tập thể đoàn kết, trí tuệ, có trình độ chuyên môn và bề dày kinh nghiệm trong quản lý, công tâm, khách quan và đầy nhiệt huyết với sự phát triển của Tổng Công ty; gồm 7 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 02 thành viên chuyên trách, kiêm nhiệm và 03 thành viên độc lập.

HĐQT PV Drilling luôn chấp hành đúng các chế độ, chính sách, các quy định, Luật pháp đảm bảo minh bạch, công bằng trên cơ sở thực hiện theo Quy chế làm việc của HĐQT, Điều lệ Tổng Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm đưa ra các Nghị quyết, Quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo và đôn đốc Tổng Công ty triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT theo từng lĩnh vực được phân công.

HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm túc và đã xác định được những phương hướng lãnh đạo nhằm đề ra các biện pháp, giải pháp tích cực trong hoạch định chiến lược phát triển của Tổng Công ty.

Trong năm 2015, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 01/12/2015/NQ-HĐQT về việc thay đổi nhân sự theo giới thiệu của cổ đông PVN, theo đó HĐQT PV Drilling đã có những thay đổi trong nhân sự như sau:

- Ông Đỗ Văn Khánh đã được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT PV Drilling và là Người đại diện phần vốn của PVN tại PV Drilling kể từ ngày 01/12/2015;
- Ông Đỗ Đức Chiến, nguyên Chủ tịch HĐQT PV Drilling được bầu giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT PV Drilling kể từ ngày 01/12/2015;
- Bà Kiều Thị Hoài Minh từ nhiệm thành viên HĐQT PV Drilling và thôi là Người đại diện phần vốn của PVN tại PV Drilling để tập trung nhiệm vụ Trưởng Ban Thương mại Đầu tư trong bộ máy điều hành của Tổng Công ty kể từ ngày 01/12/2015.

2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT trong năm 2015:

Trong năm 2015, HĐQT đã duy trì được việc họp định kỳ mỗi Quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các định hướng, chỉ đạo trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty tại từng thời kỳ, từng giai đoạn. Việc tổ chức các phiên họp của HĐQT đảm bảo được thực hiện theo đúng những quy định tại Điều lệ của PV Drilling và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT, cụ thể như sau:

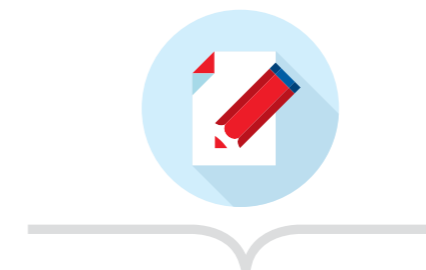
| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--|---------------------|-------|---------------------------------|
| 1 | Ông Đỗ Văn Khánh | Chủ tịch HĐQT | 1/1 | 100% | Bầu giữ chức kể từ 01/12/2015 |
| 2 | Ông Đỗ Đức Chiến | Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT | 4/4 | 100% | Đến 30/11/2015 Từ 01/12/2015 |
| 3 | Ông Phạm Tiến Dũng | Thành viên HĐQT chuyên trách, kiêm nhiệm Tổng Giám đốc | 4/4 | 100% | |
| 4 | Ông Trần Văn Hoat | Thành viên HĐQT chuyên trách, kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc | 4/4 | 100% | |
| 5 | Bà Kiều Thị Hoài Minh | Thành viên HĐQT chuyên trách, kiêm nhiệm Trưởng Ban TMĐT | 4/4 | 100% | Miễn nhiệm kể từ 01/12/2015 |
| 6 | Ông Lê Văn Bé | Thành viên HĐQT độc lập | 4/4 | 100% | |
| 7 | Ông Dương Xuân Quang | Thành viên HĐQT độc lập | 4/4 | 100% | |
| 8 | Bà Phạm Thị An Bình | Thành viên HĐQT độc lập | 4/4 | 100% | |

Ngoài các phiên họp nêu trên, HĐQT cũng đã tổ chức rất nhiều phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo định hướng các vấn đề quan trọng, cấp thiết có liên quan đến các định hướng lớn về đầu tư, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức, sắp xếp và bổ nhiệm Ban lãnh đạo, ban hành và sửa đổi Điều lệ, Quy chế, quy định nội bộ...

3. Kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2015

Hội đồng quản trị PV Drilling có 07 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 02 thành viên chuyên trách, kiêm nhiệm và 03 thành viên Hội đồng quản trị độc lập, được phân công theo dõi các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty, chi tiết như sau:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Lĩnh vực theo dõi |
|-----|-----------------------|--|--|
| 1 | Ông Đỗ Văn Khánh | Chủ tịch HĐQT | Chịu trách nhiệm chỉ đạo chung, phụ trách lĩnh vực Chiến lược, Đổi mới Doanh nghiệp của Tổng Công ty. |
| 2 | Ông Đỗ Đức Chiến | Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT | Phụ trách lĩnh vực Thương mại, Kế hoạch và Đầu tư, Chế độ chính sách đối với CBCNV của Tổng Công ty |
| 3 | Ông Phạm Tiến Dũng | Thành viên HĐQT chuyên trách, kiêm nhiệm Tổng Giám đốc | Chỉ đạo quản lý và điều hành chung công tác Phát triển bền vững, Pháp chế và Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. |
| 4 | Ông Trần Văn Hoat | Thành viên HĐQT chuyên trách, kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc | Theo dõi lĩnh vực Đầu tư và Nghiên cứu khoa học công nghệ của Tổng Công ty. |
| 5 | Bà Kiều Thị Hoài Minh | Thành viên HĐQT chuyên trách, kiêm nhiệm Trưởng Ban TMĐT | Phụ trách lĩnh vực Thương mại, Kế hoạch và Đầu tư |
| 6 | Ông Lê Văn Bé | Thành viên HĐQT độc lập | Theo dõi lĩnh vực Kế toán, Tài chính của Tổng Công ty |
| 7 | Ông Dương Xuân Quang | Thành viên HĐQT độc lập | Theo dõi Hiệu quả sử dụng vốn của Tổng Công ty |
| 8 | Bà Phạm Thị An Bình | Thành viên HĐQT độc lập | Theo dõi Hiệu quả đầu tư và tài chính của Tổng Công ty |



TRONG HOẠT ĐỘNG SXKD, CƠ HỘI VÀ RỦI RO LUÔN ĐI ĐÔI VỚI NHAU. MỘT DOANH NGHIỆP BIẾT NẮM BẮT CƠ HỘI SẼ PHÁT TRIỂN NHANH CHÓNG, BIẾT QUẢN TRỊ RỦI RO SẼ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ ĐÍCH ĐẾN TỐT ĐẸP MÀ TẤT CẢ CÁC DOANH NGHIỆP ĐỀU HƯỚNG TỚI

4. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2015:

a) Về thù lao của HĐQT năm 2015:

Đối với các thành viên HĐQT không chuyên trách, mức thù lao chưa bao gồm thuế thu nhập cá nhân là 10 triệu đồng/người/tháng;

Đối với các thành viên HĐQT chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành tại Công ty Mẹ/ Công ty Con: hưởng lương theo chế độ tiền lương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng Công ty.

b) Về chi phí hoạt động của HĐQT năm 2015:

Tuân thủ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế chi tiêu nội bộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty.

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

5. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2015:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) | Ngày kết thúc thực hiện giao dịch |
|-----|---------------------------|----------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|--|-----------------------------------|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | | |
| 1 | Ông Trần Văn Hoạt | Phó Tổng Giám đốc | 33.673 | 0,01 | 18.673 | 0,01 | Bán | 07/07/2015 |
| 2 | Ông Hồ Vũ Hải | Phó Tổng Giám đốc | 47.500 | 0,02 | 47.500 | 0,02 | Bán | 12/08/2015 |
| 3 | Ông Đỗ Danh Rạng | Trưởng Ban Tài chính | 77.046 | 0,03 | 77.046 | 0,03 | Bán | 13/08/2015 |
| 4 | Ông Hồ Vũ Hải | Phó Tổng Giám đốc | 54.625 | 0,02 | 0 | 0,00 | Bán | 28/08/2015 |
| 5 | Ông Trịnh Văn Vinh | Phó Tổng Giám đốc | 64.388 | 0,02 | 8 | 0,00 | Bán | 29/10/2015 |
| 6 | Ông Đào Ngọc Anh | Phó Tổng Giám đốc | 56.180 | 0,02 | 16.180 | 0,00 | Bán | 13/11/2015 |
| 7 | Ông Nguyễn Xuân Cường | Phó Tổng Giám đốc | 52.877 | 0,02 | 2.877 | 0,00 | Bán | 17/11/2015 |
| 8 | Ông Trần Văn Hoạt | Phó Tổng Giám đốc | 21.473 | 0,01 | 3 | 0,00 | Bán | 03/12/2015 |
| 9 | Ông Đỗ Danh Rạng | Trưởng Ban Tài chính | 88.602 | 0,03 | 68.602 | 0,02 | Bán | 03/12/2015 |



Lương kiêm nhiệm/thù lao và số lượng cổ phiếu sở hữu của Thành viên Hội đồng quản trị năm 2015:

| Họ và tên | Lương KN/Thù lao (ĐVT: triệu đồng) | Cổ phiếu sở hữu (ĐVT: cp) |
|--|------------------------------------|---------------------------|
| Ông Đỗ Văn Khánh <i>Chủ tịch HĐQT (bắt đầu từ ngày 1/12/2015)</i> | 109 | 8.358 |
| Ông Đỗ Đức Chiến <i>Phó Chủ tịch HĐQT</i> | 1.314 | 14.013 |
| Ông Phạm Tiến Dũng <i>Thành viên HĐQT kiêm TGD</i> | 1.289 | 139.880 |
| Ông Trần Văn Hoạt <i>Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD</i> | 1.075 | 3 |
| Bà Kiều Thị Hoài Minh <i>Thành viên HĐQT (đến ngày 1/12/2015)</i> | 919 | 12 |
| Ông Dương Xuân Quang <i>Thành viên HĐQT</i> | 197 | 7.736 |
| Ông Lê Văn Bé <i>Thành viên HĐQT</i> | 197 | 6.957 |
| Bà Phạm Thị An Bình <i>Thành viên HĐQT</i> | 197 | 0 |
| Tổng cộng | 5.297 | 176.959 |

6. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2015 không phát sinh các giao dịch giữa Tổng Công ty với các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.

7. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty trong năm 2015:

Tổng Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty năm 2015:

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/ doanh nghiệp lớn;
- Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt mọi công tác điều hành Tổng Công ty và luôn thực hiện tốt mọi phân công của HĐQT;

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của Tổng Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ cũng như các quy định của pháp luật;
- Tổng Công ty đã áp dụng và xây dựng được hệ thống quản trị doanh nghiệp theo phương pháp quản trị hiện đại, tiên tiến,... qua đó góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được an toàn, hiệu quả;
- Ban Tổng Giám đốc đã nhận thức rõ được những khó khăn và thách thức của Tổng Công ty trong năm 2015 và những

năm tiếp theo nên đã chủ động, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát tối đa chi phí, tận dụng và kết hợp mọi nguồn lực hiện có nhằm đem lại hiệu quả cao nhất có thể cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;

Trong năm 2015, Ban Tổng Giám đốc cũng đã đẩy mạnh hơn nữa công tác phát triển các dịch vụ ra nước ngoài và trước mắt đã đạt được những kết quả khả quan. Đồng thời, cũng thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

Thay đổi nhân sự chủ chốt trong năm 2015:

| Thời gian | Họ và Tên | Chức vụ hiện tại | Nội dung thay đổi |
|------------|-----------------------|-------------------|--|
| 09/03/2015 | Ông Hồ Vũ Hải | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc |
| 01/12/2015 | Ông Đỗ Đức Chiến | Phó Chủ tịch HĐQT | Thôi làm Chủ tịch HĐQT Được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT |
| 01/12/2015 | Ông Đỗ Văn Khánh | Chủ tịch HĐQT | Được bầu làm Chủ tịch HĐQT |
| 01/12/2015 | Bà Kiều Thị Hoài Minh | | Thôi làm Thành viên Hội đồng quản trị |

Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2016

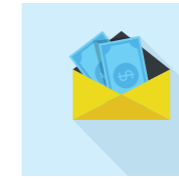
Trong tình hình hiện nay, ngành công nghiệp dầu khí nói chung và PV Drilling nói riêng tiếp tục đối diện nhiều khó khăn và thách thức. Về mặt vĩ mô, giá dầu hiện vẫn duy trì ở mức thấp (khoảng 40 USD/thùng) là yếu tố rủi ro lớn ảnh hưởng hoạt động ngành. Bối cảnh chung trong nước và khu vực, các công ty dầu khí chưa có kế hoạch rõ ràng triển khai các chương trình tìm kiếm thăm dò hoặc chỉ thực hiện một số ít giếng khoan đã cam kết. Khó khăn hơn, các giếng đã gia tăng sản lượng khai thác cũng bị cắt giảm, phần gia tăng không bù đắp được chi phí khoan cũng như tình trạng dòng tiền khó khăn của các nhà thầu dầu khí. Các nhà thầu dầu quốc tế cũng không tham gia thêm các hợp đồng mới do các nước chủ nhà phần lớn chưa thay đổi điều kiện hợp đồng phù hợp với giá dầu hiện nay. Tại Việt Nam, các mỏ nhỏ cận biên, các chương trình gia tăng hệ số thu hồi dầu (IOR) mà phần lớn sử dụng giàn tự nâng cũng không thể triển khai với mức giá dầu thấp hơn 70 USD/thùng.

PV Drilling là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành hẹp, hầu hết các hoạt động đều phụ thuộc vào các chương trình khoan tìm kiếm thăm dò và khoan phát triển khai thác của các nhà thầu Dầu khí. Hơn nữa, trong những năm qua, trên 95% doanh thu của PV Drilling từ thị trường trong nước, trong khi đó việc triển khai phát triển dịch vụ ra nước ngoài để giảm sự phụ thuộc thị trường Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn. Về mặt tài chính, tổng nợ vay của PV Drilling hiện trên 6.000 tỷ đồng cũng tạo áp lực về lãi vay và thanh toán các khoản vay theo kỳ hạn trả nợ.

Trong bối cảnh như trên, Hội đồng quản trị đề ra định hướng năm 2016 trên cơ sở xem xét về chiến lược phát triển lâu dài và bền vững của Tổng Công ty ngay cả trong giai đoạn khó khăn hiện nay:



BỐI CẢNH CHUNG TRONG NƯỚC VÀ KHU VỰC, CÁC CÔNG TY DẦU KHÍ CHƯA CÓ KẾ HOẠCH RÕ RÀNG TRIỂN KHAI CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÌM KIẾM THĂM DÒ...



NĂM 2016 LÀ NĂM THỰC SỰ KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC LỚN ĐỐI VỚI PV DRILLING CŨNG NHƯ CÁC CÔNG TY HOẠT ĐỘNG TRONG CÙNG LĨNH VỰC. TRONG BỐI CẢNH ĐÓ, PV DRILLING SẼ TẬP TRUNG MỌI NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP NHẪM VƯỢT QUA KHÓ KHĂN THÁCH THỨC VÀ TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN

Định hướng thị trường:

- Tận dụng cung cấp tất cả các dịch vụ cho toàn bộ hoạt động khoan trong nước;
- Phát triển thị trường nước ngoài trên cơ sở xác định thị trường tiềm năng và có chiến lược chiếm lĩnh thị trường tạo chỗ đứng tại các thị trường này;
- Nghiên cứu mở rộng cung cấp các dịch vụ của Tổng Công ty ra ngoài ngành dầu khí (công nghệ khoáng sản, điện, lọc dầu,...)

Định hướng phát triển dịch vụ mới:

- Nghiên cứu tận dụng khả năng thiết bị hiện có để thực hiện một số dịch vụ mới trong lĩnh vực tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí.

Tối ưu hóa chi phí:

- Tiếp tục tìm cách cắt giảm chi phí, đặc biệt với các giàn khoan đang chờ việc;
- Đẩy nhanh việc phát triển nguồn nhân lực Việt Nam thay thế người nước ngoài nhằm tiết giảm chi phí.

Đầu tư:

- Trong giai đoạn hiện nay, sẽ chỉ xem xét đầu tư các dự án thực sự tạo dòng tiền nhanh/hiệu quả.

Quản trị doanh nghiệp:

- Định hướng quản trị điều hành, tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả để nâng cao khả năng cạnh tranh, bảo toàn vốn cổ đồng;
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, tạo cơ chế để hoạt động SXKD hiệu quả;
- Tái cơ cấu tổ chức, nguồn lực nhằm đảm bảo Tổng Công ty hoạt động ổn định;
- Đảm bảo hoạt động SXKD an toàn, hiệu quả; đảm bảo chất lượng dịch vụ.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2016:

Năm 2016 sẽ là năm thực sự rất khó khăn và là một thách thức rất lớn đối với PV Drilling cũng như các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực. Những khó khăn mà PV Drilling đã gặp phải trong năm 2015 bởi giá dầu suy giảm sẽ tiếp tục là những thách thức mà PV Drilling phải đương đầu trong năm 2016 và những năm tiếp theo, tuy nhiên mức độ tác động của nó đã mạnh lên rất nhiều lần so với năm 2015.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành đã chủ động xây dựng hai phương án như sau:

Phương án 1: Giá dầu thô bình quân trên 60 USD/thùng

Theo kịch bản này, thị trường dầu khí sẽ có tín hiệu tích cực hơn so với tình hình hiện nay. Tuy nhiên, đơn giá dịch vụ và khối lượng công việc vẫn có sự giảm mạnh so với 2015. Trên cơ sở này, PV Drilling đề ra mục tiêu kinh doanh:

- Doanh thu: 7.500 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 500 tỷ đồng

Phương án 2: Giá dầu thô bình quân dưới 60 USD/thùng

Với mức giá dầu bình quân 30 - 55 USD/thùng, nhiều nhà thầu dầu khí sẽ gặp nhiều khó khăn, doanh thu không bù đắp được chi phí. Bên cạnh đó, thị trường dịch vụ kỹ thuật giếng khoan ngày càng thu hẹp và môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Do vậy, PV Drilling đề ra mục tiêu kinh doanh như sau:

- Doanh thu: 5.000 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 100 tỷ đồng

Trong một năm được xác định đặc biệt khó khăn như hiện nay, Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt các biện pháp, giải pháp cắt giảm chi phí, giãn trả nợ vay, mở rộng thị trường ra nước ngoài, chuyển đổi sang một số dịch vụ mới, tận dụng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có để tồn tại, bảo toàn vốn qua giai đoạn khó khăn năm 2016 và có thể còn kéo dài một số năm sau.

Mặc dù rất khó khăn nhưng PV Drilling sẽ vẫn tiếp tục duy trì hoạt động an toàn, tăng cường công tác đào tạo chuyên ngành, tăng cường công tác quản trị, bảo quản tốt tất cả cơ sở vật chất kỹ thuật, thiết bị sẵn sàng cho sự phát triển mở rộng hơn khi thị trường khoan phục hồi, đảm bảo chiến lược phát triển lâu dài và bền vững của Tổng Công ty.

Báo cáo của Ban Kiểm soát

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT PV DRILLING TRONG NĂM 2015

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PV Drilling đã ban hành. Công tác triển khai thực hiện việc giám sát, kiểm tra kiểm soát trong Tổng Công ty được thực hiện theo kế hoạch năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hàng quý, Ban Kiểm soát đều họp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của Tổng Công ty PV Drilling như thông qua Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính (quý/ năm), việc thực hiện các qui định, quy trình... đồng thời đóng góp ý kiến trong công tác quản trị tại PV Drilling.

2. Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

Lương, thù lao và chi phí hoạt động năm 2015 của từng thành viên Ban Kiểm soát được chi trả tuân thủ theo quy định của Tập đoàn, Tổng Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ.

| Họ và tên | Lương KN/Thù lao (ĐVT: triệu đồng) | Cổ phiếu sở hữu (ĐVT: cp) |
|---|------------------------------------|---------------------------|
| Nguyễn Thị Thủy <i>Trưởng BKS</i> | 943 | 42.131 |
| Nguyễn Văn Tứ <i>Thành viên BKS</i> | 545 | 19.078 |
| Phạm Bảo Ngọc <i>Thành viên BKS không chuyên trách</i> | 126 | 4.174 |
| Tổng cộng | 1.614 | 65.383 |

Tổng tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát trong năm 2015 là: 676,3 triệu đồng (không tính lương kiêm nhiệm).

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA PV DRILLING

Nhìn chung, PV Drilling tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty, Quy định về Quản lý một số chi phí, Quy chế Quản lý tài chính, quy định về mua sắm đầu tư và chú trọng công tác triển khai các biện pháp tiết kiệm chi phí hiệu quả, các kết quả như sau:



NĂM 2015, PV DRILLING ĐÃ THỰC HIỆN NGHIÊM TÚC CÁC GIẢI PHÁP TIẾT GIẢM CHI PHÍ VỚI TỔNG SỐ TIẾN TIẾT GIẢM ĐƯỢC LÀ 77,7 TỶ ĐỒNG

• Về công tác xem xét các giải pháp tối ưu hóa và cắt giảm chi phí:

Ứng phó với diễn biến suy giảm nghiêm trọng của giá dầu trên thế giới trong năm 2015, PV Drilling đã khẩn trương triển khai Dự án "Thực hiện các biện pháp tối ưu hóa chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh - Cost Optimization" nhằm rà soát việc tối ưu hóa và cắt giảm các chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể bao gồm các giải pháp hoàn thiện hệ thống định mức kỹ thuật về tiêu hao nguyên/nhiên/vật liệu, định mức khai thác và sử dụng máy móc thiết bị, quản lý chặt chẽ chi phí quản lý, tiết kiệm trong công tác mua sắm đầu tư, lập kế hoạch mua sắm hợp lý, tiết giảm chi phí tổ chức hội nghị hội thảo do lồng ghép các nội dung họp, rút ngắn chương trình của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, các Đơn vị triển khai theo đặc thù sản xuất kinh doanh tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu suất vận hành thiết bị, sử dụng nguồn lực nội bộ để thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, cắt giảm nhân lực, sử dụng lao động người Việt Nam với trình độ và năng lực tương đương thay nhân sự nước ngoài với mức lương cao.

Các Đơn vị thành viên, các Ban trực thuộc PV Drilling đã thực hiện nghiêm túc các giải pháp tiết giảm chi phí với kết quả thực hiện trong năm 2015 như sau:

ĐVT: tỷ đồng

| Khoản mục | Kế hoạch đăng ký tiết kiệm năm 2015 | Tổng số tiết kiệm Thực hiện 2015 | Tỷ lệ so sánh (%) TH/ KH 2015 |
|---|-------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|
| Tiết giảm chi phí quản lý | 35,80 | 36,50 | 102% |
| Tiết giảm chi phí từ: Cải tiến hợp lý hóa SX; tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, nhiên liệu năng lượng | 8,20 | 8,50 | 104% |
| Tiết giảm chi phí trong đầu tư XDCB | 32,00 | 32,70 | 102% |
| Tổng cộng | 76,00 | 77,70 | 102% |

• Về công tác đầu tư và quản lý các dự án:

- Dự án "Thành lập Liên doanh PV Drilling - FEG tại Singapore để đầu tư và vận hành giàn khoan dầu khí": PV Drilling/PVD Overseas đã hoàn thành đóng mới giàn khoan PV DRILLING VI tại Keppel Fels, đảm bảo tiến độ để ra. Ngày 27/02/2015, Lễ đặt tên giàn khoan PV DRILLING VI đã được tổ chức tại Singapore và giàn khoan đã được kéo từ Singapore về Việt Nam và tiến hành khoan cho PVEP POC theo hợp đồng đã ký kết;
- Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện và quyết toán các dự án đầu tư: Bộ thiết bị BOP, Bộ cần khoan cho giàn PV DRILLING I, II, III, Ứng dụng công nghệ 3D VR - Elearning vào công tác đào tạo, ERP giai đoạn III,...;
- Do giá dầu suy giảm, tình hình thị trường chưa phù hợp nên PV Drilling đã chủ động dân tiến độ 01 dự án nhóm A (giàn khoan PV DRILLING VII) và dự án nhóm B (Dự án thiết bị kéo thả ống chống);
- Về cơ bản các quy trình thủ tục pháp lý từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, lập dự án đầu tư được PV Drilling thực hiện đầy đủ, tuân thủ theo trình tự quy định hiện hành. Ngoài ra, PV Drilling thực hiện đầy đủ các quy trình thủ tục đầu tư, giám sát đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.



Báo cáo của Ban Kiểm soát (tiếp theo)

• Về công tác thương mại, cung cấp dịch vụ và chiến lược phát triển kinh doanh:

- Số lượng và công việc của các giàn khoan sở hữu và giàn khoan thuê đã bị cắt giảm và rút ngắn nhiều so với kế hoạch ban đầu. Kể từ tháng 10/2015, tất cả các giàn khoan PV Drilling thuê từ các đối tác nước ngoài đã kết thúc chương trình khoan;
- Trước thực tế tình hình công việc của các giàn khoan như trên, PV Drilling đã chủ động tích cực làm việc, tham gia đấu thầu cung cấp các giàn khoan này cho các khách hàng trong nước (JVPC, ENI, Murphy, Hoang Long JOC...) và ngoài nước (PTTEP - Thailand, Total - Myanmar), đồng thời tiếp tục theo dõi tình hình đấu thầu với ENI và làm việc với Hoang Long JOC, JVPC... nhằm tìm kiếm thêm hợp đồng mới;
- Đối với các dịch vụ kỹ thuật khác do các đơn vị thành viên của PV Drilling đảm nhận: khối lượng công việc và đơn giá đã giảm mạnh làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận của PV Drilling trong năm 2015;
- Chi nhánh của PV Drilling tại Myanmar đã đi vào hoạt động sau khi đã nhận được giấy phép chính thức của nước sở tại và tiến hành làm việc với các khách hàng, đối tác tại Myanmar, đồng thời nghiên cứu tìm hiểu thị trường chuẩn bị cho hoạt động dịch vụ cơ khí của PV Drilling tại nước này;
- PV Drilling tiếp tục tích cực tiếp cận các thị trường trong khu vực như Malaysia, Indonesia, Brunei, Thailand... làm việc với các khách hàng và đối tác để chuẩn bị cơ sở cần thiết triển khai các hoạt động dịch vụ khoan tại thị trường các nước này.

• Về công tác nhân sự - đào tạo:

- Năm 2015, PV Drilling thực hiện khoảng 740 khóa đào tạo cho hơn 4.000 lượt cán bộ tham dự với tổng chi phí là 32,3 tỷ đồng (đạt 81% so kế hoạch năm 2015). Nhằm tiết giảm chi phí PV Drilling đã tự đào tạo nội bộ cho gần 1.300 lượt người với các nội dung chính về đặc thù chuyên môn kỹ thuật của từng đơn vị, các chương trình đào tạo kỹ năng công tác;
- Số lao động đến cuối năm 2015 là 2.147 người. So với kế hoạch năm 2015 đã đề ra, số lao động toàn PV Drilling đạt 94%;

- Xây dựng KPI để hoàn thiện hệ thống đánh giá hiệu quả công việc của CBCNV, chính sách lương thưởng thỏa đáng nhằm thúc đẩy tăng năng suất lao động. Củng cố và phát triển đội ngũ kỹ thuật và quản lý theo hướng tinh gọn để đáp ứng quy mô phát triển hoạt động SXKD.

• Về công tác tài chính kế toán và kiểm soát:

- Ban Kiểm soát tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2015 của PV Drilling theo kế hoạch đề ra. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của PV Drilling phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 12/05/2015. Qua thẩm định, Ban Kiểm soát thống nhất xác nhận kết quả Báo cáo tài chính năm 2015 của PV Drilling và đánh giá Báo cáo tài chính năm 2015 của PV Drilling được trình bày trung thực, hợp lý, phù hợp với các quy định hiện hành;
- PV Drilling tiếp tục thực hiện và đẩy mạnh công tác quản trị tài chính theo hướng tập trung, kiểm soát các hoạt động tài chính theo ngân sách và kế hoạch tài chính dài hạn, cụ thể:
 - Hoạch định và kiểm soát hoạt động tài chính theo ngân sách và xây dựng được kế hoạch tài chính dài hạn từ Tổng Công ty tới các Đơn vị thành viên;
 - PV Drilling đang thực hiện tốt việc quản lý dòng tiền theo hướng quản trị ngân quỹ tập trung giúp đảm bảo dòng tiền đáp ứng các hoạt động sản xuất kinh doanh xuyên suốt của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên;
 - Xây dựng Hệ thống quản trị rủi ro tại PV Drilling.

• Về công tác tái cấu trúc:

- Xây dựng lộ trình thực hiện việc đại chúng hóa PVD Tech. PV Drilling sẽ từng bước giảm tỷ lệ nắm giữ từ 97% xuống tỷ lệ 51% thông qua việc chào bán cổ phần đại chúng cho các đối tác khác và tiến hành niêm yết PVD Tech;
- Chuyển đổi Công ty TNHH Vietubes thành đơn vị cấp II của PV Drilling theo đúng chủ trương đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt. Hiện tại PV Drilling đã hoàn tất hợp đồng nhận chuyển nhượng phần vốn góp của PVD Tech tại Vietubes, ký hợp đồng liên doanh với đối tác nước ngoài và đang thực hiện các thủ tục cần thiết khác để hoàn tất thủ tục pháp lý chuyển đổi với cơ quan quản lý địa phương.

• Về công tác an sinh xã hội:

- Trong năm 2015, PV Drilling tham gia các chương trình từ thiện và an sinh xã hội: Trao học bổng cho học sinh nghèo trường THCS, THPT xã Thụy Trường, Thái Thụy, Thái Bình; tặng quà cho trường Mầm non xã Thụy Trường, Thái Thụy, Thái Bình; Tài trợ xây dựng Học viện Hải quân, Trường mầm non Tịnh Sơn - Quảng Ngãi, Trường tiểu học Hoa Phong Ba tại Côn Cỏ - Quảng Trị; Hỗ trợ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam, Hỗ trợ kinh phí xây dựng Trạm y tế xã Tân Lộc, Lộc Hà, Hà Tĩnh; mua thiết bị y tế cho bệnh viện đa khoa Đan Phượng HN; quyết toán xây dựng làng trẻ SOS Thái Bình; hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà văn hóa thôn 4, xã Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội... với tổng số tiền gần 38 tỷ đồng.



Tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015:

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2014 (ĐVT: Tỷ đồng) | Kế hoạch năm 2015 (ĐVT: Tỷ đồng) | Thực hiện năm 2015 (ĐVT: Tỷ đồng) | Tỷ lệ so sánh (%) | |
|---|--------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | | | | TH năm 2015/ KH 2015 | TH năm 2015/ TH 2014 |
| Doanh thu | 20.884 | 13.500 | 14.444 | 107% | 69% |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.178 | 1.950 | 2.114 | 108% | 67% |
| LNST của cổ đông Công ty mẹ | 2.419 | 1.500 | 1.664 | 111% | 69% |
| Nộp NSNN | 3.496 | 2.050 | 2.810 | 137% | 80% |
| NSLĐBQ (hợp nhất) theo doanh thu (triệu đồng/người/tháng) | 865 | 515 | 545 | 106% | 63% |



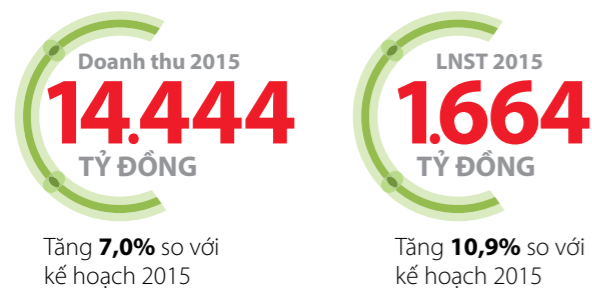
TRƯỚC THỰC TẾ TÌNH HÌNH CÔNG VIỆC, PV DRILLING CHỦ ĐỘNG TÌM KIẾM, LÀM VIỆC VỚI CÁC KHÁCH HÀNG TRONG NƯỚC (JVPC, ENI, MURPHY, HOANG LONG JOC...) VÀ NGOÀI NƯỚC (PTTEP - THAILAND, TOTAL - MYANMAR) NHẪM TÌM KIẾM THÊM HỢP ĐỒNG MỚI...

Báo cáo của Ban Kiểm soát (tiếp theo)

Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ/chỉ tiêu kế hoạch năm 2015

Từ cuối năm 2014 đến nay, giá dầu trên thế giới giảm mạnh đã tác động mạnh và ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Drilling. Sự cạnh tranh gay gắt ở thị trường cung cấp giàn khoan cũng như các dịch vụ liên quan đến khoan trong năm 2015 ngày càng diễn ra khốc liệt hơn. Hầu hết các nhà thầu dầu khí rút ngắn chương trình khoan, cắt giảm khối lượng công việc, đồng thời yêu cầu giảm giá, từ đó dẫn đến nguồn cung tăng đột biến so với nhu cầu sử dụng, nhiều giàn khoan đã kết thúc hợp đồng đang trong tình trạng chờ việc và chưa có hợp đồng mới ở thị trường trong nước cũng như trong khu vực. Nhiều nhà thầu khoan khác sẵn sàng phá giá thị trường khi chào với mức giá thậm chí thấp hơn so với chi phí sản xuất vận hành thực tế với mục tiêu là có việc làm.

Đối mặt với những khó khăn này, với mục tiêu bám sát các nhiệm vụ trọng tâm cùng với sự nỗ lực và quyết tâm cao, PV Drilling duy trì việc tăng cường kiểm soát ngân sách, triển khai, tổ chức theo dõi sát sao các hợp đồng cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan đã ký kết, chủ động tìm kiếm các hợp đồng mới nhằm đảm bảo công việc cho các giàn khoan, đảm bảo chất lượng dịch vụ nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra với kết quả đạt được so kế hoạch cả năm 2015 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/05/2015 như sau:



III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC CỦA PV DRILLING:

a/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí (HĐQT) đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết/Quyết định, chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong năm 2015, HĐQT Tổng Công ty đã thực hiện chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ tốt cho Ban Tổng Giám đốc điều hành công tác sản xuất kinh doanh.

b/ Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Tổng Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty được quy định theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức hoạt động của PV Drilling, theo chỉ đạo của Tập đoàn DKVN thông qua Người đại diện của Tập đoàn trên cơ sở các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, công văn... Mọi quan hệ phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát là phối hợp theo chức năng nhiệm vụ.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Các ý kiến của Ban Kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phản hồi đầy đủ và kịp thời.

V. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Thuận lợi

- PV Drilling luôn nhận được sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời từ phía Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc khai thác hiệu quả hoạt động của PV Drilling cũng như tăng cường hỗ trợ cung cấp dịch vụ trong ngành cho các hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí;
- PV Drilling có đội ngũ giàn khoan hiện đại, các thiết bị chuyên ngành kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu của các nhà thầu dầu khí;

- Đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật giàu kinh nghiệm, CBCNV của PV Drilling hầu hết đều trẻ, có chuyên môn cao và nhiệt tình với công việc;
- PV Drilling có các đối tác chiến lược là các Tập đoàn/Công ty mạnh trong nước và quốc tế. Đây là một trong những lợi thế quan trọng để PV Drilling tìm kiếm được cơ hội đầu tư cũng như sự hỗ trợ hiệu quả trong chiến lược phát triển của đơn vị.

2. Khó khăn

- Tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp do khủng hoảng tài chính, biến động của các yếu tố: giá dầu thô thế giới, tỷ giá đồng Đô la Mỹ và VND, giá điện, giá xăng dầu... dẫn đến các nhà thầu dầu thay đổi/dãn/tạm dừng kế hoạch khoan gây nên những ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh và các kế hoạch mục tiêu của PV Drilling;
- Tình hình cạnh tranh của thị trường cung cấp giàn khoan cũng như các dịch vụ liên quan đến khoan ngày càng gay gắt. Các đối thủ cạnh tranh trong cùng ngành với dày dặn kinh nghiệm quốc tế, tài chính mạnh đã tạo không ít khó khăn cho PV Drilling trong việc gia tăng thị phần trong nước, nhất là cạnh tranh về giá;
- Giá dầu giảm mạnh từ những tháng cuối năm 2014 đến nay là nguyên nhân làm giảm kế hoạch khoan. Bên cạnh đó, số lượng giàn khoan mới đóng được bàn giao và tham gia thị trường khoan trong năm 2015 làm gia tăng tính cạnh tranh do nguồn cung lớn hơn cầu. Điều này sẽ dẫn đến giá giàn có xu hướng đi xuống và gây thêm nhiều khó khăn cho PV Drilling trong việc giữ thị phần cũng như tìm kiếm các hợp đồng mới;
- Công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh cao của các công ty đa quốc gia và các rào cản về bảo hộ mậu dịch, thương mại, thuế quan, văn hóa của các nước sở tại.

3. Kiến nghị đối với cổ đông:

PV Drilling rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ phía Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và toàn thể các cổ đông để PV Drilling có thể vượt qua được những khó khăn do ảnh hưởng của sự suy giảm giá dầu và tiếp tục duy trì sự tăng trưởng bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016:

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, Ban Kiểm soát PV Drilling dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2016 như sau:

1. Giám sát hoạt động quản lý và điều hành Tổng Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
2. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ/ HĐQT, Nghị quyết, quyết định, quy chế, chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng Công ty;
3. Thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, năm của Tổng Công ty;
4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Tổng Công ty;
5. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn; việc ban hành và thực hiện Quy chế Tài chính, Quy định nội bộ của doanh nghiệp, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các Quỹ;
6. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với Người lao động, Người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
7. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng định mức, tình hình thực hiện việc cắt giảm chi phí tại Tổng Công ty nhằm ứng phó với diễn biến suy giảm nghiêm trọng của giá dầu;
8. Kiểm tra, giám sát hiệu quả các dự án đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm; Giám sát việc đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp;
9. Lập báo cáo giám sát định kỳ theo quy định;
10. Các vấn đề khác.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Năm 2015 là một năm đầy khó khăn của kinh tế thế giới. Điểm sáng hiếm hoi đến từ Mỹ với những tín hiệu cải thiện kinh tế vĩ mô đã là cơ sở để Fed đi đến quyết định tăng lãi suất cơ bản lần đầu tiên sau 7 năm. Ngược lại, những nền kinh tế lớn khác lại có dấu hiệu thụt lùi. Trong bối cảnh giá dầu lao dốc và biến động mạnh, kinh tế Nga tiếp tục chìm sâu vào khủng hoảng, Trung Quốc tăng trưởng chậm, nợ công Nhật Bản cao gấp đôi GDP. Nhìn sang Châu Âu, tăng trưởng bình quân của khu vực đồng euro mới chỉ đạt 1,6% và tỷ lệ thất nghiệp ở mức cao 10,8%.

Năm 2015 có thể nói là một năm đầy khó khăn của thị trường dầu khí với giá dầu giảm trên 60% xuống mức dưới 40USD/thùng - là mức thấp nhất trong 7 năm qua. Sự cạnh tranh của những nhà sản xuất dầu đá phiến tại Mỹ với OPEC, biến động địa chính trị, nhu cầu tiêu thụ giảm cùng với sự đi xuống của một số nền kinh tế lớn, xu hướng sử dụng các nguồn năng lượng khác là những nguyên nhân chính làm giá dầu giảm sâu.

Thị trường dịch vụ khoan dầu khí cũng chịu ảnh hưởng mạnh khi các nhà thầu dầu dừng, tạm hoãn triển khai các chương trình khoan khiến cho nhu cầu giàn khoan giảm mạnh. Trong tình hình này, giá cho thuê giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan giảm sút, cũng như cạnh tranh ngày càng gay gắt khi số lượng giàn không có việc tăng lên. Khu vực Đông Nam Á cũng không ngoại lệ, hiệu suất sử dụng giàn khoan giảm từ 94% năm 2014 xuống còn 69% trong năm 2015. Tại Việt Nam, số lượng giàn khoan hoạt động giảm từ 17 giàn xuống còn 7 giàn chỉ trong vòng một năm. Bên cạnh đó, giá dầu giảm mạnh cũng khiến giá cho thuê giàn khoan và các dịch vụ liên quan đến khoan giảm từ 15% - 25%.

Kết quả kinh doanh của PV Drilling bắt đầu suy giảm kể từ Q2/2015 do khối lượng công việc và đơn giá dịch vụ giảm. Tình hình vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện khi giá dầu tiếp tục giảm sút, đã có lúc giá dầu Brent xuống dưới 28 USD/thùng vào ngày 21/01/2016. Hiện nay giá dầu đang dao động khoảng 35-40 USD/thùng và chưa có tín hiệu hồi phục ổn định khiến các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước đã bắt đầu giai đoạn ngừng thăm dò, khai thác vì giá thành sản xuất cao hơn giá bán một thùng dầu để hạn chế thua lỗ.

PV Drilling tận dụng khoảng thời gian này để sắp xếp và tổ chức lại hoạt động của giàn khoan nhằm giảm chi phí vận hành trong tương lai. Đối với một số chiến dịch khoan khai thác đang thực hiện cho khách hàng, PV Drilling vẫn duy trì, vận hành ổn định các giàn khoan còn lại, với hoạt động an toàn và hiệu suất cao trên 98%.

Như vậy, sau năm 2014 là một năm có cường độ công việc cao do nhu cầu giàn khoan tăng đột biến lên 17 - 18 giàn thì năm 2015 PV Drilling tập trung triển khai hàng loạt các giải pháp liên quan đến kiểm soát và tối ưu hóa chi phí, tổ chức và sắp xếp nhân sự cũng như tăng cường các công tác quản trị doanh nghiệp để ứng phó với thị trường dầu khí suy giảm trong dài hạn.

Năm 2015 khép lại với tổng tài sản của PV Drilling đạt 24.915 tỷ đồng, tăng 6,9% so với 2014 chủ yếu nhờ việc hoàn thành đầu tư giàn khoan PV DRILLING VI và chính thức đưa vào phục vụ cho chiến dịch khoan của PVEP từ đầu tháng 3 năm 2015. Song song với việc tăng trưởng của tổng tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu của PV Drilling đạt 13.304 tỷ đồng, tăng trưởng 13,6% so với năm trước từ sự đóng góp tích cực của lợi nhuận SXKD năm 2015.

Trải qua một năm với nhiều ảnh hưởng bất lợi của thị trường dầu khí cùng với rất nhiều các giải pháp ứng phó và sự nỗ lực của toàn Tổng Công ty, doanh thu đạt 14.444 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ PV Drilling đạt 1.664 tỷ đồng, tương ứng giảm 30,8% và 31,2% so với năm 2014. Tuy mức lợi nhuận 2015 không thể vượt qua mức lợi nhuận của một năm có nhiều thuận lợi từ sự sôi động của thị trường dầu khí như năm 2014 nhưng đã vượt trên 10% so với kế hoạch đã được ĐHQĐ thông qua. Có được thành quả này là nhờ vào sự nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo với nhiều giải pháp ngắn và dài hạn để đảm bảo vận hành an toàn các giàn khoan, gia tăng nội lực, tiết kiệm và cắt giảm chi phí sản xuất...

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2015 đạt 4.102 đồng so với mức 5.996 đồng của năm 2014. Mọi sự nỗ lực của PV Drilling trong SXKD luôn hướng tới việc gia tăng lợi ích cho cổ đông và sự phát triển ngành dầu khí, nhờ đó củng cố niềm tin cho các cổ đông, mặc dù thị trường chứng khoán luôn có những biến động bất ngờ và không ổn định.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu tài chính | ĐVT | 2014 | 2015 | %/tăng/giảm |
|--|---------|--------|--------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | tỷ đồng | 23.305 | 24.915 | 6,9% |
| Doanh thu thuần | tỷ đồng | 20.884 | 14.444 | (30,8%) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | tỷ đồng | 3.108 | 2.093 | (32,7%) |
| Lợi nhuận khác | tỷ đồng | 70 | 21 | (70,0%) |
| Lợi nhuận trước thuế | tỷ đồng | 3.178 | 2.114 | (33,5%) |
| Lợi nhuận sau thuế | tỷ đồng | 2.419 | 1.664 | (31,2%) |

Chỉ tiêu tài chính

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2014 | 2015 | %/tăng/giảm |
|--|-----|-------|-------|-------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành) | lần | 1,32 | 1,82 | 0,50 |
| Hệ số thanh toán nhanh | lần | 1,15 | 1,60 | 0,45 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Hệ số Nợ/ Tổng tài sản | lần | 0,50 | 0,47 | (0,03) |
| Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | lần | 1,01 | 0,87 | (0,14) |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | lần | 14,77 | 10,09 | (4,68) |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | lần | 0,90 | 0,58 | (0,32) |
| 4. Chỉ số về khả năng sinh lời | | | | |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 11,6% | 11,5% | (0,1%) |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 22,7% | 14% | (8,7%) |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA) | % | 10,8% | 7,2% | (3,6%) |
| Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 14,9% | 14,5% | (0,4%) |

Giá dầu suy giảm mạnh trong năm 2015 đã khiến cho đơn giá cho thuê giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan giảm 15% - 25%, khối lượng công việc cũng đã giảm 20% - 30% so với năm 2014. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Drilling. Tuy nhiên, với những nỗ lực và cố gắng không ngừng, PV Drilling vẫn vượt kế hoạch đã đăng với các cổ đông bất chấp những tín hiệu kém lạc quan của ngành dầu khí. Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Drilling được gắn liền với các giải pháp kiểm soát và cắt giảm chi phí chặt chẽ, nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho, tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn, nâng cao tỷ lệ tự thực hiện trong các

dịch vụ cung cấp cho khách hàng, tăng cường sử dụng Quý khoa học công nghệ nhằm đảm bảo chỉ tiêu về khả năng sinh lời và an toàn vốn.



DÙ GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN DO ẢNH HƯỞNG BẤT LỢI TỪ BIẾN ĐỘNG GIÁ DẦU, PV DRILLING VẪN DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG AN TOÀN VÀ ỔN ĐỊNH CÁC GIÀN KHOAN BIẾN VỚI HIỆU SUẤT CAO TRÊN 98%

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Hệ số thanh toán ngắn hạn:

Chỉ số thanh toán ngắn hạn của Tổng Công ty qua nhiều năm được kiểm soát rất chặt chẽ và đều duy trì ở mức tốt, trên 1 lần. Năm 2015 chỉ số này tiếp tục được cải thiện tốt, đạt 1,82 lần, vượt xa mức an toàn quy định trong Quy chế tài chính và các yêu cầu của thông lệ quốc tế. Có được điều này nhờ Tổng Công ty xây dựng bộ phận Ngân quỹ tập trung, điều phối tốt dòng tiền giữa các đơn vị thành viên, quản lý vốn lưu động hiệu quả thông qua việc kiểm soát công nợ và quản lý khoản phải thu/ phải trả chặt chẽ. Thành công từ đợt phát hành cổ phần riêng lẻ năm 2013 cùng với việc nâng động trích lập các Quỹ cũng giúp PV Drilling có được dòng tiền tốt, giúp đứng vững và vượt qua giai đoạn khó khăn trước mắt.

Hệ số thanh toán nhanh:

Song song với các giải pháp cắt giảm chi phí, PV Drilling từng bước chuẩn hóa quy trình mua sắm hàng hóa, quy trình lưu kho, giúp giảm đáng kể lượng hàng tồn kho. Cùng với việc cải thiện đáng kể các khoản nợ ngắn hạn, trong đó PV Drilling cũng đã hoàn thành trả nợ vay giàn PV DRILLING III, hệ số thanh toán nhanh năm 2015 tiếp tục được cải thiện, đạt 1,6 lần, tăng 0,45 lần so với năm 2014.

Hệ số Nợ/Tổng tài sản & hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:

Mặc dù hoạt động trong giai đoạn rất khó khăn, các chỉ số tài chính liên quan đến sử dụng đòn bẩy tài chính như hệ số Nợ/Tổng tài sản & hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của PV Drilling được kiểm soát ở mức rất an toàn. Năm 2015 hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm nhẹ so với 2014, ở mức 0,47 lần. Trong khi đó, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tiếp tục giảm 0,14 lần so với năm 2014 mặc dù trong năm 2015, PV Drilling đã giải ngân thêm khoản vay 138,7 triệu USD cho dự án đầu tư giàn khoan PV DRILLING VI. Có được điều này do nhiều năm liền PV Drilling đảm bảo được cấu trúc vốn đầu tư an toàn 70/30 (70% vốn vay và 30% vốn chủ sở hữu) nên kế hoạch trả nợ vay luôn đúng hạn và giữ uy tín tốt với các tổ chức tín dụng. Đến cuối 2015, PV Drilling đã hoàn tất trả nợ khoản vay đầu tư cho 02 giàn khoan tự nâng PV DRILLING I, III và giàn PV DRILLING 11.

So với các Công ty cùng ngành, có thể nói chỉ tiêu Nợ/Vốn đã được PV Drilling kiểm soát chặt chẽ và đưa về ngưỡng

cực kỳ an toàn (bình quân ngành chỉ tiêu này là 2,5 lần - nguồn CNBC). Điều này giúp cho PV Drilling duy trì được khả năng trả nợ, đứng vững và vượt qua giai đoạn khó khăn 2016-2017. Trong khi đó hãng tin CNBC cho biết, **"gần 35% số công ty dầu khí niêm yết trên thị trường chứng khoán trên khắp thế giới, vào khoảng 175 công ty, đang có nguy cơ cao rơi vào cảnh phá sản trong năm 2016. Đây không chỉ là những công ty có mức nợ cao, mà khả năng trả lãi cho những khoản nợ này cũng ngày càng xấu đi"**

Vòng quay hàng tồn kho:

So với năm 2014, vòng quay hàng tồn kho của PV Drilling trong năm 2015 có sự sụt giảm chủ yếu là số lượng lưu kho hàng bán thương mại của hợp đồng giáp lưng của PVD Tech tăng nhằm đảm bảo giao hàng đúng hạn cho khách hàng vào đầu năm 2016 và tăng hàng lưu kho trên giàn khoan PV DRILLING VI theo quy định khi giàn mới xuất xưởng cần một số lượng các vật tư thiết bị tối thiểu trên giàn.

Doanh thu thuần/Tổng tài sản:

Năm 2015 được đánh giá là năm khó khăn đối với hoạt động kinh doanh của PV Drilling. Giá dầu sụt giảm mạnh đã khiến các nhà thầu dầu dừng hoặc tạm hoãn các chiến dịch khoan, điều này đã tác động đến đơn giá và khối lượng công việc của dịch vụ PV Drilling cung cấp. Việc sụt giảm doanh thu từ việc cung cấp các giàn khoan thuê (năm 2014 cung cấp bình quân 5,5 giàn thì năm 2015 PV Drilling chỉ cung cấp bình quân 2,7 giàn) cùng với sụt giảm đơn giá và gián đoạn hoạt động một số giàn sở hữu trong cuối Q4/2015 đã khiến cho doanh thu của PV Drilling chỉ đạt 14.444 tỷ đồng, giảm 30,8% so với năm 2014. Năm 2015, PV Drilling cũng đã ghi nhận tăng khoản đầu tư giàn PV DRILLING VI là 221,7 triệu USD đã góp phần làm cho tổng tài sản tăng lên khoảng 1.610 tỷ. Hai yếu tố này đã làm cho chỉ số vòng quay tài sản trong năm của PV Drilling giảm 0,32 lần tương đương giảm 0,35% so với năm 2014.

Hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần & hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần:

Năm 2015, các chỉ tiêu sinh lời như Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần & Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần vẫn duy trì không đổi so với 2014 mặc dù đơn giá dịch vụ khoan và các dịch vụ liên quan đến khoan giảm từ



15% - 20%. Để giữ vững được chỉ tiêu lợi nhuận biên ròng là 11,6% như 2014 trước tình hình khó khăn của thị trường, PV Drilling đã tập trung nâng cao tối đa tỷ lệ tự thực hiện dịch vụ & tiết giảm dịch vụ thuê ngoài, từ đó gia tăng tỷ suất lợi nhuận của các dịch vụ như Mud logging, Slickline, Tubular running, MPLT ... Bên cạnh đó, ngay từ những ngày đầu năm 2015 khi thị trường dầu khí có dấu hiệu đi xuống, Ban lãnh đạo PV Drilling đã chỉ đạo sát sao tất cả các Công ty thành viên, các Phòng /Ban trong toàn Tổng Công ty triển khai cùng lúc 02 dự án Tối ưu hóa chi phí & Cắt giảm chi phí. Cụ thể, PV Drilling tập trung vào 04 nhóm giải pháp: nhóm giải pháp cắt giảm chi phí vận hành giàn khoan; nhóm giải pháp về nhân sự trong đó chú trọng đến công tác đào tạo nâng cao năng lực người lao động Việt Nam nhằm thay thế dần các nhân sự nước ngoài; nhóm giải pháp về thương mại: đàm phán giảm giá, kéo dài thời hạn thanh toán với nhà cung cấp, tăng cường sử dụng Quỹ KHCN...; nhóm giải pháp về hành chính trong đó cắt giảm chi phí tiếp khách, hội họp, quà tặng và sử dụng máy bay giá rẻ khi đi công tác. Bên cạnh đó, quy trình quản lý hàng tồn kho theo mô hình MIN-MAX cũng được rà soát, điều chỉnh phù hợp. Song song với các giải pháp cắt giảm chi

Số lượng cổ phiếu sở hữu của thành viên Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm 31/12/2015:

| Thành viên | Cổ phiếu sở hữu (ĐVT: cp) |
|--|---------------------------|
| Phạm Tiến Dũng <i>Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT</i> | 139.880 |
| Trần Văn Hoạt <i>Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT</i> | 3 |
| Hồ Ngọc Yến Phương <i>Phó Tổng Giám đốc</i> | 52.877 |
| Đào Ngọc Anh <i>Phó Tổng Giám đốc</i> | 16.180 |
| Trịnh Văn Vinh <i>Phó Tổng Giám đốc</i> | 8 |
| Nguyễn Xuân Cường <i>Phó Tổng Giám đốc</i> | 2.877 |
| Vũ Văn Minh <i>Phó Tổng Giám đốc</i> | 20.245 |
| Hồ Vũ Hải <i>Phó Tổng Giám đốc</i> | 0 |
| Tổng cộng | 232.070 |

phí, quy trình Quản trị rủi ro cũng được triển khai mạnh mẽ nhằm đưa ra các giải pháp ứng phó kịp thời với các rủi ro hiện hữu qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

ROE & ROA

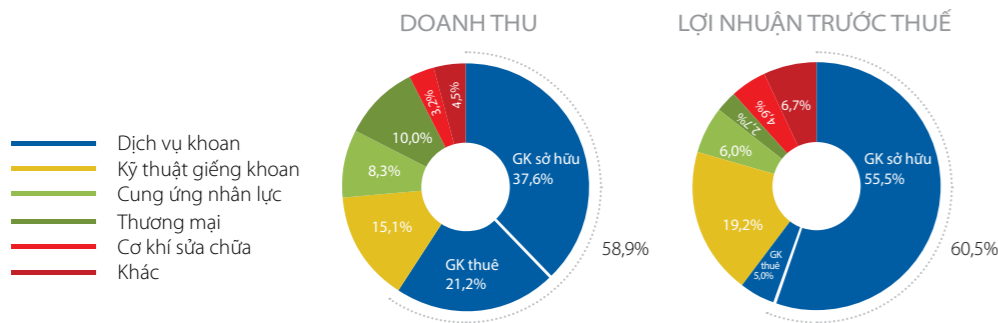
Mặc dù là một nhà thầu khoan còn non trẻ, PV Drilling đã áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong vận hành giàn khoan và quản trị doanh nghiệp, mang lại hiệu quả cao trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh và là nền tảng cho sự phát triển bền vững. Tỷ suất sinh lời của PV Drilling trong các năm qua luôn ở mức hấp dẫn so với các công ty cùng ngành. So sánh với các Công ty khoan tầm cỡ trong khu vực thì chỉ tiêu ROE và ROA của PV Drilling đều tốt hơn trong năm 2015 mặc dù đã giảm nhiều so với 2014. Cụ thể tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu năm 2015 của PV Drilling đạt 14% cao hơn bình quân ngành chỉ khoảng 10% (nguồn: Bloomberg). Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản đạt trên 7% cao hơn bình quân ngành chỉ khoảng 5% (nguồn: Bloomberg) thể hiện hiệu quả sử dụng tài sản của PV Drilling rất tốt, mặc dù PV Drilling vừa đưa vào khai thác thêm giàn PV DRILLING VI, hiệu quả mang lại từ giàn khoan này trong giai đoạn thị trường dầu khí ảm đạm là chưa lớn.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

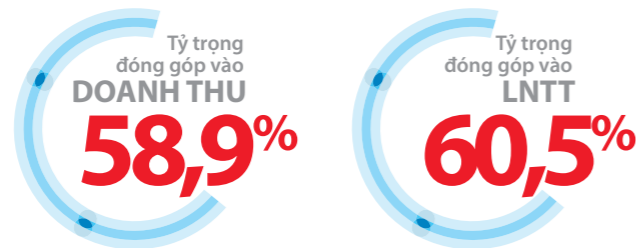
III. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

Năm 2015, PV Drilling đối diện với rất nhiều khó khăn, khi giá dầu thế giới giảm sâu, thấp kỷ lục kể từ 11 năm qua dẫn đến các nhà thầu dầu khí buộc phải dừng/ giảm các chiến dịch khoan. Điều này khiến cho lĩnh vực cung cấp dịch vụ khoan phải cạnh tranh khốc liệt. Tại thị trường Đông Nam

Á, nếu như năm 2014 khá sôi động với số giàn khoan trung bình có hợp đồng khoảng 65 giàn, hiệu suất sử dụng đạt 94% thì năm 2015, tổng số lượng giàn khoan hoạt động chỉ còn 47 giàn, hiệu suất sử dụng khoảng 69%. Đối với PV Drilling, số lượng giàn khoan thuê năm 2015 hoạt động chỉ bằng 50% số lượng của năm 2014; một số giàn khoan sở hữu kết thúc hợp đồng sớm vào cuối Q4/2015.



1. Dịch vụ khoan



Nếu loại trừ doanh thu và LN của mảng giàn khoan thuê, doanh thu và LNTT của dịch vụ khoan giảm tương ứng 0,7% và 33,6%. Giàn khoan PV DRILLING VI hoàn thành đúng tiến độ và được đưa vào hoạt động từ đầu tháng 3/2015 là điểm sáng của năm, là nhân tố tích cực góp phần bù đắp một phần doanh thu và lợi nhuận sụt giảm trong năm (đóng góp 11% doanh thu và 10% LNTT cho dịch vụ khoan) do giá dầu giảm, bên cạnh việc gia tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng thị phần khoan và phát triển các dịch vụ liên quan đến khoan.

Là năm phải đối diện với nhiều khó khăn, nhưng công tác vận hành giàn khoan an toàn và hiệu quả luôn được đặt lên hàng đầu. Tất cả các giàn khoan sở hữu của PV Drilling đều đạt zero LTI (không có bất kỳ tai nạn gây mất thời gian lao động). Đến nay, giàn khoan PV DRILLING I đạt 9 năm liên tiếp zero LTI, giàn khoan PV DRILLING II và III đạt 6 năm và giàn khoan nửa nổi nửa chìm PV DRILLING V (TAD) đạt

3 năm liên tiếp zero LTI, được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) cấp chứng nhận.

Trải qua nhiều năm gian nan và thử thách trên sa mạc lửa Sahara, PVEP đã đón dòng dầu đầu tiên từ Dự án Phát triển khai thác mỏ Bir Seba vào cuối năm 2015. Đây là sự kiện mang rất nhiều ý nghĩa chính trị, kinh tế quan trọng trong bối cảnh vô vàn khó khăn đối với công nghiệp dầu khí thế giới khi giá dầu giảm sâu như hiện nay. Thành công này không thể không kể đến sự đóng góp của giàn khoan đất liền của PV Drilling cùng đội ngũ nhân lực khoan đã ngày đêm làm việc vất vả trên giàn khoan, thương hiệu Người thợ khoan Việt Nam một lần nữa đã được vinh danh trên nước bạn Algeria.

Năm 2014, PV Drilling có được cú hích kép nhờ vào thị trường khoan sôi động, số lượng giàn khoan hoạt động nhộn nhịp hơn, giá cho thuê giàn khoan tăng lên từ 150.0000 - 160.0000 USD/ ngày. Đến năm 2015, giá dầu

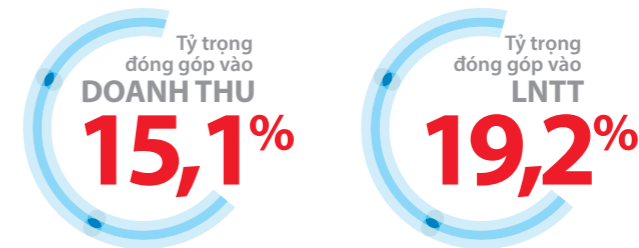
giảm sâu đã gây áp lực lên giá cho thuê giàn khoan dẫn đến giá cho thuê giàn trung bình giảm từ 10% đến 25% so với năm đỉnh cao 2014. Đây là yếu tố chính dẫn đến lợi nhuận năm 2015 giảm nhiều so với năm 2014.

Trong năm 2015, PV Drilling đã thực hiện công tác bảo trì thành công cho 04 giàn khoan PV DRILLING I, II, III và giàn khoan đất liền, với tổng thời gian thực hiện hơn 70 ngày.

Ngay từ Q4/2014, PV Drilling đã nhận ra phải có kế hoạch hành động cụ thể để vượt qua thách thức và khó khăn đang đến từ việc giảm giá dầu. Vì vậy, 2015 là năm Tổng

Công ty đẩy mạnh công tác quản trị doanh nghiệp, rà soát lại tất cả quy trình sản xuất nhằm tối ưu hóa nguồn lực, cắt giảm chi phí sản xuất kinh doanh. Cụ thể đối với dịch vụ khoan, Tổng Công ty lên kế hoạch kiểm tra, phân loại từng nhóm vật tư, phụ tùng, hàng tồn kho để hiệu chỉnh mức tồn kho Min/Max; kiểm soát hoạt động bảo trì, bảo dưỡng cho các giàn khoan, đàm phán lại giá và điều khoản thanh toán cho hầu hết các hợp đồng với các nhà cung cấp; sắp xếp, bố trí nhân lực phù hợp; kiểm soát chi phí quản lý hành chính... Kết quả là chi phí vận hành giàn khoan được kiểm soát chặt chẽ, giảm được áp lực từ việc giảm doanh thu, từng bước vượt qua khó khăn của giai đoạn này.

2. Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan



Doanh thu mảng kỹ thuật giếng khoan đạt 2.182 tỷ đồng, giảm 31% so với 2014. LNTT đạt 406 tỷ đồng, giảm 35% so với cùng kỳ năm trước. Chịu sự tác động của giá dầu lao dốc nhanh, các nhà thầu dầu khí giảm hoạt động hoặc kéo giãn tiến độ dự án, mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan cũng đối mặt với khối lượng công việc giảm và sức ép giảm giá dịch vụ từ các khách hàng.

Các dịch vụ có tỷ lệ thuê nhà thầu phụ (back to back) cao nhưng với tỷ suất lợi nhuận thấp như dịch vụ Well testing, Tool rental, MPD, TCP giảm mạnh về mặt doanh thu. Tuy nhiên, các dịch vụ PV Drilling tự thực hiện 100% hoặc có tỷ lệ tự thực hiện cao như Mud logging, Slickline, Tubular running, MPLT, Technical service... đều giữ vững được tỷ trọng đóng góp của mình trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ. Bên cạnh đó, PV Drilling tiếp tục cung cấp thành

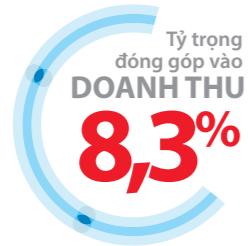
công dịch vụ kéo thả ống chống dùng công nghệ mới CRTI và phát triển mạnh dịch vụ E-line Cased hole.

PV Drilling vẫn bám sát chiến lược duy trì và phát triển đội ngũ kỹ thuật lành nghề, chính là vốn quý của Tổng Công ty cũng như tối đa hóa việc cung cấp các dịch vụ tự thực hiện. Ngoài ra, trong khó khăn và thách thức sẽ nhìn thấy cơ hội để cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động. Bằng chứng là năm 2015 thông qua việc sử dụng quỹ khoa học công nghệ, rất nhiều dự án, phát minh ra đời, điển hình là hệ thống khuyết tật bằng điện từ trường; thiết kế và xây dựng trạm bề mặt cho dịch vụ đo karota khai thác; thiết bị khoan dầu khí tự động CNC; nghiên cứu, thiết kế và ứng dụng hệ thống phân quyền điều khiển (Assignment) cho VFD của Topdrive bằng cách sử dụng hệ thống VFD của Rotary Table; đào tạo 3D eLearning và rất nhiều sáng kiến khác được ứng dụng vào sản xuất.



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

3. Cung ứng nhân lực



Không có được thuận lợi như năm 2014, các chiến dịch khoan nhện nhíp đã giúp dịch vụ cung ứng nhân lực cung cấp nhân sự cho 16 giàn khoan. Tuy nhiên năm 2015, số giàn khoan trung bình chỉ còn khoảng 7 giàn. Điều này tác động rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của mảng dịch vụ này, cụ thể doanh thu đạt 1.196 tỷ đồng và LNTT đạt 126 tỷ đồng, giảm tương ứng 42% và 40% so với cùng kỳ năm trước.

chuyên gia nước ngoài gấp nhiều lần so với chi phí người Việt Nam. Vì thế việc thay thế này giúp giảm chi phí nhân sự, đồng nghĩa tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Với nội lực ngày càng vững mạnh, PV Drilling tự tin tìm kiếm các cơ hội, mở rộng thị trường ra nước ngoài.

Một điểm nhấn trong năm 2015, đó là tỷ lệ thay thế chuyên gia người nước ngoài bằng người Việt Nam được nâng lên rõ rệt, các chức danh chính điều hành trên các giàn khoan đã dần dần thay thế bằng kỹ sư Việt nam. Chi phí trả cho

Để cùng nhau đối mặt với những khó khăn khi giá dầu ngày càng giảm sâu, Ban lãnh đạo PV Drilling trực tiếp đối thoại với người lao động với thông điệp rõ ràng "Chung sức chung lòng, vượt qua thử thách". Việc luân chuyển, bố trí nhân sự linh hoạt và hợp lý đã giúp PV Drilling chủ động đối phó và vượt qua thử thách và khó khăn trong giai đoạn này.

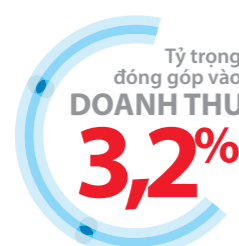
4. Cung ứng vật tư thiết bị



Doanh thu cung ứng vật tư thiết bị đạt 1.444 tỷ đồng, giảm 17% so với 2014. Năm 2015 không có được các hợp đồng cung cấp sắt thép kết cấu lớn cho Petronas, Hoàng Long,

PTSC MC như năm 2014, dẫn đến doanh thu của mảng dịch vụ này giảm 17% so với cùng kỳ năm trước.

5. Cơ khí sửa chữa



Có thể nói dịch vụ cơ khí sửa chữa tạo ra nhiều sự khác biệt trong năm 2015. Ngược chiều với các dịch vụ khác, dịch vụ này mang lại 467 tỷ đồng doanh thu, giảm 10% nhưng LNTT đạt 105 tỷ đồng, tăng 55% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với mảng kiểm định, do số lượng các giàn khoan kết thúc chiến dịch khoan tăng lên nên nhu cầu kiểm định, tiện ren, sửa chữa và bảo dưỡng tăng mạnh. Đây cũng chính là các dịch vụ có tỷ suất lợi nhuận cao nên dẫn đến LNTT tăng so với 2014. Ngoài ra, Tổng Công ty đã chủ động được nguồn lực trong việc cung cấp dịch vụ thử áp lực, kiểm tra

và hiệu chuẩn van an toàn (Pressure Relief Valves) cho thị trường trong nước.

Riêng mảng thiết kế chế tạo, năm 2015 không có các hợp đồng có giá trị lớn như năm 2014, điển hình là hệ thống gia nhiệt dầu thô cho VSP; hệ thống xử lý nước cho Cửu Long và chế tạo ống công nghệ cho Cửu Long và Lam Sơn, nên dẫn đến giảm doanh thu chung cho mảng dịch vụ này. Tuy nhiên, bù lại trong năm 2015 PV Drilling đã được các khách hàng nước ngoài tin tưởng và đặt hàng cơ khí chế tạo như NOV, Peerless.



IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Công tác đầu tư tại PV Drilling luôn được kiểm soát chặt chẽ và đảm bảo hiệu quả đầu tư. Các dự án đầu tư trong giai đoạn hiện nay luôn được xem xét và cập nhật trên cơ sở đánh giá rủi ro biến động thị trường, không phê duyệt các dự án đầu tư kém hiệu quả, các dự án không thuộc ngành nghề/linh vực kinh doanh chính của PV Drilling.

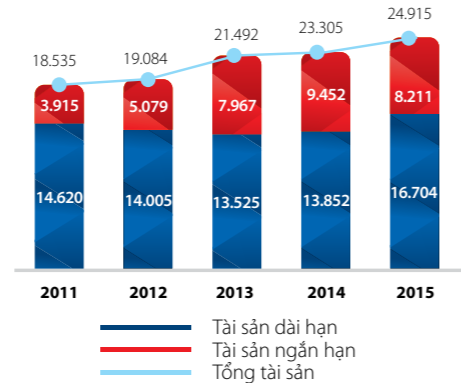
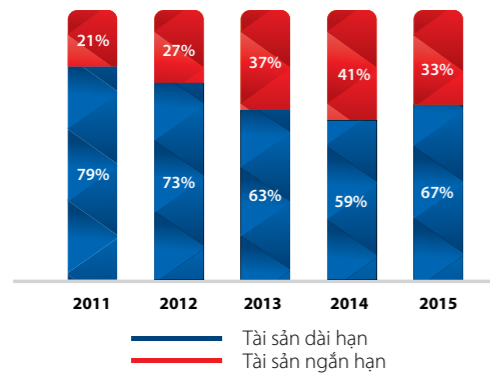
Trước tình hình suy giảm sâu và kéo dài của giá dầu, để tối ưu hóa chi phí đầu tư PV Drilling đã thúc đẩy các dự án khoa học công nghệ, khuyến khích sử dụng quỹ khoa học công nghệ trong các dự án đầu tư công nghệ cao. Trong năm 2015, PV Drilling đã thực hiện một số dự án sử dụng quỹ khoa học công nghệ như: hệ thống kiểm tra khuyết tật bằng điện tử trường; mua sắm máy mài, thiết bị khoan dầu khí tự động CNC; mua sắm Trạm bể mặt cho DV đo Karota khai thác; nghiên cứu, thiết kế và ứng dụng hệ thống phân quyền điều khiển (Assignment) cho VFD của Topdrive; dự án đào tạo 3D eLearning...

Thực hiện Nghị quyết 9661/NQ-DKVN ngày 12/12/2012 về việc chấp thuận dự án "Thành lập Liên doanh PV Drilling - FEG tại Singapore để đầu tư và vận hành giàn khoan dầu khí" của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PV Drilling đã triển khai và giám sát thực hiện hợp đồng đóng mới giàn khoan PV DRILLING VI tại Keppel Fels, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng công trình. Giàn khoan PV DRILLING VI đã hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác từ ngày 04/03/2015. Trong năm 2015, PV Drilling đã tiếp tục thực hiện việc góp vốn vào liên doanh PVD Overseas với số tiền là 12.671.200 USD, hoàn tất việc góp 54.400.000 USD vốn đầu tư vào liên doanh này. Bên cạnh đó, các dự án mua sắm máy móc, trang thiết bị kỹ thuật khác như mua bộ BOP 18 3/4", 10K, NXT dự phòng cho giàn PV DRILLING II, III và V, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp, trang bị bản quyền phần mềm Microsoft và Dự án ERP - Giai đoạn III cũng đã được PV Drilling triển khai và đảm bảo tiến độ thực hiện trong năm 2015.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

1. Tài sản nguồn vốn Cấu trúc vốn

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2015 | 2014 | 2013 | 2012 | 2011 |
|--|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Tổng tài sản | tỷ đồng | 24.915 | 23.305 | 21.492 | 19.084 | 18.535 |
| Tài sản ngắn hạn | tỷ đồng | 8.211 | 9.452 | 7.967 | 5.079 | 3.915 |
| Tài sản dài hạn | tỷ đồng | 16.704 | 13.852 | 13.525 | 14.005 | 14.620 |
| Nợ phải trả | tỷ đồng | 11.612 | 11.592 | 11.625 | 12.066 | 12.314 |
| Nợ ngắn hạn | tỷ đồng | 4.511 | 6.925 | 6.765 | 5.691 | 5.087 |
| Nợ dài hạn | tỷ đồng | 7.101 | 4.667 | 4.860 | 6.376 | 7.227 |
| Vốn chủ sở hữu bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số | tỷ đồng | 13.304 | 11.713 | 9.868 | 7.017 | 6.222 |



Tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn cuối năm 2015 của PV Drilling là 8.211 tỷ đồng, giảm 1.241 tỷ đồng so với năm 2014, trong đó các khoản mục chính là tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 43%, phải thu khách hàng chiếm 32%. Giá đầu giảm mạnh từ cuối năm 2014 và kéo dài sang năm 2015 là nguyên nhân dẫn đến phần lớn các kế hoạch/chiến dịch khoan của các Công ty thăm dò, khai thác dầu khí bị dừng/giãn làm khối lượng công việc của PV Drilling giảm đáng kể, đặc biệt là việc làm cho các giàn khoan. Doanh thu của PV Drilling giảm 31% so với năm trước đã làm các khoản phải thu/phải trả khách hàng thời điểm cuối năm 2015 giảm trên 2.000 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Riêng tiền và các khoản tương đương tiền tăng 9% so với cuối năm 2014 là nguồn tiền PV Drilling chuẩn bị cho các dự án đầu tư trong tương lai. Với số dư tiền này, PV Drilling sẽ được đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh ít nhất trong 2-3 năm tới với dự đoán thị trường dầu khí vẫn chưa hồi phục.

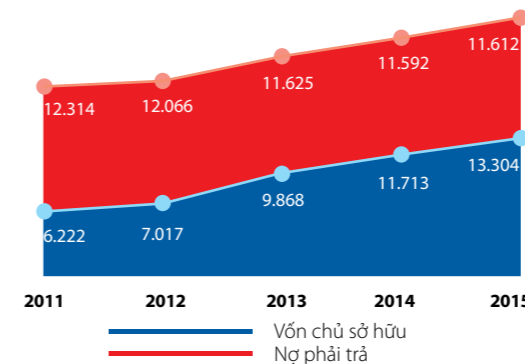
Bên cạnh các quy chế, quy định về quản lý tài chính của Tổng Công ty cần tuân thủ nghiêm túc, tất cả các đơn vị thành viên đã cùng nhau xây dựng và thực hiện rất tốt các

biện pháp quản lý công nợ phải thu/phải trả để đáp ứng công tác quản lý tài chính. Với sự biến động của thị trường dầu khí năm qua và dự báo tình hình tài chính sẽ tiếp tục khó khăn đối với các công ty thăm dò, khai thác dầu khí trong tương lai, do đó, PV Drilling đã và sẽ tăng cường các biện pháp quản lý tài chính, các biện pháp thu hồi công nợ để đảm bảo rủi ro tài chính và công nợ khó đòi là thấp nhất. Tiếp tục công việc đã thực hiện từ những năm trước, năm 2015 PV Drilling thực hiện rà soát và đánh giá lại giá trị thuần của tất cả các danh mục vật tư, phụ tùng tồn kho và lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số vật tư chậm luân chuyển, suy giảm về chất lượng theo đúng quy định nhằm đảm bảo phản ánh đúng giá trị thực tế của tài sản trên sổ sách, và có các biện pháp xử lý hợp lý và hiệu quả với các danh mục này. Trong năm 2015 PV Drilling cũng đã rà soát và xây dựng lại định mức tồn kho Min-Max để quản lý hàng tồn kho trên hệ thống Maximo nhằm tăng hiệu quả trong công tác quản trị hàng tồn kho thông qua việc giảm lượng hàng tồn kho nhưng vẫn đảm bảo hoạt động cho các giàn khoan và tiến tới xây dựng ngân sách mua sắm vật tư phụ tùng trên Maximo. Đây là một trong những việc làm cần thiết phải thực hiện để tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn trong giai đoạn thị trường dầu khí khó khăn.

Tài sản dài hạn

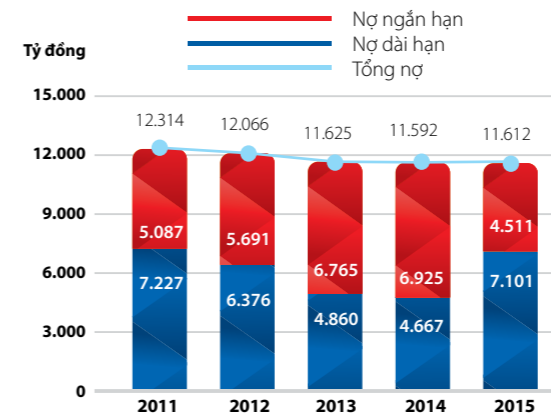
Tài sản dài hạn cuối năm 2015 của PV Drilling là 16.704 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định (bao gồm các tài sản đang đầu tư dở dang) chiếm trên 95%, chủ yếu là giá trị của 6 giàn khoan sở hữu và các máy móc thiết bị cho dịch vụ khoan. Giàn khoan PV DRILLING VI bắt đầu đưa vào hoạt động từ đầu tháng 3/2015 theo đúng tiến độ với tổng nguyên giá trên 217 triệu đô la Mỹ đã góp phần làm tăng tổng tài sản của PV Drilling thêm khoảng 3.300 tỷ đồng, một phần giá trị của giàn này đã được ghi nhận đầu tư dở dang trong

2. Nguồn vốn

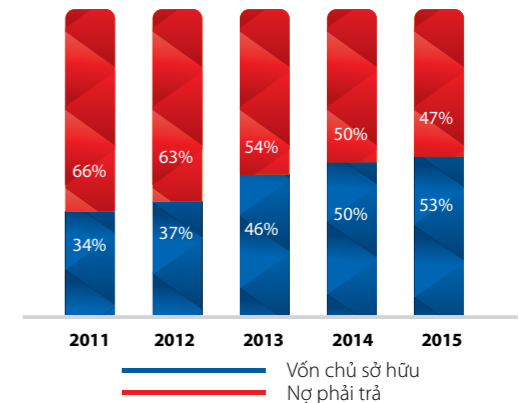


Nợ phải trả

Tổng Nợ phải trả của PV Drilling tính đến thời điểm 31/12/2015 là 11.612 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 47% trong tổng nguồn vốn, trong đó nợ vay (ngắn hạn và dài hạn) là 6.391 tỷ đồng chiếm 55% tổng nợ phải trả. Nợ vay năm 2015 của PV Drilling tăng 50% so với năm 2014 do liên doanh PVD Overseas đã thực hiện giải ngân khoản vay đầu tư cho giàn PV DRILLING VI 138,7 triệu đô la Mỹ từ Ngân hàng Vietcombank để thanh toán cho nhà thầu đóng giàn; bù trừ với việc giảm dư nợ các khoản vay đầu tư cho các giàn khoan sở hữu khác do PV Drilling đã thanh toán nợ gốc đúng hạn. Trong các năm qua, PV Drilling luôn theo dõi sát sao kế hoạch vay, giải ngân, hoàn trả nợ vay nhằm cải



năm 2014. Mặc dù thị trường dầu khí biến động trong năm 2015 và dự kiến sẽ còn kéo dài trong những năm tiếp theo nhưng với nguồn lực vững mạnh là các giàn khoan sở hữu ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, chất lượng luôn hoạt động an toàn với hiệu suất cao, đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ cao và nhiệt huyết trong công việc, PV Drilling vững tin sẽ vượt qua giai đoạn khó khăn này với phương châm luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu khắt khe của các khách hàng trong và ngoài nước.



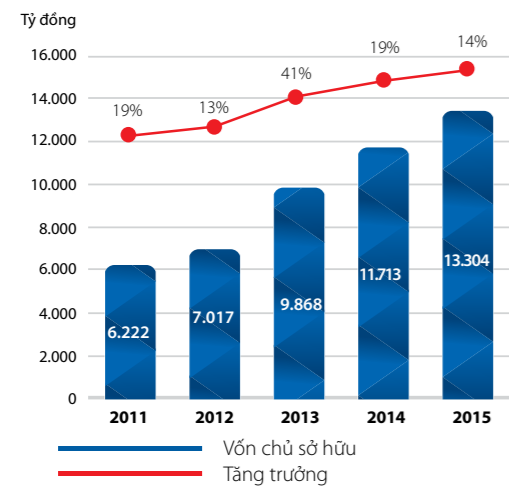
thiện chỉ số nợ vay để đáp ứng yêu cầu của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước. Tại thời điểm cuối năm 2015, chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu của PV Drilling đạt 0,48 lần. Khoản nợ phải trả người bán tại 31/12/2015 là 1.443 tỷ đồng, giảm 50% so với cuối năm 2014 chủ yếu do giảm phải trả cho các giàn khoan thuê và các hợp đồng khác tương ứng với việc giảm phải thu khách hàng do ảnh hưởng từ việc suy giảm giá dầu nên doanh thu thực hiện trong năm 2015 giảm so với năm 2014. Để tối ưu hóa việc quản lý nguồn vốn, PV Drilling luôn giám sát chặt chẽ các khoản công nợ với đối tác, đánh giá và phân tích khả năng thanh toán nợ để từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục kịp thời.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Nguồn vốn chủ sở hữu

Tại ngày 31/12/2015, nguồn vốn chủ sở hữu của PV Drilling đạt 13.304 tỷ đồng, tăng 1.591 tỷ đồng tương đương 14% so với cuối năm 2014 chủ yếu do đóng góp từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2015 và thực hiện việc chia cổ tức năm 2014. Cụ thể, vốn điều lệ của PV Drilling cuối năm 2015 đạt 3.485 tỷ đồng, tăng 15% do PV Drilling đã phát hành thêm 45.392.909 cổ phiếu để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2014 trong tháng 8/2015. Lợi nhuận chưa phân phối tăng 353 tỷ đồng so với cuối năm 2014 do tăng từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015 và bù trừ với việc giảm do chi trả 30% cổ tức năm 2014.

Đến cuối năm 2015 tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn PV Drilling là 53%, cho thấy sự vững mạnh về tài chính của PV Drilling. Điều này giúp cho Tổng Công ty kiểm soát được các rủi ro, đứng vững và vượt qua được những khó khăn trong giai đoạn diễn biến xấu của giá dầu và tiếp tục có những bước tiến vững chắc trong tương lai.



NĂM 2015, PV DRILLING ĐÃ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN QTRR, ERP GIAI ĐOẠN III, TỐI ƯU HÓA CHI PHÍ ĐỂ ỨNG PHÓ VỚI NHỮNG KHÓ KHĂN VỀ VIỆC SUY GIẢM GIÁ DẦU

Các giải pháp hoàn thành Kế hoạch 2015

Trong bối cảnh khó khăn chung của ngành, PV Drilling đã nỗ lực thúc đẩy HĐSXKD, đưa ra các giải pháp cắt giảm chi phí để ứng phó và duy trì hiệu quả hoạt động, cụ thể:

- Tập trung đưa ra các giải pháp cắt giảm chi phí quản lý và vận hành giàn khoan. Tăng cường công tác quản trị hàng tồn kho, hiệu chỉnh Min/Max, kiểm tra bảo trì và bảo dưỡng, đàm phán giảm giá đầu vào với nhà cung cấp;
- Bảo đảm công tác vận hành giàn khoan an toàn luôn được đặt lên hàng đầu. Các giàn khoan biển của PV Drilling đều đạt zero LTI;
- Tỷ lệ thay thế chuyên gia nước ngoài bằng người Việt Nam được nâng lên rõ rệt, các chức danh chính điều hành trên các giàn khoan đã dần thay thế bằng kỹ sư VN;
- Hoàn thành đóng mới giàn khoan PV DRILLING VI đúng tiến độ và đưa vào vận hành an toàn từ ngày 4/3/2015;
- Tích cực tiếp cận các thị trường trong khu vực như Malaysia, Indonesia, Brunei, Thailand..., làm việc với các khách hàng và đối tác để chuẩn bị cơ sở cần thiết triển khai dịch vụ khoan tại thị trường các nước này;
- Triển khai nhiều giải pháp nhân sự trong năm 2015 nhằm ứng phó với những khó khăn hiện nay và duy trì năng lực, sự gắn kết của người lao động bằng những giải pháp quản trị nhân sự linh hoạt và hiệu quả. Tập trung đào tạo các khóa bắt buộc và tăng cường đào tạo nội bộ;
- Triển khai mạnh mẽ dự án cắt giảm chi phí hành chính, tài chính trong toàn TCT;
- Tăng cường dự phòng ngoại tệ, để phòng rủi ro về tỷ giá;
- Triển khai dự án ERP giai đoạn III: xây dựng hệ thống kiểm soát ngân sách online và báo cáo quản trị thông minh;
- Triển khai hệ thống Quản trị rủi ro qua nhiều giai đoạn. Hiện tại, Dự án đã hoàn thành Khung QTRR theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế (ISO 31000:2009, COSO) và phù hợp mô hình tổ chức hoạt động. PV Drilling xây dựng khung QTRRDN tại PV Drilling và hoàn thiện danh mục rủi ro trọng yếu tại Công ty mẹ, Xí nghiệp Điều hành khoan, PVD Invest và PVD Deepwater trong năm 2015;
- Tăng cường nguồn lực dự phòng thông qua điều hành các chính sách tài chính, thuế, thực hiện dự phòng để tiếp tục tăng nguồn lực cho những năm sắp tới;
- Thúc đẩy thực hiện các dự án KHCN.



Tổng Giám đốc PV Drilling **Phạm Tiến Dũng** (thứ 4 từ trái sang) tham gia chia sẻ kinh nghiệm tại Diễn đàn kinh doanh "Vượt lên dẫn đầu" do Tạp chí Forbes Việt Nam tổ chức nhân sự kiện PV Drilling nhận giải **Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất 2015** của Forbes Việt Nam.

Kế hoạch kinh doanh 2016



Năm 2016 sẽ là năm nhiều khó khăn và thử thách nhất đối với Tổng Công ty PV Drilling trong việc duy trì hoạt động và hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao. Tình hình giá dầu bất ổn sẽ khiến cho các chương trình khoan của khách hàng bị trì hoãn, ảnh hưởng đến khả năng tìm và sắp xếp được công việc liên tục cho đội ngũ giàn khoan, đồng thời cũng làm suy giảm nhu cầu đối với các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan của PV Drilling.

Do số lượng giếng khoan tại thị trường Việt Nam giảm sút đáng kể, việc hợp tác với các đối tác của nước ngoài để cung cấp giàn khoan sẽ bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, PV Drilling vẫn dự trù phương án thị trường sớm khởi sắc và lên kế hoạch đưa các giàn đối tác vào cung cấp tại Việt Nam khi có nhu cầu.

Trước những khó khăn của thị trường dầu khí nói chung và kế hoạch khoan của các nhà thầu dầu khí tại Việt Nam, PV Drilling đã đề ra kế hoạch năm 2016 là cần phải tăng cường quản trị tài chính, áp dụng các biện pháp mạnh cắt giảm chi phí và tận dụng nguồn nhân lực tinh gọn để cung cấp dịch vụ một cách chất lượng nhất nhằm giữ vững hình ảnh PV Drilling bên cạnh việc duy trì vận hành an toàn và hiệu quả các giàn khoan sở hữu. Trong bối cảnh đó, kế hoạch kinh

doanh năm 2016 của PV Drilling sẽ sụt giảm nhiều so với năm 2015, trong đó bao gồm 2 phương án như sau:

Phương án 1: Giá dầu thô bình quân trên 60 USD/thùng

Với giả định giá dầu trong khoảng từ 55 - 60 USD/thùng, các nhà thầu dầu khí duy trì công tác tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và chờ giá dầu hồi phục. Khối lượng công việc và đơn giá dịch vụ khoan vẫn tiếp tục sụt giảm, nên PV Drilling đề ra mục tiêu doanh thu 7.500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 500 tỷ đồng.

Phương án 2: Giá dầu thô bình quân dưới 60 USD/thùng

Với mức giá dầu bình quân 30 - 55 USD/thùng, các nhà thầu dầu khí đang giảm, dừng và giãn tối đa hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác do doanh thu không bù đắp được chi phí. Theo đó, các nhà thầu nhiều khả năng không duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh nên các giàn khoan của PV Drilling sẽ không có cơ hội có việc làm. Do vậy, PV Drilling đề ra mục tiêu doanh thu dự kiến 5.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 100 tỷ đồng.

Năm 2016 được đánh giá là một năm rất khó khăn đối với ngành dầu khí. Đối diện thử thách, toàn thể CBCNV PV Drilling sẽ cùng sát cánh bên nhau, nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh, vượt qua giai đoạn khó khăn thử thách năm 2016 cùng với các giải pháp đề ra như sau:

Giải pháp năm 2016

VẬN HÀNH AN TOÀN, HIỆU QUẢ CÁC GIÀN KHOAN, ĐẢM BẢO CÔNG VIỆC CHO CÁC GIÀN KHOAN VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN KHOAN

Trong tình hình khó khăn, PV Drilling vẫn luôn đặt mục tiêu duy trì hiệu quả hoạt động các giàn khoan tự nâng trên 98% và giàn khoan nước sâu PV DRILLING V trên 95%, đảm bảo các chỉ số zero LTI cho các giàn khoan và NPT (Non Productive Time) cho các máy móc thiết bị.

Bên cạnh đó, PV Drilling nỗ lực đàm phán để gia hạn và tìm kiếm hợp đồng khoan mới cho các giàn khoan. PV Drilling đang tích cực đàm phán với Cửu Long JOC để tiếp tục gia hạn hợp đồng khoan trong thời gian tới cho giàn khoan PV DRILLING I. Các giàn khoan PV DRILLING II, PV DRILLING III & PV DRILLING VI cũng sẽ tiếp nối chương trình khoan của khách hàng vào cuối Q1/2016 và đang tích cực tham gia đấu thầu cho các chương trình tiềm năng của khách hàng như PVEP, Murphy Oil, Idemitsu, ENI, JVPC, Lam Sơn JOC, Hoàng Long - Hoàn Vũ JOC,... Dưới sự hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PV Drilling đang nỗ lực để được đảm nhận việc kết nối và khoan các giếng đã được phê duyệt theo kế hoạch trong năm 2016 và các năm tới. Ngoài ra,

nhằm giảm nhẹ đáng kể áp lực sắp xếp công việc cho đội ngũ giàn khoan tự nâng, PV Drilling cũng đang tích cực đấu thầu các giàn khoan cho các gói thầu tiềm năng ở thị trường Thái Lan, Myanmar, Malaysia và Brunei.

Đối với giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm PV DRILLING V, PV Drilling đang trong quá trình đàm phán với Biển Đông POC cho khả năng gia hạn hợp đồng hiện tại thêm 1 năm nhằm ổn định lịch trình vận hành của giàn PV DRILLING V đến giữa năm 2017.

Đối với giàn khoan đất liền PV DRILLING 11, nhờ thành công ở chương trình khoan cho GBRS khi cho dòng đầu thương mại vào tháng 12/2015, theo đó, trong năm 2016, giàn PV DRILLING 11 sẽ tiếp tục duy trì hoạt động theo hợp đồng với GBRS và có khả năng cung cấp cho Sonatrach và một số nhà thầu tiềm năng khác.

Đối với mảng thị trường dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, trong bối cảnh khối lượng công việc dự kiến sẽ đi xuống theo số lượng các giếng khoan, PV Drilling sẽ nỗ lực tìm kiếm các thị trường và khách hàng mới, đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới để duy trì hoạt động của các đơn vị. Cụ thể, PV Drilling đã hoàn tất

Kế hoạch kinh doanh 2016 (tiếp theo)

thủ tục và được cấp giấy chứng nhận thành lập chi nhánh tại Myanmar. Đồng thời, công tác đàm phán thành lập liên doanh với các đối tác cũng đang đi vào giai đoạn cuối để tiến hành việc xây dựng xưởng cung cấp dịch vụ sửa chữa kiểm định thiết bị dầu khí cho thị trường Myanmar. Ở thị trường Brunei, PV Drilling cũng đang xúc tiến tìm hiểu nhu cầu đối với dịch vụ cơ khí, kiểm định và sửa chữa cũng như nhu cầu giàn khoan thông qua các đối tác tại địa phương. Trong năm 2016, các công tác marketing cũng sẽ được đẩy mạnh ở các thị trường nói trên để hiện thực hóa mục tiêu đưa dịch vụ kỹ thuật của PV Drilling vươn ra tầm khu vực.

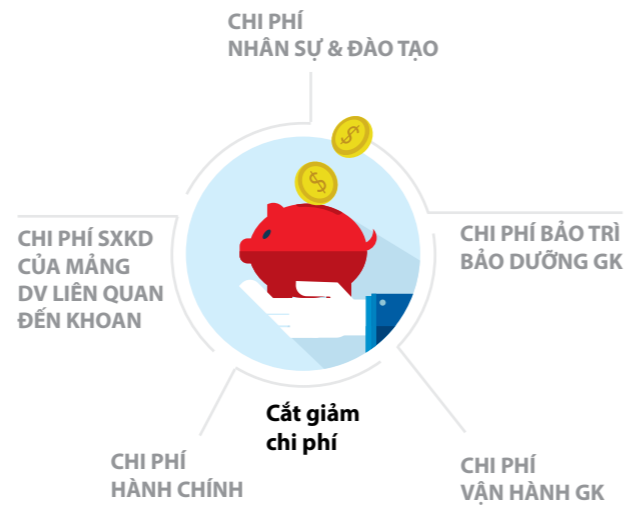
NHÂN SỰ TINH GỌN, CHẤT LƯỢNG VÀ CHUYÊN NGHIỆP

Để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt cho khách hàng, PV Drilling sẽ nâng cao năng lực nhân viên đáp ứng tiêu chí "chất lượng và chuyên nghiệp" trong quá trình cung cấp dịch vụ, đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng. Để thực hiện điều đó, PV Drilling sẽ thực hiện các mục tiêu sau:

- Đảm bảo năng lực theo yêu cầu của các tổ chức, hiệp hội như IADC, OPITO, ABS,... và của khách hàng cho đội ngũ nhân sự làm việc trực tiếp trong các dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan;
- Tăng cường công tác tự đào tạo nội bộ, chia sẻ kinh nghiệm cho các chương trình về kỹ năng mềm, kỹ năng nghiệp vụ;
- Đào tạo cho quản lý cấp cao các kỹ năng mới về quản trị, để đảm bảo khả năng vượt qua thách thức và thích ứng trong bối cảnh hội nhập sâu rộng của Việt Nam;
- Xây dựng hệ thống "Quản trị tri thức" để tối ưu hóa nguồn lực, tài sản trí tuệ (Intellectual property) của Công ty;
- Triển khai dự án ứng dụng công nghệ "Thực tế ảo" cho các nội dung đào tạo kỹ thuật và thực hành;
- Thực hiện các mục tiêu trên, PV Drilling tin tưởng rằng chất lượng và sự chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ của PV Drilling vẫn đảm bảo duy trì và phát triển dù nguồn lực sẽ hạn chế hơn trong năm 2016 đồng thời cũng sẵn sàng phát triển mạnh hơn khi thị trường dầu khí khởi phục.

CẮT GIẢM TỐI ĐA CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ cuối năm 2015, PV Drilling đã triển khai các dự án về chi phí trong toàn Tổng Công ty để tối đa hóa lợi nhuận năm 2015 và ứng phó với tình hình khó khăn của năm 2016. Trong năm 2015, PV Drilling đã thực hiện Dự án "Thực hiện các biện pháp tối ưu hóa chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh - Cost Optimization năm 2015", tiếp đến là Dự án "Thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh". PV Drilling đã đề ra các giải pháp cắt giảm chi phí một cách toàn diện trên **các khoản mục chi phí**:



Căn cứ vào từng khoản mục chi phí, PV Drilling đã đề ra các giải pháp cắt giảm như giảm lương, thưởng, và các chi phí đào tạo không cần thiết; xem xét và lập kế hoạch, tổ chức lại hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, định kỳ,...; đàm phán với các nhà cung cấp dịch vụ đầu vào để đạt được mức giá đầu vào thấp nhất; cắt giảm chi phí tiếp khách, quà tặng, hội nghị, hội họp; không mua mới trang thiết bị, công cụ dụng cụ,... và nhiều các giải pháp triệt để khác.



TIẾP TỤC HOÀN THÀNH CÁC DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

Dự án quản trị rủi ro

- Xây dựng Danh mục rủi ro hợp nhất cho khối vận hành khoan và Văn phòng TCT;
- Triển khai thí điểm Quy trình QTRRDN tại Công ty mẹ và PVD Deepwater.

Dự án điều chỉnh định mức tồn kho Min/Max, tối ưu hóa hàng tồn kho

- Xây dựng mức dung sai cho việc mua sắm và thiết lập mức vật tư lưu kho tối thiểu/tối đa phục vụ cho việc kiểm soát mua sắm và quản lý kho cho các giàn khoan.
- Triển khai xây dựng hệ thống kiểm soát ngân sách online và báo cáo quản trị thông minh
- Cập nhật lại quy trình PR, PO để kiểm soát chặt chẽ hơn việc mua hàng, số lượng mua và giá cả...



ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÀN KHOAN, NHÂN SỰ, CẮT GIẢM TỐI ĐA CHI PHÍ SXKD, NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ LÀ CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CỐT LÕI TRONG KẾ HOẠCH SXKD CỦA PV DRILLING NĂM 2016

TĂNG CƯỜNG SỬ DỤNG QUỸ KHCN VÀ PHÁT HUY SÁNG KIẾN

Trong các năm qua, Ban lãnh đạo Tổng Công ty luôn khuyến khích các sáng kiến ứng dụng trong SXKD dùng nguồn quỹ khoa học công nghệ để đầu tư, đặc biệt trong năm 2016 khi tình hình SXKD khó khăn, PV Drilling càng thúc đẩy mạnh mẽ các dự án đầu tư dùng quỹ khoa học công nghệ, tận dụng cơ hội kinh doanh trên thị trường khi thị trường khởi sắc.

Các đơn vị thành viên

| | Địa chỉ | Lĩnh vực SXKD | Vốn ĐL | Tỷ lệ sở hữu |
|----------------------------------|--|---|-----------------------|--------------|
| XÍ NGHIỆP ĐIỀU HÀNH KHOAN | Lầu 3, 111A Pasteur, Q.1, TP. HCM | Quản lý vận hành đội ngũ giàn khoan sở hữu (PV DRILLING I, II, III & 11) và các GK thuê ngoài | - | - |
| PVD INVEST | Tầng 22, Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Q.1, TP. HCM | Cung cấp chuyên gia trình độ cao và các dịch vụ kỹ thuật thiết bị đầu khí | - | - |
| PVD OFFSHORE | 43A, Đường 30/4, P. 9, TP. Vũng Tàu | Kiểm định, bảo dưỡng, chế tạo thiết bị khoan, cung ứng nhân lực khoan, ứng cứu sự cố tràn dầu | 130 tỷ VND | 100% |
| PVD LOGGING | Lầu 10, 111A Pasteur, Q.1, TP. HCM | Thử vỉa, đo địa vật lý giếng khoan, bắn vỉa, đo trong khi khoan, đo karota khí | 80 tỷ VND | 100% |
| PVD WELL SERVICES | Lầu 12A, Vincom Center, Số 47 Lý Tự Trọng, Q.1, TP. HCM | Cho thuê thiết bị khoan, kéo thả ống chống, cứu kẹt sự cố giếng khoan, khoan định hướng và đo trong khi khoan | 80 tỷ VND | 100% |
| PVD TECH | Lầu 8, Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Q.1, TP. HCM | Mua bán vật tư, thiết bị đầu khí; thiết kế, chế tạo, lắp đặt van, đường ống đầu khí; cho thuê đầu giếng | 200 tỷ VND | 97% |
| PVD DEEPWATER | Lầu 5, 111A Pasteur, Q.1, TP. HCM | Cung ứng giàn khoan biển nước sâu, các dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên | 764 tỷ VND | 100% |
| PVD TRAINING | Đường số 1, KCN Đông Xuyên, P. Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu | Đào tạo, giới thiệu và cung ứng nhân lực ngành dầu khí trong và ngoài nước | 28,9 tỷ VND | 51,8% |
| PV DRILLING BAKER HUGHES | Lầu 10, 111A Pasteur, Q.1, TP. HCM | Khoan định hướng và khảo sát, đo trong khi khoan, đo địa vật lý giếng khoan, Choòng khoan... | 20 triệu USD | 51% |
| BJ - PVD | Căn cứ cảng PTSC, 65A đường 30/4, TP. Vũng Tàu | Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật đầu khí như bơm trám xi măng, kích thích vỉa, ống mềm, bơm Nitơ... | 5 triệu USD | 49% |
| PVD EXPRO | 65A Đường 30-4, P. Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu | Cung cấp các dịch vụ mang tính kỹ thuật cao cho ngành công nghiệp dầu khí trong và ngoài nước | 6,3 triệu USD | 51% |
| PVD TUBULARS MANAGEMENT | KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Cung cấp trọn gói dịch vụ quản lý ống chống | 3,5 triệu USD | 51% |
| VIETUBES | Đường số 11, KCN Đông Xuyên, P. Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu | Ren, gia công, sửa chữa, phục hồi các loại ống chống, cần khoan, ống khai thác, ống dẫn... ngành dầu khí | 3,7 triệu USD | 51% |
| PVD OSI | Đường số 11, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Sản xuất, chế tạo, ren, tiện, sửa chữa, bảo dưỡng các loại đầu nối ống trong hoạt động khoan dầu khí | 5 triệu USD | 51% |
| PV DRILLING OVERSEAS | Số 9 Temasek Boulevard # 31-00 Suntec Tower 2, Singapore | Đầu tư, khai thác, vận hành giàn khoan tự năng PV DRILLING VI | 66,7 triệu USD | 80% |

Xí nghiệp Điều hành Khoan (DD)



NGUYỄN XUÂN CƯỜNG
Giám đốc PV Drilling Division

Thành lập vào năm 2007, với đội ngũ nhân lực khoan năng động, nhiệt huyết, không ngừng sáng tạo và nhiều năm kinh nghiệm, đến nay Xí nghiệp Điều hành Khoan (DD) tự tin đủ năng lực quản lý điều hành các giàn khoan hiện đại bậc nhất trên thế giới. DD luôn bảo đảm với khách hàng về mức độ an toàn và hiệu suất vận hành giàn khoan cao, tối đa chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa chi phí cho khách hàng.

Năm 2015 đã đánh dấu một năm đầy thử thách và quyết tâm của Xí nghiệp trong bối cảnh suy giảm của thị trường dầu khí nói chung. Dù có nhiều sự biến động trên thị trường khoan, DD vẫn hoàn thành nhiệm vụ chính là bảo đảm các giàn khoan vận hành an toàn, hiệu quả, hiệu suất hoạt động trên 98%. Đáng chú ý là việc đưa giàn khoan PV Drilling VI vào vận hành an toàn, hiệu quả đúng như kế hoạch đã đặt. Kết quả SXKD, dịch vụ khoan đã mang về cho Công ty mẹ 7.412 tỷ đồng doanh thu và 1.148 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tương ứng giảm 10% so với kế hoạch.

Trong năm 2015, DD đã tiếp tục xây dựng chương trình Đào tạo trực tuyến như một phần không thể thiếu trong hệ thống phát triển nguồn nhân lực tổng thể. Chương trình kỳ vọng sẽ đào tạo và phát triển nhân sự có tính đồng bộ cao, giảm thiểu chi phí, đóng góp tích cực cho việc thực hiện chiến lược mở rộng và phát triển PV Drilling ra khu vực.

Cùng với định hướng chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty, DD tiếp tục đầu tư mạnh mẽ nguồn lực của mình vào việc phát triển và hoàn thiện Hệ thống quản lý, vươn đến các chuẩn mực quốc tế, cụ thể như:

- Hoàn thành việc thiết lập định mức tồn kho Min/Max và đưa vào sử dụng trong hệ thống Maximo để gia tăng hiệu quả sử dụng hàng tồn kho;
- Xem xét các quy trình mua sắm thiết bị vật tư, chuẩn bị xây dựng phân hệ lập và kiểm soát ngân sách vật tư, thiết bị, phụ tùng trên hệ thống Maximo cũng như sắp xếp lại cơ cấu tổ chức nhằm tối ưu hóa hiệu quả trong công tác quản trị.

Đánh giá cao tầm quan trọng của sự phát triển bền vững trong một môi trường toàn cầu phức tạp và thay đổi không ngừng, việc tập trung vào phát triển con người sẽ tiếp tục là ưu tiên của DD trong những năm tới. Với phương châm hoạt động luôn gắn liền với phát triển con người, việc phát triển nhân sự người Việt Nam để đảm nhiệm các vị trí chủ chốt trên giàn khoan đã đánh dấu một bước tiến mới trong kế hoạch phát triển nhân lực lâu dài và giảm thiểu chi phí hoạt động một cách đáng kể, đồng thời là hướng đi chủ đạo của DD trong tương lai.



NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA XÍ NGHIỆP ĐIỀU HÀNH KHOAN LÀ ĐẢM BẢO CÁC GIÀN KHOAN HOẠT ĐỘNG AN TOÀN, HIỆU QUẢ VÀ HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG CAO

PVD Offshore



TRẦN THANH TÂN
Giám đốc PVD Offshore

Được thành lập từ năm 2007, PVD Offshore thực hiện cung cấp 3 mảng dịch vụ chính: Dịch vụ Cung ứng Nhân lực Khoan; Dịch vụ Kiểm định - Sửa chữa - Bảo dưỡng - Chế tạo các thiết bị khoan dầu khí; Dịch vụ Ứng cứu Sự cố Tràn dầu.

Năm 2015 vừa qua là năm mà PVD Offshore đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, ảnh hưởng trực tiếp đến các mảng dịch vụ chính của Công ty, đặc biệt là những tháng cuối năm. Tuy nhiên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn đạt được những kết quả đáng khích lệ, trong đó doanh thu đạt 929 tỷ đồng (vượt 12% so với kế hoạch) và lợi nhuận trước thuế đạt 209 tỷ đồng (vượt 9% so với kế hoạch).

Về mảng dịch vụ cung ứng nhân lực khoan, PVD Offshore đã cung ứng kịp thời và hiệu quả nguồn nhân lực cho trên 12 - 13 giàn hoạt động cùng một thời điểm trong và ngoài nước. Đến cuối năm, do ảnh hưởng của giá dầu thế giới, số lượng giàn cung cấp nhân công khoan chỉ còn khoảng 5 giàn. Bên cạnh đó, PVD Offshore hiện đang tiếp tục tìm kiếm cơ hội để có thể mở rộng phạm vi cung ứng ra các nước trong khu vực trong thời gian tới.

Về mảng dịch vụ kiểm định, sửa chữa, bảo dưỡng và chế tạo các thiết bị khoan dầu khí, PVD Offshore đã thành công trong việc khẳng định được chất lượng dịch vụ và được khách hàng tin tưởng sử dụng thêm một số dịch vụ mới.

Về dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu, căn cứ của Công ty đã phát huy được thế mạnh trong việc cung cấp dịch vụ trên biển, trên sông và là nòng cốt của Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu Khu vực miền Nam (NASOS).

Năm 2016 được đánh giá là một năm rất khó khăn và nhiều thách thức không chỉ đối với Đơn vị mà đối với cả các công ty cùng ngành. Tuy nhiên, với nền tảng chất lượng của nguồn nhân lực và vật lực sẵn có, PVD Offshore quyết tâm nỗ lực vượt qua những thách thức, khó khăn để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm.



TRẢI QUA GẦN 9 NĂM PHÁT TRIỂN, PVD OFFSHORE ĐÃ ĐƯỢC KHÁCH HÀNG TIN TƯỞNG VÀ ĐÁNH GIÁ CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ. VỚI NỀN TẢNG CHẤT LƯỢNG SẴN CÓ, PVD OFFSHORE TIN TƯỞNG SẼ VƯỢT QUA THỬ THÁCH, HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH ĐƯỢC GIAO.

PVD Logging



LƯƠNG VĂN CƯỜNG
Giám đốc PVD Logging

Là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao trong hoạt động khoan thăm dò và khai thác dầu khí, thế mạnh của Công ty là đo Karota khí (Mud Logging), kéo thả thiết bị và đo Karota khai thác (Slickline and Cased Hole Logging/ Production Logging), thử vỉa (Well Testing) và cung cấp chuyên gia địa chất (Provision of Geological Consultants).

Năm 2015, trong tình hình khó khăn chung của ngành công nghiệp dầu khí, PVD Logging tập trung vào những giải pháp nâng cao nội lực và vượt qua năm đầy thách thức:

- *Nâng cao hệ thống kiểm soát chất lượng các dịch vụ cung cấp cho khách hàng:* trong số 400 bảng tham khảo ý kiến khách hàng về chất lượng các dịch vụ, PVD Logging được đánh giá trên 98% dịch vụ đạt mức tốt hoặc xuất sắc;
- *Tập trung các dự án nghiên cứu cải tiến khoa học kỹ thuật:* Dự án Xây dựng hệ thống thu nhận và xử lý dữ liệu của dịch vụ đo Karota khí đã gần hoàn thành giai đoạn phát triển trong phòng thí nghiệm, dự kiến triển khai thử nghiệm trên giàn khoan trong năm 2016. Dự án Phát triển hệ thống quản lý bảo dưỡng định kỳ đã áp dụng hoàn thiện ở mảng dịch vụ đo Karota khí, đang được triển khai đến các mảng dịch vụ khác ở cấp độ toàn Công ty,...
- *Rà soát và tiết giảm hợp lý các chi phí sản xuất kinh doanh:* Áp dụng hệ thống quản lý tối ưu vật tư và thiết bị dự phòng để tiết giảm chi phí mua sắm và tồn kho; tăng cường đào tạo nội bộ tại Công ty và hướng dẫn một kèm một trên giàn khoan để tối ưu chi phí đào tạo và tăng cường chất lượng dịch vụ; hợp lý hóa việc sử dụng cầu kéo, phân loại và xử lý rác thải ở căn cứ Vũng Tàu,...



VỚI VỊ THẾ LÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHẤT LƯỢNG CAO, PVD LOGGING SẼ TÍCH CỰC TÌM KIẾM NHỮNG CƠ HỘI MỚI, NHỮNG LỢI THẾ CẠNH TRANH MỚI THÔNG QUA VIỆC HỢP TÁC VỚI CÁC ĐỐI TÁC UY TÍN TRÊN THẾ GIỚI

Với sự nỗ lực của toàn thể CBCNV, trong tình hình tiết giảm chi phí tối đa để tối ưu hóa phần lợi nhuận, PVD Logging đã đạt doanh thu 1.196 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 246 tỷ đồng, vượt 14% kế hoạch năm 2015.

Năm 2016, PVD Logging sẽ tiếp tục duy trì các biện pháp tiết giảm chi phí, tập trung năng lực nội tại, tăng cường công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, bám sát diễn biến thị trường, tìm kiếm những cơ hội, những lợi thế cạnh tranh mới thông qua liên doanh liên kết với các công ty đa quốc gia, chuẩn bị nguồn lực đủ khả năng đột phá thị trường khi tình hình vĩ mô ngành dầu khí hồi phục trong tương lai.

PVD Well Services



NGUYỄN VIỆT BỐT
Giám đốc PVD Well Services

Thành lập năm 2007, đến nay PVD Well Services được đánh giá là một trong những Công ty hàng đầu trong ngành, chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, cho thuê thiết bị khoan, kéo thả ống chống, cứu kẹt sự cố giếng khoan, treo đầu ống chống lừng...

Năm 2015, PVD Well Services (PVDWS) đối diện nhiều khó khăn trong bối cảnh sụt giảm của thị trường. Một số chương trình khoan của khách hàng dừng hoặc giãn tiến độ đã khiến khối lượng công việc của PVDWS giảm 15% - 30%, đồng thời đơn giá dịch vụ cũng giảm 5% - 10%. Kết quả kinh doanh 2015, PVDWS đạt doanh thu 886 tỷ đồng và lợi nhuận 119 tỷ đồng, tương ứng giảm 8% và 36% so với kế hoạch.

Mặc dù là một năm khó khăn, PVDWS vẫn nỗ lực cung cấp thành công dịch vụ kéo thả ống chống công nghệ cao CRTi, đồng thời đấu thầu thành công hợp đồng cung cấp dịch vụ kéo thả ống chống cho Vietgazprom.

Năm 2016 là năm đối diện với nhiều khó khăn thách thức hơn, PVDWS ưu tiên tập trung dự án cắt giảm chi phí nhằm bảo đảm hiệu quả kinh doanh trong tình hình đơn giá dịch vụ xuống thấp. Trong đó, PVDWS tập trung vào các giải pháp tối ưu hóa nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nội bộ thay vì thuê ngoài, đàm phán lại giá với các nhà cung cấp và tối ưu hóa các công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hiệu suất sử dụng các phương tiện làm việc.



Tại PVDWS, công nghệ MPD (Managed Pressure Drilling - khoan và kiểm soát áp suất trong khi khoan) đã được triển khai thành công cho rất nhiều giếng khoan áp suất cao nhiệt độ cao hoặc mất dung dịch toàn phần như:

- Phát hiện sớm khí thâm nhập cho các giếng Mộc Tinh, Hải Thạch của khách hàng Biển Đông POC.
- Ổn định áp suất đáy giếng cho các giếng Sư Tử Trắng, Sư Tử Vàng, Sư Tử Nâu của khách hàng Cửu Long.
- Khoan qua các địa tầng mất dung dịch toàn phần áp dụng cho các giếng CD-1X (Premier Oil), HRN-1X (PVEP), HK-1X (Santos) và hiện đang sử dụng cho giếng DM-5P (Petronas).

Việc nghiên cứu phát triển công nghệ MPD đã mang lại nhiều lợi ích cho các công ty dầu khí như tiết kiệm chi phí khoan, thi công giếng khoan an toàn,... hứa hẹn đây sẽ là công nghệ mới nhằm tối ưu hóa chi phí cho các giếng khoan có mực nước biển sâu cho đến rất sâu.

PVD Deepwater



TRỊNH VĂN LÂM
Giám đốc PVD Deepwater

PVD Deepwater được thành lập vào tháng 7/2010 với sứ mệnh cung cấp dịch vụ khoan dầu khí nước sâu tại vùng biển Việt Nam và khu vực thông qua việc cung cấp và vận hành giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm PV DRILLING V (TAD), hiện thực hóa chiến lược phát triển "khoan sâu hơn - vươn xa hơn" của Tổng Công ty.

Năm 2015, tình hình giá dầu thô trên thế giới diễn biến bất lợi ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của toàn ngành công nghiệp dầu khí. Nhằm chia sẻ khó khăn của khách hàng thông qua việc giảm giá cho thuê giàn, Công ty cũng đã thực hiện chính sách cắt giảm chi phí trên mọi mặt hoạt động như điều hành khoan, bảo dưỡng, thương mại, nhân sự, hành chính với nguyên tắc là không làm ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động giàn, an toàn và chất lượng dịch vụ. Công ty đã tiến hành rà soát lại cơ cấu chi phí và sự đóng góp của từng loại đến chất lượng và hiệu suất hoạt động giàn, tăng cường các biện pháp kiểm soát rủi ro, đàm phán với các nhà cung cấp và áp dụng các giải pháp thay thế phù hợp để thực hiện việc cắt giảm chi phí.

Bên cạnh ảnh hưởng giá cho thuê giàn giảm, năm 2015 còn là năm PVD Deepwater gặp nhiều khó khăn trong vận hành. Cơ bão Melor tiến vào biển Đông với sức gió tại khu vực giàn khoan lên tới cấp 11 và sóng biển có lúc cao trên 12m đã khiến giàn phải tạm dừng hoạt động một thời gian. Điều này làm phát sinh chi phí, cũng như ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động giàn, dẫn đến ảnh hưởng kép đến chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận. Tuy nhiên, Công ty cũng đã nỗ lực để đạt hiệu suất hoạt động giàn khoan (operating efficiency) là 93% và hiệu suất tài chính (financial efficiency) là 96%. Kết quả kinh doanh, PVD Deepwater đạt 1.538 tỷ đồng doanh thu và 188 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, giảm 8% so với kế hoạch.

Đến cuối năm 2015, giàn khoan PV DRILLING V đã đánh dấu cột mốc năm thứ 05 liên tiếp đạt chỉ số Zero Environment Impact - không ảnh hưởng, tác động xấu tới môi trường, và 03 năm liên tiếp Zero LTI - không có tai nạn làm mất thời gian làm việc. Đây là những chỉ số tiêu biểu được Hiệp hội các nhà thầu khoan thế giới (IADC) dùng để đánh giá các nhà thầu khoan. Với thành tích đạt được như trên, PVD Deepwater đã gia tăng sự tin cậy của khách hàng, tạo thêm lợi thế cho việc đánh giá của các khách hàng tiềm năng đối với các gói thầu cung cấp giàn khoan mà Công ty đã, đang và sẽ tham gia.



5 NĂM LIÊN TIẾP ĐẠT CHỈ SỐ ZERO ENVIRONMENT IMPACT



TRINH VŨ ANH
Giám đốc PVD Invest

Sau 6 năm thành lập và phát triển với khởi điểm cung cấp các dịch vụ đơn giản, vốn đầu tư không cao, PVD Invest đang dần khẳng định vị trí ngày càng vững chắc của mình trong hoạt động cung cấp các dịch vụ kỹ thuật phục vụ các chiến dịch khoan tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí tại Việt nam và khu vực.

Năm 2015 là một năm khó khăn của ngành dầu khí, đặc biệt đối với các dịch vụ khoan, PVD Invest đã nỗ lực giữ vững thị phần để duy trì dịch vụ và đào tạo đội ngũ kỹ thuật. Ngoài các dịch vụ cốt lõi như Professional Manpower, Mud Cooling system, H2S Safety system, trong năm 2015 PVD Invest từng bước củng cố các dịch vụ Habitat Safety, GTS - Valves management & Technical services, QAQC for Drilling String, Emergency Well Control & Side Scan Sonar, mang lại doanh thu 1.136 tỷ đồng.

Song song với việc phát triển các dịch vụ chủ yếu của mình, khách hàng luôn là mối quan tâm hàng đầu của PVD Invest. Với sự nỗ lực hết mình, PVD Invest đã có được uy tín khi làm việc đối với các công ty dầu khí lớn tại Việt Nam như: PVEP, PVEPOC, Mitra Energy, Idemitsu, VietGazprom, Cuu Long JOC, Petronas Carigali, Premier Oil,... các khách hàng đã và đang xem PVD Invest như một đối tác tin cậy trong quá trình triển khai các chiến dịch khoan tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí. Đây cũng là động lực để PVD Invest vượt qua giai đoạn rất khó khăn hiện nay do giá dầu giảm mạnh.

TRONG MỘT NĂM ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI NGÀNH DẦU KHÍ, PVD INVEST TỪNG BƯỚC Củng cố các dịch vụ HABITAT SAFETY, GTS - VALVES MANAGEMENT & TECHNICAL SERVICES, QAQC FOR DRILLING STRING, EMERGENCY WELL CONTROL & SIDE SCAN SONAR, MANG LẠI DOANH THU 1.136 TỶ ĐỒNG



ĐẶNG XUÂN MẠNH
Giám đốc PVD Tech

Thành lập năm 2006, PVD Tech hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực thiết kế chế tạo các cụm thiết bị, cho thuê thiết bị đầu giếng và mudline, dịch vụ trọn gói cung cấp ống chống (TTM) và dịch vụ thương mại dầu khí.

Năm 2015, PVD Tech vẫn tiếp tục đạt được những thành công đáng ghi nhận với một năm hoạt động an toàn, hiệu quả. Các chỉ tiêu về SXKD đều tăng trưởng, cụ thể doanh thu đạt 1.194 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 78 tỷ đồng, tăng 40% so với kế hoạch.

Để đạt được sự thành công này, PVD Tech đã không ngừng cải tiến các phương pháp quản lý và vận hành phù hợp, giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất, áp dụng các biện pháp kỹ thuật, phân phối nhân lực hợp lý để nâng cao năng suất sản xuất, tiếp tục phát triển đào tạo đội ngũ nhân viên, nâng cao hiệu suất làm việc nhằm tối đa hóa lợi nhuận không chỉ cho năm 2015 mà còn là cơ sở tích lũy cho các năm tiếp theo.

Năm 2016 được đánh giá là một năm nhiều khó khăn, thách thức, PVD Tech sẽ tập trung phát triển vào các dịch vụ là thế mạnh của Công ty gồm Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan dầu khí, dịch vụ cơ khí - chế tạo và dịch vụ thương mại dầu khí với mục tiêu chuyên môn hóa cao nhằm nâng cao sức cạnh tranh và chất lượng dịch vụ. Với những định hướng đó, PVD Tech tin tưởng sẽ vượt qua mọi thử thách, phát triển bền vững phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Tổng Công ty PV Drilling.

PVD TECH ĐÃ KHÔNG NGỪNG CẢI TIẾN CÁC PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ, GIẢM THIỂU TỐI ĐA CHI PHÍ SẢN XUẤT, ... NÂNG CAO HIỆU SUẤT LÀM VIỆC NHẪM TỐI ĐA HÓA LỢI NHUẬN KHÔNG CHỈ CHO NĂM 2015 MÀ CÒN LÀ CƠ SỞ TÍCH LŨY CHO CÁC NĂM TIẾP THEO



PVD Training



BÙI THANH VÂN
Giám đốc PVD Training

Thành lập năm 2007, đến nay PVD Training phát triển ba lĩnh vực hoạt động dịch vụ cốt lõi gồm: đào tạo và cấp chứng chỉ; dịch vụ kỹ thuật hàng hải và dịch vụ cung ứng nhân lực cho các dự án và các hoạt động đặc thù riêng. Trong những năm qua, PVD Training đã trở thành một trong những đơn vị đào tạo hàng đầu tại Việt Nam cung cấp các chương trình đào tạo thực nghiệm và cấp chứng chỉ có giá trị sử dụng trong ngành dầu khí quốc tế bao gồm cả lĩnh vực đào tạo an toàn và kỹ thuật dầu khí.

Năm 2015, trong tình hình khó khăn, PVD Training đã nỗ lực tìm kiếm thị trường, mở rộng dịch vụ với phương pháp làm việc chuyên nghiệp, dịch vụ cầu thị cao, nên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Tổng Công ty và ĐHĐCĐ giao, trong đó doanh thu đạt 273 tỷ đồng, tăng trưởng trên 10% so với kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 14 tỷ đồng.

Năm 2015 cũng là năm PVD Training phát triển thêm nhiều phương pháp đào tạo thực nghiệm mới khác nhau như là đào tạo mô phỏng trực tuyến (E-Learning Simulation) từ cấp thấp đến cấp cao, cấp quản lý với hơn 500 khóa học bao gồm các lĩnh vực về an toàn, kỹ thuật dầu khí, cơ khí, điện, tự động hóa, thủy lực. Đây là mô hình đào tạo mới tại Việt Nam và theo xu hướng của thế giới hiện nay đảm bảo hiệu quả chất lượng đào tạo và tiết kiệm chi phí, thời gian của người học. Theo số liệu phân tích, phương pháp học mô phỏng thực hành trực tuyến tiết kiệm chi phí từ 50% đến 70% so với chi phí đào tạo theo mô hình truyền thống hiện nay.

Năm 2016, đối mặt với thử thách, PVD Training sẽ nỗ lực trong việc nghiên cứu, kết hợp các giải pháp đào tạo mới một cách hiệu quả để giúp các doanh nghiệp tiếp tục duy trì nguồn nhân lực có chất lượng nhưng chi phí đào tạo thấp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, cùng nhau vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay, vì mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

BÊN CẠNH THỰC HIỆN CẮT GIẢM TỐI ĐA CHI PHÍ, PVD TRAINING NỖ LỰC MANG ĐẾN NHỮNG GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO HIỆU QUẢ VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ THẤP NHẤT VỀ CHI PHÍ ĐỂ CÓ THỂ CÙNG CÁC DOANH NGHIỆP DẦU KHÍ CÓ THỂ THÍCH NGHI VỚI TÌNH HÌNH HIỆN NAY



PVD Tubulars Management



BÙI TRUNG KIÊN
Giám đốc PVD Tubulars Management

Được thành lập năm 2008, PVD Tubulars Management chuyên cung cấp các sản phẩm cần khoan, ống chống, ống khai thác và cung cấp dịch vụ quản lý ống chống trọn gói cho tất cả các công ty dầu khí đang hoạt động thăm dò, khai thác trong bờ, ngoài khơi và cả những vùng nước sâu tại Việt Nam.

Năm 2015, PVD Tubulars Management đã có nhiều nỗ lực trong việc bảo đảm chất lượng dịch vụ để cung cấp cho các khách hàng có yêu cầu cao như Vietsovpetro, Vietgazprom và Rosneft; cũng như cung cấp ống chống đẩy cho tất cả các công ty dầu khí hoạt động tại VN. Kết quả kinh doanh của PVD Tubulars Management trong năm có sự sụt giảm so với năm trước với doanh thu đạt 1.136 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 10 tỷ đồng do chịu ảnh hưởng chung của thị trường. Mặc dù vậy, so với kế hoạch doanh thu PVD Tubulars Management đã vượt mức trên 25% nhờ nhiều cố gắng trong quản lý vận hành và cung ứng dịch vụ.

Bước vào năm 2016 nhiều thử thách, với giá dầu vẫn đang biến động và dưới mức 40 USD/thùng khiến nhiều nhà thầu dầu khí gặp khó khăn, PVD Tubulars Management tập trung vào các giải pháp cắt giảm chi phí toàn diện, bao gồm các giải pháp về nhân sự, hành chính, thương mại và vận hành nhằm duy trì lợi nhuận và bảo đảm hiệu quả kinh doanh trong tương lai.

SO VỚI KẾ HOẠCH, DOANH THU PVD TUBULARS MANAGEMENT ĐÃ VƯỢT MỨC TRÊN 25% NHỜ NHIỀU CỐ GẮNG TRONG QUẢN LÝ VẬN HÀNH VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ



PV Drilling Overseas



ĐINH QUANG NHỰT
Giám đốc PV Drilling Overseas

Công ty PV Drilling Overseas là liên doanh do Tổng Công ty PV Drilling sở hữu 80% vốn, được thành lập tại Singapore vào ngày 04/04/2013 với nhiệm vụ đầu tư, khai thác và vận hành các giàn khoan biển thế hệ mới, hướng đến các thị trường tiềm năng trong khu vực và thế giới.

Tháng 3/2015, PV Drilling Overseas đánh dấu một cột mốc quan trọng trên con đường phát triển khi hoàn tất Dự án Đóng giàn và tổ chức lễ đặt tên cho giàn khoan biển tự nâng PV DRILLING VI trước khi đưa giàn về Việt Nam cung cấp dịch vụ cho PVEP POC. Trong quá trình thực hiện dự án, PV Drilling đã chủ động lập bộ phận giám sát kỹ thuật làm việc chặt chẽ cùng Keppel Fels. Vì vậy, PV Drilling đã không mất thời gian hiệu chỉnh kỹ thuật, tiết kiệm chi phí và đưa giàn vào hoạt động ổn định. Kết quả SXKD, PVD Overseas đạt 633 tỷ đồng doanh thu, tương ứng tăng 6% so với kế hoạch.

Giàn khoan tự nâng PV DRILLING VI được đóng theo mẫu thiết kế tiêu chuẩn của Công ty Keppel Fels cho thế hệ mới nhất của giàn tự nâng - KFELS Class B 2013, có thể hoạt động tại các khu vực biển với độ sâu đáy biển lớn nhất là 121,92 m. Giàn có khả năng thi công giếng khoan có độ sâu đến 30.000 ft (tương đương 9.144m chiều sâu khoan) và cùng lúc có thể có đến 150 người cùng tham gia làm việc trực tiếp trên giàn.

PVD Overseas đặt ra định hướng chiến lược dài hạn là trở thành một nhà thầu khoan quốc tế có uy tín, cung cấp những giàn khoan biển hiện đại và dịch vụ khoan với chất lượng tốt nhất. Dựa trên nền tảng vững chắc về công nghệ, hệ thống quản lý, sự hỗ trợ tối đa từ Tổng Công ty, PVD Overseas có những tiền đề vững chắc để phát triển mạnh mẽ trong tương lai khi thị trường dầu khí thế giới hồi phục.



GIÀN KHOAN TỰ NÂNG PV DRILLING VI ĐƯỢC ĐÓNG THEO MẪU THIẾT KẾ TIÊU CHUẨN KFELS CLASS B 2013 CHO THẾ HỆ MỚI NHẤT CỦA GIÀN TỰ NÂNG, CÓ SỨC CHỨA 150 NGƯỜI, KHOAN Ở ĐỘ SÂU ĐẾN 30.000 FT VÀ HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC KHU VỰC BIỂN VỚI ĐỘ SÂU ĐÁY BIỂN TỐI ĐA 121,92 M.

PV Drilling - Baker Hughes



VŨ VĂN MINH
Phó Giám đốc PVD Baker Hughes

Được thành lập vào năm 2011, PVD-Baker Hughes là Công ty Liên doanh giữa PV Drilling và Công ty Baker Hughes Nederland Holdings B.V trong đó PV Drilling đóng góp 51% vốn góp. Hiện nay, PVD - Baker Hughes là công ty dịch vụ kỹ thuật dầu khí hàng đầu tại Việt Nam chuyên cung cấp các dịch vụ khoan định hướng và đo trong khi khoan, chèo khoan, đo địa vật lý giếng khoan, cung cấp đầu treo ống lửng,...

Trong suốt những năm vừa qua, liên doanh PVD - Baker Hughes luôn nỗ lực không ngừng trong việc chuyển giao công nghệ cùng với chú trọng đầu tư cho con người, cơ sở vật chất và trang thiết bị nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Hiện nay, PVD - Baker Hughes đã vươn lên trở thành nhà thầu dịch vụ dầu khí có nguồn nhân lực kỹ thuật hàng đầu tại Việt Nam.

Giá dầu biến động trong năm 2015 đã làm giảm mạnh số lượng giàn khoan hoạt động, qua đó ảnh hưởng đến khối lượng công việc của hầu hết các dịch vụ do PVD - Baker Hughes cung cấp. Bên cạnh đó, đơn giá các dịch vụ cũng được điều chỉnh giảm 10 - 20% so với cùng kỳ năm ngoái nhằm chia sẻ những khó khăn hiện tại cùng với khách hàng. Trong bối cảnh khó khăn chung, PVD - Baker Hughes còn đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn từ các nhà cung cấp dịch vụ quốc tế lớn như Haliburton, Schlumberger,... do tình trạng dư thừa thiết bị và nguồn lực. Điều này dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của PVD - Baker Hughes trong 2015 giảm lần lượt 4% và 50% so với kế hoạch, trong đó doanh thu đạt 2.046 tỷ đồng và LNTT đạt 163 tỷ đồng.

Năm 2016 được dự đoán sẽ là năm khó khăn hơn, bên cạnh việc tiếp tục đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng và thực hiện công tác an toàn môi trường trên các công trình cung cấp dịch vụ dầu khí cũng như chủ động nắm bắt thông tin và tích cực tìm kiếm khách hàng, PVD - Baker Hughes sẽ tiếp tục chú trọng thực hiện các giải pháp cắt giảm chi phí toàn diện nhằm duy trì hoạt động kinh doanh trong giai đoạn này, trong đó tập trung tối đa hóa việc sử dụng các thiết bị, nâng cao khả năng tự sửa chữa thiết bị và xây dựng định mức tiêu hao vật tư sửa chữa thiết bị để giảm thiểu chi phí thuê và bảo trì sửa chữa thiết bị; tinh giảm nhân sự phù hợp với khối lượng công việc nhưng vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ cũng như tăng cường đào tạo nội bộ; đàm phán giảm giá đầu vào với các nhà cung cấp; và cắt giảm chi phí quản lý hành chính,... Với những thành quả đã đạt được cùng với định hướng phát triển bền vững, PVD - Baker Hughes vững tin sẽ "trưởng thành qua thử thách" để tiếp tục phát triển và "vững tới tương lai" cùng với PV Drilling.



ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HÌNH KHÓ KHĂN, PVD - BAKER HUGHES SẼ TIẾP TỤC CHÚ TRỌNG THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP CẮT GIẢM CHI PHÍ TOÀN DIỆN, TRONG ĐÓ TẬP TRUNG TỐI ĐA HÓA VIỆC SỬ DỤNG CÁC THIẾT BỊ, NÂNG CAO KHẢ NĂNG TỰ SỬA CHỮA THIẾT BỊ, XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC TIÊU HAO VẬT TƯ, TÍNH GIẢM NHÂN SỰ PHÙ HỢP VỚI KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC NHƯNG VẪN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ...

BJ - PV Drilling



PHẠM ĐỨC HINH
Phó Giám đốc BJ - PV Drilling

Thành lập năm 2006, BJ - PV Drilling chuyên cung cấp dịch vụ can thiệp giếng khoan bằng ống khai thác mềm, bơm trám xi măng, kích thích vỉa, nút vỉa thủy lực và thẩm lọc dung dịch thử vỉa.

Liên doanh BJ - PV Drilling đã không ngừng nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, giữ vững uy tín với khách hàng và bảo đảm thị phần. Đến nay, BJ - PV Drilling đã chiếm lĩnh gần như toàn bộ thị phần bơm trám vỉa và nút vỉa thủy lực (100%) và 80% thị trường bơm trám xi măng tại Việt Nam.

Năm 2015, BJ - PV Drilling tiếp tục thực hiện thành công Fracturing cho Cửu Long, đạt được sự tin nhiệm và hài lòng cao từ khách hàng. Kết quả kinh doanh, BJ - PV Drilling đạt doanh thu 559 tỷ đồng và lợi nhuận 76 tỷ đồng, tương ứng tăng 7% và 9% so với kế hoạch.

Hiện tại, BJ - PV Drilling sẽ tập trung vào các giải pháp cắt giảm chi phí, trong đó ưu tiên cắt giảm các chi phí thuê ngoài, giảm hàng tồn kho, đánh giá lại và kiểm soát công tác bảo trì bảo dưỡng và tối đa nguồn nhân lực nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động kinh doanh, vượt qua thử thách trong năm 2016 và phát triển bền vững trong tương lai.

TẠI VIỆT NAM, BJ - PVD CHIẾM LĨNH GẦN NHƯ TOÀN BỘ THỊ PHẦN BẮM VỈA, NÚT VỈA THỦY LỰC VÀ 80% THỊ PHẦN BƠM TRÁM XI MĂNG



PVD Expro



NGUYỄN ĐỨC MINH
Giám đốc PVD Expro

Được thành lập năm 2008, PVD - Expro là công ty liên doanh đầu tiên và chuyên nghiệp cung cấp các dịch vụ thử vỉa giếng khoan và cho thuê các thiết bị khai thác sớm cho các công ty khai thác dầu khí tại thị trường Việt Nam.

Năm 2015, PVD-Expro bị ảnh hưởng lớn từ tình hình thị trường khó khăn, khối lượng công việc sụt giảm mạnh, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận giảm 29% so với kế hoạch, với doanh thu 168 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 60 tỷ đồng.

Nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn của ngành dầu khí, PVD Expro sẽ tập trung các giải pháp cắt giảm chi phí, tích cực tìm kiếm các cơ hội mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, với phương châm hoạt động "An toàn và Chất lượng", đội ngũ CBCNV PVD - Expro sẽ nỗ lực phấn đấu hết mình để đạt hiệu quả hoạt động cao nhất trong cung cấp dịch vụ, mà trong đó tính phức tạp cũng như mức độ nguy hiểm được đánh giá là rất cao, duy trì niềm tin và sự tin tưởng của khách hàng.

CÙNG VỚI PHƯƠNG CHÂM "AN TOÀN, CHẤT LƯỢNG LÀ TRÊN HẾT", PVD EXPRO SẼ TẬP TRUNG CÁC GIẢI PHÁP CẮT GIẢM CHI PHÍ, TÍCH CỰC TÌM KIẾM CÁC CƠ HỘI MỞ RỘNG THỊ PHẦN, DUY TRÌ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CAO NHẤT TRONG GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN HIỆN NAY





NGUYỄN VĂN MINH
Giám đốc Vietubes

Được thành lập vào năm 1995, Vietubes hoạt động trong lĩnh vực tiện ren, gia công, sửa chữa, phục hồi và kiểm tra, kiểm định các loại cần khoan ống chống, chế tạo đầu nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ cho hoạt động khoan thăm dò, khai thác dầu khí,... Tổng Công ty PV Drilling chính thức đầu tư vào Vietubes kể từ năm 2012 với tổng mức vốn đầu tư là 4,3 triệu USD (chiếm 51% vốn).

Hiện nay, Vietubes là nhà máy tiện ren ống dầu khí (OCTG) công nghệ cao duy nhất tại Việt Nam, có đầy đủ giấy phép tiện ren các loại mối nối thông dụng như API (API 5CT, AI Spec. 7.1, 6A) và mối nối chất lượng cao của các nhà cấp phép lớn trên thế giới như VAM, NSPJ, JFE, Tenaris - Hydril, Hunting,... Với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, công suất tại nhà máy của Vietubes lên đến 50.000 tấn sản phẩm/năm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các hoạt động khoan thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam, đồng thời xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

Năm 2015, dù trong bối cảnh khó khăn với khối lượng công việc giảm, Vietubes vẫn nỗ lực ổn định việc làm và bảo đảm hiệu quả hoạt động, với doanh thu đạt 116 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 20 tỷ đồng, tương ứng giảm 18% và 29% so với kế hoạch.

Trong năm 2016, Vietubes tập trung vào các giải pháp cắt giảm chi phí để bảo đảm hiệu quả kinh doanh, trong đó hợp lý hóa việc sắp xếp công nhân cho từng ca sản xuất, tăng cường đào tạo nội bộ, cắt giảm mạnh mẽ chi phí hành chính, đàm phán với các nhà cung cấp để giảm giá thành dịch vụ, rà soát hàng tồn kho và tối ưu chi phí bảo trì, bảo dưỡng.



HIỆN NAY, VIETUBES LÀ NHÀ MÁY TIỆN REN DUY NHẤT TẠI VIỆT NAM CÓ ĐẦY ĐỦ GIẤY PHÉP TIỆN REN CÁC LOẠI MỐI NỐI THÔNG DỤNG NHƯ API (API 5CT, AI SPEC. 7.1, 6A) VÀ MỐI NỐI CHẤT LƯỢNG CAO CỦA CÁC NHÀ CẤP PHÉP LỚN TRÊN THẾ GIỚI NHƯ VAM, NSPJ, JFE, TENARIS - HYDRIL, HUNTING,...



NGUYỄN VĂN THÀNH
Phó Giám đốc PVD - OSI

Được thành lập năm 2011, PVD - OSI chuyên gia công chế tạo, sửa chữa bảo dưỡng các loại đầu nối nhanh cho ống chống lớn có đường kính ngoài từ 50,8 cm đến 91,4 cm dùng trong công tác khoan và khai thác dầu khí cho cả thị trường trong và ngoài nước.

Công ty TNHH Liên Doanh PVD Tech - Oil States Industries (PVD - OSI) là Công ty liên doanh giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (PVD Tech), đơn vị thành viên của PV Drilling và Công ty Oil States Industries (Asia) Pte., Ltd. trong đó PVD Tech đóng góp 51% vốn sở hữu.

Năm 2015 là năm PVD-OSI đối diện nhiều khó khăn do thị trường gia công chế tạo ống chống sụt giảm mạnh, trong đó kết quả kinh doanh sụt giảm mạnh với doanh thu 33 tỷ đồng, giảm 19% so với kế hoạch và lợi nhuận trước thuế 60 triệu đồng.

Ứng phó cho giai đoạn khó khăn phía trước, PVD-OSI tập trung mạnh mẽ các giải pháp cắt giảm chi phí, đặc biệt rà soát, đánh giá lại các khoản chi phí cố định và chi phí vận hành. Với quyết tâm không ngừng cải thiện về mọi mặt, PVD-OSI tin tưởng rằng sẽ vượt qua được giai đoạn khó khăn hiện nay, gặt hái thành công và xây dựng thương hiệu lên tầm phát triển mới trong tương lai, góp phần vào sự thành công chung của Tổng Công ty PV Drilling.



ỨNG PHÓ CHO GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN PHÍA TRƯỚC, PVD OSI TẬP TRUNG MẠNH MẸ CÁC GIẢI PHÁP CẮT GIẢM CHI PHÍ, ĐẶC BIỆT RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN CHI PHÍ CỐ ĐỊNH VÀ CHI PHÍ VẬN HÀNH...

02

KHẪNG ĐÌNH VỊ THẾ

Bằng những giá trị nền tảng đã xây dựng được và nguồn lực sẵn sàng, PV Drilling tự tin sẽ nhanh chóng bước vào quỹ đạo tăng trưởng mới khi thị trường hồi phục, phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.

Vị thế PV Drilling sau 14 năm xây dựng và phát triển
Quá trình hình thành và phát triển
Chiến lược phát triển bền vững
Mô hình kinh doanh bền vững
Các chỉ số tài chính tiêu biểu năm 2015
Vốn cổ phần, cơ cấu cổ đông
Danh hiệu và giải thưởng năm 2015



Vị thế PV Drilling sau 14 năm xây dựng và phát triển

Trải qua 14 năm phát triển, từ một đơn vị cung cấp dịch vụ nhỏ lẻ như cơ khí sửa chữa, ứng cứu sự cố tràn dầu, cung ứng nhân lực, cho thuê thiết bị khoan, PV Drilling đã trở thành nhà thầu khoan uy tín trong nước và khu vực. Với năng lực làm chủ các thiết bị kỹ thuật công nghệ cao, cùng với môi trường làm việc năng động, luôn tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, PV Drilling đã khẳng định vai trò người tiên phong của ngành khoan dầu khí và ngày càng phát triển vững mạnh bằng chính giá trị nội lực của mình.

BƯỚC NGOẶT SAU CỔ PHẦN HÓA

Năm 2001, PV Drilling được thành lập với cơ sở vật chất kỹ thuật còn giản đơn, nguồn lực khiêm tốn, tổng tài sản 16 tỷ đồng và 30 CBCNV. Năm 2005 là năm bước ngoặt đánh dấu cho sự tăng trưởng mạnh mẽ của PV Drilling: Công ty bắt đầu tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Một năm sau đó, PV Drilling hoàn tất cổ phần hóa và niêm yết thành công, trở thành cổ phiếu ngành dầu khí đầu tiên giao dịch trên SGDC TP. HCM.

Cũng chính trong năm 2005, một quyết sách kinh doanh đột phá được quyết định, mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển Tổng Công ty. Ngày 22/2/2005, PV Drilling chính thức ký hợp đồng mua, đóng mới giàn khoan tự nâng đa năng đầu tiên với đối tác uy tín KEPEL FELLS. Tháng 3/2007, giàn khoan PV DRILLING I chính thức ra đời. Thời điểm đó, sân chơi cho thị trường dịch vụ khoan 100% là các nhà thầu khoan nước ngoài sở hữu tài sản và công nghệ kỹ thuật khoan. Đây là một thách thức rất lớn đối với một nhà cung cấp dịch vụ khoan dầu khí chỉ mới hơn 5 năm phát triển như PV Drilling. Thách thức cũng là cơ hội, giàn khoan PV DRILLING I - giàn khoan đầu tiên do người Việt Nam làm chủ và vận hành đã khởi đầu cho một chặng đường tăng trưởng mạnh mẽ trong lĩnh vực khoan Dầu khí Việt Nam, mang lại nhiều giá trị gia tăng và đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường giàn khoan đang tăng cao tại Việt Nam.

DỰ ÁN SÁP NHẬP VÀ THÀNH CÔNG TIẾP NỐI

Tiếp nối dự án giàn PV DRILLING I, giàn khoan PV DRILLING II và PV DRILLING III tiếp tục ra đời vào năm 2009. Đây là kết quả của một chặng đường cũng không hề phẳng lặng dù rằng PV Drilling đã có nền tảng cơ bản từ sự thành công của giàn PV DRILLING I.

Thời điểm đấy, đơn vị thành viên của PV Drilling là Công ty Cổ phần PVD Invest được thành lập thực hiện "sứ mệnh" mua (đóng) mới kịp thời hai giàn khoan tự nâng này với giá trị đầu tư gần 400 triệu USD, trong đó PV Drilling góp vốn 51%. Khủng hoảng tài chính toàn cầu nổ ra và lan rộng khiến dự án gặp vô vàn khó khăn trong việc thu xếp vốn. Tình hình tài chính khó khăn, nhiều ngân hàng trong nước đã cam kết tài trợ dự án đầu tư thì đến lúc đó lại không đủ nguồn tài trợ ngoại tệ. PVD Invest vừa mới thành lập lại chưa đủ uy tín để vay vốn các ngân hàng nước ngoài. Dự án gặp vô vàn khó khăn và gần như rơi vào bế tắc.

Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo PV Drilling đã có một quyết sách quan trọng là sáp nhập PVD Invest vào PV Drilling để tăng sức mạnh của cả hai công ty. Với lợi thế của một công ty niêm yết thuộc hàng bluechips, hệ thống quản trị minh bạch và uy tín, năng lực vận hành tốt giàn khoan PV DRILLING I, PV Drilling đã tiến hành "roadshow" ở nước ngoài và gọi vốn thành công từ các ngân hàng quốc tế. Nút thắt về tài chính được giải quyết, tạo điều kiện thành công cho dự án đầu tư giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III. Đây cũng là thành công đầu tiên của một thương vụ sáp nhập giữa một công ty đại chúng và một công ty niêm yết bằng phương pháp chuyển đổi cổ phiếu.

Tiếp nối thành công, năm 2012 PV Drilling mang về Việt Nam giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) - giàn khoan ứng dụng công nghệ cao, mở ra một hướng phát triển mới trong lĩnh vực khoan nước sâu. Năm 2013,

PV Drilling tiếp tục thành công trong việc phát hành 40 triệu cổ phiếu theo giá thị trường và đã mang lại giá trị nguồn vốn thặng dư hơn 1.000 tỷ đồng, tạo sức mạnh tài chính vững bền cho Tổng Công ty, và được ghi dấu bằng sự ra đời giàn khoan tự nâng PV DRILLING VI vào đầu năm 2015.

GIỮ VỮNG THÀNH QUẢ VÀ NÂNG CAO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Đã 14 năm kể từ cột mốc ra đời của PV Drilling. Những chặng đường đi qua thực sự rất dài và rất đáng nhớ không chỉ trong tâm trí của những người tiên phong đầu tiên sáng lập nên PV Drilling mà của cả thế hệ hiện tại đang chèo lái con thuyền Tổng Công ty. Từ một công ty với cơ sở vật chất ban đầu là xưởng cơ khí khiêm tốn, đến nay Tổng Công ty PV Drilling đã trở thành một trong những đơn vị nổi bật của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, là nhà thầu khoan có uy tín trên trường quốc tế, và là một trong 30 công ty niêm yết tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện nay, PV Drilling đang sở hữu đội ngũ giàn khoan thế hệ mới hiện đại gồm bốn giàn khoan tự nâng, một giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm và một giàn khoan đất liền, cùng các máy móc thiết bị kỹ thuật cao với tổng giá trị tài sản lên đến 1,1 tỷ Đô la Mỹ. Cơ cấu Tổng Công ty cũng không ngừng lớn mạnh và được mở rộng, bao gồm 15 đơn vị thành viên, liên doanh liên kết, qua đó cung cấp các mảng dịch vụ kỹ thuật khoan đa dạng bao gồm khoan kiểm soát áp suất (MPD), khoan định hướng (DD), đo karota khí (Mud Logging), đo trong khi khoan (MWD, LWD), các dịch vụ thử vỉa, mở vỉa, hoàn thiện giếng, cứu kẹt giếng khoan, các dịch vụ gia công cơ khí chính xác, tiện ren, cung cấp và bảo quản trọn gói cần ống khoan (OCTG)... Đặc biệt, PV Drilling đủ năng lực cung cấp dịch vụ trọn gói (bundled services) cho khách hàng, hỗ trợ khách hàng trong việc giảm chi phí và thời gian khoan.



PV Drilling vinh dự được trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đã có thành tích trong hoạt động xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2010 - 2014

Với việc đa dạng các dịch vụ cung cấp, PV Drilling đã mở rộng và chiếm lĩnh từ 50% - 70% thị trường khoan và từ 55% - 90% thị trường các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan.

PV DRILLING CHIẾM LĨNH THỊ PHẦN DỊCH VỤ:

50%-70%
thị trường khoan

55%-90%
thị trường các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan

Vị thế PV Drilling sau 14 năm xây dựng và phát triển (tiếp theo)



Cùng với việc đầu tư và sở hữu các giàn khoan và máy móc thiết bị hiện đại, PV Drilling rất chú trọng xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế đã đáp ứng được yêu cầu hội nhập nhanh chóng vào môi trường cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Các hệ thống, tiêu chuẩn được áp dụng đồng bộ như Hệ thống Quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP Oracle, Maximo (quản lý vật tư hàng tồn kho của giàn khoan), Hệ thống quản lý và bảo trì sự cố thiết bị (RCM - Reliable Maintenance Control) và Hệ thống các quy định, quy trình theo chuẩn mực quốc tế đã hỗ trợ công tác điều hành quản trị doanh nghiệp, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ và tạo được sự tin cậy nơi khách hàng. Đặc biệt, giai đoạn 2014 - 2015, PV Drilling triển khai và xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro chuyên nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế được công nhận như ISO 31000 và COSO. Năm 2015, dự án ERP Giai đoạn III cũng được triển khai nhằm xây dựng ngân sách online và lập báo cáo quản trị thông minh nhằm tối đa hóa việc sử dụng hệ thống trong việc quản trị doanh nghiệp, giúp PV Drilling tối ưu hóa hiệu quả quản lý và vận hành doanh nghiệp, nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác sản xuất kinh doanh.

Từ những nền tảng được xây dựng vững chắc trên, PV Drilling đã đạt được sự tăng trưởng ấn tượng và nhiều thành quả trong nhiều năm qua. PV Drilling vinh dự được trao tặng nhiều giải thưởng danh giá như Huân chương Lao động Hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng (năm 2011), danh hiệu Doanh Nghiệp Được Ngưỡng Mộ Nhất tại Đông Nam Á do Hội đồng Doanh nghiệp ASEAN bình chọn (năm 2013), Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam do Tạp chí Forbes trao tặng (năm 2014), ba lần đạt danh hiệu Nhà thầu Khoan Dầu khí Tốt Nhất Châu Á (năm 2012, 2013, 2015),...

Trong những năm tới, mặc dù nền kinh tế thế giới nói chung và ngành công nghiệp dầu khí nói riêng vẫn đang đặt ra những khó khăn to lớn đối với một nhà thầu khoan trẻ như PV Drilling do dự đoán thị trường dầu khí vẫn chưa hồi phục, nhưng những cột mốc thành tựu nói trên cùng với việc triển khai những giải pháp chiến lược như tăng cường tham gia đấu thầu, tìm kiếm các cơ hội phát triển

thị trường ở nước ngoài; thực hiện triệt để các giải pháp tối ưu, cắt giảm chi phí; rà soát nhân sự, đẩy mạnh chương trình thay thế đội ngũ kỹ thuật cao bằng người Việt Nam; tăng cường quản trị doanh nghiệp, thúc đẩy các dự án ERP giai đoạn III, dự án Quản trị rủi ro, các dự án sử dụng quỹ khoa học công nghệ, tái cơ cấu bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tinh gọn và hiệu quả... sẽ tiếp tục là nguồn động lực đối với toàn bộ tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty PV Drilling để không ngừng nỗ lực, chung sức chung lòng, vượt qua thử thách, gìn giữ những thành quả của quá khứ và tiếp tục vươn tới những thành tựu lớn hơn trong tương lai, đóng góp cho sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam trong bước đường hội nhập với khu vực và thế giới.

Sau hành trình 14 năm nhiều thử thách nhưng cũng rất tự hào, sau 9 năm phát triển gắn kết cùng TTCKVN, bằng những giá trị nền tảng đã xây dựng được và chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực, PV Drilling tự tin sẽ tạo được những đột phá mới vào thời điểm thích hợp của thị trường, nhanh chóng đưa PV Drilling vào quỹ đạo tăng trưởng mới, mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.



PV DRILLING CHÚ TRỌNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TIÊN TIẾN TRÊN NỀN TẢNG CNTT HIỆN ĐẠI NHẪM HỘI NHẬP NHANH CHÓNG VÀO MÔI TRƯỜNG CẠNH TRANH VỚI CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ NƯỚC NGOÀI



Quá trình hình thành và phát triển (2001 - 2015)

THÁNG 3/2007, GIÀN KHOAN PV DRILLING I - GIÀN KHOAN ĐẦU TIÊN DO NGƯỜI VIỆT NAM LÀM CHỦ - CHÍNH THỨC RA ĐỜI VÀ VẬN HÀNH THÀNH CÔNG, KHỞI ĐẦU CHO MỘT CHẶNG ĐƯỜNG TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ TRONG LĨNH VỰC KHOAN DẦU KHÍ TẠI VIỆT NAM

2001

- Công ty Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PV Drilling) được thành lập trên cơ sở tiếp nhận nguồn nhân lực từ Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore). Tại thời điểm này, PV Drilling có 3 đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Khoan dầu khí, Xí nghiệp Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí và Xí nghiệp Ứng cứu Sự cố tràn dầu;



2004

- Thành lập Xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan và thử vỉa nay là Công ty PVD Logging;



2007

- Khánh thành giàn khoan biển tự nâng đa năng đầu tiên do người Việt Nam sở hữu 100% PV DRILLING I và giàn khoan đất liền PV DRILLING 11;
- Thành lập Xí nghiệp Điều hành khoan (PVD Drilling Division) và Công ty PVD Well Services, PVD Offshore và PVD Training;



2008

- Thành lập Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu khí PV Drilling - PTI, nay là Công ty PVD - Expro;
- Thành lập PVD Tubulars Management;
- Sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (PVD Invest) vào PV Drilling, nâng giá trị tổng tài sản của Tổng Công ty lên đến trên 12.000 tỷ đồng và vốn điều lệ của Tổng Công ty lên đến 2.105 tỷ đồng;



2005

- PV Drilling chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 3477/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;



2006

- Niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán "PVD" trên sàn chứng khoán Việt Nam với vốn điều lệ tại thời điểm này là 680 tỷ đồng;
- Thành lập Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp nay là Công ty PVD Tech;
- Thành lập Công ty Liên doanh BJ - PV Drilling;



2009

- Tiếp nhận hai giàn khoan biển tự nâng đa năng PV DRILLING II & PV DRILLING III;



2010

- Thành lập Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (PVD Invest); Liên doanh PVD - Baker Hughes;
- Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đầu tư giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD - PV DRILLING V) và thành lập Công ty PVD Deepwater;
- Mở rộng thị phần thông qua việc thuê thêm giàn khoan từ các đối tác nước ngoài để kịp thời cung ứng cho thị trường trong nước;



Quá trình hình thành và phát triển (2001 - 2015) (tiếp theo)

CÙNG VỚI NHU CẦU GIÀN KHOAN TĂNG MẠNH, NĂM 2014 ĐƯỢC XEM LÀ NĂM THÀNH CÔNG VƯỢT BẬC CỦA PV DRILLING, VỚI DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN ĐỀU ĐẠT GẦN 150% SO VỚI KẾ HOẠCH



2011



- Tiếp nhận và đưa giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm công nghệ cao đầu tiên tại Việt Nam - PV DRILLING V đi vào hoạt động;
- Thành lập Công ty TNHH Liên doanh PVD - OSI;

2012



- Chính thức chuyển đổi hình thức hoạt động của đơn vị thành viên PVD Tech thành Công ty Cổ phần;
- Đưa Liên doanh PVD - OSI đi vào hoạt động;
- Hoàn tất việc đầu tư để nắm giữ 51% vốn điều lệ của Liên doanh Vietubes;

2013

- Chào bán thành công 38 triệu cổ phần riêng lẻ cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và nhà đầu tư tài chính quốc tế nhằm hỗ trợ nguồn vốn đầu tư giàn khoan PV DRILLING VI;
- Triển khai Dự án "Thành lập Liên doanh PV Drilling Overseas" tại Singapore;



2014

- Năm 2014 được đánh dấu là một năm thành công vượt bậc của PV Drilling. So với kế hoạch năm 2014, tất cả các chỉ tiêu (hợp nhất) về tài chính của PV Drilling đều đạt kết quả rất tốt so với kế hoạch đề ra: tổng doanh thu đạt 152% (20.884 tỷ đồng), lợi nhuận trước thuế đạt 148% (3.178 tỷ đồng), lợi nhuận sau thuế đạt 147% (2.419 tỷ đồng) và nộp ngân sách Nhà nước đạt 193% (3.496 tỷ đồng);
- Các giàn khoan của PV Drilling tiếp tục vận hành hiệu quả và an toàn, không xảy ra tai nạn mất thời gian lao động (Zero LTI);



2015



- Hoàn thành đúng tiến độ việc đóng Giàn khoan PV DRILLING VI và đưa vào cung cấp cho chiến dịch khoan của PVEP POC với hiệu suất hoạt động cao;
- Thành lập văn phòng chi nhánh tại Myanmar;
- Triển khai Dự án tối ưu hóa chi phí (Cost Optimization);
- Hoàn tất công tác xây dựng Danh mục rủi ro hợp nhất cho Khối vận hành khoan và Văn phòng Tổng công ty;
- Triển khai thí điểm Quy trình QTRRDN tại Công ty mẹ và PVD Deepwater;
- Triển khai xây dựng hệ thống kiểm soát ngân sách online, báo cáo quản trị thông minh;
- Tăng cường dự phòng ngoại tệ, để phòng rủi ro về tỷ giá để kịp thời ứng phó với các biến động của thị trường;
- Nghiên cứu phát triển và triển khai một số các dự án mới sử dụng Quỹ Khoa học Công nghệ, bước đầu đã có những hiệu quả nhất định gồm các dự án tiêu biểu như sau:
 - + Hệ thống kiểm tra khuyết tật bằng điện từ trường;
 - + Mua sắm máy mài thể hệ mới, thiết bị khoan tự động CNC;
 - + Mua sắm Trạm bể mặt cho dịch vụ đo Karota khai thác;
 - + Nghiên cứu, thiết kế và ứng dụng hệ thống phân quyền điều khiển (Assignment) cho VFD của Topdrive;
 - + Đào tạo 3D eLearning;
 - + Chủ động nguồn lực trong việc cung cấp dịch vụ kiểm định van an toàn (Pressure Relief Valve) cho thị trường trong nước;
 - + Phát triển mạnh DV E-line Cased hole;
- Các giàn khoan biển của PV Drilling tiếp tục được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) chứng nhận vận hành hiệu quả và an toàn, không xảy ra tai nạn gây mất thời gian lao động (Zero LTI), trong đó:
 - + Giàn khoan PV DRILLING I đạt 9 năm Zero LTI (tính đến tháng 3/2016);
 - + Giàn khoan PV DRILLING II và giàn khoan PV DRILLING III đạt 6 năm Zero LTI;
 - + Giàn khoan PV DRILLING V đạt 3 năm Zero LTI;
 - + Giàn khoan PV DRILLING VI đạt 1 năm Zero LTI.

Chiến lược phát triển bền vững

Tồn tại và phát triển

Là nhà thầu cung ứng giàn khoan và các dịch vụ liên quan đến khoan, PV Drilling hoạt động trong môi trường đặc thù, với điều kiện khó khăn, thời tiết khắc nghiệt ngoài biển khơi hay trên sa mạc. Môi trường làm việc luôn chịu áp lực cao về phòng chống cháy nổ, phun trào, hư hỏng thiết bị, tai nạn gây mất khả năng làm việc... Hơn thế nữa, trong tình hình hiện nay, các nhà thầu khoan nói chung và PV Drilling nói riêng còn chịu nhiều áp lực từ các yếu tố bên ngoài thị trường, trong đó các yếu tố địa chính trị, sự cạnh tranh đầu đả phiến, đổi mới công nghệ ngày càng tác động đan xen làm gia tăng tính phức tạp và khó khăn lên sự phát triển ngành dầu khí. Nhưng dù ở trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào, PV Drilling luôn đặt yếu tố phát triển bền vững làm yếu tố trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh. Có như vậy, PV Drilling mới có thể xây dựng được nền tảng vững chắc, gia tăng giá trị doanh nghiệp và bảo đảm những thành công tiếp theo.

Hiện nay, nguồn cung dầu thô ngày càng gia tăng và giá dầu giảm mạnh đã kéo theo chuỗi cung ứng các dịch vụ dầu khí bị ảnh hưởng trầm trọng, trong đó lĩnh vực dịch vụ khoan cũng không ngoại lệ. Các nhà thầu khoan quốc tế đang đối mặt với thử thách về khối lượng công việc cũng như đơn giá dịch vụ sụt giảm từng ngày. Tại thị trường Việt Nam, bình quân đơn giá thuê giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan đã giảm 15% - 25%, khối lượng công việc tùy theo tính chất dịch vụ đã giảm 20% - 30%. Điều này dẫn đến sự dư thừa nguồn cung, sức ép cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài ngày càng gia tăng.

Chính vì vậy, trong giai đoạn khó khăn này, thách thức lớn nhất của PV Drilling là tìm kiếm sự cân bằng trong việc duy trì hoạt động ổn định bảo đảm việc làm với đơn giá ở mức có thể chấp nhận được để mang về dòng tiền dương. Hơn lúc nào hết, PV Drilling cần phải kiên định với những mục tiêu phát triển bền vững mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn. Đó là những cam kết hướng đến mục tiêu xây dựng và duy trì môi trường làm việc an toàn, bảo đảm chất lượng cuộc sống người lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm lãng phí, bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng. Trong giới hạn của nguồn lực khiêm tốn và ở vị trí là nhà cung cấp dịch vụ, PV Drilling hiểu rõ chỉ có sự đoàn kết và chia sẻ khó khăn thì mới tồn tại và

bảo đảm sự phát triển bền vững trong tương lai. Sự chia sẻ đó không chỉ ở phạm vi tại một doanh nghiệp mà còn cần sự gắn kết chặt chẽ với các nhà cung cấp dịch vụ, các nhà thầu dầu và các công ty dầu khí trong ngành.

TẬP TRUNG VÀO NHỮNG YẾU TỐ TẠO RA GIÁ TRỊ, TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SỰ BỀN VỮNG

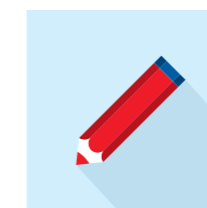
Sau 14 năm phát triển và kiên trì với định hướng trở thành nhà thầu khoan uy tín và tin cậy trên thế giới, PV Drilling đã xây dựng được vị thế của một nhà thầu khoan trẻ và tiên phong tại Việt Nam, tạo dựng được mối quan hệ thân thiết với khách hàng và đào tạo được nhiều cán bộ quản lý, kỹ sư khoan có trình độ chuyên môn và tay nghề cao. Do vậy, việc gìn giữ những thành quả đạt được lại trở thành thử thách lớn nhất trong tình hình khó khăn hiện nay.

Để vượt qua thử thách, PV Drilling một lần nữa xác định những vấn đề cốt lõi, vốn là nền tảng và là động lực thúc đẩy PV Drilling vượt lên khó khăn, mà trong đó sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh PV Drilling sẽ luôn gắn liền với hoạt động bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. PV Drilling xác định việc:

- 01 Gìn giữ vị thế nhà thầu khoan uy tín và tin cậy bằng việc nâng cao năng lực hoạt động, bảo đảm chất lượng dịch vụ khách hàng;
- 02 Bảo đảm nguồn lực tài chính, tăng cường ứng dụng Khoa học công nghệ, tập trung các giải pháp chống lãng phí và duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- 03 Phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp và có trình độ chuyên môn cao, vốn được xem là một trong những ưu thế cạnh tranh, là tài sản quý giá nhất của PV Drilling. Trong giai đoạn hiện nay, PV Drilling thực hiện giải pháp cùng chia sẻ khó khăn thông qua việc giảm lương nhưng vẫn bảo đảm mức thu nhập hợp lý và công bằng, đồng thời hướng tới việc nâng cao chất lượng cuộc sống, tinh thần, thái độ và môi trường làm việc người lao động;
- 04 Duy trì mối quan hệ bền vững với đối tác và cộng đồng, tạo dựng được môi trường văn hóa bền vững mang tính nhân văn, cải thiện đời sống của cộng đồng và quan tâm vấn đề bảo vệ môi trường.



Bà Hồ Ngọc Yến Phương Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Quản trị phụ trách triển khai giải pháp phát triển bền vững



TRONG BỐI CẢNH KHÓ KHĂN CỦA TOÀN NGÀNH DẦU KHÍ, THÁCH THỨC CỦA PV DRILLING LÀ TÌM KIẾM SỰ CÂN BẰNG TRONG VIỆC DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG ỔN ĐỊNH BẢO ĐẢM VIỆC LÀM VỚI ĐƠN GIÁ Ở MỨC CÓ THỂ CHẤP NHẬN ĐƯỢC ĐỂ MANG VỀ DÒNG TIỀN DƯƠNG

Nói một cách khác, những vấn đề trên là những giá trị cốt lõi đã mang lại vị thế Nhà thầu khoan tiên phong tại Việt Nam, đó vẫn là những giá trị mà PV Drilling sẽ tiếp tục duy trì và phát triển. Thực hiện những định hướng trên, Ban lãnh đạo đã xây dựng kế hoạch tổng thể bao gồm nhiều giải pháp đan xen và hỗ trợ nhau, trong đó tập trung vào việc bảo đảm hiệu quả kinh doanh, đặc biệt trong giai đoạn giá thuê giàn khoan xuống thấp như hiện nay.

Nhiệm vụ cấp bách trong năm 2016 là tối ưu hóa, cắt giảm chi phí và chống lãng phí tối đa nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm bốn nhóm giải pháp về hành chính, nhân sự, quản lý vận hành giàn khoan và hoạt động thương mại. Tuy nhiên, yêu cầu đảm bảo chất lượng

dịch vụ cao và hiệu quả quản trị doanh nghiệp vẫn là ưu tiên hàng đầu bên cạnh vấn đề cắt giảm chi phí. Điều này vừa là thử thách to lớn, vừa là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn có nhiều biến động thị trường hiện nay.

Do vậy, PV Drilling sẽ tiếp tục tăng cường kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và quan tâm đến các giải pháp tài chính linh hoạt nhằm bảo đảm dòng tiền dương. Hệ thống QTRR triển khai từ cuối năm 2014 đến nay đã bước vào giai đoạn III áp dụng khung QTRR cho Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Bên cạnh dự án tối ưu hóa và cắt giảm chi phí, Ban lãnh đạo kỳ vọng Dự án QTRR sẽ là công cụ hữu ích giúp Tổng công ty cân đối lại nguồn lực, tối ưu hóa hoạt động và tìm kiếm những cơ hội cải tiến trong sản xuất kinh doanh.

Chiến lược phát triển bền vững (tiếp theo)

Trong định hướng trung và dài hạn, PV Drilling tập trung vào các vấn đề phát triển hệ thống HSEQ, nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp trên nền tảng CNTT, đào tạo nguồn nhân lực - trong đó chú trọng phát triển đội ngũ kế thừa và chuyên gia kỹ thuật cao nhằm đáp ứng những vị trí mà hiện nay chỉ có các chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm. Đồng thời, PV Drilling sẽ tích cực làm việc với các cơ quan hữu quan nhằm bảo đảm các chính sách của Nhà nước công bằng và hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp địa phương, đặc biệt đối với các công ty chuyên về lĩnh vực kỹ thuật dầu khí như PV Drilling. Bên cạnh đó, trong một nguồn lực hạn hẹp, PV Drilling sẽ luôn chú trọng xây dựng sự phát triển của doanh nghiệp đi cùng với trách nhiệm với xã hội, người lao động, an toàn sức khỏe, bảo vệ môi trường, và quan tâm giáo dục, y tế đối với cộng đồng xã hội.

ĐỔI MỚI ĐỂ VỮNG BỀN

Rủi ro về sự biến động giá dầu đã ngày càng ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động kinh doanh của các nhà thầu khoan dầu khí, đặc biệt đối với các nhà thầu khoan trẻ trong khu vực như PV Drilling. Tuy nhiên, rủi ro đồng thời cũng là cơ hội.

Năm 2015, PV Drilling đã tiết giảm gần 80 tỷ đồng nhờ các giải pháp cắt giảm và tối ưu hóa chi phí. Có thể đây là con số khiêm tốn so với quy mô hoạt động của PV Drilling, nhưng đây là bước khởi đầu thuận lợi tạo đà cho PV Drilling triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các giải pháp cắt giảm chi phí, dự kiến tiết giảm 15% - 30% chi phí hoạt động trong năm 2016 và những năm tiếp theo. Tại thời điểm này, nhiều hoạt động đang được thực hiện mạnh mẽ và triệt để, bao gồm việc cắt giảm các chi phí không cần thiết, sắp xếp nhân sự hợp lý nhằm tối ưu nguồn lực, đánh giá và cải tiến các quy trình tác nghiệp, tái cơ cấu bộ máy tổ chức,... nhằm cắt giảm và tối ưu chi phí hoạt động.

Ở một góc nhìn khác, PV Drilling có được cơ hội tự rà soát, tối ưu hóa nguồn lực một cách toàn diện nhất, cơ hội mà trong giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ những năm qua PV Drilling chưa có điều kiện thực hiện. Việc tối ưu hóa nguồn lực là cần thiết để đảm bảo chi phí hoạt động ở mức hợp lý, duy

trì hoạt động ổn định trong giai đoạn giá dịch vụ khoan ở mức thấp và tăng trưởng mạnh mẽ khi thị trường hồi phục. Hơn thế nữa, đó còn là cơ hội tạo sự kết nối, là chất keo gắn kết chặt chẽ từng con người tại PV Drilling, từng cán bộ công nhân viên lại với nhau, cùng chia sẻ và đoàn kết, nỗ lực vượt qua giai đoạn khó khăn thử thách hiện nay.

Mặc dù thị giá cổ phiếu trên TTCK đã giảm sâu theo đà giảm của giá dầu trong năm qua, nhưng PV Drilling tin tưởng vào sự tăng trưởng bền vững giá trị nội tại của doanh nghiệp. Đối mặt với sự biến động ảnh hưởng tiêu cực sâu sắc đến các doanh nghiệp trong ngành, PV Drilling vẫn tin tưởng vào sự phục hồi của thị trường dầu khí và kiên định với mục tiêu phát triển bền vững, bao gồm việc chống lãng phí, duy trì hiệu quả kinh doanh, trách nhiệm với môi trường xã hội, duy trì vị thế nhà thầu khoan uy tín và tin cậy tại Việt Nam và khu vực. Đây là những thử thách mà không đơn thuần chỉ là khó khăn tạm thời. Thế nhưng, những thử thách đó cũng chính là bước đệm cần thiết xây dựng nên một nền móng vững chắc, tạo tiền đề cho sự tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai không xa, mang lại những giá trị thiết thực cho cổ đông, doanh nghiệp và môi trường xã hội. PV Drilling tin tưởng vào sự đổi mới sẽ mang lại giá trị vững bền.



RỦI RO VỀ SỰ BIẾN ĐỘNG GIÁ DẦU ĐÃ NGÀY CÀNG ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC ĐẾN HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY DẦU KHÍ, TUY NHIÊN Ở MỘT GÓC NHÌN KHÁC: RỦI RO ĐỒNG THỜI CŨNG LÀ CƠ HỘI

NHIỀU HOẠT ĐỘNG ĐANG THỰC HIỆN TRIỆT ĐỂ, BAO GỒM VIỆC CẮT GIẢM CÁC CHI PHÍ, SẮP XẾP NHÂN SỰ HỢP LÝ, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN CÁC QUY TRÌNH TÁC NGHIỆP... NHẪM CẮT GIẢM VÀ TỐI ƯU CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG. HAY ĐỨNG Ở MỘT GÓC NHÌN XA HƠN, PV DRILLING ĐANG TỰ TẠO CƠ HỘI RÀ SOÁT CHÍNH MÌNH, TỐI ƯU HÓA NGUỒN LỰC MỘT CÁCH TOÀN DIỆN NHẤT, CƠ HỘI MÀ TRONG GIAI ĐOẠN TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ NHỮNG NĂM QUA PV DRILLING CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN...



Mô hình kinh doanh bền vững

ĐẦU VÀO

NHÀ CUNG CẤP UY TÍN

- NOV
- KEPPEL FELS
- PTSC
- ARNO
- ...

ĐỐI TÁC LIÊN DOANH TIN CẬY

- BAKER HUGHES
- BJ
- EXPRO
- MARUBENI ITOCHU
- CITRA SUMIT
- OIL STATES
- FALCON ENERGY

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

- ẢNH HƯỞNG GIÁ DẦU
- VẬN HÀNH AN TOÀN
- NGUỒN LỰC
- TÀI CHÍNH
- TUẦN THỦ
- ...

2.147 CBCNV

- CHUYÊN NGHIỆP & ĐẠT CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ:
- BOSIET
 - IWCF LEVEL 3, 4
 - IADC
 - H2S
 - ...

TÀI CHÍNH

- VỐN VAY (30 VCSH : 70 VỐN VAY)
- PHÁT HÀNH CỔ PHẦN

NGUỒN LỰC TỰ NHIÊN

- ĐIỆN: 3,5 TRIỆU KWH/NĂM
- NƯỚC: CÁC GIẢN KHOAN ĐỀU SỬ DỤNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC MẮN VÀ HỆ THỐNG TUẦN HOÀN KHÉP KÍN

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



NHÀ THẦU KHOAN UY TÍN VÀ TIN CẬY



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

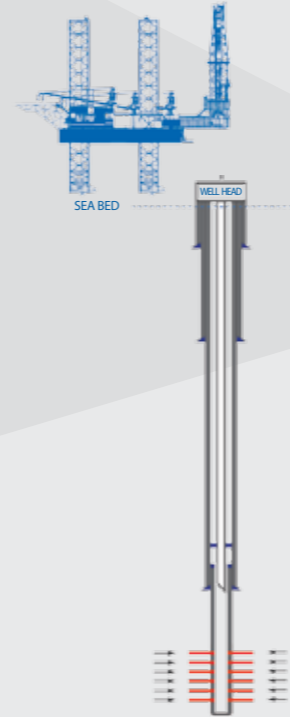


NGUỒN NHÂN LỰC



QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI ĐỐI TÁC VÀ CỘNG ĐỒNG

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



- DRILLING SERVICE**
PVD Drilling Division
PVD Deepwater
PVD Overseas
- WELL HEAD**
PVD Tech
- CEMENTING SERVICE**
BJ - PVD
- CONDUCTOR/CASING/TUBING**
PVD Tubulars Management
PVD OSI
PVD Well Service
Vietubes
- WELL DESIGN & PLANING**
PVD Bakerhughes
- DIRECTIONAL DRILLING**
- MEASUREMENT WHILE DRILLING**
- LOGGING WHILE DRILLING**
PVD Bakerhughes
- MUD LOGGING/ SLICK LIN**
PVD Logging
- TOOL RENTAL SERVICE**
PVD Well Service
PVD Invest
- WELL INTERVENTION**
PVD Baker Hughes
PVD Logging
PVD Expro
- PERFORATIONS/ WELL TEST**
PVD Logging
PVD Expro
- OTHERS**
H2S Safety Service (PVD Invest)
OCTG (PVD Tubulars Management)
Inspection & Repair (PVD Offshore)

HỆ THỐNG QUẢN LÝ GIẢN KHOAN

- HSEQ
- MAXIMO
MAXIMO MIN-MAX MODULE
- XÁC ĐỊNH MỐI NGUY (IADC HSE CASES)
- RCM (RELIABILITY CENTERED MAINTENANCE)
- CHUỖI DỰ TRỮ CUNG ỨNG THIẾT BỊ

ỨNG DỤNG ERP ORACLE VÀO QLDN

- ORACLE APPLICATIONS
FINANCIAL
INVENTORY
PROJECT
PURCHASING
HUMAN RESOURCE
BUSINESS INTELLIGENCE
ENTERPRISE PLANING & BUDGETING
ĐANG TRIỂN KHAI
- ORACLE APPLICATIONS
ORACLE APPLICATIONS SERVER
ORACLE DATABASE

GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

GIÁ TRỊ CHO KHÁCH HÀNG

Cung cấp dịch vụ trọn gói (bundled services) cho khách hàng, phục vụ toàn bộ các công đoạn cho một chiến dịch khoan từ khi bắt đầu khoan đến hoàn thiện giếng khoan, bảo đảm sự thành công chiến dịch khoan của khách hàng

VỊ THẾ DANH TIẾNG

- Nhà thầu khoan tốt nhất Châu Á 2012, 2013, 2015
- Hiệu suất hoạt động giàn khoan: >98%
- IADC ghi nhận:
 - + PV DRILLING I : 9 năm Zero LTI
 - + PV DRILLING II : 6 năm Zero LTI
 - + PV DRILLING III : 6 năm Zero LTI
 - + PV DRILLING V : 3 năm Zero LTI
 - + PV DRILLING VI : 1 năm Zero LTI
- TOP 50 DN niêm yết tốt nhất (Forbes)
- TOP 50 DN nộp thuế TNDN lớn nhất 2015
- TOP 49 DN vì người lao động năm 2015

AN TOÀN & MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về môi trường trong ngành khoan dầu khí.
- Áp dụng ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007 trong toàn Tổng Công ty.

6 TRIỆU
GIỜ CÔNG AN TOÀN / NĂM

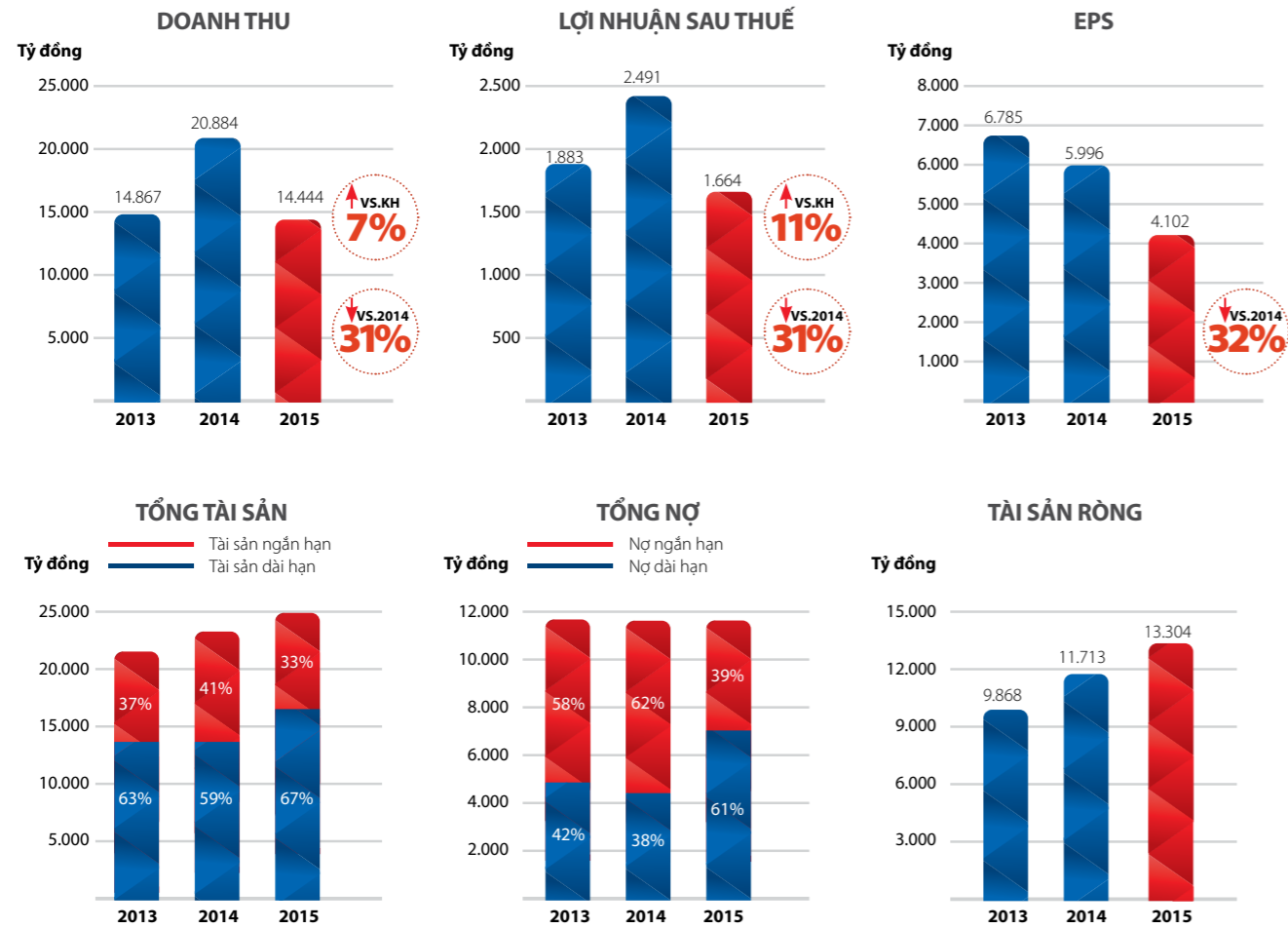
ZERO
VI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

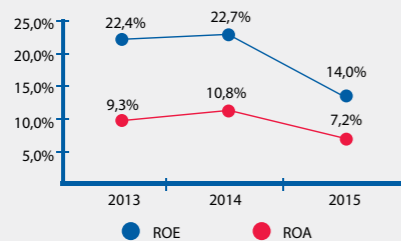
Quan tâm đến cộng đồng đã văn hóa và truyền thống tốt đẹp tại PV Drilling. Trong chiến lược phát triển bền vững, PV Drilling chú trọng đến các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo trong công tác ASXH.

38 TỶ ĐỒNG
dành cho các hoạt động ASXH năm 2015

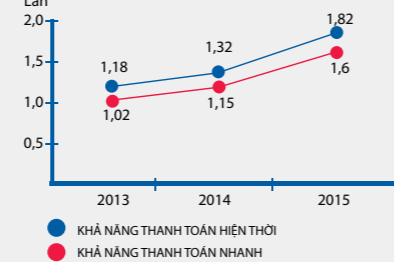
Các chỉ số tài chính tiêu biểu năm 2015



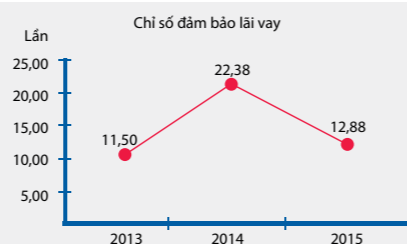
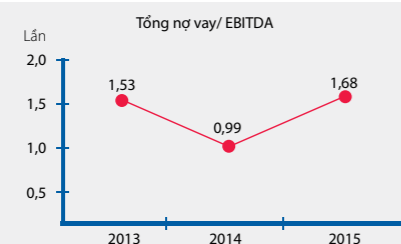
KHẢ NĂNG SINH LỜI



KHẢ NĂNG THANH TOÁN



ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH



Vốn cổ phần/Cơ cấu cổ đông

CỔ PHẦN

| | Số lượng cổ phiếu |
|---|-------------------|
| Số lượng cổ phần bán ra công chúng | 348.466.259 |
| Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành | 348.050.259 |
| Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (*) | 20.152.000 |
| Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do | 327.898.259 |
| Mệnh giá của cổ phần | 10.000 đồng |

(*): Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu bao gồm số cổ phần sở hữu của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Cập nhật theo danh sách chốt ngày 30/03/2016, thời điểm gần nhất lập báo cáo)

| | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ Lệ |
|--|--------------------------|----------------|
| TRONG NƯỚC | | |
| Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam (Cổ đông Nhà nước) | 175.617.690 | 50,46% |
| Tổ chức khác | 10.549.888 | 3,03% |
| Cá nhân | 44.060.532 | 12,66% |
| NƯỚC NGOÀI | | |
| Tổ chức | 114.814.841 | 32,99% |
| Cá nhân | 3.007.308 | 0,86% |
| TỔNG CỘNG | 348.050.259 | 100,00% |

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

| | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ Lệ |
|--|--------------------------|--------|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Cổ đông Nhà nước) | 175.617.690 | 50,46% |

THỐNG KÊ THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Diễn giải | Ngày phát hành | Số lượng cổ phiếu | |
|------------------|-------------------------------------|--------------------|------------|
| Lần đầu | Cổ phần hóa | 28/11/2006 | 68.000.000 |
| Lần 1 | Trả cổ tức + phát hành tăng vốn | 11/7/2007 | 9.519.730 |
| Lần 2 | Phát hành tăng vốn | 7/8/2007 | 1.340.000 |
| Lần 3 | Phát hành tăng vốn | 22/08/2007 | 31.280.000 |
| Lần 4 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% | 26/06/2008 | 22.027.774 |
| Lần 5 | Sát nhập PVD Invest vào PVD | 14/10/2009 | 25.716.285 |
| Lần 6 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10:3 | 8/1/2010 | 52.624.426 |
| Lần 7 | Phát hành riêng lẻ | 13/08/2013 | 38.000.000 |
| Lần 8 | Phát hành cổ phiếu theo ESOP | 15/11/2013 | 2.000.000 |
| Lần 9 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% | 23/12/2013 | 25.020.480 |
| Lần 10 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% | 18/09/2014 | 27.544.655 |
| Lần 11 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% | 25/08/2015 | 45.392.909 |
| Tổng cộng | | 348.466.259 | |

Các chi tiết khác về cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu, xem trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, mục nội dung Vốn chủ sở hữu.

CỔ PHIẾU QUỸ

| | ĐVT | Cổ tức 2014 | Tỷ lệ | Ngày trả/ ngày phát hành |
|--|-----------------------|-------------------|--------|--------------------------|
| Số lượng cổ phiếu Quỹ đầu kỳ (01/01/2015) | 36.450 | | | |
| Số lượng cổ phiếu Quỹ trong kỳ: | | | | |
| Ngày | Nội dung | Giá giao dịch (*) | | |
| (+) | 23/4/2015 - 14/5/2015 | Mua cổ phiếu Quỹ | 54.152 | 379.550 |
| Số lượng cổ phiếu quỹ cuối kỳ (31/12/2015) | 416.000 | | | |

(*) Giá giao dịch là giá trị giao dịch bình quân trên một cổ phiếu

Danh hiệu và giải thưởng năm 2015



"THE BEST OIL & GAS DRILLING CONTRACTOR IN ASIA"

PV Drilling lần thứ 3 đạt danh hiệu Nhà thầu khoan Dầu khí tốt nhất khu vực Châu Á - "THE BEST OIL & GAS DRILLING CONTRACTOR IN ASIA" do World Finance trao tặng.



GIẢI VÀNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA NĂM 2015

PV Drilling vinh dự nhận GIẢI VÀNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA NĂM 2015 cho hạng mục Doanh nghiệp Dịch vụ lớn theo QĐ 311/QĐ-TTg ngày 26/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ.



GIẢI NHẤT BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2015

PV Drilling vinh dự đạt giải nhất Báo cáo Phát triển bền vững năm 2015 do Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (ACCA) chấm điểm trong cuộc bình chọn "Báo cáo thường niên tốt nhất" của SGDCK TP. HCM và UBCKNN tổ chức hàng năm.



TOP 10 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT NĂM 2015

PV Drilling tiếp tục đạt TOP 10 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT NĂM 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bình chọn.



TOP 49 DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2015

PV Drilling vinh dự được bình chọn vào TOP 49 DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2015 do báo Lao Động trao tặng.



TOP 50 DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ TNDN LỚN NHẤT VIỆT NAM

Năm 2015, PV Drilling đã vươn lên vị trí thứ 26 (TOP 50) trong bảng xếp hạng 1.000 DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ TNDN LỚN NHẤT VIỆT NAM.



TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM

PV Drilling lần thứ 3 đạt TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM do Tạp chí Forbes Việt Nam trao tặng.



TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

PV Drilling vinh dự được bình chọn vào TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM (Top VNR500 - hạng 48) do Vietnam Report bình chọn.



GIÀN KHOAN CỦA PV DRILLING LIÊN TỤC VẬN HÀNH HIỆU QUẢ VÀ AN TOÀN

Hiệp hội Các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) ghi nhận các giàn khoan biển của PV Drilling liên tục vận hành hiệu quả và an toàn, không xảy ra tai nạn gây mất thời gian lao động (Zero LTI):

- Giàn khoan PV DRILLING I đạt 9 năm Zero LTI;
- Giàn khoan PV DRILLING II và giàn khoan PV DRILLING III đạt 6 năm Zero LTI;
- Giàn khoan PV DRILLING V đạt 3 năm Zero LTI;
- Giàn khoan PV DRILLING VI đạt 1 năm Zero LTI.



Ông **Phạm Tiến Dũng** - Tổng Giám đốc PV Drilling vinh dự đón nhận giải thưởng "Nhà thầu khoan dầu khí tốt nhất khu vực Châu Á" từ World Finance tại TTCK London (London Stock Exchange)



Giàn khoan của PV Drilling liên tục vận hành hiệu quả, an toàn và nhiều năm liên tiếp đạt Zero LTI

03

VƯỢT QUA THỬ THÁCH

Đối mặt khó khăn về sự suy giảm giá dầu kéo theo hàng loạt sự giảm sút của ngành công nghiệp dầu khí, PV Drilling tập trung các giải pháp cắt giảm chi phí, tái cơ cấu công ty theo hướng tinh gọn để duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh, vượt qua thử thách.

Tổng quan thị trường dầu khí

Các rủi ro trọng yếu tại PV Drilling

Gắn kết các bên có liên quan

Đánh giá các lĩnh vực trọng yếu

Giữ vững vị thế nhà thầu khoan tiên phong tại Việt Nam

Tối ưu hóa và cắt giảm chi phí

Xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro

Hoàn thiện hệ thống CNTT ERP giai đoạn III

Phát triển quỹ Khoa học Công nghệ

Tổng quan thị trường dầu khí



Năm 2016, tổng nhu cầu dầu thô ước tính vẫn thấp hơn sản lượng khai thác. Nguồn cung còn có thể sẽ tiếp tục dư thừa do Mỹ chính thức thông qua sắc lệnh cho phép xuất khẩu dầu và Iran chính thức được gỡ bỏ lệnh cấm vận.

Nhìn tổng quan bức tranh ngành công nghiệp dầu khí năm 2015, sẽ thực sự khó tìm thấy được mảng màu sáng nào khi hàng loạt các sự kiện gây ảnh hưởng tiêu cực đến giá dầu dồn dập xảy ra. Khi giá dầu thô về mức 55 USD/thùng vào cuối năm 2014, giới phân tích và đầu tư đã từng hy vọng cuộc chiến tranh giành thị phần giữa OPEC và ngành công nghiệp dầu khí đá phiến của Mỹ sẽ bớt căng thẳng và thị trường sẽ trở nên bình ổn hơn quanh mức trung bình 60 USD/thùng cho năm 2015. Tuy nhiên, trái với mọi dự đoán, tổ chức các nước xuất khẩu dầu OPEC, mà đứng đầu là Saudi Arabia, mặc dù phải gánh chịu những khoản thâm hụt khổng lồ, vẫn cương quyết không cắt giảm sản lượng, và duy trì tăng mức khai thác từ 30,3 triệu thùng/ngày trong Q1/2015 lên 31,5 triệu thùng/ngày trong Q4/2015. Trong khi đó, nền kinh tế thế giới liên tiếp bị đe dọa bởi tăng trưởng kinh tế kém ở châu Âu, cuộc khủng hoảng địa chính trị giữa Nga với phương Tây, hay sự suy thoái của nền kinh tế Trung Quốc. Mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2015 đạt mức 3,1% nhưng các ngành sản xuất đều gặp nhiều khó khăn, dẫn đến nhu cầu tiêu thụ dầu chững lại. Năm 2014, thế giới cần khoảng 91,55 triệu thùng/ngày, thì năm 2015, nhu cầu dầu thô chỉ tăng nhẹ, đạt 92,88 triệu thùng/ngày [Source: OPEC Dec Report]. Trong khi đó, nguồn cung dầu thô toàn cầu năm 2015 lên đến 95,58 triệu thùng/ngày. Việc chênh lệch cán cân cung cầu quá lớn dẫn đến sự sụt giảm nghiêm trọng của giá dầu. Kết thúc 2015, giá dầu thô Brent biển Bắc chỉ còn 37,08 USD/thùng, trong khi giá dầu WTI của Mỹ giảm xuống mức 36,36 USD/thùng, giảm tương ứng 33% và 31% so với mức giá đầu năm.

Bước sang 2016, tổng nhu cầu dầu thô toàn cầu được ước đoán sẽ đạt khoảng 94,13 triệu thùng/ngày, trong khi sản lượng khai thác dầu nhiều khả năng sẽ vẫn được duy trì ở mức trên 95 triệu thùng/ngày. Nguồn cung ra thị trường được dự đoán sẽ có thể tiếp tục dư thừa do Mỹ vừa chính thức thông qua sắc lệnh cho phép xuất khẩu nguồn dầu thô của nước này sau hơn 40 năm đóng cửa, và Iran chính thức được Mỹ, EU gỡ bỏ lệnh cấm vận, qua đó có thể tham gia vào thị trường xuất khẩu dầu thô với khoảng 1.000.000 thùng/ngày. Trong bối cảnh như vậy, sự phục hồi của giá dầu trong ngắn hạn là tương đối khó khăn. Đầu tháng 2/2016, giá dầu Brent đã có lúc xuống còn 30 USD/thùng và quay trở lại dao động quanh mức 33 USD/thùng. Các tổ chức tài chính lớn như Citi Group và Moody dự báo giá dầu Brent trung bình 2016 chỉ ở mức 40 USD/thùng, thậm chí IMF còn dự báo giá dầu xuống mức 20 USD/thùng.

Sự suy giảm nghiêm trọng của giá dầu thô trong năm 2015 đã ngay lập tức gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động thăm dò khai thác dầu khí và thị trường khoan dầu khí. Theo Barclays, ngân sách E&P toàn cầu năm 2015 đã giảm 20% so với 2014 và sẽ tiếp tục giảm thêm 8% trong năm 2016. Ngân sách E&P giảm cũng đồng nghĩa với một số lượng lớn các dự án khoan thăm dò khai thác sẽ tiếp tục bị trì hoãn hoặc hủy bỏ. Bên cạnh đó, số lượng giàn khoan dầu khí vẫn tiếp tục tăng lên do sự đầu cơ trong những năm qua, đẩy giá cho thuê giàn khoan giảm sút đáng kể từ mức trung bình 144.000 USD/ngày vào đầu năm 2015 xuống chỉ còn 90.000 USD/ngày trong Q1/2016. Cụ thể theo thống kê của Riglogix vào cuối tháng 3/2016, trong tổng số 524 giàn tự nâng đa năng trên thế giới hiện chỉ có 314 giàn đang có hợp đồng làm việc. Trong năm 2015 cũng

có thêm tổng số 40 giàn khoan được tung ra thị trường. Số giàn khoan mới đã có thể cao hơn nếu các nhà thầu khoan không trì hoãn việc nhận giàn trong năm 2015 do thị trường lao dốc.

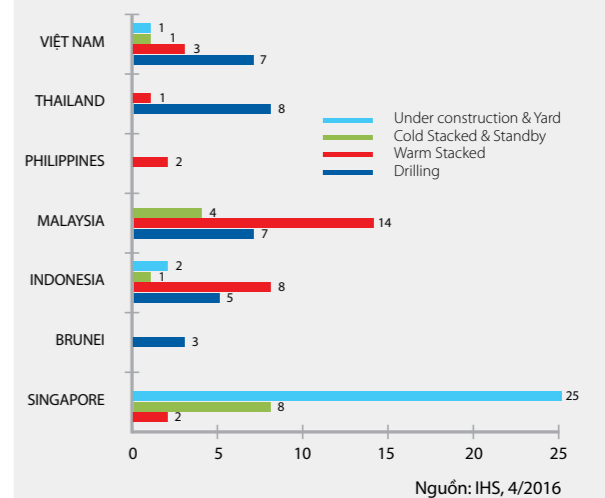
Đối với thị trường khu vực Đông Nam Á, nếu như năm 2014 khá sôi động với số giàn khoan trung bình có hợp đồng khoảng 65 giàn, hiệu suất sử dụng đạt 87%, thì năm 2015, tổng số lượng giàn khoan hoạt động chỉ còn 47 giàn, hiệu suất sử dụng chỉ khoảng 64%. Theo dự báo, trong năm 2016, lượng cung giàn khoan tự nâng trong khu vực vào khoảng 74 giàn, tăng thêm 8 giàn so với 2015, trong khi nhu cầu 2016 giảm từ 46 còn 35 giàn khoan (Source: IHS Petrodata).

Riêng với thị trường Việt Nam, theo kế hoạch của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vào đầu năm 2016, trong tình hình giá dầu tiếp tục ở mức thấp, số lượng giếng khoan bị sụt giảm mạnh hơn 50% trong năm 2016. Nếu tình hình giá dầu chưa được cải thiện để khơi thông cho các dự án đang đình trệ, số lượng giàn khoan tại Việt Nam bao gồm của PV Drilling và các nhà thầu khoan quốc tế khác được đánh giá là dư thừa hơn so với nhu cầu. Bên cạnh đó, các giàn khoan không có việc đang neo đậu trong khu vực cũng sẵn sàng chấp nhận giá thấp để giành được hợp đồng, khiến cho bối cảnh thị trường càng trở nên cạnh tranh gay gắt.

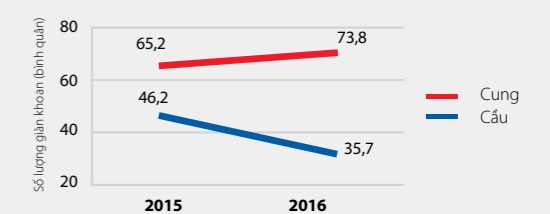
TẠI ĐÔNG NAM Á, NẾU NHƯ NĂM 2014 KHÁ SÔI ĐỘNG VỚI BÌNH QUÂN SỐ GIÀN KHOAN TRUNG BÌNH CÓ HỢP ĐỒNG KHOẢNG 65 GIÀN, HIỆU SUẤT SỬ DỤNG ĐẠT 87%, THÌ NĂM 2015, TỔNG SỐ LƯỢNG GIÀN KHOAN HOẠT ĐỘNG CHỈ CÒN 47 GIÀN, HIỆU SUẤT SỬ DỤNG KHOẢNG 64%



Hoạt động các giàn khoan tự nâng tại Đông Nam Á



Dự báo cung/cầu giàn khoan tự nâng tại Đông Nam Á



Các rủi ro trọng yếu tại PV Drilling

Danh mục rủi ro trọng yếu tiêu biểu tại PV Drilling đã được Ban lãnh đạo nhận diện và có các biện pháp ứng phó trong hoàn cảnh khó khăn do giá dầu sụt giảm như sau:



1. RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Trong hoàn cảnh nền kinh tế và chính trị thế giới có nhiều biến động rất khó lường cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt giữa các Công ty dầu khí quốc tế đã đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo PV Drilling trong việc đưa ra chiến lược phát triển kinh doanh đúng đắn cho sự phát triển của PV Drilling trong giai đoạn khó khăn hiện nay. Với rủi ro này, PV Drilling đã có những biện pháp phòng ngừa như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển và mục tiêu đúng đắn, tập trung mọi nguồn lực vào mảng cung cấp giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí;
- Xây dựng chuỗi giá trị (the value chain) để tạo lợi thế cạnh tranh và tăng giá trị cho khách hàng;
- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới để tối ưu hóa nguồn lực nội tại trong giai đoạn khó khăn hiện nay;
- Xây dựng hình ảnh và thương hiệu uy tín trong Ngành khoan dầu khí trong nước và khu vực. Duy trì phong cách làm việc chuyên nghiệp trong toàn thể cán bộ nhân viên, góp phần tạo dựng môi trường và văn hóa chuyên nghiệp cho PV Drilling.



2. RỦI RO GIÁ DẦU SỤT GIẢM

Trong năm 2015, thế giới đã chứng kiến sự sụt giảm mạnh của giá dầu mỏ và những ảnh hưởng của nó đến ngành công nghiệp Dầu khí, công nghệ khai thác dầu đá phiến đã hình thành một xu thế mặt bằng giá mới có mức ảnh hưởng sâu rộng và chưa có hồi kết. Việc giảm giá này đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động PV Drilling, Ban lãnh đạo PV Drilling đã đưa ra nhiều giải pháp để hạn chế rủi ro và vượt qua khó khăn như sau:

- Rà soát lại các nguồn lực nội tại để đảm bảo sử dụng một cách hiệu quả, triển khai dự án thực hiện các chính sách tiết kiệm chi phí (Cost Optimization) và tiến tới cắt giảm chi phí để đảm bảo được các chỉ tiêu tài chính, kinh doanh nhằm đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông;
- Theo dõi sát sao các biến động thị trường và tìm kiếm, ký kết các hợp đồng khoan mới để giảm thiểu các rủi ro và tạo thế chủ động cho PV Drilling;
- Tăng cường hoạt động phát triển Khoa học Công nghệ thông qua áp dụng công nghệ tiên tiến và các sáng kiến/giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ; cải thiện năng suất lao động và công tác an toàn;

Nhận ra đây là một rủi ro nhưng đồng thời cũng là cơ hội để PV Drilling rà soát và tối ưu hóa các nguồn lực trong hoạt động kinh doanh, ngoài việc tối ưu hóa và cắt giảm chi phí, Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra các quyết định triển khai áp dụng nhiều hệ thống Quản trị bằng công nghệ thông tin (ERP Oracle giai đoạn III), Dự án Quản trị rủi ro, Dự án phòng chống tham nhũng... giúp nâng cao giá trị và hình ảnh của PV Drilling và đồng thời là tiền đề để PV Drilling phát triển bền vững khi thị trường ổn định sau này.



3. RỦI RO AN TOÀN VẬN HÀNH GIÀN KHOAN

Hoạt động khoan dầu khí luôn phải đối mặt với điều kiện thời tiết và địa lý khó khăn tại những mỏ dầu ngoài khơi xa hay sa mạc khô cằn, sự thay đổi về mặt địa chất giếng khoan cũng như các yếu tố công nghệ trong ngành luôn tạo ra những rủi ro về hoạt động. Bất kỳ các rủi ro nào xảy ra đều có thể dẫn đến việc ngừng hoạt động khoan, làm hư hỏng hoặc phá hủy thiết bị, máy móc, làm bị thương thậm chí nguy hại đến tính mạng con người và theo đó là các sự cố phun trào, tràn dầu, kéo theo thảm họa về cháy nổ, ảnh hưởng nghiêm trọng cho môi trường, thương hiệu và uy tín của Tổng Công ty. Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro đặc thù này, PV Drilling hiện đã triển khai các giải pháp như sau:

- Áp dụng hệ thống Quản lý HSEQ theo tiêu chuẩn về quản lý chất lượng như ISO 9001:2009, ISO 14000:2004 về môi trường, OHSAS 18001:2007 về quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và các tiêu chuẩn đặc thù của Ngành dầu khí của Viện dầu khí Hoa kỳ (API);
- Tham gia và tuân thủ quy định của Hiệp hội các nhà thầu khoan thế giới (IADC);
- Sử dụng các phần mềm quản lý tiên tiến như Maximo để quản lý tài sản, mua sắm, quản lý hàng tồn kho và xây dựng các chương trình bảo dưỡng định kỳ để quản lý hàng nghìn mặt hàng phục vụ hàng ngày cho công tác khoan và các dịch vụ khác, đảm bảo tính ổn định cho chuỗi cung ứng để đáp ứng nhanh chóng nhu cầu vật tư cần thiết cho việc vận hành giàn khoan. Hệ thống quản lý vật tư và bảo trì bảo dưỡng bằng Maximo đã tạo ra được vùng đệm an toàn và chốt cảnh báo hiệu quả để hoạt động của thiết bị ổn định và an toàn;
- Sử dụng hệ thống Quản lý tài sản (Asset Management) và hệ thống Bảo trì tập trung vào độ tin cậy (Reliability-centered Maintenance) nhằm tối ưu hóa hoạt động, độ an toàn của thiết bị và tài sản;
- Xây dựng chính sách bảo hiểm và mua bảo hiểm hàng năm cho tài sản giàn khoan và con người của PV Drilling.

Việc đảm bảo an toàn trong hoạt động và luôn chú trọng tới quản trị rủi ro về an toàn đã giúp PV Drilling đạt được nhiều thành công và sự tin cậy của các khách hàng. Các thành tích như Zero LTI nhiều năm liên tiếp của các giàn sở hữu, danh hiệu nhà thầu khoan tốt nhất Châu Á do World Finance trao tặng cũng như sự chứng nhận của các đối tác luôn là động lực cố gắng lớn cho PV Drilling tiếp tục phát triển và ngày một hoàn thiện.



4. RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Ban lãnh đạo PV Drilling luôn đặt yếu tố con người là sự cốt lõi của thành công, đặc biệt là nguồn nhân lực có trình

độ chuyên môn cao, kinh nghiệm lâu năm để vận hành hiệu quả hoạt động của giàn khoan. PV Drilling đã và đang đưa ra nhiều biện pháp nhằm đáp ứng và duy trì nguồn nhân lực như sau:

- Duy trì việc thực hiện các chế độ đãi ngộ, phúc lợi tương xứng cho người lao động có trình độ chuyên môn cao trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay;
- Triển khai xây dựng mô hình năng lực cho từng vị trí chức danh (Competency Model) cho Tổng Công ty để định hướng và phát triển nguồn nhân lực;
- Công tác đào tạo nhân sự vận hành giàn khoan được thực hiện bài bản ngay trước khi tiếp nhận giàn về hoạt động tại Việt nam để làm quen vận hành thiết bị, kỹ thuật an toàn theo các chỉ dẫn của nhà sản xuất cũng như cập nhật các công nghệ mới;
- Phát triển các chương trình nhân sự như Succession Planning, chính sách gìn giữ nhân tài (Talent Management)...;
- Duy trì và phát triển được đội ngũ chuyên gia người Việt có năng lực cao giúp giảm bớt chi phí và áp lực nguồn cung về chuyên gia nước ngoài.



5. RỦI RO TÀI CHÍNH

PV Drilling là Tổng Công ty có mô hình hoạt động khá lớn với nhiều công ty con và công ty liên doanh, liên kết, điều này đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo về việc quản trị các rủi ro liên quan đến hoạt động tài chính, quản trị kế hoạch ngân sách và dòng tiền phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Các biện pháp quản trị rủi ro hoạt động tài chính đã, đang và sẽ được PV Drilling tiếp tục thực hiện như sau:

- Xây dựng quy trình và hệ thống hoạch định ngân sách thông qua hệ thống báo cáo kế toán quản trị bài bản và ngày càng hoàn thiện áp dụng từ cấp các đơn vị thành viên đến Tổng Công ty, sử dụng nền tảng công nghệ thông tin là hệ thống ERP Oracle EBMS;

Các rủi ro trọng yếu tại PV Drilling (tiếp theo)

- Quản trị tài chính theo định hướng của Quy chế quản lý tài chính, xây dựng tiêu chuẩn nhằm kiểm soát tài chính tập trung, có định hướng và quy định chi tiết các giới hạn về chỉ số tài chính;
- PV Drilling đã xây dựng hệ thống ngân quỹ tập trung từ năm 2010 đến nay đảm nhiệm vai trò điều phối dòng tiền đến các đơn vị, phòng ban, bộ phận kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, với tối ưu hóa dòng tiền, tiết giảm chi phí cơ hội và gia tăng thu nhập từ hoạt động tài chính.

6. RỦI RO LỖ DO CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

Đặc thù của ngành khoan dầu khí đòi hỏi PV Drilling phải có những khoản đầu tư lớn vào các dự án đóng giàn khoan nên phát sinh các khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ, do đó phát sinh nhiều rủi ro liên quan đến khả năng thanh toán, tỷ giá... Ngoài ra, với những diễn biến bất ổn của nền kinh tế thế giới và những chính sách tiền tệ của Mỹ gần đây đã tạo áp lực về tỷ giá giữa tiền VND và đồng USD, đòi hỏi Ban lãnh đạo PV Drilling phải cực kỳ chú trọng và đưa ra các kiểm soát sau:

- Chủ động đề xuất và được Bộ tài chính cho phép sử dụng đồng USD làm đồng tiền hạch toán kế toán tại Tổng Công ty để phù hợp với thực tế kinh doanh, trong đó đồng USD được sử dụng là đồng tiền chính trong giao dịch với khách hàng và nhà cung cấp, tránh lỗ chênh lệch tỷ giá trong các nghiệp vụ kinh tế phát sinh;
- Thương lượng với khách hàng ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ và thanh toán bằng USD để tạo nguồn USD trong kinh doanh;
- Sử dụng các công cụ phái sinh như Hoán đổi lãi suất (Interest Swap), Hợp đồng quyền chọn (Option)... để đảm bảo nguồn USD khi cần thiết;
- Ban Tài chính Tổng Công ty luôn theo dõi chặt chẽ biến động của thị trường và lãi suất để đưa ra các cảnh báo và đề xuất biện pháp ứng phó;

Nhờ những biện pháp đúng đắn trong định hướng hoạt động, PV Drilling trong thời gian qua đã giảm thiểu được tác động của rủi ro tỷ giá tới các hoạt động, từ đó giúp đảm bảo được dòng tiền phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.



7. RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập và phát triển do đó việc thay đổi chính sách thuế là điều không thể tránh khỏi. Nhận định được đây là một rủi ro tác động lên nhiều mặt hoạt động kinh doanh của PV Drilling, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo triển khai nhiều biện pháp để hạn chế rủi ro như sau:

- Thành lập bộ phận chuyên trách về thuế để nghiên cứu, theo dõi và cập nhật các thay đổi về chính sách thuế tới các Ban/Đơn vị theo từng khoản mục thuế, từng loại hình dịch vụ liên quan, giảm thiểu tối đa các rủi ro về thuế có thể phát sinh;
- Chủ động kiến nghị điều chỉnh và thay đổi một số chính sách thuế chưa phù hợp với đặc thù ngành khoan dầu khí nhằm tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.



8. RỦI RO TUÂN THỦ

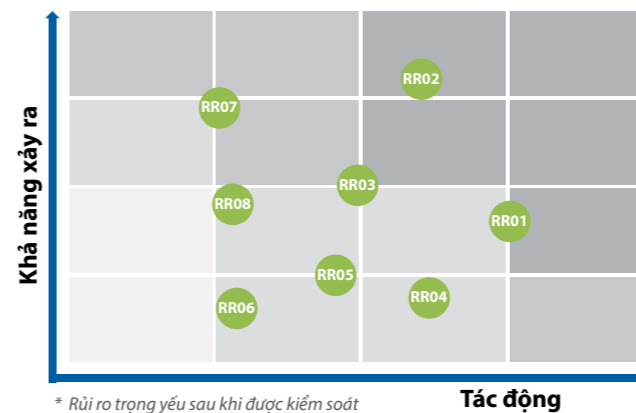
Tổng Công ty và các Đơn vị hoạt động trong phạm vi điều chỉnh của hệ thống văn bản luật Việt Nam, các chính sách, quy định của Tập đoàn và đặc biệt là các quy chế, quy trình, quy định trong nội bộ Tổng Công ty. Do đó, những rủi ro về mặt tuân thủ pháp lý cũng như các quy định nội bộ là mối lo luôn được Ban lãnh đạo PV Drilling quan tâm sâu sắc trong điều hành kinh doanh.

Ban Kiểm toán nội bộ với một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu và kinh nghiệm thực tế cao thực hiện đánh giá, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy trình, quy định, quy chế nội bộ trong PV Drilling cũng như việc thực thi các chính sách thuế, các quy định hiện hành..., đồng thời đánh giá công tác quản lý điều hành tại các Đơn vị nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả. Bên cạnh đó, Ban Kiểm toán nội bộ cũng đánh giá các rủi ro về hoạt động kinh doanh, tài chính, kế toán, thuế, nghiên cứu các chính sách Nhà nước để đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và đề xuất các biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp với mục tiêu sử dụng hiệu quả các nguồn lực của PV Drilling;



NĂM 2015, BAN LÃNH ĐẠO ĐÃ XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC RỦI RO CHÍNH TẠI PV DRILLING, TỪ ĐÓ XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ TRONG TÌNH HÌNH KHÓ KHĂN HIỆN NAY

Ban An toàn Tổng Công ty được giao trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo việc tuân thủ các quy định về an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các quy định theo tiêu chuẩn kỹ thuật của PV Drilling, Luật Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế mà Công ty đang áp dụng. Năm 2016, PV Drilling tiếp tục xây dựng quy trình, hệ thống kiểm soát viên toàn Tổng Công ty nhằm nâng cao hệ thống quản trị, bảo đảm tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, ngăn chặn các thiệt hại có thể xảy ra và đưa ra các cải tiến cho bộ máy điều hành.



* Rủi ro trọng yếu sau khi được kiểm soát

Rủi ro trọng yếu tại PV Drilling

| Mã | Rủi ro trọng yếu |
|------|--------------------------------|
| RR01 | Rủi ro chiến lược |
| RR02 | Rủi ro giảm giá đầu |
| RR03 | Rủi ro vận hành giàn |
| RR04 | Rủi ro tìm nguồn nhân lực |
| RR05 | Rủi ro tài chính |
| RR06 | Rủi ro lỗ do chênh lệch tỷ giá |
| RR07 | Rủi ro chính sách thuế |
| RR08 | Rủi ro tuân thủ |

Gắn kết các bên liên quan

PV Drilling có mối quan hệ và tương tác với nhiều bên có liên quan, từ phạm vi trong nước đến khu vực và thế giới. Các bên có liên quan là những đối tượng mà PV Drilling chịu sự ảnh hưởng hoặc tác động đến họ, trong đó được chia thành những nhóm chính sau:

- Nhóm trực tiếp là những nhóm tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường và xã hội, bao gồm: cổ đông lớn (PVN), khách hàng chủ yếu là các nhà thầu dầu khí, người lao động của PV Drilling;
- Nhóm kết nối là những nhóm tác động gián tiếp đến hoạt động SXKD, môi trường và xã hội bằng những ảnh hưởng về các yêu cầu minh bạch thông tin, quản trị doanh nghiệp, các tiêu chuẩn, các quy định trong ngành..., bao gồm: cổ đông, ngân hàng, nhà cung cấp, hiệp hội ngành, đối thủ cạnh tranh;

- Nhóm gián tiếp là những nhóm thông qua các quy định pháp luật, các chế tài, các mong đợi của cộng đồng tác động gián tiếp đến hoạt động và các giải pháp của PV Drilling, bao gồm: Nhà nước và các cơ quan hữu quan, cộng đồng.

Trên thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Drilling đã thực hiện nhiều phương thức kết nối với các bên có liên quan, thông qua cuộc gặp gỡ với các nhà đầu tư, cổ đông, ĐHĐCĐ, trao đổi với các chuyên gia của khách hàng, ký kết hợp đồng, trình bày và báo cáo các vấn đề với các cơ quan Nhà nước hữu quan, qua các chương trình hội thảo khách hàng, các trao đổi bằng văn bản, email, hoặc qua các cuộc khảo sát lấy ý kiến CBCNV, khảo sát về mức độ hài lòng khách hàng,...

| Các bên có liên quan | Kết nối với các bên có liên quan | Nội dung tham vấn và phản hồi mong đợi từ các bên có liên quan | Các đáp ứng mong đợi | Những vấn đề PV Drilling tập trung năm 2016 |
|---|---|---|--|--|
| Khách hàng Các nhà thầu dầu khí như Vietsovpetro, PVEP, Lam Son JOC, Cucu Long JOC, ... Các nhà thầu khoan: cung ứng dịch vụ nhân lực | Cuộc họp hàng tháng/quý với khách hàng Chương trình hội nghị khách hàng Khảo sát sự thỏa mãn khách hàng Các hồ sơ báo cáo với khách hàng,... | Hoạt động an toàn Môi trường Hiệu suất hoạt động Chất lượng dịch vụ; Giá cả, các điều khoản hợp đồng; Sự tin cậy; Công nghệ; Năng lực hoạt động Chất lượng dịch vụ và chất lượng đội ngũ nhân lực khoan; sự chuyên nghiệp trong cung ứng dịch vụ Chi phí hoạt động, Đơn giá cho thuê giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan | Đầu tư vào hệ thống HSEQ theo tiêu chuẩn quốc tế Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực Bảo trì, bảo dưỡng, Xây dựng các tiêu chuẩn quản lý tiên tiến Xây dựng, mở rộng các chỉ số KPIs để hoàn thiện hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ Chia sẻ chi phí với khách hàng (giảm đơn giá) | Bảo đảm chất lượng dịch vụ khách hàng Triển khai các chương trình cắt giảm chi phí nhằm bảo đảm việc chia sẻ chi phí với khách hàng |
| Hiệp hội ngành Tổ chức IADC Hội Dầu khí Việt Nam | Các báo cáo hàng quý/năm Báo cáo về LTI Các hội thảo chuyên ngành dầu khí | Hoạt động an toàn Bảo đảm môi trường Chất lượng dịch vụ | Duy trì và phát triển hệ thống HSEQ Nghiên cứu dịch vụ mới Cải tiến chất lượng dịch vụ Báo cáo minh bạch thông tin | Bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu suất hoạt động cao |
| Nhà cung cấp Nhà thầu đóng giàn Keppel Fels Các nhà cung cấp thiết bị, phụ tùng, dịch vụ | Mời thầu Ký kết hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ | Hệ thống minh bạch trong việc chấm thầu Thời gian thực hiện dịch vụ Hiệu quả hoạt động và sự chuyên nghiệp Đơn giá đầu vào | Cơ chế rõ ràng trong việc chấm thầu Bảo đảm sự công bằng giữa các nhà cung cấp Bảo đảm thanh toán Các chương trình tạo mối quan hệ với nhà cung cấp | Hợp tác chặt chẽ, cắt giảm chi phí đầu vào |

| Các bên có liên quan | Kết nối với các bên có liên quan | Nội dung tham vấn và phản hồi mong đợi từ các bên có liên quan | Các đáp ứng mong đợi | Những vấn đề PV Drilling tập trung năm 2016 |
|--|---|--|--|---|
| Đối tác: Ngân hàng Vietcombank, PVcombank, BIDV, MBBank, VietinBank, Seabank, Citibank, HSBC, ANZ, DBS, Shinhan Bank, Standard Chartered Bank, BNP Baripar, JP Morgan, Deutsche Bank,... | Mở tài khoản và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; hệ thống thanh toán điện tử, chuyển tiền trong và ngoài nước, tiền gửi kỳ hạn (VND & USD), Swap USD và mua bán ngoại tệ và thực hiện các công cụ phái sinh Làm việc với các ngân hàng trong nước để thu xếp vốn đầu tư cho các Giàn khoan PV DRILLING 11, PV DRILLING I, PV DRILLING II, PV DRILLING III, PV DRILLING V và PV DRILLING VI | Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp Hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp | Ban hành quy chế quản lý tài chính sửa đổi, cập nhật năm 2014 Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro Xây dựng quy trình kiểm soát viên toàn hệ thống nhằm ngăn chặn, phòng ngừa các thiệt hại có thể xảy ra | Nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp |
| Tập đoàn Dầu khí VN Cổ đông, nhà đầu tư | Cuộc họp ĐHĐCĐ Các cuộc gặp gỡ nhà đầu tư Các báo cáo định kỳ của Tổng Công ty Công bố thông tin | Hệ thống minh bạch thông tin Hệ thống quản trị doanh nghiệp tốt Hiệu quả hoạt động SXKD, tài chính Tìm kiếm các phương án hỗ trợ các nhà thầu dầu khí và các nhà cung cấp dịch vụ | Các kênh công bố thông tin hiệu quả Chính sách cổ tức tối đa hóa giá trị cổ đông | Tối đa hóa giá trị cổ đông |
| Người lao động | Các cuộc họp giao ban Hội nghị người lao động Giải thưởng cho CBCNV Các chương trình kêu gọi sự tham gia của các nhân viên (như chương trình Green day) Các thu thập phản hồi từ người lao động (survey), phỏng vấn,... | Môi trường làm việc Lương thưởng và phúc lợi Đào tạo Sự lãnh đạo và đội ngũ kế thừa Sự chuyên nghiệp; tinh học hỏi; sáng tạo; tinh thần tập thể; sự liêm chính | Các chương trình sức khỏe và an toàn người lao động Cạnh tranh lương Chương trình Phát triển và gìn giữ nhân tài Chuẩn bị nguồn nhân lực kế thừa Chương trình phúc lợi Xây dựng các chỉ số KPIs hợp lý để đánh giá người lao động... | Duy trì nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, tay nghề cao |
| Nhà nước các cơ quan nhà nước thuộc lĩnh vực tài chính, chứng khoán, thuế, môi trường, lao động, khoa học công nghệ | Các báo cáo cho các cơ quan này Tham gia cuộc họp của chính phủ, Thanh tra của Nhà nước Đạt được các chứng chỉ cần thiết để bảo đảm hoạt động kinh doanh ổn định | Tuân thủ pháp luật Các chứng chỉ, giấy phép theo quy định Hỗ trợ phát triển cộng đồng... | Nghiên cứu các vấn đề pháp lý Tuân thủ và lấy các giấy phép về an toàn, môi trường Thực hiện công tác HSEQ An sinh xã hội | Nghiên cứu và phổ biến các quy định pháp luật, các chính sách mới của Nhà nước, đặc biệt về Luật doanh nghiệp và các quy định, hướng dẫn trong lĩnh vực chứng khoán, thuế |
| Đối thủ cạnh tranh | Tham gia trong đấu thầu Tham gia các hiệp hội ngành Khảo sát độc lập của đơn vị tư vấn về nghiên cứu thị trường Các báo cáo ngành | Cạnh tranh công bằng, minh bạch | Nâng cao hình ảnh và vị thế cạnh tranh bằng sự minh bạch trong hoạt động và công bố thông tin | Nghiên cứu các cơ hội hợp tác và phát triển tại thị trường nước ngoài |

Đánh giá các lĩnh vực trọng yếu

Trong bối cảnh thị trường dầu khí có nhiều biến động, tác động sâu sắc đến hoạt động kinh doanh cũng như vai trò của các nhà thầu khoan đến hoạt động ngành và xã hội, PV Drilling xác định các lĩnh vực trọng yếu tập trung vào những thử thách thông qua những giải pháp nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động của các giàn khoan, duy trì danh tiếng và uy tín của PV Drilling.

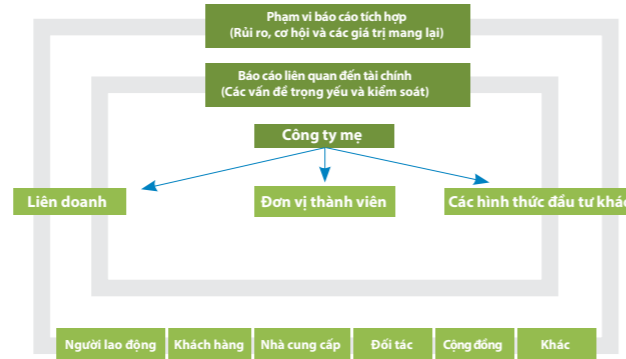
Việc đánh giá các lĩnh vực trọng yếu có mối liên hệ đến các giá trị cốt lõi của PV Drilling và đáp ứng nhu cầu của các bên có liên quan. Các đánh giá được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xác định phạm vi đánh giá

PV Drilling xác định giới hạn của đánh giá trong báo cáo tích hợp (intergrated report) bao gồm tất cả những bên liên quan có tác động hoặc bị tác động, bao gồm cả những tác động tích cực và tiêu cực. Điều đó có nghĩa là một mặt các bên có liên quan có khả năng tác động đến giá trị của PV Drilling, thì mặt khác chính những hoạt động của PV Drilling tác động đến các bên có liên quan này.

PV Drilling định kỳ có sự cập nhật đánh giá các bên có liên quan này tùy theo những diễn biến và thay đổi của môi trường bên trong và bên ngoài PV Drilling nhằm bảo đảm có sự đánh giá và phân loại chính xác những đối tượng này. Giai đoạn 2015 - 2016, PV Drilling đánh giá và phân loại thành 3 nhóm các bên có liên quan như bảng sau:

| Mức độ quan trọng của nhóm các bên có liên quan | Các bên có liên quan | Ý nghĩa phân loại |
|---|--|---|
| 1 Cao (primary) | Khách hàng Người lao động Cổ đông (bao gồm Petrovietnam) và nhà đầu tư | Không những có những tác động đến hoạt động kinh doanh của TCT, mà ngược lại PV Drilling còn tác động trực tiếp đến các đối tượng này |
| 2 Trung bình (secondary) | Nhà cung cấp Đối thủ cạnh tranh Đối tác Chính phủ Hiệp hội ngành | Có khả năng ảnh hưởng đến sự thành công của PV Drilling mặc dù PV Drilling ít có sự tác động trực tiếp lên các đối tượng này hơn nhóm 1 |
| 3 Thấp (tertiary) | Cộng đồng Bảo chí Các tổ chức phi lợi nhuận | PV Drilling ít có tác động trực tiếp lên các bên liên quan này nhất, mặc dù danh tiếng và vị thế của PV Drilling có thể bị tác động gián tiếp bởi các đối tượng này |



Bước 2: Thu thập thông tin từ các bên có liên quan

Với việc xác định giới hạn của đánh giá trong báo cáo, PV Drilling đã tiến hành việc thu thập thông tin từ các bên có liên quan thông qua các hành động sau:

- Xem xét những đánh giá và mong đợi của các bên liên quan, thông qua các yêu cầu, kết quả công việc đạt được, và những phản hồi trong quá trình cung cấp dịch vụ, thuê nhà cung ứng, trao đổi công việc với các bên có liên quan;
- Đánh giá nội bộ của các Đơn vị, Phòng/Ban chức năng, Ban lãnh đạo thông qua các cuộc họp, báo cáo, xây dựng ngân sách hàng năm...;
- Tham khảo, đánh giá từ các báo cáo giám sát của cơ quan Nhà nước qua các đợt thanh tra, kiểm tra;
- Xem xét các báo cáo đánh giá của khách hàng, tổ chức tư vấn trong quá trình làm việc với PV Drilling;
- Xem xét các báo cáo dự báo kinh tế vĩ mô, thị trường dầu khí từ các tổ chức ngân hàng, IHS, BMI, IADC và các tổ chức phân tích độc lập khác.

Bước 3: Xác định các lĩnh vực trọng yếu

Thông qua các đánh giá và thông tin có được ở bước 2, PV Drilling đánh giá các lĩnh vực trọng yếu thông qua việc xếp hạng theo từng mức độ quan trọng, bao gồm 3 cấp độ sau:

1. Lĩnh vực quan trọng nhất: đây là những vấn đề được xác định cực kỳ quan trọng và sẽ có tác động trực tiếp, ngay tức khắc đến hoạt động của PV Drilling;



THÔNG QUA GIÁ TRỊ CỐT LÕI, PV DRILLING XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU BAO GỒM CÁC VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

2. Lĩnh vực cần tập trung phát triển: những vấn đề có thể xảy ra trong tương lai hoặc những vấn đề hiện hữu mà chúng có thể sẽ tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động và vị thế của PV Drilling;

3. Lĩnh vực nằm trong tầm kiểm soát: những vấn đề hiện vẫn đang nằm trong tầm kiểm soát chặt chẽ của PV Drilling.

Bước 4: Phân loại và kết nối các lĩnh vực trọng yếu với giá trị cốt lõi của PV Drilling

Thông qua giá trị cốt lõi tạo ra giá trị của PV Drilling (value drivers) đã được xác định từ chiến lược phát triển bền vững, bao gồm: (i) vị thế của nhà thầu khoan uy tín và tin cậy, (ii) nguồn lực tài chính, (iii) nguồn nhân lực chất lượng cao, (iv) mối quan hệ bền vững với đối tác và cộng đồng, PV Drilling

xác định và phân loại các vấn đề trọng yếu nhằm bảo đảm sự liên hệ chặt chẽ với chiến lược phát triển bền vững của PV Drilling, trong đó xem xét đến việc đánh giá tác động của tổ chức đến kinh tế - môi trường - xã hội.

Bước 5: Hoàn thiện và cải tiến

Ban lãnh đạo xem xét và rà soát tất cả các nội dung báo cáo nhằm bảo đảm chất lượng báo cáo được thực hiện tin cậy, rõ ràng, chính xác, thể hiện sự cân bằng, kịp thời và bảo đảm duy trì được sự theo dõi số liệu cho những báo cáo kế tiếp. Đồng thời, PV Drilling tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ chỉ số theo dõi cho báo cáo, các số liệu được lấy từ các quy trình hoạt động nội bộ của Tổng Công ty, đồng thời lên kế hoạch xây dựng những chỉ số theo dõi khác nhằm chuẩn bị cho những báo cáo trong tương lai.

Bảng các lĩnh vực trọng yếu tại PV Drilling

| Giá trị cốt lõi (Value Drivers) | Mục tiêu (Objectives) | Lĩnh vực trọng yếu (Material Focus Areas) | Xếp hạng (Rating) | Thời gian (Term) |
|---|---|--|-------------------|------------------------|
| Nhà thầu khoan uy tín và tin cậy | Nâng cao năng lực hoạt động, mở rộng thị trường, phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao, bảo đảm chất lượng dịch vụ khách hàng | Duy trì hiệu quả hoạt động giàn khoan | 2 | Dài hạn |
| | | HSEQ | 2 | Dài hạn |
| | | Hoàn thiện hệ thống CNTT (ERP giai đoạn III) | 2 | Ngắn hạn |
| Nguồn lực tài chính | Bảo đảm hiệu quả hoạt động kinh doanh | Phát triển Quỹ KHCN | 2 | Trung hạn |
| | | Tối ưu hóa và cắt giảm chi phí: - Hành chính - Thương mại | 1 | Ngắn hạn |
| | | Tối ưu hóa và cắt giảm chi phí: - Quản lý và vận hành giàn khoan - Nhân sự | 1 | Dài hạn |
| Nguồn lực con người | Đưa nguồn nhân lực trở thành một trong những ưu thế cạnh tranh hàng đầu của Tổng Công ty, nâng cao hình ảnh doanh nghiệp. Xây dựng văn hóa và môi trường làm việc chuyên nghiệp | Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro | 1 | Dài hạn |
| | | Chính sách lương thưởng, gìn giữ và phát triển nhân tài | 2 | Dài hạn |
| | | Đào tạo và nâng cao năng lực nguồn nhân lực | 2 | Dài hạn |
| Mối quan hệ bền vững với đối tác và cộng đồng | Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng tới tính nhân văn và sự chuyên nghiệp | Phát triển đội ngũ kế thừa | 1 | Trung hạn |
| | | Quan tâm phát triển cộng đồng xã hội Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Nhà nước | 3 3 | Trung hạn Trung hạn |

Giải thích xếp hạng: 1. Lĩnh vực quan trọng nhất 2. Lĩnh vực cần tập trung phát triển 3. Lĩnh vực nằm trong tầm kiểm soát

Giữ vững vị thế nhà thầu khoan tiên phong tại Việt Nam

| Chỉ số | Mô tả | Mục tiêu |
|--|---|---------------------------|
| HSEQ | | |
| Sự cố gây mất ngày công làm việc (LTI) | Số lượng các sự cố tai nạn gây mất ngày công làm việc | 0 / năm |
| Vận hành | | |
| Hiệu suất hoạt động | Phần trăm tổng thời gian hoạt động hiệu quả trong một tháng (không bao gồm 12 giờ cho các dịch vụ tổng quát, sửa chữa và thời gian chờ) | 98% (Jackup) 95% (TAD) |

Chỉ số hoạt động:

| | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | |
|--|--------|--------|--------|--------|--------|
| HSEQ | | | | | |
| Sự cố gây mất ngày công làm việc (LTI) | 2 | 0 | 0 | 1 | |
| Vận hành | | | | | |
| Hiệu suất hoạt động | Jackup | 98,95% | 98,45% | 99,32% | 98,95% |
| | TAD | 95,16% | 96,36% | 98,32% | 93,00% |

THÀNH TÍCH NHIỀU NĂM LÀM VIỆC LIÊN TỤC KHÔNG XẢY RA SỰ CỐ MẤT NGÀY CÔNG LÀM VIỆC (ZERO LTI)

9 NĂM ZERO LTI 6 NĂM ZERO LTI 6 NĂM ZERO LTI 3 NĂM ZERO LTI 1 NĂM ZERO LTI



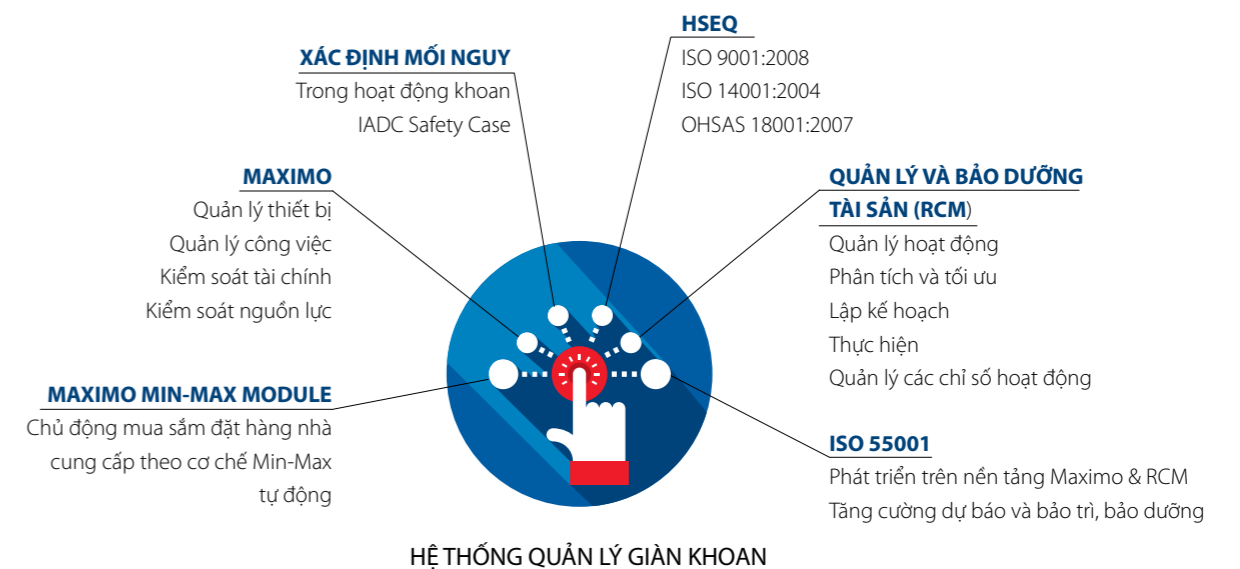
PV DRILLING I PV DRILLING II PV DRILLING III PV DRILLING V (TAD) PV DRILLING VI

Trong bối cảnh thị trường ngành dầu khí đang có nhiều biến động, giá dầu thô sụt giảm từ cuối năm ngoái và đang tiếp tục trên đà giảm tạo ra viễn cảnh dư nguồn cung trong năm tiếp theo, rất nhiều khó khăn và thử thách mà ngành

dầu khí nói chung và PV Drilling nói riêng sẽ phải đối mặt trong thời gian sắp tới. Trong khi các khách hàng và đối tác liên tục điều chỉnh các kế hoạch về ngân sách và dự toán tài chính để phù hợp với những kịch bản được đưa

ra khi giá dầu rơi xuống ngưỡng thấp hơn, PV Drilling đã có những cố gắng để duy trì hoạt động sản xuất trong điều kiện tối ưu hóa chi phí để đảm bảo tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ hoàn trả vốn, mục đích tạo ra những giải pháp và cơ

hội phát triển bền vững trong thời gian khó khăn này. Mà trong đó, một trong những nhiệm vụ hàng đầu để ra là duy trì và bảo đảm hiệu quả hoạt động hệ thống quản lý vận hành giàn khoan.



HỆ THỐNG QUẢN LÝ HSEQ TRÊN GIÀN KHOAN (CHẤT LƯỢNG - MÔI TRƯỜNG - AN TOÀN - SỨC KHOẺ)

Hệ thống HSEQ được đặc biệt chú trọng trong công tác vận hành giàn khoan do tính chất đặc thù ngành công nghiệp dầu khí. Hệ thống được tích hợp vào hệ thống HSEQ của toàn Tổng Công ty nhằm bảo đảm sự thống nhất và tính hiệu quả của hệ thống. Đây là bộ khung quản lý trong công tác vận hành, bảo đảm giàn khoan hoạt động an toàn và hiệu suất cao. Đối với bất kỳ nhà thầu khoan dầu khí nào trên thế giới, chính sách về an toàn sẽ luôn là mối quan tâm hàng đầu, đặc biệt đối với PV Drilling hướng tới mục tiêu trở thành nhà thầu khoan tin cậy và có uy tín thì chính sách này lại càng được chú trọng.

Năm 2015, PV Drilling tiếp tục duy trì và cải thiện hiệu suất hoạt động cao cho các giàn khoan của PV Drilling trong nỗ lực tối ưu hóa chi phí. Các giàn khoan tự nâng đều đạt hiệu suất gần 99% trong năm 2015, vượt mục tiêu đề ra ở mức 98%. Tỷ lệ các sự cố an toàn (LTIFR) đối với các giàn khoan biển tiếp tục đạt 0,00 trong năm 2015, so với tỷ lệ ghi nhận ở Châu Á Thái Bình Dương là 0,31. Giàn khoan PV Drilling I đã đạt cột mốc quan trọng 9 năm hoạt động liên tục không xảy ra tai nạn đáng kể. Trong năm 2015, cả hai giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III cũng được ghi nhận 6 năm LTI. Riêng đối với giàn PV DRILLING VI, chưa có một ghi nhận nào về tai nạn kể từ lúc nhận giàn và bắt đầu hoạt động từ tháng 3/2015.

Giữ vững vị thế nhà thầu khoan tiên phong tại Việt Nam (tiếp theo)

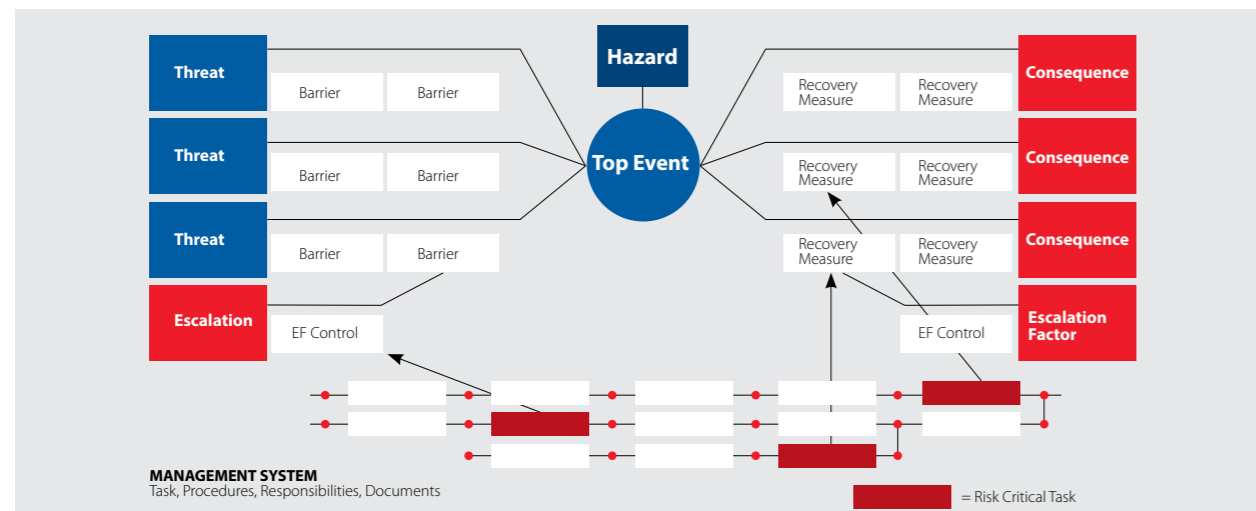
Bên cạnh đó, chương trình Stop Work Authority (SWA) đã được phát triển hoàn thiện, áp dụng trên tất cả các giàn và nhận được những phản hồi tích cực từ phía khách hàng, tạo nên một điểm nhấn trong chính sách về đảm bảo an toàn môi trường lao động. SWA được tiến hành hàng tuần trên cơ sở khuyến khích tất cả nhân viên được phép dừng một công việc hoặc nhiệm vụ mà họ đánh giá là không an toàn, đồng thời để họ tự tin hơn trong việc ngăn ngừa kịp thời các công việc, hành động không an toàn. Cơ sở dữ liệu trực tuyến JSA cũng đã được triển khai nhằm đảm bảo tính cập nhật và việc truy xuất các mã rủi ro trong hệ thống được toàn diện hiệu quả, góp phần ngăn ngừa, hạn chế các sự cố xảy ra.

Những thành tựu trong lĩnh vực HSEQ cũng đã phản ánh định hướng đúng đắn của PV Drilling đối với vấn đề con người và tài sản, luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ cũng như cam kết với khách hàng về việc duy trì môi trường làm việc an toàn hiệu quả trong bối cảnh thị trường đầy thách thức của ngành khoan dầu khí.

XÁC ĐỊNH RỦI RO VÀ MỐI NGUY TRONG HOẠT ĐỘNG KHOAN

Ngay từ khi đưa vào vận hành giàn khoan, PV Drilling đã tập trung vào các phương pháp và chia sẻ các phương thức nhất quán, hài hòa trong việc đưa ra các cam kết về quản lý an toàn. Chính vì vậy, tiêu chuẩn "IADC HSE Case" trong hoạt động giàn khoan đã được PV Drilling soạn thảo và áp dụng dựa trên các tiêu chí của "Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế - IADC" và dựa trên sự tư vấn của nhà thầu MAREX-UK. Chương trình IADC HSE Cases đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực, giúp PV Drilling xác định được các rủi ro liên quan tới các sự cố thiết bị, con người, thời tiết và đưa ra các giải pháp xử lý, ngăn ngừa một cách hiệu quả.

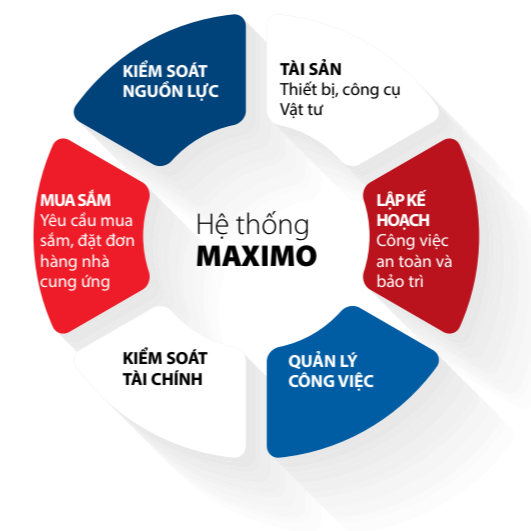
Trong năm 2015, HSE Cases của tất cả các giàn được cập nhật để phù hợp hơn với những thay đổi hiện hữu. Bên cạnh đó, các chuyên đề an toàn sức khỏe được thực hiện cho từng quý, giúp người lao động nâng cao thêm cách thức phòng ngừa với các tai nạn sự cố trong hoạt động.



QUẢN LÝ TÀI SẢN

Các giàn khoan, bao gồm các giàn khoan biển và giàn khoan đất liền cùng các thiết bị đi cùng với giàn là tài sản hữu hình gắn liền với dịch vụ cốt lõi của PV Drilling. Năm 2007 khi giàn khoan PV DRILLING I bắt đầu hoạt động, PV Drilling đã ứng dụng phần mềm CMMS Maximo trong công tác quản lý tài sản, mua sắm và quản lý kho. Các chương trình bảo dưỡng định kỳ được lên kế hoạch, lập trình thông qua các phân hệ (module) trong hệ thống Maximo, vốn được nghiên cứu và xây dựng dựa trên các đề xuất từ nhà sản xuất thiết bị gốc (OEM) và kinh nghiệm vận hành thực tế được áp dụng rộng rãi trên thế giới.

Bên cạnh đó, PV Drilling đã và đang tiếp tục phát triển, nghiên cứu và áp dụng "Bảo dưỡng giàn khoan dựa trên độ tin cậy tập trung" RCM (Reliability Centered Maintenance) cho phép tiếp cận tốt hơn về khái niệm bảo dưỡng phòng ngừa (Preventive Maintenance). Chương trình RCM sử dụng chính các thông số thiết bị vận hành giàn để xây dựng mục tiêu quản lý tốt tài sản, an toàn, tối ưu hóa chương trình bảo dưỡng, tối ưu hóa lượng vật tư thay thế, tăng tuổi



Giữ vững vị thế nhà thầu khoan tiên phong tại Việt Nam (tiếp theo)



thợ thiết bị đồng thời với việc đảm bảo thiết bị hoạt động hiệu quả hơn, tiết kiệm chi phí. Trọng tâm của RCM là xác định điểm giới hạn, rủi ro của hệ thống từ đó xác định cách thức, kỹ thuật để hạn chế các rủi ro này, và các tác động của rủi ro khi xảy ra, nếu có. Từ năm 2012, chương trình RCM đầu tiên đã được triển khai thử nghiệm cho hệ thống cần cầu trên giàn và sau đó được rút kinh nghiệm để tiếp tục triển khai chính thức đến các hệ thống khác trên giàn như cụm máy phát điện chính, hệ thống bơm điện chìm cung cấp nước dẫn & nước làm mát... đến nay giúp tiết kiệm chi phí bảo dưỡng và mua phụ tùng thay thế trung bình 5 tỷ đồng/giàn/năm.

QUẢN LÝ CHUỖI DỰ TRỮ - CUNG ỨNG THIẾT BỊ

Vận hành giàn khoan là chuỗi nhiều hoạt động có mối liên hệ chặt chẽ nhau, trong đó có hàng nghìn các vật tư thiết bị tiếp tế và hàng loạt các dịch vụ khác nhau từ các nhà cung cấp thứ ba. Việc đáp ứng nhanh chóng những nhu cầu vật tư cần thiết cho việc vận hành giàn khoan, tạo một vùng đệm an toàn cho hoạt động của giàn khoan, bảo đảm chuỗi cung ứng ổn định là hết sức cần thiết đối với bất kỳ các nhà thầu khoan uy tín và tin cậy.

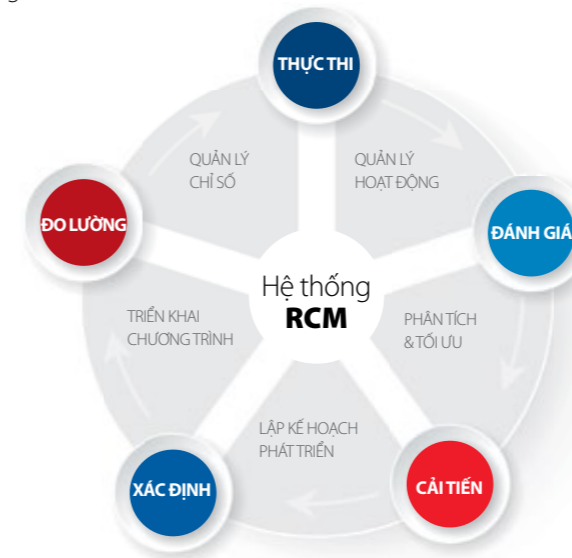
Định hướng chiến lược như trên đã được nhận diện một cách rõ ràng, thống nhất ngay từ khi PV Drilling bước vào

lĩnh vực khoan. PV Drilling đầu tư và áp dụng CMMS Maximo - Procurement & Inventory Control Module như một giải pháp hiệu quả để cập nhật thông tin về việc cung cấp và điều chỉnh vật tư, cho phép việc theo dõi hàng tồn, báo cáo và kiểm toán, mua hàng trực tiếp và bổ sung kho song hành với các giao dịch khác...

Với trên 07 năm kinh nghiệm trong hoạt động khoan, cùng với việc liên tục hiệu chỉnh, cải tiến, PV Drilling đã xây dựng được hệ thống đáp ứng các nhu cầu bảo trì theo thời gian thực, ngay khi cần (Just In Time). Năm 2012, PV Drilling nghiên cứu thành công một thiết lập về mức cực đại - cực tiểu dành cho hàng hóa lưu kho. Đó là một cột mốc quan trọng trong việc nâng cao trình độ quản lý, giúp chúng ta có thể giảm thiểu việc thiếu hàng, hàng lưu kho bị hao hụt và tiến tới mua hàng một cách tự động theo định kỳ, theo định mức hoặc yêu cầu từng trường hợp mà vẫn đảm bảo được việc tối ưu hoá chi phí kho. Năm 2015, mức cực đại - cực tiểu tiếp tục được nghiên cứu cải tiến hơn nữa trong nỗ lực tối ưu hoá chi phí vận hành nhưng bảo đảm giàn khoan hoạt động được xuyên suốt, hiệu suất hoạt động cao.

Bên cạnh đó, hệ thống quản lý Oracle ERP đã được đưa vào áp dụng trong công tác quản lý tài chính, mua sắm, quản trị

hợp đồng... và đặc biệt đã được kết nối thành công với hệ thống CMMS Maximo nhằm đảm bảo số liệu quản trị kho & mua sắm xuất phát từ hoạt động đặc thù của giàn khoan có thể truyền sử dụng chính xác cho công tác quản trị tài chính doanh nghiệp. Hiện tại trên thế giới, rất ít công ty khoan, ngay cả các công ty có tên tuổi, có thể gặt hái được sự kết nối thành công giữa hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp và hệ thống phần mềm quản trị vận hành giàn khoan.



SÁNG KIẾN CẢI TIẾN KỸ THUẬT TRONG QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ & VẬN HÀNH

Từ những ngày đầu hoạt động, bên cạnh việc thúc đẩy mạnh mẽ công tác đào tạo đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật, kỹ sư và quản lý điều hành nhằm tiến tới nắm bắt và làm chủ công nghệ, phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tìm tòi ứng dụng công nghệ mới luôn được PV Drilling đặc biệt khuyến khích hướng tới tối ưu hóa công tác quản lý và điều hành trong hoạt động sản xuất. Trong những năm gần đây, một số sáng kiến và ứng dụng tiêu biểu đã được Tổng Công ty và Hội đồng khoa học công nghệ ghi nhận và đánh giá cao, cụ thể như sau:

- Phần mềm quản trị nhân sự và đào tạo Simple Soft;
- Hệ thống quản lý tài liệu điện tử;

- Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý cập nhật dữ liệu đăng kiểm và bảo dưỡng hàng hải của các giàn khoan biển;
- Phần mềm lưu trữ và hỗ trợ phân tích rủi ro công việc cho các hoạt động trên giàn khoan - JSA Data Base Software;
- Nâng cấp hệ thống theo dõi chạm đất và giảm điện trở cách điện;
- Thiết kế và chế tạo mới hệ thống hỗ trợ chống ống giếng khoan (casing stabbing board) trên giàn khoan.
- Các nâng cấp và tối ưu hóa ứng dụng tại hệ thống Maximo cho các phân hệ kiểm soát kho (thiết lập mức Min - Max, kiểm soát đặt hàng vượt mức cho phép, quản lý thiết bị vật tư luân chuyển...), phân hệ mua sắm (tham khảo & đánh giá thương mại ngay trên hệ thống, hỗ trợ thống kê và báo cáo số liệu...).

Các sáng kiến kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới, ngoài việc giúp PV Drilling tiết kiệm chi phí hàng tỷ đồng nếu như phải thuê dịch vụ & tư vấn từ bên ngoài, đã mang lại những lợi ích to lớn trong việc hoàn thiện công tác điều hành và quản trị góp phần nâng cao hiệu suất khai thác giàn khoan, đảm bảo quản lý tài sản tối ưu và an toàn bền vững đối với con người và môi trường.



MỘT TRONG NHỮNG NHIỆM VỤ HÀNG ĐẦU CỦA PV DRILLING TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY LÀ DUY TRÌ VÀ BẢO ĐẢM GIÀN KHOAN HOẠT ĐỘNG AN TOÀN HIỆU QUẢ

Dự án tối ưu hóa và cắt giảm chi phí

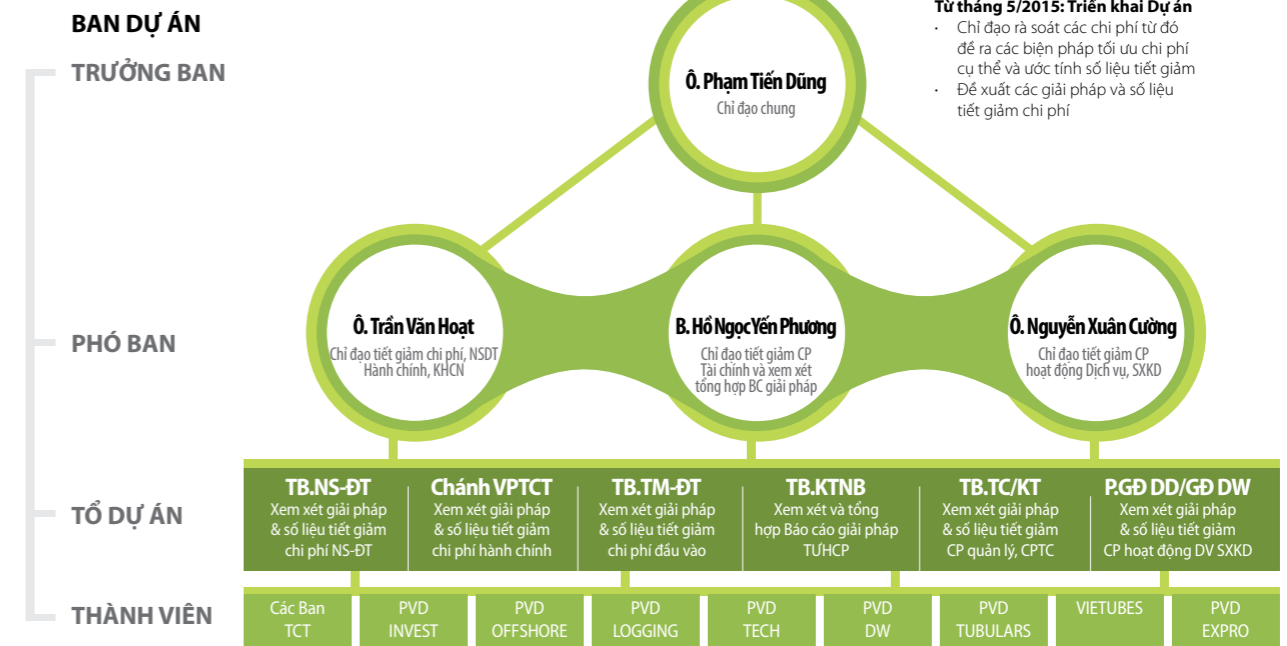
Sau bốn năm giá dầu tương đối ổn định ở mức trên 100USD/thùng, giữa năm 2014 giá dầu thô bắt đầu giảm mạnh, rơi xuống mức thấp nhất trong vòng 7 năm trở lại đây và vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục. Trong bối cảnh không mấy tích cực của ngành dầu khí nói chung, khi mà giá dầu thô đang ở ngưỡng 40USD/thùng, các công ty dầu khí đều có xu hướng liên tục rà soát và điều chỉnh kế hoạch, mục tiêu, ngân sách, giãn tiến độ hoặc cắt giảm chương trình khoan để ứng phó với những kịch bản được đưa ra khi giá dầu tiếp tục trên đà suy giảm mạnh.

Chịu tác động tiêu cực từ việc sụt giảm giá dầu, rất nhiều giàn khoan hiện trong tình trạng chờ việc và nhiều khả năng sẽ phải duy trì khối lượng công việc được nhận ở mức rất thấp trong thời gian tới. Việc điều chỉnh giá cho thuê giàn cũng chịu nhiều áp lực khi các nhà thầu dầu vẫn đang tiếp tục cắt giảm ngân sách cũng như duy trì các hoạt động ở mức tối thiểu nhằm đối phó với tình hình chung. Hầu hết những báo cáo ngành đều đưa ra dự đoán không khả quan về giá cho thuê giàn bởi dư thừa nguồn cung, đặc biệt khi giá dầu thô rơi xuống dưới ngưỡng 40 USD/thùng, thậm chí sẽ gặp khó khăn để đạt được lợi nhuận tại một số thị trường nhất định.

Để trụ vững trong bối cảnh đầy thách thức như hiện nay, các nhà thầu khoan đã phải áp dụng nhiều biện pháp tiết giảm chi phí trong quản lý và vận hành giàn khoan, cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan nhằm mục đích bảo đảm tỷ suất lợi nhuận và tỷ lệ hoàn vốn. Không nằm ngoài xu hướng trên, PV Drilling đã sớm triển khai Dự án tối ưu hóa chi phí (Cost optimization) từ Q2/2015. Ngoài ra, trong tình hình căng thẳng của giá dầu và giá dịch vụ cung cấp, từ Q4/2016, Ban lãnh đạo PV Drilling đề ra nhiệm vụ cấp bách là cắt giảm chi phí với 4 nhóm giải pháp chính về hành chính, nhân sự, quản lý vận hành và thương mại, để bảo đảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm hiệu quả kinh doanh khi giá thuê giàn xuống thấp.



DỰ ÁN TỐI ƯU HÓA CHI PHÍ:



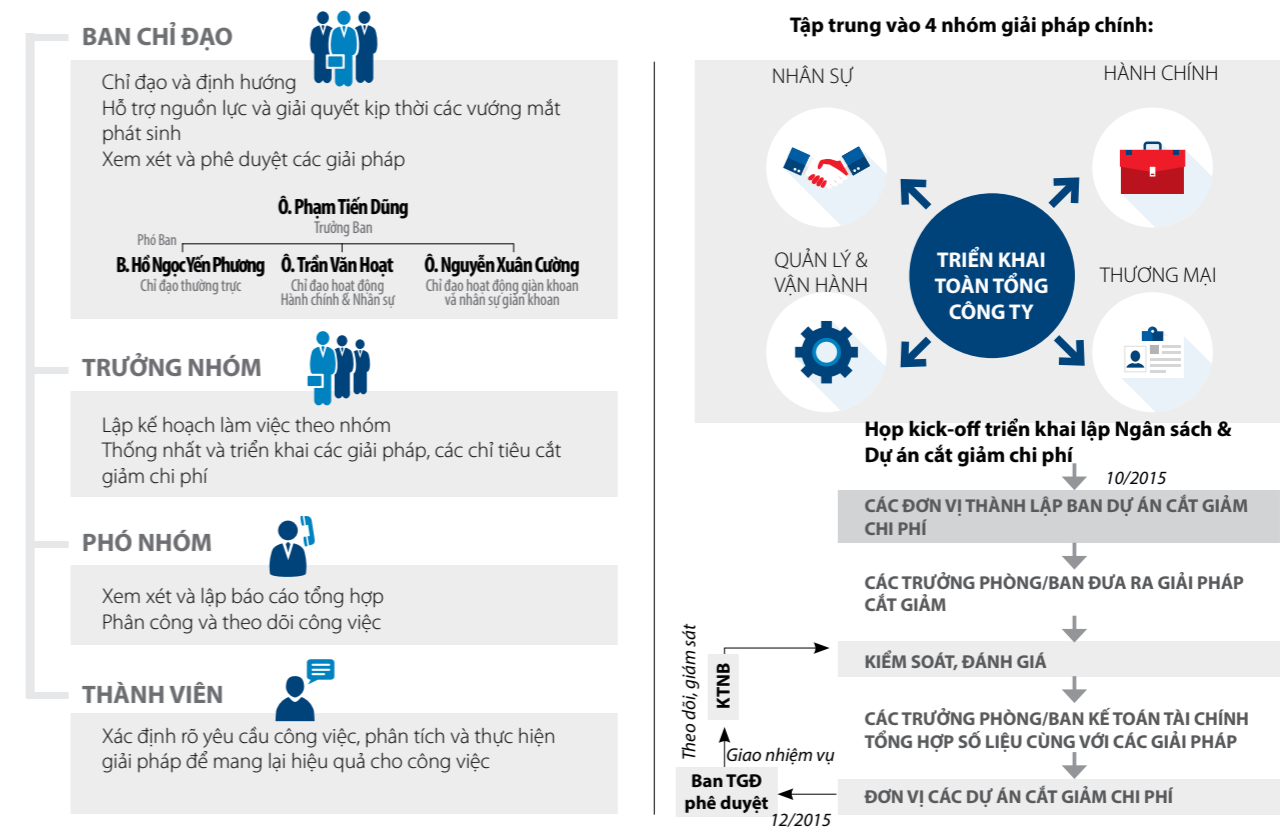
Từ tháng 5/2015: Triển khai Dự án

- Chỉ đạo rà soát các chi phí từ đó đề ra các biện pháp tối ưu chi phí cụ thể và ước tính số liệu tiết giảm
- Đề xuất các giải pháp và số liệu tiết giảm chi phí

Ban Giám đốc ĐV/Trưởng Ban: chỉ đạo và soát các biện pháp tiết giảm chi phí tại các đơn vị/Ban chức năng
Kế toán trưởng các ĐV: Làm đầu mối tổng hợp báo cáo các biện pháp tiết giảm & số liệu (KH&TH)

DỰ ÁN CẮT GIẢM CHI PHÍ:

Dự án đã triển khai và được kiểm soát xuyên suốt toàn Tổng Công ty



Dự án tối ưu hóa và cắt giảm chi phí (tiếp theo)

CÁC NHÓM GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CẮT GIẢM CHI PHÍ:



HÀNH CHÍNH

Năm 2015, PV Drilling đã ban hành Quy định quản lý một số chi phí và Quyết định về điều chỉnh phân cấp phê duyệt sử dụng chi phí nhằm tăng cường kiểm soát, bảo đảm các chi phí được sử dụng đúng mục đích, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Dưới áp lực ngày càng gia tăng của việc sụt giảm giá dầu, từ Q4/2015, Ban Dự án cắt giảm chi phí đã triển khai các biện pháp mạnh mẽ cắt giảm chi phí hành chính trong toàn Tổng Công ty. Kết quả thực hiện, PV Drilling đã thực hiện triệt để việc cắt giảm các chi phí hoạt động hành chính, bao gồm:

- Chi phí vận chuyển (ô tô, taxi, máy bay): giảm 50% so với mức chi phí hiện tại;
- Chi phí quà tặng tiếp thị và tiếp khách: cắt giảm 50%;
- Chi phí cây cảnh, hoa tươi trang trí văn phòng: cắt giảm 40%;
- Chi phí mua sắm mới công cụ, dụng cụ: cắt giảm 50%;
- Chi phí quảng cáo trên báo, tạp chí: cắt giảm 50%;
- Chi phí tổ chức sự kiện: cắt giảm 50%.



THƯƠNG MẠI

Đối với hoạt động thương mại, đặc biệt trong việc sử dụng các dịch vụ của các nhà cung cấp bên thứ ba, PV Drilling tiến hành rà soát và triển khai hàng loạt các biện pháp cắt giảm thiểu chi phí như sau:

- Đàm phán giảm giá, thời hạn thanh toán với nhà cung cấp trong đầu tư mua sắm vật tư, phụ tùng, PPE phục vụ sản xuất;
- Đàm phán giảm giá các dịch vụ (catering, thuê MMTB...), đàm phán giảm 10% chi phí kiểm định, sửa chữa thiết bị;
- Kết hợp nhập khẩu, mua phụ tùng, thiết bị và vận chuyển cho giàn khoan/khách hàng để giảm chi phí vận chuyển, hải quan,...;
- Tìm kiếm nguồn cung cấp và trực tiếp mua nguyên vật liệu sản xuất thay vì mua sản phẩm hoàn chỉnh;
- Tăng cường sử dụng quỹ KHCN khi đầu tư, mua sắm thiết bị...



NHÂN SỰ

Đối với vấn đề nhân sự, PV Drilling tìm kiếm và xây dựng nhiều giải pháp nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích người lao động và lợi ích Tổng Công ty. Hàng loạt các giải pháp được đề ra và triển khai đồng bộ, nhưng chính sự đồng tình ủng hộ, cùng chia sẻ khó khăn của người lao động mới là yếu tố quan trọng mang lại hiệu quả và thành công của Dự án. Các giải pháp nhân sự bao gồm:

- Đàm phán giảm lương của nhân sự nước ngoài để cùng chia sẻ khó khăn;
- Tiếp tục thay thế bằng người Việt khi có ứng viên và vị trí phù hợp để thay thế;
- Giảm chi phí đào tạo bên ngoài, chỉ thực hiện khóa bắt buộc (mandatory) và chuyên môn thật cần thiết;
- Tăng cường công tác tự đào tạo nội bộ, chia sẻ kinh nghiệm và thông tin trong nội bộ;
- Tận dụng quỹ KHCN cho những chương trình quản trị nhân sự mang tính ứng dụng mới;



QUẢN LÝ VẬN HÀNH

Cắt giảm chi phí vận hành là vấn đề sống còn đối với các nhà thầu khoan trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, giá cho thuê giàn khoan cũng giảm mạnh. Các nhà thầu khoan lớn như Diamond Offshore, Ensco, Noble, Seadrill, Atwood Oceanic, Transocean... đã và đang thực hiện nhiều chương trình cắt giảm chi phí vận hành nhằm bảo đảm lợi nhuận biên. PV Drilling cũng không ngoại lệ.

Đối với PV Drilling, cắt giảm chi phí vận hành là giải pháp sống còn nhưng mang tính trung & dài hạn, giúp PV Drilling có thể trụ vững trong giai đoạn giá cho thuê giàn khoan xuống thấp và phục hồi mạnh mẽ khi giá dầu tăng trở lại. Dự kiến PV Drilling sẽ cắt giảm được 20% - 30% chi phí vận hành thông qua tập trung một số giải pháp sau:

- Không mua dự trữ máy móc thiết bị/vật tư giàn khoan (trừ trường hợp có ảnh hưởng đến an toàn và hoạt động liên tục giàn khoan);
- Rà soát lại kế hoạch sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng nhằm tiết giảm chi phí sửa chữa, bảo trì;
- Nghiên cứu sửa chữa phục hồi chức năng cho các thiết bị/hệ thống hư hỏng thay vì mua mới;
- Khuyến khích sử dụng hiệu quả các nguồn lực của PV Drilling để thực hiện các công việc sửa chữa và bảo trì/bảo dưỡng cũng như các dự án khác;
- Kiểm soát hàng tồn kho ở mức thấp nhất, giảm số dư hàng tồn kho;
- Làm việc với cơ quan chức năng cho phép tạm nhập tái xuất tại chỗ để giảm thiểu chi phí vận chuyển và xuất nhập khẩu;
- Tối ưu hóa thuê phương tiện: kiểm soát và kết hợp vận chuyển thiết bị cung cấp cho nhiều khách hàng cùng thời gian;
- Cắt giảm các chi phí khác: không phát định kỳ theo định mức đồ bảo hộ lao động, giảm chi phí thuê tàu điện tập, tàu kéo, tiết kiệm chi phí điện nước xưởng sản xuất, văn phòng làm việc...



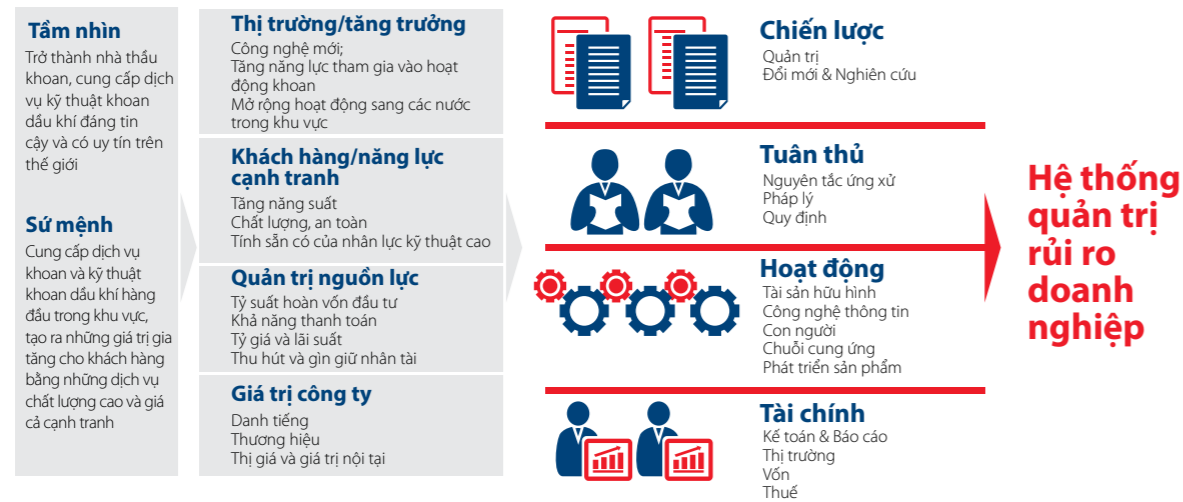
CẮT GIẢM CHI PHÍ LÀ PHƯƠNG ÁN TỐI ƯU VỪA MANG TÍNH NGẮN HẠN VỪA MANG TÍNH TRUNG VÀ DÀI HẠN, BẢO ĐẢM SỰ ỔN ĐỊNH HOẠT ĐỘNG TRONG GIAI ĐOẠN GIÁ DỊCH VỤ XUỐNG THẤP VÀ PHỤC HỒI MẠNH MỀ KHI GIÁ DẦU TĂNG TRỞ LẠI

Thị trường năm 2016 được dự đoán vẫn còn nhiều biến động phức tạp do ảnh hưởng từ triển vọng không khả quan của giá dầu thô và tình trạng dư thừa nguồn cung giàn khoan, thực tế đáng quan ngại với nhiều khó khăn và bất lợi đang đón chờ phía trước. Là một nhà thầu khoan uy tín hàng đầu khu vực, PV Drilling đã và đang tiến hành những giải pháp tăng cường tiết kiệm đồng thời sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn quốc tế cũng như duy trì chất lượng dịch vụ để có thể đáp ứng nhu cầu của các khách hàng ngay khi thị trường có dấu hiệu hồi phục.

Xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro

Là nhà thầu khoan trẻ và không ngừng đổi mới sáng tạo, PV Drilling đã có những bước phát triển mạnh mẽ, trở thành một nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ khoan uy tín trong nước và khu vực. Giữ gìn những thành quả đạt được cùng với chiến lược phát triển bền vững, Ban lãnh đạo PV Drilling đã xây dựng chiến lược quản trị rủi ro gắn liền với mục

tiêu và chiến lược kinh doanh của Doanh nghiệp. Ban lãnh đạo đặt nhiều niềm tin vào hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả sẽ trở thành một yếu tố thành công chủ chốt của PV Drilling, duy trì và đảm bảo sự phát triển bền vững, đạt được tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược do công đồng đặt ra.



Cơ chế quản trị và kiểm soát rủi ro hiện hữu của Tổng Công ty:

Rủi ro đặc thù trong lĩnh vực hoạt động giàn khoan và các dịch vụ khoan là những rủi ro liên quan đến an toàn lao động và sự cố máy móc thiết bị có ảnh hưởng nghiêm trọng xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh. Do đó, PV Drilling đã xây dựng các hệ thống quản trị an toàn theo chuẩn quốc tế và được chấp nhận như: ISO 9001, ISO 14001, OSHAS 18001, HSE Safety Case. Bên cạnh đó, các chương trình quản trị chuyên nghiệp cũng được ứng dụng như: chương trình Maximo (quản lý hàng tồn kho và bảo trì bảo dưỡng); chương trình RCM (Reliable Centered Maintenance) hỗ trợ xây dựng kế hoạch bảo dưỡng máy móc thiết bị; các quy trình vận hành giàn, kiểm soát giếng (Rig Operation Manual, Well Control Manual, Competency Training Matrix, Simplesoft, JSA...) cũng được thiết lập và tuân thủ chặt chẽ. Các giàn khoan do PV Drilling sở hữu và vận hành luôn duy trì hiệu suất hoạt động cao và đạt chứng chỉ Zero LTI do Hiệp hội các nhà thầu khoan (IADC) chứng nhận trong nhiều năm liền;

- Trong cơ cấu tổ chức và quản trị doanh nghiệp**, Ban lãnh đạo PV Drilling đã xây dựng cơ chế quản lý các Đơn vị thành viên theo ngành dọc và được áp dụng một cách hiệu quả, phù hợp với tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh. Cơ chế này được phân theo các chức năng đặc thù như: Ban Tài chính quản lý về việc huy động vốn, quản lý ngân sách, phân cấp thẩm quyền phê duyệt; Ban quản lý hệ thống công nghệ thông tin (MIS) quản lý toàn bộ hệ thống ứng dụng ERP Oracle, Maximo, Idoc...; Ban Thương mại đầu tư quản lý các thủ tục, quy trình đấu thầu, mua sắm và kiểm tra hiệu quả các dự án đầu tư; Ban Kiểm toán nội bộ đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh hàng năm tại các đơn vị; Ban Pháp chế thực hiện chức năng tư vấn pháp lý cho các hợp đồng có giá trị lớn...;
- Trong kiểm soát tuân thủ**, PV Drilling đã hoàn thiện và ban hành hệ thống các Quy chế, Quy trình, Quy định, Chính sách... bao gồm đầy đủ các hệ thống Kiểm soát nội bộ để phát hiện, ngăn ngừa và giảm thiểu các rủi ro một cách hiệu quả, phù hợp với mô hình hoạt động như: Quy chế Quản trị công ty; Quy chế Quản lý tài chính; Quy chế



Người đại diện; Quy trình Đầu tư mua sắm; Quy định Quản lý chi phí... Các văn bản này được phổ biến, áp dụng nhất quán trong toàn PV Drilling. Hơn nữa, Ban Kiểm toán nội bộ định kỳ kiểm tra tính hiệu lực và tuân thủ của các văn bản này để đảm bảo việc áp dụng thực hiện một cách chặt chẽ theo Quy định của PV Drilling và Pháp luật hiện hành.

Cơ chế quản trị rủi ro hiện hữu của PV Drilling đã đáp ứng được nhu cầu quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù vậy, với định hướng tiếp tục phát triển một cách bền vững để vượt qua khó khăn trong điều kiện thị trường khó khăn như hiện nay, Ban lãnh đạo PV Drilling đang quyết tâm xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro chuyên nghiệp và mang tính hệ thống theo các thông lệ và các chuẩn mực quốc tế đã được chấp thuận như ISO 31000:2009 và COSO.

KỶ VỌNG BAN LÃNH ĐẠO VỀ DỰ ÁN QTRR

Hệ thống Quản trị rủi ro doanh nghiệp được Ban lãnh đạo PV Drilling kỳ vọng sẽ đưa ra các báo cáo cảnh báo, các chỉ

số đo lường rủi ro để dự báo, giúp ngăn ngừa và có các giải pháp ứng phó kịp thời với các tình thế xảy ra, qua đó sẽ làm tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, dự án sẽ góp phần nâng cao nhận thức về rủi ro và quản trị rủi ro cũng như hình thành văn hóa quản trị rủi ro trong Tổng Công ty, từ đó sẽ làm gia tăng giá trị và hình ảnh của Tổng Công ty. Với mục tiêu và phạm vi đã được xác định rõ ràng theo các thông lệ quốc tế và đặc thù của ngành khoan dầu khí, dự án xây dựng Hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp tại PV Drilling do Ban Kiểm toán nội bộ làm đầu mối triển khai thực hiện, cùng phối hợp với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - là công ty kiểm toán và tư vấn hàng đầu thế giới về Quản trị rủi ro doanh nghiệp.

Những giá trị và hiệu quả của Dự án

Dự án xây dựng Hệ thống quản trị rủi ro được triển khai qua nhiều giai đoạn phù hợp với mô hình quản trị tại PV Drilling. Đến nay, Dự án đã đạt được những cột mốc quan trọng trong lộ trình xây dựng hệ thống QTRR, nâng cao công tác quản trị như:

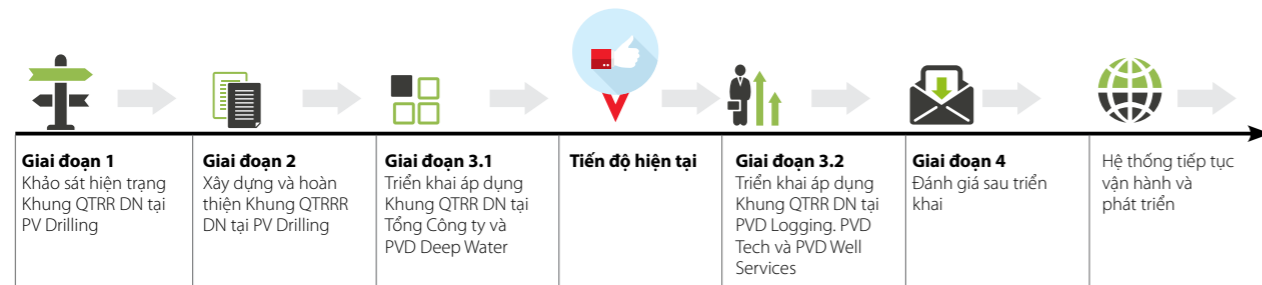
Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro (tiếp theo)

- Xây dựng Khung QTRRDN bao gồm: Cơ cấu tổ chức giám sát hoạt động QTRRDN phù hợp với chức năng, vai trò, nhiệm vụ cụ thể cho từng nhân sự chuyên trách; Hệ thống các chỉ số rủi ro như Mức độ chấp nhận rủi ro, Thước đo rủi ro, Chỉ tiêu đo lường rủi ro (KRIs); Quy trình QTRRDN với các hướng dẫn tác nghiệp từ nhận diện, phân tích, đánh giá, xử lý và theo dõi rủi ro, kèm theo là các hệ thống mẫu biểu hỗ trợ công tác quản trị rủi ro;
- Dự án đã giúp các Ban chức năng tại Tổng Công ty, Xí nghiệp Điều hành Khoan và PVD Deepwater - là các Đơn vị nòng cốt trong chuỗi giá trị của PV Drilling, nhận diện được danh mục rủi ro toàn diện và rủi ro trọng yếu gắn liền với mục tiêu hoạt động kinh doanh, từ đó xây dựng các kiểm soát và kế hoạch hành động cụ thể để giảm thiểu tác động khi rủi ro xảy ra;
- Dự án đã tổ chức các buổi hội thảo về QTRRDN cho các cấp cán bộ công nhân viên, các khoá đào tạo kỹ thuật chuyên sâu về QTRRDN cho cấp quản lý, các nhân sự chuyên trách và đặc biệt là các ấn phẩm Bản tin quản trị rủi ro của Nhóm dự án đã mang lại nhiều giá trị về nhận thức rủi ro, từ đó đã định hình rõ ràng một môi trường văn hoá về rủi ro doanh nghiệp trong toàn Tổng Công ty.

Trong giai đoạn tiếp theo, PV Drilling sẽ chính thức triển khai Hệ thống QTRRDN cho các Công ty con khác, giúp xây dựng danh mục rủi ro và kế hoạch hành động tương ứng với từng loại hình dịch vụ của các đơn vị này. Từ đó, Nhóm Dự án sẽ hoàn thiện danh mục rủi ro hợp nhất toàn Tổng Công ty nhằm ưu tiên hoá và phân bổ nguồn lực để quản trị một cách hiệu quả nhất;

Ngoài ra, dự án Quản trị rủi ro thành công sẽ tiếp tục được chuyên nghiệp hoá trong công tác vận hành bằng việc tích hợp với hệ thống ERP Oracle giai đoạn III (Business Intelligence) để quản lý tập trung và đồng nhất trên nền tảng công nghệ thông tin, giúp cho các cấp quản lý và Ban lãnh đạo theo dõi, phát hiện, kiểm tra và ứng phó một cách kịp thời và xuyên suốt trong toàn Tổng Công ty;

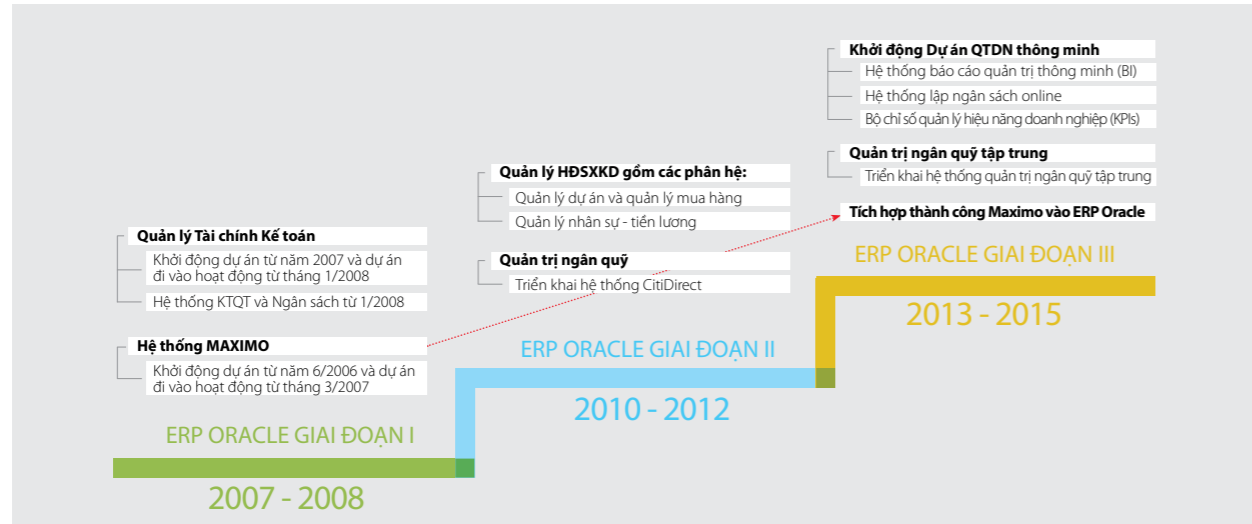
Với quyết tâm của Ban lãnh đạo trong việc xây dựng hệ thống QTRRDN theo các chuẩn mực và thông lệ quản trị quốc tế, cùng với đội ngũ nhân sự có năng lực và chuyên môn cao, PV Drilling tự tin sẽ trở thành một Tổng Công ty hàng đầu, có hệ thống quản trị chuyên nghiệp, là yếu tố quan trọng thúc đẩy PV Drilling vượt qua giai đoạn khó khăn hiện tại và phát triển bền vững trong tương lai.



HỆ THỐNG QTRRDN SẼ ĐƯỢC TIẾP TỤC TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ TRONG TOÀN TỔNG CÔNG TY NHẪM TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG CỦA RỦI RO GIÚP TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Hoàn thiện hệ thống CNTT ERP giai đoạn III

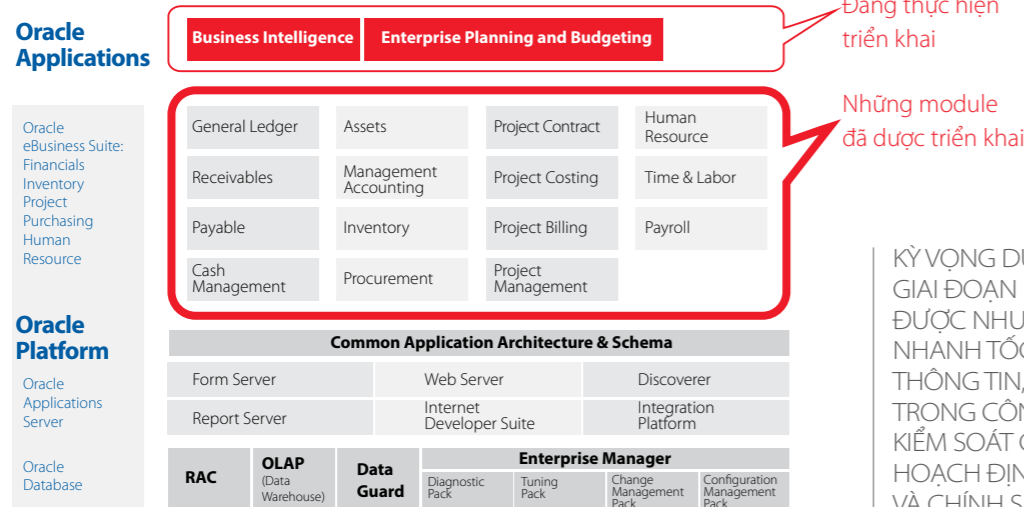


Quản trị doanh nghiệp luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu đối với các doanh nghiệp, đặc biệt càng được chú trọng hơn trong tình hình môi trường kinh doanh có nhiều biến động như hiện nay. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, PV Drilling đã đầu tư xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, nhằm tạo một môi trường hoạt động chuyên nghiệp, nâng cao uy tín và gia tăng vị thế trên thị trường.

Năm 2008, PV Drilling đã chính thức đưa vào vận hành hệ thống ERP Oracle Giai đoạn I - phân hệ quản lý Tài chính - Kế toán. Hệ thống ứng dụng này đã hỗ trợ mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý tài chính như hệ thống hóa công tác tài chính - kế toán, cung cấp công cụ thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính và hỗ trợ tuân thủ các quy định

về chế độ kế toán Việt Nam (VAS), cũng như đảm bảo công tác công bố thông tin BCTC theo đúng quy định của Nhà nước. Đặc biệt, hệ thống này là cơ sở để triển khai công tác kế toán quản trị trong toàn Tổng Công ty nhằm kiểm soát chi phí, phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin kịp thời cho Ban lãnh đạo. Cũng trong năm 2008, PV Drilling đã triển khai và ứng dụng thành công hệ thống phần mềm Quản lý Vật tư, Tài sản, và Bảo trì MAXIMO, và chương trình này đã được tích hợp thành công vào hệ thống ERP.

Năm 2009, PV Drilling tiếp tục triển khai hệ thống ERP - Giai đoạn II mở rộng sang các phần hành khác như quản lý mua sắm, dự án/hợp đồng, và nhân sự. Trên cơ sở của hệ thống này, toàn bộ công tác mua sắm và thông tin nhân sự đã



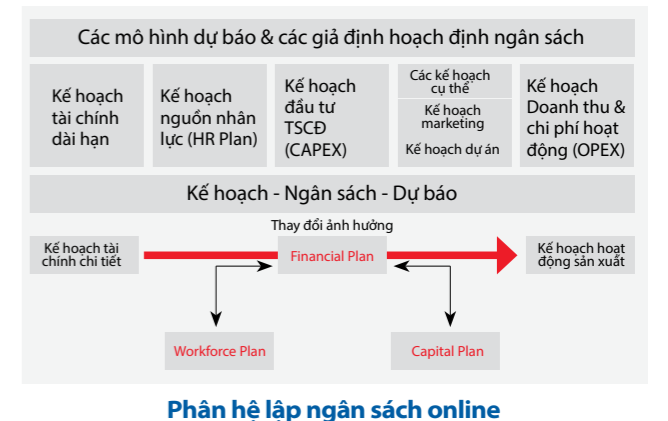
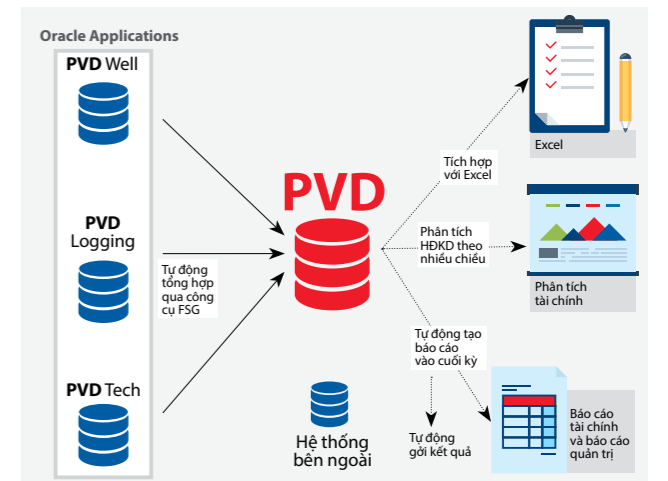
KỶ VỌNG DỰ ÁN ERP ORACLE GIAI ĐOẠN III SẼ ĐÁP ỨNG ĐƯỢC NHU CẦU CẤP THIẾT: ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN, HỖ TRỢ KỊP THỜI TRONG CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ CHI PHÍ, HOẠCH ĐỊNH CÁC CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH

được quản lý hiệu quả, công tác chăm công và tính lương được tự động hóa, doanh thu và chi phí theo từng hợp đồng và dịch vụ cũng được theo dõi và kiểm soát chặt chẽ. Có thể nói, hệ thống ERP Oracle giai đoạn I và II đã đánh dấu một mốc quan trọng đầu tiên trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các thông tin cho Ban điều hành cũng như các yêu cầu về minh bạch thông tin của một doanh nghiệp niêm yết. Bên cạnh đó, đây cũng là công cụ hữu hiệu hỗ trợ việc quản lý và kiểm soát hiệu quả trong công tác mua sắm, các dự án đầu tư và phương án kinh doanh, cũng như quản trị nguồn nhân lực.

Tiếp tục phát huy từ nền tảng hệ thống ERP - Giai đoạn I và II, PV Drilling đang tiếp tục triển khai Dự án ERP - Giai đoạn III bao gồm phát triển các phân hệ quản trị ngân sách và lập báo cáo quản trị online. Dự án này được triển khai trong bối cảnh thị trường dầu khí gặp rất nhiều khó khăn do giá dầu giảm sâu tác động tiêu cực đến khối lượng công việc cũng như đơn giá của giàn khoan và các dịch vụ liên quan. Những biến động khó lường của thị trường đã đặt ra một nhu cầu cấp bách: đẩy nhanh tối đa tốc độ cung cấp thông tin nhằm hỗ trợ kịp thời cho Ban lãnh đạo trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ chi phí, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và đặc biệt là hoạch định các chiến lược và chính sách tài chính. Xuất phát từ nhu cầu đó, hệ thống báo cáo quản trị thông minh đã được triển khai với mục tiêu chuẩn hóa các thông tin nghiệp vụ tài chính - kế toán, cũng như cung cấp các báo cáo đa chiều và bộ chỉ tiêu đo lường hoạt động doanh nghiệp (KPIs) nhằm hỗ trợ thông tin giúp Ban lãnh đạo điều hành và ra quyết định. Bên cạnh đó, ERP - Giai đoạn III còn hỗ trợ xây dựng một hệ thống quản lý ngân sách tập trung online và áp dụng xuyên suốt trong toàn Tổng Công ty, qua đó giải quyết triệt để bài toán hiệu quả quản trị doanh nghiệp đối với các công ty quy mô lớn gồm nhiều đơn vị thành viên như PV Drilling. Hệ thống này sẽ giúp phân luồng công việc hiệu quả, đảm bảo việc lập và phê duyệt ngân sách tuân thủ đúng các trình tự và thủ tục đã ban hành, cũng như đảm bảo các thông tin tài chính từ lúc lập kế hoạch đến lúc thực hiện được kiểm soát chặt chẽ và chính xác.

Hệ thống ERP Oracle - Giai đoạn III được triển khai trong năm 2015 và dự kiến hoàn thành trong năm 2016. Đây là một trong những dự án dài hơi, có quy mô và khối lượng nghiệp vụ lớn, do đó đòi hỏi một quá trình chuẩn bị hết sức

kỹ lưỡng và tỉ mỉ, cũng như phải có được sự định hướng, cam kết, và ủng hộ mạnh mẽ từ Ban Tổng Giám đốc và sự phối hợp, hợp tác từ các lãnh đạo đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, để đảm bảo cho dự án đạt được hiệu quả cao nhất, các cấp quản lý tầm trung sẽ phải thể hiện vai trò trách nhiệm trong công việc rà soát quy trình nghiệp vụ và mẫu biểu báo cáo; đồng thời nguồn lực nhân sự cũng phải được phân bổ hợp lý để có thể dành thời gian và tâm huyết cho dự án.



Với sự cam kết và ủng hộ quyết liệt của Ban lãnh đạo Tổng Công ty, dự án ERP giai đoạn III sẽ tạo một nền tảng vững chắc giúp PV Drilling tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như hoàn thiện công tác quản trị điều hành Tổng Công ty theo định hướng chuyên nghiệp và quốc tế hóa.

Phát triển quỹ Khoa học Công nghệ

Quỹ phát triển KHCN của Tổng Công ty được thành lập từ năm 2010 theo mô hình quản lý tập trung tại Tổng Công ty với mục tiêu nghiên cứu, phát triển và áp dụng khoa học công nghệ, các sáng kiến, sáng chế vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Tổng Công ty theo quy định của Nhà nước. Từ những ngày đầu thành lập, PV Drilling đã ban hành Điều lệ trích lập và sử dụng Quỹ, thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ, Tổ chức bộ máy quản lý Quỹ và ban hành các Quy chế, Quy trình hướng dẫn thực hiện chi tiết đã được áp dụng thành công và nhất quán trong toàn Tổng Công ty. Theo đánh giá của Sở Khoa học & Công nghệ TP. HCM, PV Drilling một trong những Doanh nghiệp có cơ cấu bộ máy tổ chức Quỹ Khoa học Công nghệ hoàn chỉnh nhất hiện nay.

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KHCN

Quỹ phát triển KHCN của Tổng Công ty được trích từ năm 2010 với tỷ lệ 10% trên lợi nhuận tính thuế. Đến nay, Tổng Công ty đã có tổng cộng 8 dự án mua sắm đổi mới công nghệ, 5 đề tài nghiên cứu khoa học và 16 sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Tổng kinh phí đã thực hiện cho các dự án/đề tài cho các sáng kiến cải tiến kỹ thuật là khoảng 50 tỷ đồng. Điều này cho thấy sự nỗ lực của Tổng Công ty trong việc khuyến khích và thúc đẩy cán bộ, công nhân viên trong toàn Tổng Công ty thực hiện nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là các hoạt động tại các giàn khoan trên biển, bộ phận kỹ thuật, các xưởng cơ khí tham gia nghiên cứu khoa học nhằm tăng năng suất lao động, tăng chất lượng dịch vụ, nâng cao công tác an toàn lao động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các hoạt động KHCN bao gồm:

Đầu tư máy móc thiết bị đổi mới công nghệ

Tổng Công ty đã mạnh dạn tìm tòi và đầu tư vào những máy móc thiết bị hiện đại, kỹ thuật tiên tiến trên thế giới và tiên phong áp dụng nhằm thay thế một phần hoặc toàn bộ những công nghệ cũ đã và đang sử dụng, điển hình có thể kể đến:

- Đầu tư mua mới Máy mài thiết bị khoan tự động CNC với công nghệ tiên tiến nhất hiện nay với khả năng điều khiển tự động theo lập trình bằng công nghệ cao;
- Đầu tư trạm bề mặt cho dịch vụ đo Karota khai thác (Wireline Unit);
- Đầu tư hệ thống máy tháo vặn ren quay tròn liên tục khớp nối thiết bị khoan khai thác dầu khí;
- Đầu tư hệ thống kiểm tra khuyết tật cần khoan và ống chống dầu khí đa chức năng bằng điện từ trường và Xây dựng phòng thí nghiệm Mud Logging;...

Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã chú trọng nâng cao quản trị doanh nghiệp thông qua áp dụng công nghệ thông tin hiện đại, do đó đã triển khai Dự án "Mua sắm bản quyền phần mềm và dịch vụ triển khai các phân hệ Oracle Hyperion Quản lý Ngân Sách và Hoạt động Doanh nghiệp thông minh (ERP III). Dự án này giúp việc lập ngân sách sẽ được tự động hoá từ cấp Tổng Công ty đến các Đơn vị thành viên, đồng thời cung cấp các báo cáo quản trị thông minh theo nhiều chiều phân tích, giúp các cấp quản lý theo dõi sát sao tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh cũng như sức khoẻ tài chính trong toàn Tổng Công ty.

Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học

Đến nay Tổng Công ty đã có 5 đề tài khoa học và đó là kết quả của sự nghiên cứu nghiêm túc và làm việc hăng say của đội ngũ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty. Bằng kiến thức chuyên môn cao

kết hợp với kinh nghiệm lâu năm trong nghề, đội ngũ cán bộ của Tổng Công ty đã thực hiện các đề tài nghiên cứu có tính khoa học cao và đã được áp dụng thành công như:

- Đề tài thiết kế phần mềm quản lý JSA (Job Safety Analysis) nhằm hỗ trợ cho hoạt động đánh giá rủi ro trong công việc tại giàn khoan;
- Đề tài xây dựng phần mềm hệ thống đo karota khí nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh và nâng cao chất lượng dịch vụ Mud Logging;
- Chương trình Đào tạo 3D E-learning giúp tăng khả năng tiếp thu của các học viên đối với kiến thức được truyền tải và ứng dụng làm việc ngay sau khi học xong, giảm chi phí và thời gian thực hành;...

Hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật

Tổng Công ty tự hào khi luôn nhận được những sáng kiến và giải pháp kỹ thuật từ khối văn phòng cũng như khối lao động sản xuất trực tiếp như:

- Sáng kiến về phần mềm nhận diện mối nguy qua hình ảnh giúp chủ động trong vấn đề đào tạo nhận thức an toàn cho người lao động trực tiếp;
- Sáng kiến nâng cấp hệ thống cảnh báo chạm đất;
- Sáng kiến cải tiến cơ cấu tự động nạp cần ống;
- Sáng kiến cải tiến buồng hàn và kính chắn hồ quang;
- Sáng kiến xây dựng Hệ thống thử tải thủy lực;
- Sáng kiến xây dựng phần mềm quản trị Nhân sự - Điều ca - Tiền lương;
- Sáng kiến thiết lập hệ thống quản lý và phát triển nghề nghiệp...

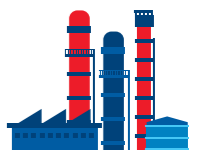
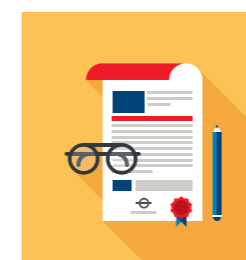
Những thành quả từ các hoạt động KHCN đã thực sự có tác động rất lớn và tích cực đối với Tổng Công ty, bằng việc mạnh dạn thực hiện các dự án đầu tư máy móc thiết bị công nghệ hiện đại tiên tiến, PV Drilling đã liên tục tạo ra những dịch vụ mới trong lĩnh vực dầu khí tại Việt Nam, nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm giá thành. Bên cạnh đó, việc khuyến khích cán bộ công nhân viên nghiên cứu khoa học công nghệ và công nhận những sáng kiến cải tiến kỹ thuật của họ đã đem lại nhiều thành công cho Tổng Công ty trong việc gia tăng năng suất, nâng cao công tác an toàn.

Trong giai đoạn từ năm 2016 trở đi được các chuyên gia dầu khí thế giới dự đoán là bước vào thời kỳ cực kỳ khủng hoảng của ngành công nghiệp dầu khí. Vì vậy, Tổng Công ty xác định rằng việc đẩy mạnh hoạt động Khoa học công nghệ, khuyến khích đội ngũ cán bộ công nhân viên nghiên cứu khoa học và mạnh dạn áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật sẽ là một trong những yếu tố quan trọng giúp Tổng Công ty vượt qua khó khăn, tăng cường sức cạnh tranh với các đối thủ và xây dựng uy tín, thương hiệu không chỉ ở Việt Nam mà còn trong khu vực.

PV DRILLING KHUYẾN KHÍCH VÀ THÚC ĐẨY VIỆC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KHCN TRONG SXKD, ĐẶC BIỆT LÀ CÁC SÁNG KIẾN CẢI TIẾN HOẠT ĐỘNG GIÀN KHOAN, ĐẦU TƯ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ, CÔNG TÁC AN TOÀN...



- 8** TỶ ĐỒNG: Dự án mua sắm đổi mới công nghệ
- 5** TỶ ĐỒNG: Đề tài nghiên cứu khoa học
- 16** TỶ ĐỒNG: Sáng kiến cải tiến kỹ thuật
- 50** TỶ ĐỒNG: Tổng kinh phí đã thực hiện cho các dự án/đề tài cho các sáng kiến cải tiến kỹ thuật



04

VỮNG VÀNG TƯƠNG LAI

Sự khó khăn cũng là cơ hội để doanh nghiệp tự rà soát, tối ưu hóa nguồn lực một cách toàn diện nhất, bảo đảm chi phí hoạt động hợp lý trong giai đoạn giá thấp, hướng đến sự phát triển vững bền. Mặc dù vậy, không vì khó khăn, trong một nguồn lực hạn hẹp PV Drilling vẫn luôn xây dựng và phát triển doanh nghiệp đi cùng trách nhiệm với xã hội, người lao động, an toàn sức khỏe, bảo vệ môi trường và cộng đồng xã hội.

Quản trị Nguồn nhân lực bền vững

An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng

Cộng đồng xã hội

Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Nhà nước



Quản trị Nguồn nhân lực bền vững



Tối ưu hóa nguồn nhân lực, vượt qua thử thách

Giá dầu đã giảm hơn 60% trong một năm qua, kéo theo hàng loạt khó khăn mà các công ty dầu khí phải đối diện. Mỗi công ty đều có những giải pháp hành động, với văn hóa và hoạt động riêng trong hoạt động kinh doanh, để ứng phó với những thách thức ở phía trước. Các báo cáo gần đây của những công ty dầu khí hàng đầu thế giới dường như đều có mẫu số chung, đó là cắt giảm mạnh nguồn lao động, thậm chí một số công ty có con số cắt giảm nhân sự trên 5 con số. Đây có thể là hành động cần thiết, là chiến lược cốt lõi cần phải thực hiện để tồn tại và giữ vững lợi nhuận.

Tại PV Drilling, con người luôn được xem là tài sản quý giá nhất, là nguồn lực quan trọng nhất giúp PV Drilling giữ vững vị thế của nhà thầu khoan uy tín và tin cậy trong nước và khu vực. Trong bối cảnh khó khăn hiện nay, quản trị nguồn nhân lực được xem là một trong những thử thách lớn nhất mà Tổng Công ty phải đối mặt.

Năm 2015 là năm PV Drilling triển khai nhiều giải pháp nhân sự nhằm ứng phó với những khó khăn hiện nay và duy trì năng lực và sự gắn kết của người lao động bằng những giải pháp quản trị nhân sự linh hoạt và hiệu quả. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, PV Drilling vẫn duy trì ổn định thu nhập của người lao động, với mức bình quân trên 25 triệu đồng/tháng. Chi phí đào tạo đã giảm mạnh, xuống

còn 70% so với kế hoạch, nhưng vẫn bảo đảm khối lượng công việc đào tạo nhờ tăng cường hoạt động đào tạo nội bộ. Bên cạnh đó, công tác đào tạo nhân sự cho giàn khoan PV DRILLING VI, được đưa vào hoạt động từ tháng 3/2015, đã hoàn thành xuất sắc, bảo đảm giàn khoan vận hành hiệu quả và ổn định.

Trong năm 2015, một trong những giải pháp nhân sự nhằm bảo đảm sự ổn định nguồn nhân lực là việc tái thực hiện chương trình bảo hiểm nhân tài. Chương trình được thực hiện trong năm 2013 cho đối tượng các nhân lực chủ chốt, có đóng góp quan trọng vào sự thành công của Tổng Công ty. Chương trình được chú trọng thực hiện trở lại trong năm 2015 nhờ tính hiệu quả của nó mặc dù thị trường có nhiều biến động. Yêu cầu tính ổn định ở nguồn nhân lực chủ chốt và chất lượng cao ngày càng cấp thiết trong bối cảnh hiện nay, vừa bảo đảm sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa bảo đảm tối ưu chi phí hoạt động.

Nhằm hiểu rõ hơn mối quan hệ với người lao động, PV Drilling chính thức thực hiện chương trình khảo sát sự gắn kết của người lao động trong năm 2015. Kết quả khảo sát sự gắn kết của người lao động với PV Drilling đạt điểm 3.7/5 (tương ứng với mức xếp hạng 75%) là con số tích cực và đồng thời là nguồn dữ liệu quan trọng hỗ trợ trong việc hoạch định chính sách nhân sự của PV Drilling. Dự kiến PV Drilling sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình khảo sát sâu rộng mức độ gắn kết với người lao động để làm cơ sở

cho các hoạch định nguồn nhân lực trong tương lai. Trên nền tảng các chính sách nhân sự hiện hành, PV Drilling tiếp tục tập trung vào các chính sách và giải pháp mang tính chiến lược nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững trong tương lai, bao gồm các giải pháp gìn giữ nhân tài, đào tạo nâng cao năng lực nguồn nhân lực và phát triển đội ngũ kế thừa.

CHÍNH SÁCH GÌN GIỮ NHÂN TÀI

Là công ty hoạt động trong lĩnh vực đặc thù khoan dầu khí luôn yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao, chính sách lương thưởng cạnh tranh tại PV Drilling được xác định là một trong những giải pháp hiệu quả thu hút nguồn nhân lực. PV Drilling đã thuê các đơn vị tư vấn độc lập thực hiện các khảo sát, đánh giá từng vị trí công việc tại PV Drilling, kết hợp với dữ liệu tiền lương trên thị trường để xây dựng mức cơ sở tiền lương (benchmark), bảo đảm lương thưởng luôn gắn cùng với hiệu quả hoạt động kinh doanh, cùng với giá trị công việc mang lại và tính cạnh tranh trên thị trường.

Năm 2015 là một năm có nhiều khó khăn, hiệu quả lợi nhuận cũng không được duy trì như năm 2014 là năm có sự tăng trưởng đột biến. Mặc dù vậy, PV Drilling vẫn cố gắng duy trì ổn định mức thu nhập của người lao động, trong đó bảo đảm thu nhập ở mức cạnh tranh 2%. Đến Q4/2015, với tinh thần cùng chia sẻ những khó khăn chung của doanh nghiệp, các chuyên gia cao cấp nước ngoài cũng đã có thỏa thuận cùng PV Drilling giảm thu nhập khoảng 15% - 25% theo tình hình chung trên thị trường.

Bên cạnh việc bảo đảm lương thưởng cạnh tranh trên thị trường, PV Drilling vẫn luôn duy trì các chính sách phúc lợi bao gồm các chương trình bảo hiểm và các chế độ phúc lợi khác theo quy định trong Thỏa ước lao động tập thể như khám sức khỏe định kỳ, trợ cấp dịp Tết, hiếu hỷ, ốm đau, thai sản... Cuối năm 2015, PV Drilling cũng đã tiến hành cập nhật các quy định nội bộ về chế độ thai sản và mức đóng bảo hiểm xã hội đáp ứng các quy định pháp luật vừa được ban hành.

Một trong những điểm nhấn cho chính sách gìn giữ nhân tài là chương trình bảo hiểm nhân tài được tái thực hiện trong năm 2015. Ban lãnh đạo PV Drilling kỳ vọng chương trình sẽ mang lại sự khích lệ cho người lao động, cùng nhau gắn kết và nỗ lực vượt qua giai đoạn khó khăn thử thách này.

| Bảo hiểm PVI Care | Bảo hiểm nhân thọ dành cho lao động chủ chốt | Bảo hiểm hưu trí tự nguyện | Chi phí khám sức khỏe định kỳ |
|-------------------|--|----------------------------|--|
| 13,7 tỷ đồng | 29,1 tỷ đồng | 24,6 tỷ đồng | 6,1 tỷ đồng |
| 2.101 CBCNV | 218 CBCNV | 2.030 CBCNV | 1.405 người tham gia khám sức khỏe và 600 người làm việc trên giàn được khám đặc biệt theo chứng nhận đủ sức khỏe đi biển hàng năm |

Chính sách lương thưởng:

- Cạnh tranh, công bằng, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn cao và thu hút nhân lực;
- Lương chức danh;
- Lương hiệu quả công việc;
- Lương tháng 13;
- Phụ cấp công việc đặc thù;
- Chế độ xem xét tăng lương gắn liền với hiệu quả công việc và hiệu quả hoạt động;
- Thưởng thành tích định kỳ và đột xuất theo hiệu quả công việc;
- Thưởng nhân dịp Lễ, Tết và các sự kiện đặc biệt, thưởng về nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Chính sách phúc lợi:

Bảo hiểm:

- Bảo hiểm Xã hội, Y tế, Thất nghiệp theo quy định của Nhà nước;
- Bảo hiểm sức khỏe chất lượng cao cho nhân viên;
- Bảo hiểm tai nạn 24/24;
- Bảo hiểm hưu trí tự nguyện;
- Bảo hiểm nhân tài.

Phúc lợi khác:

- Trợ cấp nhân các sự kiện đặc biệt của CBCNV;
- Trợ cấp khi về hưu đối với CBCNV có thâm niên cống hiến tại PV Drilling;
- Trợ cấp ăn trưa;
- Trợ cấp trang phục;
- Hỗ trợ tiền taxi xe khi nghỉ phép năm;
- Chương trình du lịch trong và ngoài nước hàng năm;
- Khám sức khỏe định kỳ tại những trung tâm y tế chất lượng, uy tín;
- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dành cho CBCNV;
- Các chương trình chăm lo cho con em CBCNV: Ngày hội gia đình, hỗ trợ đào tạo, khen thưởng con CBCNV có thành tích học tập tốt.

Quản trị Nguồn nhân lực bền vững (tiếp theo)

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO - NÂNG CAO NGUỒN NHÂN LỰC

Ngay từ khi thành lập, PV Drilling chú trọng xây dựng môi trường học tập ("Learning Environment") để trở thành tổ chức luôn học hỏi ("Learning Organization"). PV Drilling cam kết và đảm bảo cho tất cả CBCNV của mình đều được đào tạo liên tục để có đủ kỹ năng và năng lực thực hiện tốt các công việc được giao. Với chính sách tạo lập thành một Learning Organization, việc học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý, kỹ năng vừa là nhiệm vụ, vừa là trách nhiệm, nghĩa vụ của từng CBCNV tại PV Drilling.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được thực hiện một cách có hệ thống và hiệu quả. PV Drilling đã hoàn thành và đưa vào ứng dụng Hệ thống phát triển nguồn nhân lực giàn khoan từ năm 2014 và hiện nay vẫn duy trì hiệu quả tốt. Đây là hệ thống được xây dựng dựa trên sự kết

hợp giữa các chương trình đào tạo phổ biến như Chương trình phát triển nhân lực kế cận (Succession Planning), Chương trình đào tạo On-the-Job (OTJ) thành một hệ thống tổng thể. Hệ thống sẽ đào tạo và phát triển nhân lực giàn khoan một cách liên tục, tạo ra nguồn nhân lực có năng lực có thể đáp ứng công việc ở bất cứ nơi nào mà giàn khoan hoạt động, góp phần tạo sự ổn định, giảm các sự cố, rủi ro có liên quan đến yếu tố con người trong hoạt động.

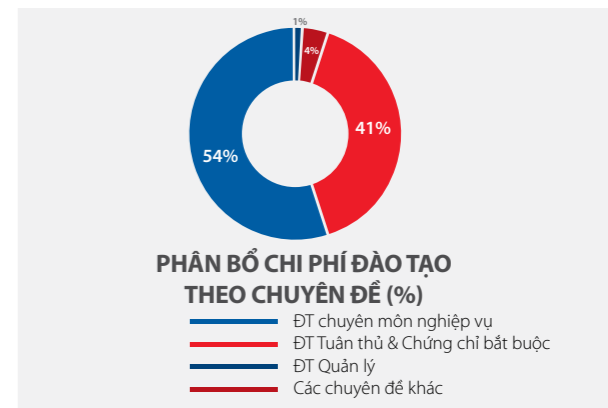
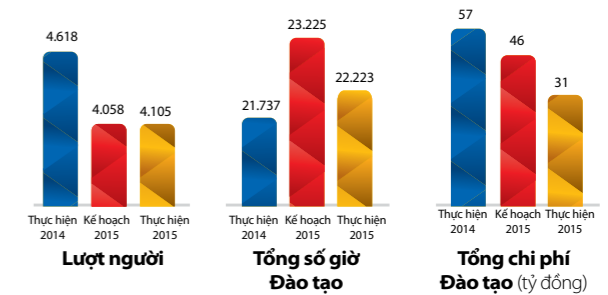
Ngoài Hệ thống đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giàn khoan, PV Drilling cũng đã triển khai xây dựng và đang hoàn thiện chương trình Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Quản lý và Điều hành giàn khoan trong 2015. Chương trình đào tạo này được thiết kế nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực quản lý và vận hành giàn khoan thông qua một chương trình đào tạo có hệ thống từ các chức danh thấp đến các chức danh cao. Việc ứng dụng

chương trình đào tạo này sẽ khắc phục được các khoảng trống về năng lực thường thấy ở các nhân sự, đồng thời giúp nhân sự định hướng được quá trình phát triển của bản thân trước các đòi hỏi của công việc. Với chiến lược phát triển đội ngũ kỹ thuật cao bằng người Việt Nam, chương trình được kỳ vọng sẽ tối ưu hóa nguồn nhân lực khoan và tiết kiệm chi phí trong vận hành.

Năm 2015, gần 95% ngân sách đào tạo của PV Drilling tập trung cho các chương trình đào tạo nghiệp vụ, đào tạo tuân thủ và chứng chỉ bắt buộc theo yêu cầu công việc, nhà thầu, khách hàng và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho các CBCNV với các khóa đào tạo: Quản lý dự án theo chuẩn quốc tế PMI, NOV Amphion Control for Maintenance, Rescue at height, CAA course, IWCF Surface Driller's Level (Level 3), CAT Electronics & Engine, Management of Major Emergencies (MOME), Helideck Assistant (HAD), IWCF Surface Supervisor's Level (Level 4)...

Các đơn vị đẩy mạnh hoạt động tự đào tạo nội bộ, đặc biệt là các chuyên môn kỹ thuật đặc thù và cập nhật các kiến thức, văn bản pháp luật phục vụ công việc. Ước tính thực hiện đào tạo đạt khoảng 70% so với ngân sách, nhưng vẫn đạt được chất lượng nội dung và tỷ lệ lượt người tham gia nhờ tăng cường đào tạo nội bộ để tiết giảm chi phí và ứng phó với tình hình khó khăn chung của ngành.

Với sự khuyến khích sử dụng Quỹ Khoa học và Công nghệ trong nghiên cứu và phát triển, từ năm 2015 và những năm tiếp theo, PV Drilling đã xây dựng và triển khai một số dự án về nhân sự, bao gồm (i) dự án Ứng dụng công nghệ "Thực tế ảo" cho các nội dung đào tạo và thực hành và (ii) dự án Hệ thống "Quản trị tri thức" để tối ưu hóa nguồn lực, tài sản trí tuệ của Tổng Công ty. Với hai dự án này, PV Drilling mong muốn đặt nền móng cho quá trình học hỏi và phát triển con người một cách chủ động và hiệu quả trong tổ chức, những người sẽ giúp PV Drilling hiện thực hóa tầm nhìn và sứ mệnh của mình.



Các chỉ số đào tạo:

a. Số giờ đào tạo theo đầu người = Tổng số giờ đào tạo thực hiện trong năm / Tổng lao động bình quân năm (giờ)

| 2014 | 2015 | 2015 so với 2014 |
|-------|-------|------------------|
| 10,51 | 10,31 | 98,12% |

b. Chi phí cho mỗi giờ đào tạo = Tổng chi phí đào tạo năm / Tổng số giờ thực hiện đào tạo trong năm (triệu đồng)

| 2014 | 2015 | 2015 so với 2014 |
|------|------|------------------|
| 2,6 | 1,4 | 53,91% |

c. Chi phí đào tạo theo đầu người = Tổng chi phí đào tạo năm / Tổng lao động bình quân năm (triệu đồng)

| 2014 | 2015 | 2015 so với 2014 |
|------|------|------------------|
| 27,4 | 14,5 | 52,91% |



THÔNG QUA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỘI NGŪ NHÂN LỰC KHOAN ĐƯỢC BỒI DƯỠNG VÀ PHÁT TRIỂN LIÊN TỤC, ĐÁP ỨNG CÔNG VIỆC Ở BẤT CỨ NƠI NÀO, TẠO SỰ ỔN ĐỊNH VÀ GIẢM THIỂU CÁC YẾU TỐ RỦI RO CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CON NGƯỜI

Quản trị Nguồn nhân lực bền vững (tiếp theo)

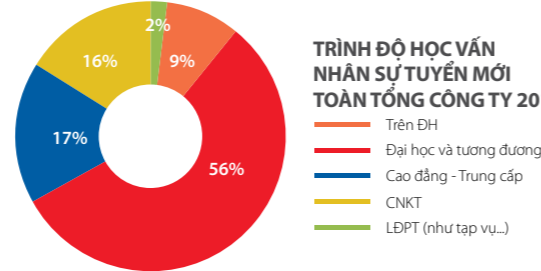
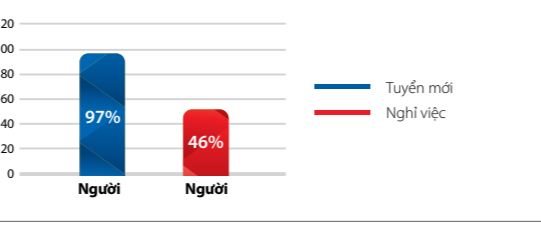
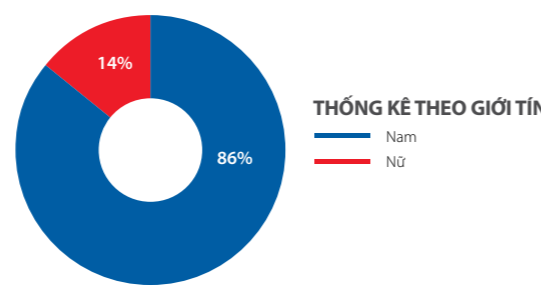
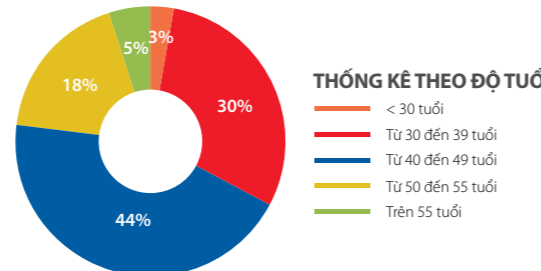
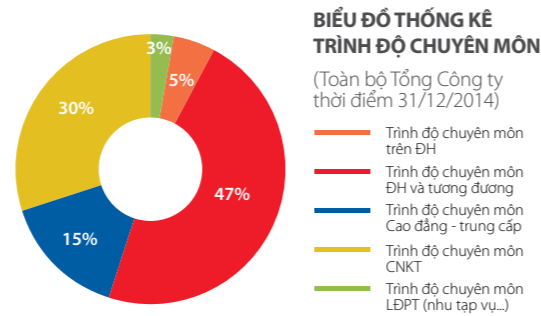
PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ KẾ THỪA

Trong hoạt động nhân sự thuộc lĩnh vực kỹ thuật dầu khí, có một điều rõ ràng là việc thay thế nhân viên hiện tại bằng nhân viên bên ngoài có trình độ tương đương là một việc làm tốn kém. Chính vì vậy, PV Drilling tập trung trong việc xây dựng đội ngũ kế thừa nhằm bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao và củng cố sức mạnh bên trong. Chương trình cũng là sự kích thích những cá nhân có năng lực trong tổ chức, tạo đòn bẩy để phát triển tối đa tiềm năng của họ.

Mô hình phát triển đội ngũ kế thừa được PV Drilling áp dụng theo mô hình của GS.TS William, Rothwell đào tạo và tư vấn cho đội ngũ cán bộ cấp cao và các cán bộ nhân sự chủ chốt của PV Drilling.



Bên cạnh đó, PV Drilling đã xây dựng và áp dụng mô hình năng lực lãnh đạo cho đội ngũ quản lý và đội ngũ kế cận từ năm 2012. Cho đến nay, chương trình đã triển khai một cách có hệ thống để trang bị cho đội ngũ quản lý nhận thức thống nhất và năng lực nền tảng của những nhà lãnh đạo chuyên nghiệp. Chương trình đã giúp cho các cán bộ quản lý có thêm công cụ đặc lực để hoạch định năng lực bản thân và phát triển đội ngũ kế cận.



Khảo sát sự gắn kết người lao động tại PV Drilling

Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động và sự hội nhập toàn cầu diễn ra ngày càng sâu rộng thì việc thu hút, gìn giữ và phát triển nguồn lực là một nhu cầu cấp bách của mọi tổ chức. Bên cạnh việc tăng cường các chế độ phúc lợi cho đội ngũ nhân viên, đặc biệt là số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, PV Drilling xác định cần thiết phải xây dựng được cơ sở dữ liệu các thông tin phản hồi từ nhân viên trong toàn Tổng Công ty về các lĩnh vực cần thiết nhằm phân tích, xử lý và sử dụng cho công tác quản lý, nhất là trong tình hình ngành công nghiệp dầu khí gặp nhiều khó khăn.

Năm 2015 PV Drilling đã tiến hành khảo sát sự gắn kết của nhân viên toàn Tổng Công ty nhằm đánh giá tình hình nhân sự hiện tại và xây dựng kế hoạch cho những chương trình hành động cụ thể trong tương lai:

Mục đích của khảo sát:

Mức độ gắn kết của nhân viên đối với Tổng Công ty là một yếu tố quan trọng dẫn đến sự trung thành với Tổng Công ty và cam kết về năng suất làm việc hiệu quả của họ.

Mục đích của Khảo sát sự gắn kết nhân viên bao gồm:

- Biết được các nhu cầu, nguyện vọng của nhân viên để xây dựng, áp dụng các chính sách nhân sự phù hợp;
- Biết được mức độ hiểu biết, quan điểm của nhân viên về mục tiêu, chiến lược và các hoạt động của Tổng Công ty;
- Đánh giá các yếu tố quyết định đến sự gắn bó của nhân viên;
- Cải thiện, bổ sung và điều chỉnh các vấn đề còn tồn tại của Tổng Công ty từ kết quả phản hồi của khảo sát này...

Nội dung khảo sát:

Các nội dung khảo sát sự gắn kết của nhân viên tập trung vào 7 lĩnh vực thiết yếu, bao gồm 22 câu hỏi được thiết kế từ 2 đến 3 câu hỏi cho mỗi lĩnh vực:

- Thu nhập (Compensation);
- Sự ổn định của tổ chức (Organizational stability);
- Cơ hội phát triển nghề nghiệp (Development opportunities);
- Cơ hội tương lai (Future opportunities);
- Sự tôn trọng (Respect);
- Chất lượng quản lý (Management quality);
- Môi trường làm việc (Work environment);

Thời gian thực hiện: Từ tháng 10/2015 - 12/2015.

Kết quả khảo sát:

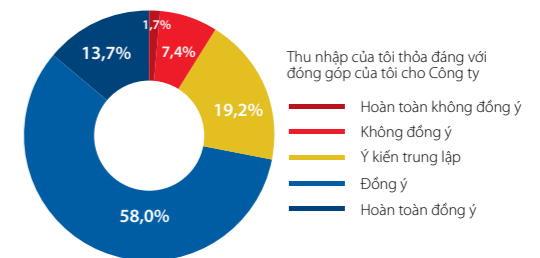
Có 1.078 tham gia khảo sát, chiếm 78% số người thuộc diện khảo sát. Tất cả nhân viên tham gia khảo sát đều trả lời đầy đủ bằng câu hỏi.

Kết quả Khảo sát gắn kết của PVD 2015 nằm trong vùng "an toàn" so với kết quả khảo sát tương tự trên SurveyMonkey. Trong đó, tổng tỷ lệ phản hồi "Hoàn toàn không đồng ý" và "Không đồng ý" cho mỗi câu hỏi đều rất thấp, dưới 10% (trong khi SurveyMonkey Global Benchmark là 18,2% cho 2 phản hồi này).

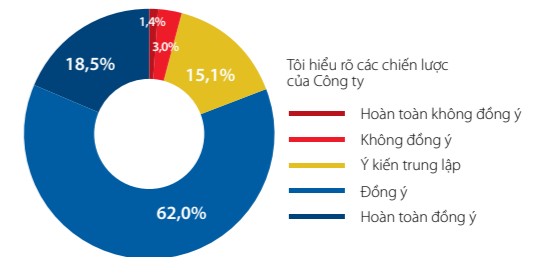
Riêng đối với câu hỏi về khả năng tìm kiếm công việc khác ngoài Công ty, tỷ lệ nói không là cao nhất (36,4%), tuy nhiên số lựa chọn câu trả lời "có thể" vẫn chiếm tới 28,4%. Tổng Công ty PV Drilling sẽ tiếp tục có các biện pháp nhằm tăng sự hài lòng, gắn kết của nhân viên, phấn đấu giảm tỷ lệ câu trả lời "có thể đi tìm việc khác" xuống dưới 20% vào năm 2016.

Từ kết quả khảo sát, Lãnh đạo của PV Drilling sẽ thực hiện những chủ trương phát triển nhân sự và chương trình hành động cụ thể phù hợp với tình hình hoạt động của PV Drilling trong năm trong năm 2016 cũng như sự phát triển bền vững của Tổng Công ty đối với nguồn nhân lực của mình.

Nhóm các câu hỏi liên quan đến thu nhập:

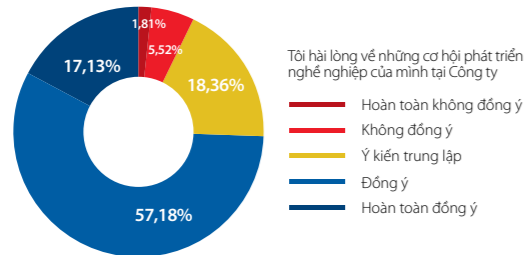


Nhóm câu hỏi liên quan đến sự ổn định của tổ chức:

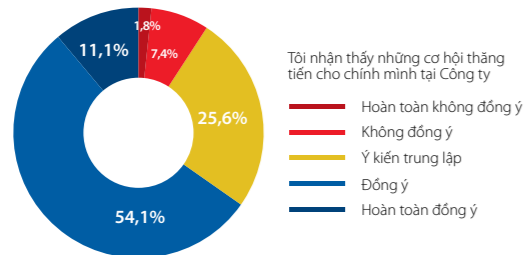


Quản trị Nguồn nhân lực bền vững (tiếp theo)

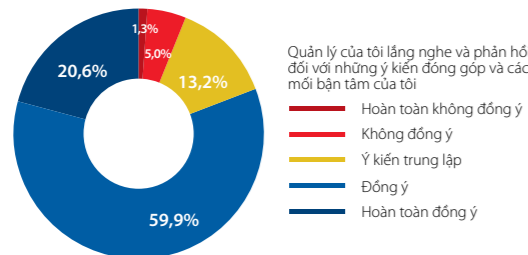
Nhóm câu hỏi liên quan đến phát triển nghề nghiệp:



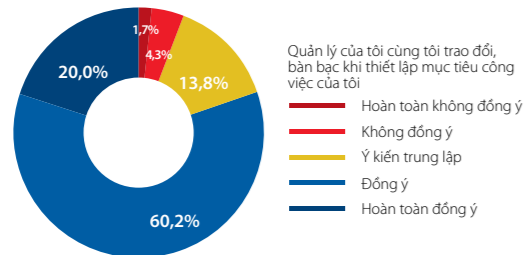
Cơ hội tương lai:



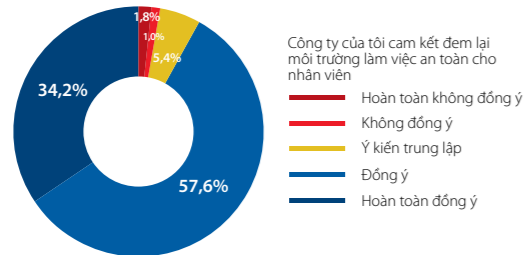
Nhóm câu hỏi liên quan đến sự tôn trọng:



Nhóm câu hỏi liên quan đến chất lượng quản lý:



Môi trường làm việc:



DÙ TRONG BỐI CẢNH KHÓ KHĂN CỦA NGÀNH DẦU KHÍ, PV DRILLING VẪN LUÔN CHÚ TRỌNG TỚI CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC VỚI PHƯƠNG CHÂM “CON NGƯỜI LÀ TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT GIÚP PV DRILLING LUÔN LÀ NHÀ THẦU KHOAN CÓ UY TÍN VÀ CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU KHU VỰC”. TRONG NĂM 2016 CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO, PV DRILLING VẪN CỐ GẮNG ĐỂ DUY TRÌ NĂNG LỰC VÀ SỰ GẮN KẾT CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG BẰNG NHỮNG GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ NHÂN SỰ LINH HOẠT VÀ HIỆU QUẢ



PV DRILLING VINH DỰ ĐƯỢC BÌNH CHỌN VÀO TOP 49 DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2015

Ngày 27/12/2015, Đài truyền hình Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động VN, Bộ Lao động Thương binh - Xã hội và Phòng Thương mại Công nghiệp VN đã phối hợp tổ chức Lễ trao giải: “**Doanh nghiệp vì người lao động**” lần thứ 2, trong đó PV Drilling vinh dự được bình chọn vào Top 49 Doanh nghiệp vì người lao động năm 2015 trên tổng số hơn 1.000 doanh nghiệp tham gia chương trình.

Được tổ chức lần đầu năm 2014, Bảng xếp hạng “**Doanh nghiệp vì Người lao động năm 2015**” của Báo Lao động quy tụ được Hội đồng xếp hạng và Ban cố vấn uy tín hàng đầu trong lĩnh vực nhân sự và pháp luật lao động, đến từ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa (VINASEM).

Các doanh nghiệp được vinh danh đảm bảo được lựa chọn kỹ càng, là các doanh nghiệp tiêu biểu trong lĩnh vực chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện bảo đảm việc làm, thu nhập của người lao động ở mức trung bình khá trở lên, thực hiện tốt chính sách với người lao động, có đóng góp lớn trong sản xuất kinh doanh, đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước, có tổ chức công đoàn hoạt động tốt, nỗ lực không ngừng cải thiện môi trường làm việc, xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp, quyền lợi của người lao động và lợi ích xã hội nhằm tiến tới phát triển bền vững trong quá trình hội nhập và phát triển.

Tại PV Drilling, yếu tố con người luôn là ưu tiên hàng đầu và không tách rời trong chiến lược phát triển hướng đến sự bền vững của Tổng Công ty. Vì vậy các chính sách khuyến khích, động viên người lao động luôn được PV Drilling quan tâm và phát triển nhằm tri ân một cách xứng đáng cho những nỗ lực và đóng góp của lực lượng CBCNV lao động của Tổng Công ty. Vinh dự được bình chọn vào “**Top 49 Doanh nghiệp vì người lao động năm 2015**” do Báo Lao động tổ chức phần nào cũng đã thể hiện quan điểm “**Con người là tài sản lớn nhất của doanh nghiệp**” của Tổng Công ty. Các chính sách này sẽ tiếp tục được gìn giữ và phát triển tại PV Drilling để góp phần vào việc phát triển con người, kinh tế, môi trường và sự tiến bộ xã hội.

An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (HSEQ)



I. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HSEQ

Tại PV Drilling, hệ thống HSEQ đóng vai trò nòng cốt trong công tác quản lý, bảo đảm năng lực của một nhà thầu khoan trong việc cung cấp dịch vụ, phù hợp và thỏa mãn được các yêu cầu của khách hàng, đáp ứng các yêu cầu luật định thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 14001:2004 và ISO 9001:2008 một cách thống nhất trong toàn Tổng Công ty. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khoan dầu khí, công tác an toàn và môi trường theo thông lệ trong ngành là một trong những tiêu chí hết sức quan trọng mà các nhà đầu tư, các nhà thầu dầu khí quan tâm khi hợp tác với PV Drilling.

Sau một năm tăng trưởng mạnh mẽ trong SXKD, năm 2015 lại là năm PV Drilling chuyển sang giai đoạn “thích ứng” do biến động giảm sâu của giá dầu. Tuy nhiên, hoạt động HSEQ không vì thế mà lơ là. Trong năm qua, các giàn khoan biển của PV Drilling đều đạt mục tiêu Zero LTI - một chỉ tiêu quan trọng khẳng định uy tín của những nhà thầu khoan tầm cỡ quốc tế. Không những thế, toàn bộ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và sản xuất tại các đơn vị thành viên đều đạt thành tích này. Bên cạnh những thành công đáng tự hào đó, PV Drilling cũng luôn rút kinh nghiệm, học hỏi từ những sự cố đáng tiếc đã xảy ra, cụ thể là sự cố cháy nổ xảy ra trên giàn PV DRILLING 11 đang hoạt động tại khoan trường Algeria ngày 6/1/2015, từ đó nâng cao văn hóa làm việc an toàn, hiệu quả và hướng tới người lao động.

Định kỳ hàng quý, PV Drilling đã tổ chức các chiến dịch nâng cao nhận thức an toàn tại các cơ sở sản xuất, giàn khoan. Điển hình PVD DD đã tổ chức chiến dịch an toàn hàng quý trên các giàn khoan sở hữu của PV Drilling. Các

chiến dịch là những chuỗi chủ đề an toàn quan trọng trong hoạt động giàn khoan được thực hiện thông qua video, áp phích, thuyết trình và thảo luận tại các buổi họp an toàn hàng tuần. Trong năm 2015, PV Drilling đã hoàn thành xuất sắc các chiến dịch hàng quý, bao gồm: (i) chiến dịch “Slip, Trip and Fall” trong Q1/2015 nhằm tăng cường nhận thức các mối nguy trượt, vấp, ngã; (ii) chiến dịch “Working at Height” trong Q2/2015 hướng dẫn cách thức làm việc trên cao và các bài học kinh nghiệm thực tế; (iii) chiến dịch “Hand and Finger Injury” trong Q3/2015 hướng dẫn cách thức làm việc an toàn khi sử dụng các thiết bị cầm tay, các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, cũng như chia sẻ kinh nghiệm từ các tai nạn thực tế trước đây trên giàn khoan; (iv) chiến dịch “In the line of Fire” trong Q4/2015 liên quan đến ứng phó sự cố cháy nổ trên giàn khoan như phòng cháy, chữa cháy, xử lý sự cố, thoát hiểm và di tản... được củng cố cho toàn bộ nhân sự trên giàn khoan. Với sự thành công các chương trình này, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đánh giá rất cao hiệu quả thu được và khuyến khích các chương trình tương tự trong tương lai.

Cũng trong năm 2015, tổ chức chứng nhận là DNV đã tiến hành đánh giá giám sát hệ thống quản lý HSEQ trên toàn Tổng Công ty theo yêu cầu các tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007. Đợt đánh giá nhằm kiểm tra công tác duy trì thực hiện, cũng như cải tiến liên tục hệ thống quản lý HSEQ theo các tiêu chuẩn quốc tế nêu trên. Kết quả, DNV đánh giá rất cao tính hiệu lực của hệ thống quản lý HSEQ tại PV Drilling và kiến nghị duy trì, phát huy các thế mạnh hiện có, đồng thời nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý, đặc biệt khi chuyển đổi áp dụng các tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 phiên bản 2015.

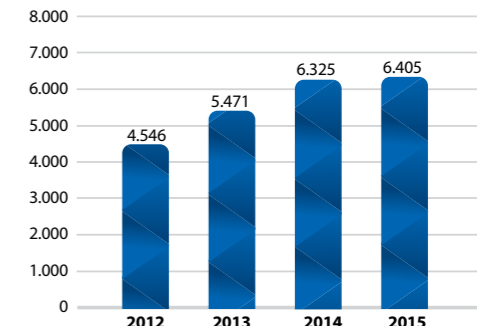
Kiểm tra giám sát về HSEQ

| | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
|---|------|------|------|------|
| Tổng số đợt kiểm tra HSE (nội bộ và bên ngoài) | 67 | 67 | 86 | 69 |
| Số vi phạm và phạt tiền về vi phạm tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 |

Năm 2015, PV Drilling tiến hành hơn 69 đợt kiểm tra giám sát HSEQ, bao gồm bên ngoài và nội bộ. PV Drilling còn thực hiện khoảng 12 đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất về an toàn sức khỏe môi trường với những nội dung trọng điểm tại toàn bộ những đơn vị trực thuộc. Đặc biệt trong năm 2015, PV Drilling đã chính thức áp dụng bộ tiêu chí đánh giá hệ thống và xếp hạng đơn vị trong các đợt kiểm tra hiện trường, đồng thời cũng áp dụng thử nghiệm bộ tiêu chí đánh giá trong đợt đánh giá nội bộ hệ thống quản lý HSEQ.

Đào tạo về HSEQ

Số lượng các khóa đào tạo về HSEQ thể hiện mức độ quan tâm tới công tác an toàn sức khỏe môi trường của lãnh đạo Tổng Công ty cũng như từng đơn vị thành viên. Mặc dù năm 2015 có nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi sự sụt giảm giá dầu, nhiều chi phí phải cắt giảm nhưng hoạt động an toàn vẫn luôn là ưu tiên hàng đầu. Công tác đào tạo huấn luyện và truyền thông về HSEQ vẫn được thực hiện nghiêm túc tại các đơn vị trong PV Drilling. Ngoài những khóa đào tạo an toàn cơ bản thực hiện định kỳ, các đơn vị đã lần lượt tổ chức các khóa đào tạo nội bộ với sự tham gia của đồng đội cán bộ nhân viên như: đào tạo về đánh giá rủi ro, huấn luyện an toàn theo yêu cầu Thông tư 27/2013/BLĐTBXH, đào tạo an toàn vật liệu nổ, đào tạo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, API Q1 và hệ thống quản lý ATSKMT theo ISO14001:2004 và OHSAS 18001:2007, tuyên truyền kiến thức về PCCC,... Bên cạnh hình thức tuyên truyền truyền thống, PVD vẫn duy trì công tác tuyên truyền thông qua các chuyên san PV Drilling's HSEQ Newsletter phát hành nội bộ hàng quý cũng như thông qua kênh truyền thông HSEQ Channel là những đoạn phim phóng sự ngắn cập nhật tình hình công tác HSEQ hàng tháng, chia sẻ những bài học kinh nghiệm.



Công tác tuân thủ yêu cầu pháp luật và các yêu cầu khác

Áp dụng Hệ thống quản lý HSEQ theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 và ISO14001:2004, PV Drilling đã thiết lập quy trình nhận diện và đánh giá sự tuân thủ yêu cầu pháp luật và các yêu cầu có liên quan, trong đó quy định rõ cách thức, tần suất thực hiện. Đây là một trong những điều khoản quan trọng nhất của các tiêu chuẩn hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe OHSAS 18001:2007 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004.

Công tác bảo đảm tuân thủ các vấn đề về Sức khỏe - An toàn - Môi trường được thực hiện thường xuyên thông qua các buổi hội thảo tập huấn văn bản pháp luật do Ban ATCL HSEQ phụ trách, cũng như được cập nhật và phổ biến thông qua chuyên san HSEQ Newsletter định kỳ hàng quý.

Năm 2015, PV Drilling đã đưa vào sử dụng module quản lý dữ liệu Document control, trong đó có chức năng quản lý các văn bản, yêu cầu pháp luật về HSEQ cho Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Với module này sẽ hỗ trợ công tác quản lý việc nhận diện và đánh giá tuân thủ yêu cầu pháp luật và yêu cầu các bên liên quan được đầy đủ và kịp thời.

An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (tiếp theo)

II. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

PV Drilling là một Tổng Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ tiên tiến cho công tác thi công khoan và giếng khoan dầu khí, tiên phong trong việc đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao đối với dịch vụ khoan dầu khí cả trên biển lẫn đất liền. PV Drilling luôn hướng tới hệ thống quản lý chất lượng toàn diện nhằm đảm bảo cung cấp chất lượng dịch vụ cao nhất cho khách hàng. Nhiều giải pháp, công cụ đã được triển khai áp dụng nhằm đảm bảo chất lượng như:

- Chỉ số chất lượng (KPIs) được thiết lập, theo dõi và đo lường định kỳ cho tất cả các hoạt động dịch vụ.
- Công tác kiểm tra, đo lường chất lượng và phân tích dữ liệu được thực hiện đầy đủ nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa, thiết bị vật tư luôn trong tình trạng sẵn sàng, đáp ứng các yêu cầu vận hành trước khi đưa vào sử dụng, chuyển giao cho khách hàng.
- Chương trình quản trị hàng tồn kho Maximo, Optimise Spare System được áp dụng nhằm tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo đầy đủ vật tư thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị được quản lý, lập kế hoạch thực hiện trên tinh thần chủ động phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ nhằm đảm bảo công tác bảo trì bảo dưỡng được hiệu quả, ổn định và an toàn.
- Đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực thông qua hệ thống quy trình đào tạo, phát triển nhân lực và các tiêu chuẩn của từng chức danh cung cấp. Lộ trình đào tạo và phát triển nhân sự luôn được theo dõi và đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo nhân sự đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khách hàng trước khi chuyển giao.
- Định kỳ hàng năm đánh giá nhà cung cấp, nhà thầu phụ theo tiêu chí đánh giá cụ thể. Trong năm 2015, PV Drilling đã tiến hành kiểm tra, đánh giá 85% nhà thầu phụ, trong đó thực hiện đánh giá 100% nhà thầu phụ thiết yếu.
- Tổ chức thăm dò và đánh giá sự hài lòng của các khách hàng và kịp thời điều chỉnh khi có những chỉ số, yếu tố chưa đạt yêu cầu, kỳ vọng.

Ngoài ra, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, một số đơn vị thành viên xây dựng và ứng dụng các hệ thống quản lý

chất lượng quốc tế khác theo đặc thù ngành dầu khí vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015, cụ thể:

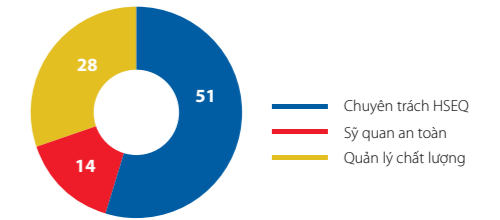
PVD Well Services bắt đầu triển khai dự án xây dựng hệ thống quản lý chất lượng chuyên biệt cho ngành dầu khí theo tiêu chuẩn API Q2 từ năm 2015 nhằm đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường về hệ thống quản lý chất lượng doanh nghiệp dịch vụ giếng khoan. Với dự án này, PVD Well Services sẽ là doanh nghiệp tiên phong trong việc phát triển và ứng dụng hệ thống đạt tiêu chuẩn API Q2 tại Việt Nam, nâng cao chất lượng dịch vụ, uy tín và năng lực cạnh tranh của PVD Well Services nói riêng và của PV Drilling nói chung.

PVD Offshore cũng đã chứng nhận thành công hệ thống quản lý an toàn quốc tế (International Safety Management Code - ISM Code). Kể từ khi ban hành, ISM Code đã được áp dụng rộng rãi và được xem như tiêu chuẩn chung để đánh giá mức độ an toàn khai thác tàu biển của các hãng tàu. Đánh giá được lợi ích mà ISM Code đem lại cũng như tăng cường việc quản lý công tác an toàn môi trường đối với hoạt động hàng hải của các tàu biển; từ năm 2014 PVD Offshore đã tiến hành thiết lập, xây dựng Hệ thống Quản lý an toàn quốc tế theo ISM Code và đã được Cục Đăng Kiểm Việt Nam đánh giá và cấp Giấy chứng nhận vào tháng 05/2015. Việc đạt được Giấy chứng nhận này đã thể hiện sự quyết tâm, tinh thần và trách nhiệm cao trong công tác quản lý an toàn môi trường của Công ty, đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp và khả năng cạnh tranh của PVD Offshore.

Có thể nói, một năm khó khăn 2015 đã trôi qua, cùng với năm 2016 đầy thách thức đang chờ đón. Ban lãnh đạo PV Drilling đã đề ra nhiều giải pháp nhằm vượt qua giai đoạn khó khăn này, cùng với sự thu hẹp các hoạt động, cắt giảm chi phí. Mặc dù vậy, đối với công tác HSEQ, PV Drilling luôn yêu cầu từng cán bộ quản lý và CBCNV ngày càng nâng cao ý thức xây dựng "văn hóa an toàn" tại doanh nghiệp. Các chiến dịch an toàn, đào tạo, hội thảo, tập huấn... sẽ tiếp tục được duy trì và phát triển, đặc biệt chú trọng trao đổi, bồi dưỡng kiến thức về an toàn và chuyên môn. Văn hóa an toàn đã được ươm mầm và tiếp tục nhân rộng tại tất cả các đơn vị thành viên, tạo nên môi trường làm việc an toàn, sẵn sàng cho bước phát triển tiếp theo của Tổng Công ty.

Hệ thống quản lý HSEQ tại PV Drilling năm 2015

Nhân sự HSEQ



An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (tiếp theo)



III. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ AN TOÀN

Đánh giá rủi ro và đánh giá tác động môi trường

Đánh giá rủi ro và Đánh giá tác động môi trường là một qui trình tích hợp giữa hệ thống quản lý an toàn theo OHSAS 18001:2007 và hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2004. Đây là một trong những qui trình hết sức quan trọng trong công tác quản lý an toàn và môi trường trên toàn Tổng Công ty.

Cũng từ qui trình này, hàng loạt các qui trình, qui định và hướng dẫn khác về an toàn và môi trường được thiết lập để chắc chắn các rủi ro được kiểm soát, đảm bảo một cách tốt nhất về an toàn cho tất cả các công việc; cũng như tăng cường tiết kiệm sử dụng tài nguyên và hạn chế tối đa những phát thải ra môi trường.

Nhằm đảm bảo năng lực cũng như nâng cao kiến thức cho đội ngũ CBCNV tham gia vào hoạt động đánh giá rủi ro và tác động môi trường, trong năm 2015 nhiều đơn vị trong PVD đã tổ chức các khóa đào tạo về ĐGRR & TĐMT như PVD Offshore, PVD Logging. Bên cạnh việc ĐGRR & TĐMT cho các hoạt động mới hoặc hoạt động có sự thay đổi về quy trình, máy móc thiết bị,... thì các đơn vị trong PVD cũng triển khai các hoạt động soát xét, cập nhật bằng ĐGRR & TĐMT theo định kỳ hoặc ngay khi để xảy ra sự cố. Từ 2016, PV Drilling đang tiến hành nâng cấp lên tiêu chuẩn ISO9001:2015, tiêu chuẩn mới cập nhật với quan điểm tiếp cận một cách có hệ thống với tu duy dựa trên rủi ro (Risk-based thinking). Với việc áp dụng tiêu chuẩn mới này, hoạt động ĐGRR sẽ không chỉ tập trung cho các hoạt động mà áp dụng cho toàn hệ thống quản lý.



TỪ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, HÀNG LOẠT CÁC QUY TRÌNH, QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN VỀ AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC THIẾT LẬP, BẢO ĐẢM AN TOÀN VÀ RỦI RO ĐƯỢC KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ NHẤT

BẢNG PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

| MỨC ĐỘ | CON NGƯỜI | MÔI TRƯỜNG | TÀI SẢN |
|-------------------|--|--|--|
| Cao | Tử vong - Fatality Tai nạn gây mất ngày công làm việc - LTI Bệnh nghề nghiệp | Việc ứng phó cần huy động lực lượng bên ngoài Vượt quá mức cho phép của Nhà nước Phải báo cáo cho cơ quan chức năng Nhà nước do việc xả thải hoặc tràn đổ với số lượng lớn theo quy định của pháp luật | Phá hủy hoàn toàn các bộ phận chính của kết cấu hoặc hệ thống Toàn bộ hoạt động sản xuất phải dừng lại không kể thời gian bao lâu Hư hại hoặc tổn thất tài sản trị giá trên 10.000 USD |
| Trung bình | Tai nạn phải chuyển công việc khác - RWTC Tai nạn phải điều trị y tế - MTO | Dưới các mức để cập trong phần trên nhưng chúng vẫn có khả năng gây tác động lớn nếu không có biện pháp kiểm soát Việc đổ tràn, xả thải xảy ra nhưng không nhất thiết phải huy động lực lượng bên ngoài mà đội phản ứng của PV Drilling có thể khống chế và kiểm soát nó. | Gây hư hại các bộ phận không quan trọng của kết cấu hoặc hệ thống Hư hại hoặc tổn thất tài sản trị giá trên 1.000 USD đến 10.000 USD |
| Thấp | Sơ cấp cứu - FAC Không có dấu hiệu đe dọa tính mạng con người | Tác động không đáng kể Không có dấu hiệu gây ô nhiễm môi trường Tràn đổ hoặc xả thải không đáng kể | Hư hại nhỏ, thiết bị còn trong tình trạng tốt và làm việc đúng chức năng Không phải dừng hoạt động sản xuất kinh doanh Chi phí sửa chữa không lớn hơn 1.000 USD |

An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (tiếp theo)

Sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp

Ứng phó tình huống khẩn cấp là hoạt động cần thiết và quan trọng trong hoạt động dầu khí. PV Drilling đã thiết lập các quy trình và ứng phó với tình huống khẩn cấp nhằm bảo đảm sự an toàn của nhân viên, môi trường nhằm để phòng và hạn chế ảnh hưởng xảy ra đối với những tình huống đó.

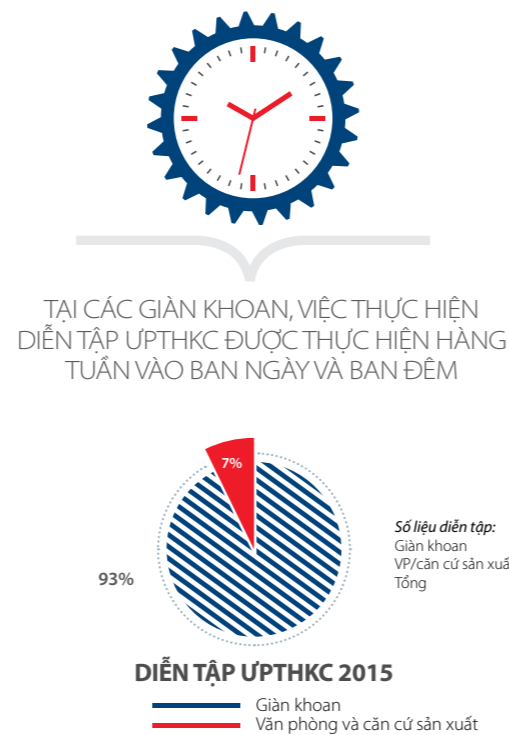
Năm 2015, hoạt động ứng phó tình huống khẩn cấp (UPTHKC) vẫn được duy trì thực hiện nghiêm túc bao gồm các hoạt động trên giàn khoan và tại các cơ sở sản xuất trên bờ. Tại các giàn khoan, việc thực hiện diễn tập UPTHKC được thực hiện hàng tuần vào ban ngày và ban đêm. Đặc biệt trong Q4/2015, PV Drilling đã tổ chức diễn tập lớn UPTHKC đối với giàn khoan PV DRILLING V. Kết quả, đội ngũ quản lý giàn PV DRILLING V đã rút được nhiều kinh nghiệm trong công tác điều hành UPTHKC.

Tại các cơ sở sản xuất trên bờ, PV Drilling đã thực hiện 27 đợt, bao gồm việc xây dựng các tình huống khác nhau tại các đơn vị. Bên cạnh đó trong năm PV Drilling cũng đã thực hiện 02 đợt diễn tập phối hợp UPTHKC giữa giàn khoan và văn phòng điều hành trên bờ.

Chương trình PVD Observation Card

Tại PV Drilling, chương trình PVD Observation Card được áp dụng từ nhiều năm nay đã mang lại hiệu quả thiết thực trong việc bảo đảm an toàn hoạt động sản xuất kinh doanh. Chương trình đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng "văn hóa an toàn" tại Tổng Công ty. Khi phát hiện yếu tố gây mất an toàn trong bất kỳ công việc nào đang được thực hiện, tất cả mọi người đều có thể yêu cầu tạm dừng để trao đổi và lập tức cùng nhau loại trừ mối nguy đó trước khi tiếp tục. Với chương trình này, người lao động luôn luôn có ý thức an toàn cho chính mình, an toàn cho những đồng nghiệp xung quanh, bảo vệ môi trường. Nhờ đó công tác HSE luôn được củng cố khi được sự tham gia góp ý của tất cả mọi người tại mọi lúc, mọi nơi.

| Số PVD Cards | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
|--------------|--------|--------|--------|--------|
| Total | 54.432 | 62.310 | 61.944 | 62.503 |



Ngày 12/11/2015, giàn PV DRILLING V và các bộ phận liên quan tại PVD DW, PVD DD đã tiến hành diễn tập UPTHKC giả định khi xảy ra sự cố cháy nổ gây thương tích về người và tài sản trên giàn. Trung tâm chỉ huy trên bờ - Emergency Control Centre đặt tại văn phòng PVD DW, lầu 5, Sailing Tower. Trong cuộc diễn tập, đường dây nóng liên lạc trực tiếp qua IP Phone và các thiết bị liên lạc khác giữa giàn PV DRILLING V và ECC đã được thiết lập để kịp thời nắm bắt tình hình và chỉ đạo ứng phó. Mọi thông tin, diễn biến đều được báo cáo kịp thời tới Ban lãnh đạo và Ban UPTHKC của Tổng Công ty để sẵn sàng cho các chỉ đạo tiếp theo. Các bên thứ ba liên quan như ISOS, khách hàng BIENDONG POC... đều phối hợp nghiêm túc và đạt được sự thống nhất cao trong công tác điều hành máy bay, cấp cứu và cứu hộ theo đúng chính sách, quy trình. Công tác tổng kết, rút kinh nghiệm đã được thực hiện ngay sau khi kết thúc diễn tập.

Chỉ số về an toàn

Các chỉ số về an toàn được thiết lập cho quá trình vận hành nhằm giúp Ban lãnh đạo PV Drilling nhận biết các xu hướng ngắn, thông qua phân tích so sánh có thể tìm thấy những lỗ hổng trong hệ thống quản lý vận hành. Điều này góp phần làm cho công tác quản lý an toàn ngày càng đa dạng và mang lại hiệu quả cao.

Số giờ công lao động

Trong năm 2015 hoạt động khoan có suy giảm vào những tháng cuối năm do PV Drilling cùng với khách hàng chủ động dừng, giãn một số chương trình khoan, tuy nhiên với việc đưa giàn PV DRILLING VI vào hoạt động từ tháng 03/2015 đã góp phần đưa số giờ công cả năm 2015 lên hơn 6 triệu giờ, tăng 4% so với năm 2014.

| Năm | Giờ công khối văn phòng | Giờ công khối sản xuất trên bờ | Giờ công khối sản xuất ngoài khơi | Tổng cộng |
|------|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-----------|
| 2012 | 1.957.340 | 799.367 | 3.261.253 | 6.017.960 |
| 2013 | 1.929.276 | 850.964 | 3.311.286 | 6.091.526 |
| 2014 | 1.305.906 | 1.069.876 | 3.486.874 | 5.862.656 |
| 2015 | 1.574.214 | 1.197.945 | 3.326.970 | 6.099.129 |

Chỉ số an toàn LTIFR và TRIFR

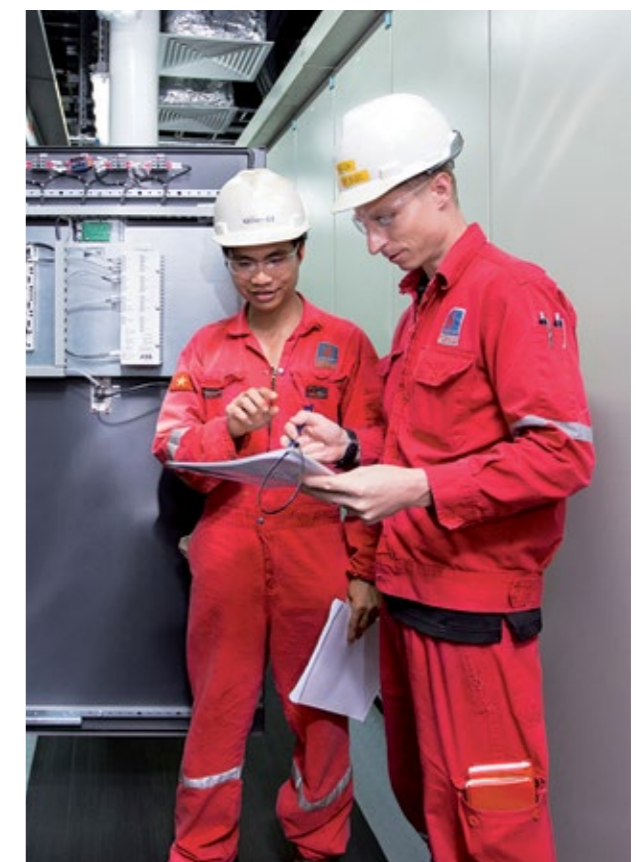
Một trong những chỉ số quan trọng là số giờ làm việc an toàn thực tế, xác định bằng khoảng thời gian tính từ thời điểm xảy ra sự cố gây mất giờ công lao động (LTI) gần nhất tới thời điểm báo cáo. Chỉ số này càng cao có nghĩa rằng công tác an toàn không những đang được duy trì tốt tại thời điểm hiện tại mà đã được duy trì tốt trong suốt thời gian trước đó.



CHƯƠNG TRÌNH PVD OBSERVATION CARD ĐÃ GÓP PHẦN QUAN TRỌNG TRONG VIỆC XÂY DỰNG VĂN HÓA AN TOÀN TẠI PV DRILLING

Bên cạnh đó, chỉ số LTIFR được xác định bằng số LTI chia cho mỗi 1 triệu giờ công, cũng là một chỉ số đánh giá quan trọng, vì đây là một trong các chỉ số an toàn cơ bản dùng để so sánh hiệu quả công tác an toàn giữa các nhà thầu khoan trên thế giới.

Một chỉ số khác là tỷ lệ TRIFR, tính bằng tổng số sự cố được ghi nhận (bao gồm sự cố nhỏ nhất) trên mỗi một triệu giờ công, cũng được PV Drilling thống kê và báo cáo cho hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC). Ngược lại với số giờ làm việc an toàn, LTIFR và TRIFR càng nhỏ thì hiệu quả của công tác an toàn càng được đánh giá cao.



An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (tiếp theo)

| Chỉ số an toàn | | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
|------------------------|-------|------|------|------|------|
| PV Drilling Corp. | LTIFR | 0,33 | 0,33 | 0,00 | 0,16 |
| | TRIFR | 1,00 | 0,66 | 0,34 | 0,49 |
| IADC (Industry Totals) | LTIFR | 1,31 | 1,29 | 1,14 | 0,88 |
| | TRIFR | 4,41 | 4,03 | 3,76 | 3,02 |

| Chỉ số an toàn các giàn khoan biển | | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
|------------------------------------|-------|------|------|------|------|
| PV Drilling (Offshore Vietnam) | LTIFR | 0,61 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| | TRIFR | 1,84 | 0,60 | 0,29 | 0,30 |
| IADC (Asia Pacific Water) | LTIFR | 0,89 | 0,76 | 0,73 | 0,27 |
| | TRIFR | 2,33 | 2,72 | 2,02 | 1,15 |

Các chỉ số về sự cố

Trong những năm qua, các chỉ số về sự cố theo hướng dẫn của IADC đã được PV Drilling xây dựng và áp dụng. Không chỉ quan tâm tới sự cố gây mất giờ công lao động, PV Drilling thực hiện thống kê tất cả các sự cố từ nhỏ nhất kể cả việc cận nguy (near miss) để tiến hành phân tích thông tin, tìm hiểu nguyên nhân xảy ra và đưa ra các hành động khắc phục cũng như phòng ngừa khả năng lặp lại.

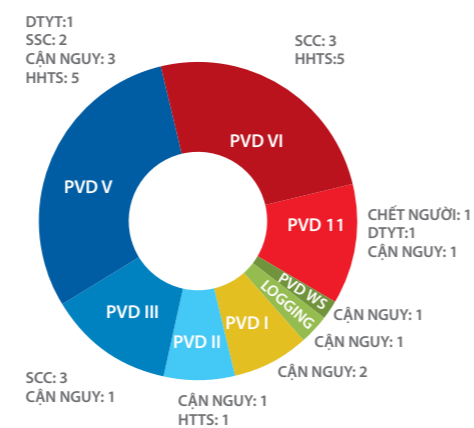
Bảng thống kê các sự cố trên toàn Tổng Công ty qua các năm 2012 - 2015

| Loại sự cố | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
|---|------|------|------|------|
| Cận nguy - Near miss | 19 | 8 | 14 | 9 |
| Hư hỏng tài sản - Property Damage | 16 | 7 | 6 | 11 |
| Sơ cấp cứu - First Aid | 8 | 5 | 5 | 9 |
| Điều trị y tế/ chuyển sang công việc khác - Medical Treatment Case/RWTC | 4 | 2 | 2 | 2 |
| Tai nạn mất thời gian lao động - LTI | 2 | 2 | 0 | 0 |
| Chết người - Fatality | 0 | 0 | 0 | 1 |

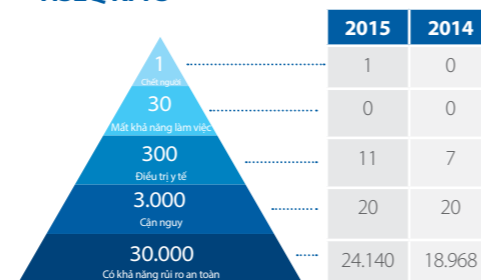
KPI: NEAR MISSES - TÌNH HUỐNG CẬN NGUY

Chỉ số thống kê các tình huống cận nguy vừa mang tính "leading" và "lagging". Các tình huống cận nguy cung cấp nhận xét đơn thuần về một điều kiện không an toàn nhưng không để lại hậu quả. Các sự kiện này thường tiềm ẩn, có tính chất sự báo, đặc biệt là các sự kiện có "rủi ro tiềm ẩn cao". Bởi thế việc điều tra nguyên nhân của các tình huống cận nguy đóng góp đáng kể vào quá trình cải tiến liên tục hệ thống quản lý.

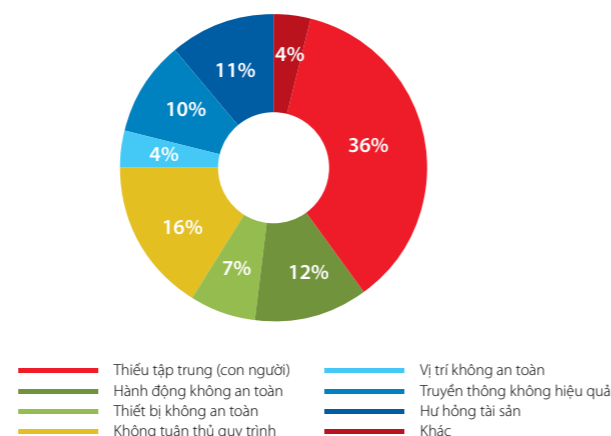
Thống kê sự cố lũy tiến: 32



HSEQ KPI'S



Nguyên nhân tai nạn



Ngày 31/12/2015, giàn khoan PV DRILLING V đã chính thức đạt mốc 3 năm liên tiếp vận hành an toàn không để xảy ra bất kỳ tai nạn gây mất thời gian lao động (Zero LTI - No Lost Time Incident). Tiếp sau đó, ngày 10/03/2016, giàn khoan tự nâng PV DRILLING I và cũng là giàn khoan đầu tiên của PV Drilling đã tiếp tục chinh phục kỷ lục của chính mình với thành tích 9 năm liên tiếp vận hành an toàn Zero LTI. Đây là cột mốc, là thành tích đáng tự hào và một lần nữa khẳng định uy tín thương hiệu PV Drilling - Người tiên phong trong lĩnh vực khoan dầu khí Việt Nam.

Có thể nói, tại PV Drilling: An toàn trên hết - Nói không với LTI ở mọi nơi, mọi con người (Safety first, Zero LTI, Everyone, Everywhere).

IV. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VỀ MÔI TRƯỜNG

Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Drilling luôn dựa trên nền tảng "phát triển bền vững" thông qua việc áp dụng và cải tiến liên tục hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004 và các chương trình giảm thiểu phát thải, tiết kiệm năng lượng, quản lý và xử lý chất thải tại các cơ sở sản xuất.

Bên cạnh đó PV Drilling đã và đang xây dựng chương trình môi trường: kiểm toán môi trường cho một số hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai chương trình văn phòng xanh cho khối văn phòng nhằm cải thiện môi trường làm việc, nâng cao hơn nữa việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và giảm thiểu phát thải ra môi trường.

| Kết quả tuân thủ pháp luật về môi trường | Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường | Tổng số tiền do bị xử phạt |
|--|---|----------------------------|
| Năm 2015 | 0 | 0 VND |



An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (tiếp theo)

Quản lý sự cố môi trường trong hoạt động khoan

Trong hoạt động dầu khí, nguy cơ dầu tràn được xếp vào mức độ rủi ro cao do nguy cơ ô nhiễm môi trường và mức độ tác hại khó lường khi sự cố xảy ra vượt xa ngoài tầm kiểm soát. Đây là mảng hoạt động quan trọng cần có sự kiểm soát cao. Tại PV Drilling, công tác sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu được thể hiện qua các nội dung quan trọng, đó là:

- Đánh giá rủi ro: các hoạt động liên quan đến khoan đều được đánh giá rủi ro theo quy trình của hệ thống HSEQ, đồng thời đưa ra các biện pháp phòng ngừa cả về quản lý lẫn kỹ thuật;
- Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát: các thiết bị được đầu tư và trang bị tại những nơi có khả năng xảy ra tràn dầu (spill kit, phao quây, tàu, skimmer,...). Lực lượng và tàu ứng phó sự cố tràn dầu chuyên nghiệp tại căn cứ của PV Drilling tại Vũng Tàu luôn sẵn sàng xuất phát đến hiện trường sự cố.

Bên cạnh đó, để đảm bảo năng lực cũng như tình trạng sẵn sàng của trang thiết bị và lực lượng ứng phó, PV Drilling liên tục tiến hành đào tạo và tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu. Quy mô, phạm vi và nội dung đào tạo, diễn tập phong phú, từ thực hiện theo yêu cầu của khách hàng đến hoạt động định kỳ với nhiều hình thức như diễn tập triển khai thiết bị, diễn tập trao đổi thông tin (table-top exercise), diễn tập làm sạch đường bờ.

Với mục tiêu chung về hoạt động an toàn hiệu quả giàn khoan, PV Drilling thiết lập và thực hiện các giải pháp bảo đảm mục tiêu không xảy ra sự cố tràn dầu nghiêm trọng trong quá trình hoạt động khoan, cũng chính là đảm bảo sự tin tưởng của các khách hàng khi sử dụng dịch vụ của Tổng Công ty.

| | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
|--|------|------|------|------|
| Sự cố dầu tràn nghiêm trọng tới môi trường | 0 | 0 | 0 | 0 |



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với hoạt động đặc thù của PV Drilling là cho thuê giàn khoan và cung cấp dịch vụ khoan dầu khí, nên nguồn nguyên vật liệu tiêu thụ và tài nguyên sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Drilling không thể tính theo đơn vị sản phẩm như những ngành khác do phụ thuộc vào tính đa dạng của các dịch vụ cũng như yêu cầu của từng khách hàng.

Phần lớn lượng hóa chất mà PV Drilling tiêu thụ là không nhiều, chủ yếu được sử dụng cho mục đích xử lý bề mặt sản phẩm, sơn phủ bề mặt, đo karota khí, đo kích thước giếng, xử lý nước thải... Công tác lưu trữ và sử dụng hóa chất luôn được thực hiện tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc về an toàn cũng như các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động liên quan.

Sử dụng năng lượng

Các hoạt động của PV Drilling thường sử dụng nguồn năng lượng từ việc đốt dầu FO, DO, điện để chạy máy phát điện, các máy nén thủy lực, máy nén khí, cầu nâng,... và các trang thiết bị, máy móc chuyên dụng khác. Trong quá trình vận hành máy móc, trang thiết bị, người lao động luôn tuân thủ nghiêm ngặt các qui trình, hướng dẫn vận hành nhằm đảm bảo tính an toàn, nâng cao hiệu suất sử dụng máy nhằm tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu phát thải.

PV Drilling đã và đang triển khai chương trình thiết lập HSEQ KPIs trong các hoạt động dịch vụ chính của mình. Kế hoạch trong 2016, Ban ATCL sẽ xây dựng và triển khai áp dụng công cụ quản lý và báo cáo số liệu môi trường online nhằm nâng cao khả năng truy xuất số liệu, dễ dàng kiểm soát hiệu quả hoạt động cũng như mức độ tiêu thụ năng lượng, mức độ phát thải ra môi trường.

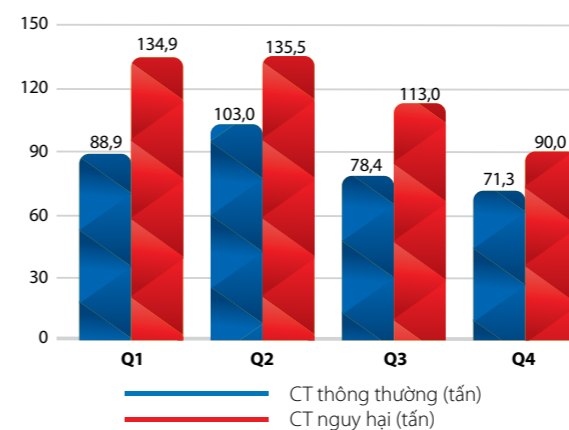
Quản lý chất thải

Chất thải rắn

Công tác phân loại chất thải luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Tổng Công ty. Chất thải trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Drilling bao gồm 2 loại chính: chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

Riêng với chất thải nguy hại (chủ yếu bao gồm: bùn thải nhiễm dầu, các loại que hàn, dầu thải, bao bì nhiễm dầu, chất hấp thụ, các loại vật liệu lọc nhiễm dầu,...) các cơ sở đều tiến hành đăng ký chủ nguồn thải, lựa chọn nhà thầu có uy tín trong việc vận chuyển xử lý đồng thời có các biện pháp thích hợp để định kỳ giám sát quá trình xử lý của nhà thầu.

Khối lượng chất thải phát sinh năm 2015



Nước thải

Tại các giàn khoan, PV Drilling đều lắp đặt hệ thống xử lý nước tuần hoàn để xử lý nước biển thành nước ngọt, kết hợp cùng với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước vỉa... đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Đối với các cơ sở sản xuất trên bờ, hầu hết các phân xưởng sản xuất đều nằm trong khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung của PV Drilling, mặc dù các xưởng sản xuất đều nằm trong khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng một số đơn vị vẫn tự xây dựng hệ thống riêng để thu gom và xử lý nước đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra hệ thống thu gom chung. Hệ thống xử lý nước thường xuyên được kiểm tra các thông số nước thải đầu vào và nước sau xử lý ở đầu ra để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động tốt.

HUẤN LUYỆN VỀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Từ ngày 12 – 19/5/2015, tại khách sạn BEST CM, Cà Mau, Ban HSEQ PV Drilling đã phối hợp cùng NASOS tổ chức chương trình huấn luyện về UPSCTD, thuộc khuôn khổ của chương trình hợp tác UPSCTD vùng vịnh Thái Lan (GOT Training VIII). Đây là chương trình thường niên dành cho cán bộ phụ trách UPSCTD tại 14 tỉnh ven biển khu vực miền Nam, Cảng vụ hàng hải và một số đơn vị dầu khí như PVEP, PVGas, PVOil, PVFCCo, PVCFC. Chương trình còn có sự tham gia của đại diện Ủy ban quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Đặc biệt, trong khóa huấn luyện này còn có sự tham gia của bà Diance Factuar, đại diện tổ chức PEMSEA, chia sẻ kinh nghiệm về dự án xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường đường bờ khu vực Thái Lan.

Chương trình GOT Training VIII tập trung vào các nội dung chính như hướng dẫn làm sạch đường bờ, lựa chọn phương pháp ứng phó phù hợp thông qua việc sử dụng kỹ thuật phân tích lợi ích mạng lưới môi trường (NEBA) và hướng dẫn các tỉnh xây dựng và thẩm định Đề cương UPSCTD cấp cơ sở. Bên cạnh các bài giảng và bài tập nhóm, học viên còn tham gia khảo sát đường bờ tại khu vực đường sông từ Năm Căn đến Đất Mũi.

An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (tiếp theo)

V. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ Y TẾ - CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Xác định con người là tài sản, nguồn lực quý nhất, Ban lãnh đạo PV Drilling đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý y tế - chăm sóc sức khỏe cho người lao động, trong đó PV Drilling tập trung các chương trình sau:

Khám sức khỏe định kỳ hàng năm

Chương trình khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV được áp dụng trong toàn Tổng Công ty. Danh mục khám sức khỏe được thiết lập với yêu cầu cao nhất để người lao động có điều kiện tiếp xúc với đội ngũ y bác sỹ lành nghề cũng như tiếp cận các phương tiện chẩn đoán chuyên sâu nhằm phát hiện các dấu hiệu bệnh lý sớm nhất có thể, từ đó người lao động được tư vấn các phương pháp điều trị thích hợp, cũng như giúp Ban lãnh đạo nắm được bức tranh tổng thể về tình hình sức khỏe người lao động, từ đó có phương án bố trí nhân sự, kế hoạch sản xuất phù hợp.

| Nội dung hoạt động | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
|--|------|-------|------|------|
| Khám sức khỏe định kỳ | 98% | 98% | 98% | 96% |
| NLĐ làm trong môi trường CVNNĐH được khám sức khỏe 6 tháng/lần | 90% | 99,3% | 100% | 100% |
| NLĐ mắc bệnh nghề nghiệp | 0 | 0 | 0 | 0 |

Dựa trên số liệu tổng hợp sau khi khám sức khỏe định kỳ, thông qua phần mềm quản lý thông tin y tế, bộ phận Quản lý y tế - CSSK thuộc Ban ATCL đã gửi các thông tin tư vấn trực tiếp cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, những thống kê của bác sỹ về tình hình sức khỏe cũng là cơ sở để Ban Tổng Giám đốc đưa ra những chỉ đạo thực hiện các hành động chăm sóc sức khỏe, các chương trình chủ động nâng cao sức khỏe và đa dạng hóa bữa ăn cho người lao động trong Tổng Công ty.

Hỗ trợ chăm sóc y tế

Nhằm bảo đảm sức khỏe cho người lao động trong Tổng Công ty được nâng cao hơn nữa và kịp thời xử trí ứng phó những tai nạn sự cố. Trong năm 2015, phòng Hỗ trợ y tế của PV Drilling tại cảng PTSC Vũng Tàu bên cạnh việc thực hiện công tác quản lý y tế; hỗ trợ y tế cho các sự kiện khác, tại đây đã thăm khám xử lý ban đầu các bệnh thông



thường; tai nạn, sự cố sức khỏe; tư vấn, tham vấn cho khoảng 1.300 lượt người lao động thuộc PV Drilling và các liên doanh đóng trên khu vực Vũng Tàu. Góp phần không nhỏ vào công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động, qua đó đã góp phần nâng cao hiệu suất lao động của Tổng Công ty.

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức y học - chăm sóc sức khỏe và thông tin cảnh báo dịch bệnh tại PV Drilling rất được chú trọng. Bằng các tạp chí như Newsletter, phần mềm quản lý y tế, và hệ thống email, banderole... định kỳ hoặc đột xuất chuyển tải tới người lao động những kiến thức về những loại bệnh hay gặp trong cuộc sống cũng như những bệnh nghề nghiệp dễ mắc phải. Đồng thời theo dõi sát và kịp thời phát đi những thông tin cảnh báo

về dịch bệnh trong và ngoài nước đang lưu hành, dễ mắc phải. Để người lao động biết được các biện pháp phòng ngừa và xử lý khi mắc phải như dịch Hô hấp Trung Đông; Ebola; Sốt xuất huyết... góp phần hạn chế rất hiệu quả dịch bệnh bùng phát trong môi trường lao động của PV Drilling.

Môi trường lao động

Bên cạnh chương trình KSK và hỗ trợ y tế - chăm sóc sức khỏe người lao động, PV Drilling đặc biệt quan tâm đến môi trường làm việc của công nhân. Ban HSEQ đã trang bị đầy đủ các dụng cụ quan trắc môi trường lao động như máy đo tiếng ồn; máy đo ánh sáng; máy đo độ ẩm, nhiệt độ và khí CO₂; máy đo khí khác: CH₄, CO, O₂, H₂S; máy đo bụi, máy đo phóng xạ... để tiến hành kiểm tra thường xuyên môi trường lao động nhằm có biện pháp khắc phục, cải tiến kịp thời. Thêm vào đó, hàng năm PV Drilling còn kết hợp với TT Bảo Vệ Sức Khỏe Lao Động Và Môi Trường TPHCM tiến hành đo đạc các yếu tố vệ sinh lao động tất cả các đơn vị thành viên cũng như các giàn khoan ngoài khơi. Dựa vào kết quả đo MTLD, Ban lãnh đạo PV Drilling cũng như lãnh đạo các đơn vị thành viên có biện pháp khắc phục cải thiện MTLD, tiến hành khám tầm soát bệnh nghề nghiệp cho công nhân cũng như thực hiện các biện pháp bồi dưỡng, các chương trình phục hồi sức khỏe nhằm nâng cao sức khỏe công nhân. Nhờ sự quan tâm của Ban lãnh đạo về môi trường lao động, cho đến nay chưa có trường hợp bệnh nghề nghiệp nào được phát hiện trong toàn PV Drilling.

An toàn thực phẩm

Cũng là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo PV Drilling. Do đặc thù, tính chất sản xuất nhiều địa bàn, nhiều hình thức khác nhau nên thức ăn hàng ngày cho công nhân được cung cấp từ rất nhiều nguồn khác nhau... điều này tiềm ẩn nguy cơ ngộ độc thực phẩm rất cao. Tiêu chuẩn hóa về mặt vệ sinh thực phẩm là yêu cầu bắt buộc đối với nhà cung cấp suất ăn ngoài giàn khoan cũng như trên bờ. Việc lưu mẫu thực phẩm, kiểm tra an toàn thực phẩm được tiến hành thường xuyên nhằm bảo đảm thức ăn phục vụ cho nhân viên đạt mức độ an toàn vệ sinh thực phẩm cao nhất. Chưa có trường hợp nào ngộ độc thực phẩm trong toàn PV Drilling cho đến nay là minh chứng cho sự quan tâm của lãnh đạo về tầm quan trọng của vấn đề vệ sinh thực phẩm.

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC HSEQ 2016

Năm 2015 đã khép lại, mở ra một năm mới với nhiều khó khăn và thử thách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty nói chung và hoạt động HSEQ nói riêng. Việc thích ứng với tình hình giá dầu giảm sâu, cắt giảm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hoạt động HSEQ được duy trì, tuân thủ là một thách thức. Để có thể nâng cao hiệu quả Hệ thống quản lý HSEQ và góp phần gìn giữ và phát huy những thành quả đạt được trong công tác HSEQ phù hợp với tình hình hiện tại, PVD đã đưa ra 6 mục tiêu định hướng, bao gồm:

- Triển khai các chương trình hành động nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý HSEQ trong giai đoạn giá dầu giảm sâu;
- Tiếp tục duy trì hoạt động giám sát, hỗ trợ giữa Tổng Công ty và các đơn vị thành viên trong công tác HSEQ, đảm bảo hoàn thành mục tiêu Zero LTI trong mọi hoạt động SXKD;
- Hoàn thiện Hệ thống quản lý HSEQ tại các đơn vị còn thiếu cũng như nâng cấp Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn mới (PVDWS - API Q2);
- Tiếp tục triển khai giai đoạn tiếp theo của dự án tin học hóa hệ thống quản lý bao gồm: giai đoạn 01 module quản lý y tế, giai đoạn 02 module Document control, phát triển module báo cáo HSEQ. Tận dụng nguồn lực nội bộ để thực hiện các dự án thay vì thuê nguồn lực bên ngoài;
- Hoàn thiện tổ chức và hoạt động bộ phận quản lý y tế - chăm sóc sức khỏe trong toàn Tổng Công ty;
- Đẩy mạnh công tác giám sát chất lượng dịch vụ nội bộ.

MẶC DÙ TRONG BỐI CẢNH KHÓ KHĂN, PV DRILLING VẪN TIẾP TỤC NỖ LỰC VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC HSEQ, BẢO ĐẢM HOÀN THÀNH MỤC TIÊU ZERO LTI TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG SXKD



Cộng đồng xã hội

Với bề dày 14 năm hình thành và phát triển, PV Drilling luôn đề cao ý thức trách nhiệm của mình với cộng đồng, với xã hội, và dành một phần lợi nhuận không nhỏ để đồng hành cùng cộng đồng. Với mục tiêu “phát triển toàn diện và cống hiến cho cộng đồng những điều tốt đẹp một cách lâu dài”, PV Drilling luôn mong muốn những hoạt động thiết thực của mình sẽ góp phần thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển, cộng đồng ngày càng văn minh.

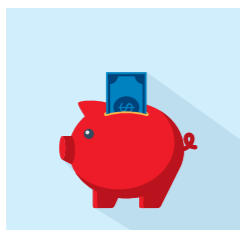
Năm 2015, các chương trình phát triển cộng đồng, an sinh xã hội được thực hiện chủ yếu trên các lĩnh vực: phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các hoạt động hướng về chủ quyền biển đảo, xây dựng nông thôn mới và các hoạt động an sinh xã hội, đến ơn đáp nghĩa khác. Mục tiêu trong năm 2016, Tổng Công ty cam kết sẽ tiếp tục thực hiện và thực hiện nhiều hơn các công tác an sinh xã hội để việc hướng về cộng đồng, xã hội thực sự trở thành sứ mệnh và tâm nguyện của toàn thể Ban lãnh đạo và CBCNV PV Drilling, góp phần vào sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

A. HỖ TRỢ GIÁO DỤC - TRƯỜNG HỌC

Nhận thức rất rõ giáo dục là nền tảng quan trọng để đảm bảo tương lai xã hội, PV Drilling luôn dành một phần ngân sách hàng năm cho các hoạt động giáo dục, xây dựng trường tiểu học, mầm non, nhà lưu trú cho học sinh, cải thiện môi trường học tập, trao học bổng đến trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ về vật chất và tinh thần tạo cơ hội cho các em học tập, phát triển vì một tương lai tươi sáng hơn.

Năm 2015, PV Drilling đã chi 26 tỷ đồng cho nhiều chương trình hỗ trợ giáo dục, trải dài khắp nhiều tỉnh thành của cả nước như Quảng Trị, Hà Giang, Quảng Ninh, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Quảng Nam,... và hỗ trợ học bổng cho các địa phương nhân dịp khánh thành đưa vào sử dụng các công trình xây dựng trường học.

26 tỷ đồng dành cho các chương trình hỗ trợ giáo dục

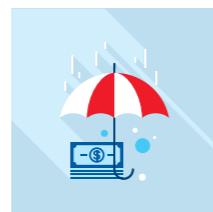


- Trao học bổng cho học sinh nghèo trường THCS, THPT xã Thụy Trường, Thái Thụy, Thái Bình và tặng quà cho trường mầm non xã Thụy Trường - Thái Thụy - Thái Bình;
- Xây dựng Nhà Bảo tàng Học viện Phật giáo VN tại Hà Nội;
- Xây dựng Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, Chư Prông, Gia Lai;
- Xây dựng Trường mầm non - tiểu học huyện đảo Côn Cỏ, tỉnh Quảng Trị;
- Xây dựng Nhà nội trú THCS Sùng Thái, Yên Ninh, Hà Giang;
- Xây dựng Trường mầm non Quảng Tiên, Ba Đồn, Quảng Ninh;
- Xây dựng Trường mẫu giáo Diên Niên, Tịnh Sơn, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi;
- Hỗ trợ Quý học bổng Thắp sáng Niềm tin cho học sinh;
- Xây dựng Nhà văn hóa giáo dục cộng đồng thôn cụm dân cư số 4, Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội;
- Xây dựng nhà trẻ làng Rò, Cà Duy, Quảng Nam;
- Xây dựng Trường tiểu học Thượng Kiệm, Kim Sơn, Ninh Bình.

B. QUAN TÂM ĐẾN CÔNG TÁC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Các chương trình vì sức khỏe cộng đồng là ưu tiên thứ hai trong các hoạt động tài trợ của Tổng Công ty. Năm 2015, PV Drilling đã hoàn thành việc hỗ trợ y tế tại 3 tỉnh Hà Nội, Hà Tĩnh, Thanh Hóa với tổng kinh phí trên 5 tỷ đồng.

- Hỗ trợ trang thiết bị bệnh viện Đa khoa Đan Phượng;
- Hỗ trợ xây dựng Trạm Y tế Tân Lộc, Lộc Hà, Hà Tĩnh;
- Hỗ trợ cải tạo phòng khám bệnh và khu điều trị Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân - Thanh Hóa;
- Hỗ trợ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.



5 tỷ đồng dành cho các chương trình hỗ trợ y tế

C. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN MỐI QUAN HỆ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhận thức rõ nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của Tổng Công ty, PV Drilling luôn chú trọng quan tâm chăm



lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định cuộc sống, và thắt chặt mối quan hệ với CBCNV. Trong năm 2015, PV Drilling đã chi trên 200 triệu đồng cho các hoạt động hỗ trợ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo, cũng như mua sắm quà Tết cho người lao động làm việc tại văn phòng và xí nghiệp.

D. CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Nhằm cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao hiệu quả người lao động, trong năm 2015 PV Drilling đã tập trung tổ chức sắp xếp văn phòng làm việc hợp lý, gọn gàng, sạch đẹp; chú trọng tạo cảnh quan môi trường thông qua việc trồng và trang trí cây cảnh, giữ gìn vệ sinh công sở, góp phần duy trì môi trường làm việc “Xanh-Sạch-Đẹp”.

Song song với việc cải thiện môi trường làm việc trong nội bộ Tổng Công ty, Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV PV Drilling luôn nhiệt liệt hưởng ứng các phong trào xanh - sạch - đẹp do các cấp chính quyền phát động:

- Tham gia các sự kiện quốc tế như Giờ Trái đất và Ngày Môi trường Thế giới;
- Thực hiện các cuộc họp với khách hàng (quốc tế) và các cuộc họp nội bộ (quốc tế) qua điện thoại hội nghị (conference call) để giảm thiểu thời gian di chuyển hướng tới mục tiêu tiết kiệm năng lượng;
- Tuyên truyền và khuyến khích toàn thể CBCNV tích cực thực hiện tiết kiệm điện, sử dụng giấy tái chế và những hoạt động thiết thực khác nhằm góp phần bảo vệ môi trường;

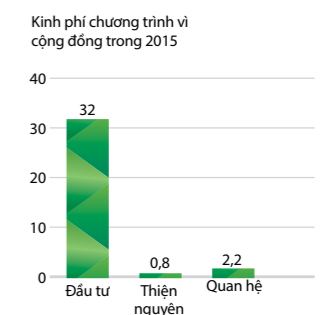
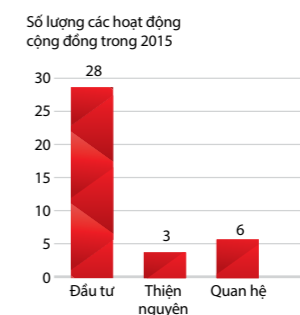
- Nghiên cứu các hình thức đào tạo trực tuyến nhằm tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

E. CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI KHÁC

Bên cạnh các chương trình tiêu biểu ở trên, trong năm 2015 PV Drilling đã dành một khoản ngân sách gần 7 tỷ đồng để thực hiện nhiều hoạt động an sinh xã hội khác như hỗ trợ Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, xây dựng nhà văn hóa, tài trợ chương trình lễ hội Hoa phượng đỏ Hải Phòng, và quyên góp từ thiện cho đồng bào nghèo.



7 tỷ đồng thực hiện các chương trình ASXH khác



Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Nhà nước

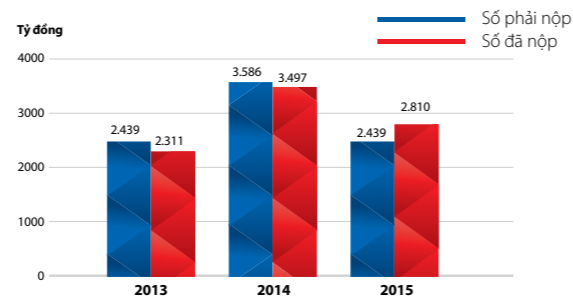
Đối với PV Drilling, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước (NSNN) chính là đạo đức kinh doanh, là trách nhiệm với xã hội. Thực hiện tốt đạo đức kinh doanh đòi hỏi PV Drilling kinh doanh trên cơ sở tận tâm phục vụ khách hàng, thông qua việc tôn trọng quyền, lợi ích của khách hàng. Thực hiện tốt đạo đức kinh doanh đòi hỏi PV Drilling đảm bảo lợi ích của Nhà nước, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước - trong đó có nghĩa vụ thuế. Nhiều năm qua, PV Drilling luôn đưa ra phương châm tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế để góp phần chung tay phát triển nền kinh tế chung và kinh tế địa phương với các mục tiêu sau đây:

TUÂN THỦ NGHĨA VỤ THUẾ VÀ ĐÓNG GÓP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

Xác định thuế là nguồn thu quan trọng đối với ngân sách nhà nước, từ đó làm nền tảng để thực thi các chính sách kinh tế xã hội. PV Drilling đã tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ nộp thuế. Việc minh bạch thông tin và tuân thủ các quy định pháp luật cũng như sự nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh giúp cho PV Drilling luôn đạt được mục tiêu đóng góp lớn vào NSNN.

Trong bối cảnh giá dầu trên thế giới bị sụt giảm rất mạnh từ cuối năm 2014, đã giảm 65% từ đỉnh điểm trên 100 USD/thùng còn khoảng 35 - 40USD/thùng như hiện nay, khiến

cho các nhà thầu dầu khí dừng, giãn tiến độ khoan thăm dò/ khai thác và điều này đang ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của PV Drilling. Tuy nhiên, PV Drilling bằng sự nỗ lực trong công tác cắt giảm chi phí và cùng với sự đoàn kết cao của các cán bộ công nhân viên đã xuất sắc hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra. Trong năm 2015, PV Drilling đã góp mặt trong cả 3 Bảng xếp hạng: VNR500 - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Bảng xếp hạng FAST500 - Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam và xếp hạng 26 trong Bảng xếp hạng V1000 - Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN lớn nhất Việt Nam, đây là thành công đặc biệt xuất sắc, rất đáng được xã hội ghi nhận, PV Drilling hoàn toàn có quyền tự hào chính đáng về những thành tích hoạt động sản xuất kinh doanh vượt trội và đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước.



Biểu đồ chi tiết mức đóng góp vào ngân sách trong 3 năm gần nhất của PV Drilling

Việc đóng thuế nghiêm túc, được đưa vào Bảng xếp hạng V1000, là một trong những yếu tố làm tăng uy tín, hình ảnh của PV Drilling đối với các đối tác, đặc biệt là các đối tác nước ngoài. Số thuế nộp cho ngân sách hàng năm cũng thể hiện quy mô và hiệu quả kinh doanh, ý thức chấp hành pháp luật cũng như việc chung tay phát triển cộng đồng của Tổng Công ty.

Đối với nội bộ PV Drilling, thông qua kết quả báo cáo tuân thủ của kiểm toán, tuân thủ pháp luật và nghiêm túc thực hiện các chính sách thuế đã tạo cho người lao động cảm giác yên tâm làm việc, tin tưởng vào sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, PV Drilling luôn quan tâm đóng góp cho các hoạt động an sinh, xã hội - những hoạt động có vai trò không thể thiếu trong sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Trong những năm qua, PV Drilling đã dành ngân sách bình quân khoảng 50 tỷ đồng để thực hiện công tác an sinh - xã hội hướng về cộng đồng. Chung tay phát triển cộng đồng đã thực sự trở thành sứ mệnh và tâm nguyện của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ - công nhân viên PV Drilling.

Ngoài ra, trong các năm qua PV Drilling đã kiến nghị và được các cơ quan Nhà nước ban hành những chính sách chung nhằm bảo hộ cho doanh nghiệp trong nước có thể cạnh tranh bình đẳng với các Công ty dầu khí nước ngoài với tiềm lực tài chính hùng mạnh cũng như góp phần hoàn thiện các quy định, chính sách áp dụng cho doanh nghiệp, cụ thể:

- Kiến nghị thành công chính sách thuế nhằm bảo hộ cho Dịch vụ tiện ren một số ống chống và ống khai thác do các doanh nghiệp trong nước thực hiện đã đạt được chứng nhận (license) quốc tế và đáp ứng các tiêu chuẩn, yêu cầu khắt khe trong ngành dầu khí;
- Kiến nghị điều chỉnh thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ khoan của nhà thầu khoan nước ngoài lên ngang bằng với doanh nghiệp trong nước, tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước với các Công ty nước



ngoài, kiến nghị bỏ các quy định về việc bảo hành sản phẩm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất khi nhập khẩu từ nước ngoài phải chịu thuế nhà thầu, các điểm này đã được sửa đổi và điều chỉnh tại Thông tư 103/2014/TT-BTC;

- Áp dụng chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ cao cho Giàn khoan tiếp trở nửa nổi nửa chìm (TAD);
- Đặc biệt trong năm 2015, PV Drilling đã kiến nghị thành công đến Cơ quan thuế về việc cho phép nhà thầu phụ cũng được miễn thuế nhập khẩu như nhà thầu chính khi tiến hành nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí. Bên cạnh đó, PV Drilling cũng đã làm việc với Cơ quan hải quan và đã thực hiện thành công việc xuất nhập khẩu tại chỗ các máy móc thiết bị hết hạn tạm nhập, giúp cho PV Drilling tiết giảm đáng kể chi phí vận chuyển, chi phí thủ tục hành chính... và nâng cao hiệu quả hoạt động của các máy móc, thiết bị do không phải tạm dừng để tái xuất nhập lại, từ đó góp phần tăng lợi nhuận cho Công ty và đóng góp vào ngân sách Nhà nước.



Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Nhà nước (tiếp theo)



Kế hoạch 2016:

NÂNG CAO TỶ LỆ NỘI ĐỊA HÓA TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Việc nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã giúp giảm được chi phí đầu vào nhưng vẫn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ phía khách hàng, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của PV Drilling. Nội địa hóa

là nỗ lực cao nhất mà PV Drilling luôn hướng tới. Vì vậy, PV Drilling đã, đang và sẽ thực hiện tốt nội địa hóa các dịch vụ do PV Drilling cung cấp, cụ thể như sau:

Về nhân lực: PV Drilling chú trọng đào tạo tốt đội ngũ kỹ sư, lao động kỹ thuật, lao động trực tiếp trên cơ sở học hỏi và tích lũy kinh nghiệm trong quá trình làm việc kết hợp với nguồn nhân lực nước ngoài hoặc tham gia các chương trình/cam kết đào tạo chuyên môn của các đối tác, nhà cung cấp nước ngoài. Đào tạo ngoại ngữ cũng được chú trọng và đẩy mạnh trong những năm gần đây, nâng cao hiệu quả trong giao tiếp và thực thi công việc. Tính đến nay, phần lớn nguồn nhân lực trong nước của PV Drilling có kiến thức, năng lực, kinh nghiệm và ngoại ngữ đủ để thay thế chuyên gia nước ngoài. Từ việc giàn khoan được vận hành hoàn toàn dựa vào nhân lực nước ngoài vào giai đoạn đầu triển khai dịch vụ khoan, đến nay PV Drilling đã đưa nhân lực trong nước vào thay thế dần và nâng cao tỷ lệ nội địa.

Giàn khoan, máy móc thiết bị: Với cơ sở hạ tầng tốt, giàn khoan và máy móc thiết bị công nghệ hiện đại, đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, luôn ứng dụng các công nghệ cao tiên tiến trên thế giới là nền tảng để PV Drilling cung cấp dịch vụ chất lượng cao, an toàn và hiệu quả. Trong giai đoạn khó khăn của ngành dầu khí hiện nay, PV Drilling tiếp tục tập trung tối đa hóa hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị doanh nghiệp sẵn có cũng như sử dụng tối đa các nguồn lực trong nước với chi phí cạnh tranh, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Năng lực điều hành/cung cấp dịch vụ: Nhờ vào việc chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đầu tư hợp lý máy móc, thiết bị và nâng cao chất lượng quản trị, điều hành doanh nghiệp, năng lực cung cấp dịch vụ của PV Drilling ngày càng được nâng cao và được khách hàng tín nhiệm, sánh ngang với các công ty tầm cỡ quốc tế. Đây là thế mạnh

PV Drilling luôn duy trì và phát triển để trở thành lựa chọn hàng đầu của khách hàng trong cung cấp dịch vụ.

KIẾN NGHỊ VÀ ĐÓNG GÓP CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, NỘI ĐỊA HÓA:

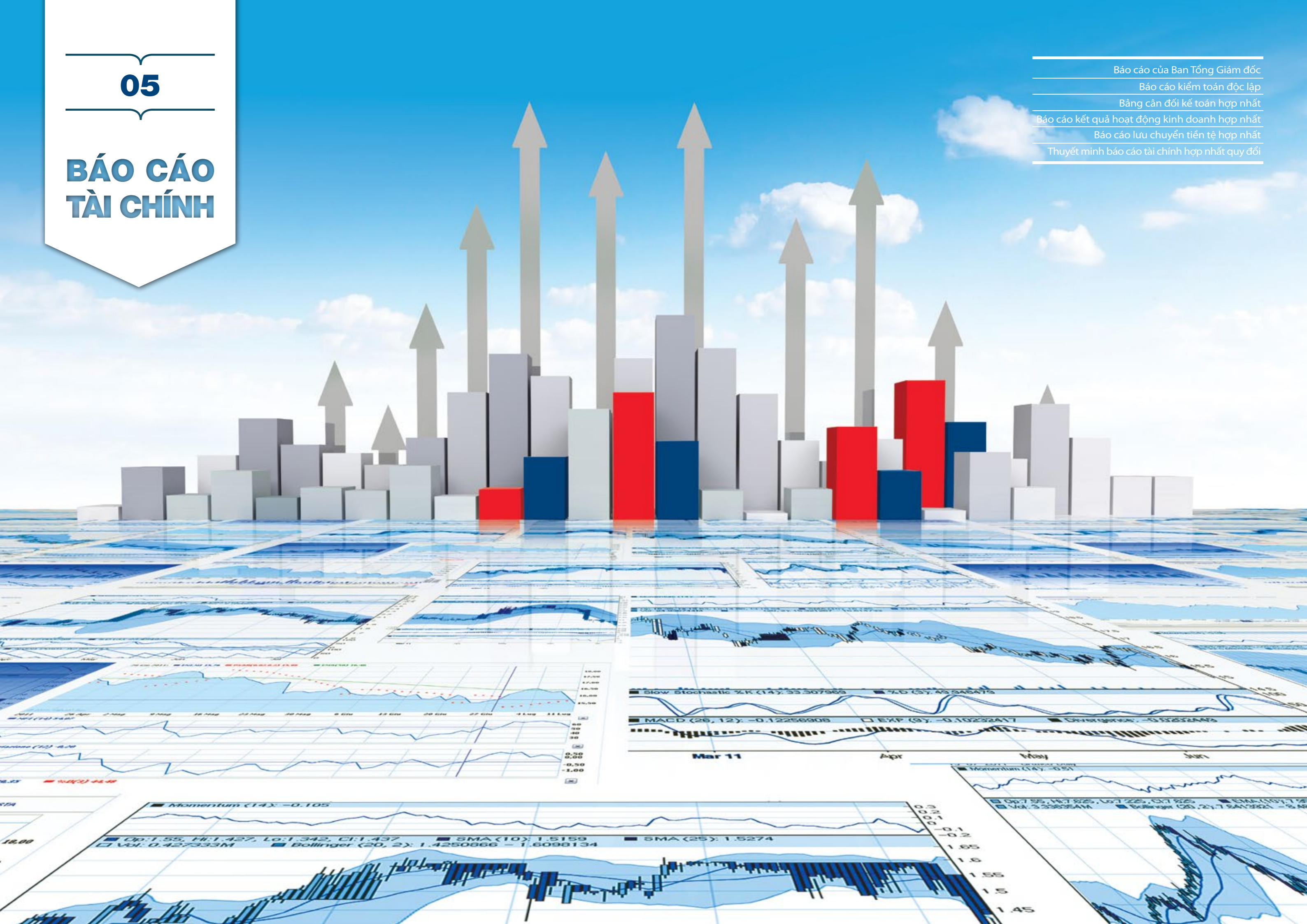
Các Công ty dịch vụ nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh và kinh nghiệm lâu năm luôn tìm kiếm cơ hội thâm nhập và mở rộng thị trường tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn hiện nay của ngành dầu khí. Điều này có thể đe dọa đến sự tồn tại và phát triển của ngành dầu khí trong nước. Vì vậy, Nhà nước cần có những biện pháp bảo hộ mạnh mẽ và cụ thể hơn nữa đối với doanh nghiệp trong nước có đủ khả năng cung cấp dịch vụ. Trong năm 2016, PV Drilling sẽ tiếp tục nghiên cứu các thông lệ quốc tế, kiến nghị và đóng góp các chính sách ưu đãi, tăng tỷ lệ nội địa hóa như một số nước trong khu vực nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp dầu khí trong nước gia tăng lợi thế cạnh tranh ngay trên sân nhà.



NĂM 2016, PV DRILLING TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐÓNG GÓP CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, GIA TĂNG TỶ LỆ NỘI ĐỊA HÓA NHƯ MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC ĐANG LÀM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Đỗ Văn Khánh | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015) |
| Ông Đỗ Đức Chiến | Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015) |
| Ông Phạm Tiến Dũng | Thành viên |
| Ông Dương Xuân Quang | Thành viên |
| Ông Lê Văn Bé | Thành viên |
| Ông Trần Văn Hoạt | Thành viên |
| Bà Phạm Thị An Bình | Thành viên |
| Bà Kiều Thị Hoài Minh | Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015) |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Phạm Tiến Dũng | Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Văn Hoạt | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Hồ Ngọc Yến Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đào Ngọc Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Xuân Cường | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trịnh Văn Vinh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Vũ Văn Minh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hồ Vũ Hải | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2015) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số 419/VN1A-HC-BC

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2016, từ trang 148 đến trang 188 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi. Báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi này đã được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi của Tổng Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200.

CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ GIỚI HẠN VỀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Tổng Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính hợp nhất bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập để ngày 20 tháng 3 năm 2016 về báo cáo tài chính hợp nhất đó với ý kiến chấp nhận toàn phần. Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi mô tả cơ sở kế toán cho việc chuyển đổi báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi này được lập để giúp Tổng Công ty đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 200 trong việc công bố ra công chúng và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Văn Trịnh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1808-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 8.210.877.255.750 | 9.452.329.338.024 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 3.496.469.368.100 | 3.208.194.249.666 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.042.430.619.250 | 984.704.785.158 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.454.038.748.850 | 2.223.489.464.508 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 889.864.501.650 | 11.937.320.052 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 6 | 889.864.501.650 | 11.937.320.052 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 2.755.761.027.600 | 4.934.377.508.628 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 2.631.375.343.350 | 4.701.355.311.138 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 70.179.979.650 | 116.348.343.762 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 67.151.878.750 | 122.615.552.580 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (12.971.542.650) | (6.192.252.930) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 25.368.500 | 250.554.078 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 1.003.902.846.200 | 1.225.805.306.736 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.135.809.190.650 | 1.282.402.929.810 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (131.906.344.450) | (56.597.623.074) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 64.879.512.200 | 72.014.952.942 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 25.970.317.150 | 34.004.477.952 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 36.547.791.800 | 38.010.474.990 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 2.361.403.250 | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 16.704.350.150.050 | 13.852.431.135.132 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 18.304.899.350 | 17.985.588.840 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 18.304.899.350 | 17.985.588.840 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 15.931.914.930.750 | 11.701.855.754.286 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 15.735.500.778.750 | 11.501.571.050.784 |
| - Nguyên giá | 222 | | 22.510.177.090.300 | 16.734.067.799.784 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (6.774.676.311.550) | (5.232.496.749.000) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 196.414.152.000 | 200.284.703.502 |
| - Nguyên giá | 228 | | 299.934.716.450 | 278.212.078.308 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (103.520.564.450) | (77.927.374.806) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 52.899.181.950 | 1.476.396.586.482 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 12 | 52.899.181.950 | 1.476.396.586.482 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 617.514.077.750 | 633.432.259.494 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh | 252 | 13 | 617.514.077.750 | 633.432.259.494 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 83.717.060.250 | 22.760.946.030 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 50.913.457.000 | 13.799.829.396 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 14 | 32.267.317.650 | 7.946.088.984 |
| 3. Lợi thế thương mại | 269 | | 536.285.600 | 1.015.027.650 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 24.915.227.405.800 | 23.304.760.473.156 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 11.611.533.301.550 | 11.591.663.566.500 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 4.510.936.959.800 | 6.924.761.045.160 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 1.443.222.832.750 | 2.871.778.435.668 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 17.768.681.100 | 25.643.475.834 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 168.346.645.650 | 473.868.255.726 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 266.421.087.050 | 243.149.783.262 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 543.271.905.300 | 1.382.256.877.426 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 237.600.068.900 | 254.269.302.282 |
| 7. Vay ngắn hạn | 320 | 19 | 1.132.811.958.500 | 1.156.633.790.958 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 20 | 477.297.641.300 | 324.147.077.900 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 224.196.139.250 | 193.014.046.104 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 7.100.596.341.750 | 4.666.902.521.340 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 25 | 478.667.405.600 | 480.159.918.690 |
| 2. Vay dài hạn | 338 | 21 | 5.258.235.699.850 | 3.095.803.185.864 |
| 3. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 22 | 242.048.289.450 | 220.078.390.680 |
| 4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | 23 | 1.121.644.946.850 | 870.861.026.106 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 13.303.694.104.250 | 11.713.096.906.656 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 24 | 13.303.694.104.250 | 11.713.096.906.656 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 3.484.662.590.000 | 3.030.733.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 3.484.662.590.000 | 3.030.733.500.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 2.434.086.374.663 | 2.434.086.374.663 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (20.948.559.850) | (364.500.000) |
| 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 1.351.918.036.546 | 785.024.506.240 |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.523.859.997.942 | 1.355.900.612.660 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 4.226.353.331.722 | 3.873.193.525.639 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 2.965.278.410.639 | 2.065.433.938.472 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 1.261.074.921.083 | 1.807.759.587.167 |
| 7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 303.762.333.227 | 234.522.887.454 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 24.915.227.405.800 | 23.304.760.473.156 |



Phạm Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2015 | 2014 |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 14.444.280.050.219 | 20.884.328.724.600 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01) | 10 | 28 | 14.444.280.050.219 | 20.884.328.724.600 |
| 3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 29 | 11.253.094.063.761 | 16.762.959.711.047 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 3.191.185.986.458 | 4.121.369.013.553 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 31 | 211.264.382.551 | 161.286.440.353 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 32 | 527.322.805.511 | 291.656.532.291 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 187.043.368.048 | 144.676.565.627 |
| 7. Phần lãi trong công ty liên doanh | 24 | 13 | 262.626.132.703 | 299.206.704.142 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | 46.887.639.728 | 59.201.359.399 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 33 | 997.825.337.494 | 1.122.822.362.662 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26)) | 30 | | 2.093.040.718.979 | 3.108.181.903.696 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 52.261.163.944 | 124.374.138.948 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 31.614.342.212 | 54.710.517.292 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 20.646.821.732 | 69.663.621.656 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 2.113.687.540.711 | 3.177.845.525.352 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 34 | 389.449.698.963 | 645.872.969.777 |
| 16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 14 | (23.329.793.929) | (8.009.908.813) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 1.747.567.635.677 | 2.539.982.464.388 |
| Phân bổ cho: | | | | |
| - Cổ đông của Công ty mẹ | 61 | | 1.664.223.945.025 | 2.419.408.948.783 |
| - Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 62 | 25 | 83.343.690.652 | 120.573.515.605 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 35 | 4.102 | 5.996 |



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2015 | 2014 |
|--|-----------|----------------------------|----------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 2.113.687.540.711 | 3.177.845.525.352 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 1.393.920.305.837 | 1.068.110.216.897 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 217.420.118.109 | 138.610.990.129 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 24.977.112.701 | 27.093.074.493 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (371.778.110.715) | (387.196.843.705) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 187.043.368.048 | 144.676.565.627 |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | 225.995.197.026 | 166.271.916.838 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 3.791.265.531.717 | 4.335.411.445.631 |
| Giảm/(Tăng) các khoản phải thu | 09 | 2.392.460.731.625 | (728.099.668.456) |
| Giảm/(Tăng) hàng tồn kho | 10 | 213.963.434.486 | (225.712.046.881) |
| (Giảm)/Tăng các khoản phải trả | 11 | (2.661.223.124.563) | 776.964.532.802 |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | (25.732.597.503) | 86.317.401.706 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (190.083.862.485) | (153.404.650.937) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (512.795.660.415) | (562.198.100.532) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (242.439.204.622) | (280.547.656.176) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 2.765.415.248.240 | 3.248.731.257.157 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | (3.648.146.290.158) | (284.971.143.050) |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 22 | 5.550.007.008 | 3.263.607.935 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (1.124.121.000.000) | (492.258.371.472) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 246.193.818.402 | 510.258.327.670 |
| 5. Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác | 25 | - | (386.518.616.424) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | 6.341.464.203 |
| 7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 390.076.107.721 | 338.890.814.636 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (4.130.447.357.027) | (304.993.916.502) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 63.220.315.950 | 21.571.980.000 |
| 2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành | 32 | (20.584.059.850) | (364.500.000) |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 3.170.068.032.784 | 171.445.827.781 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (1.299.452.633.739) | (2.003.733.982.575) |
| 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (456.983.341.611) | (554.195.683.300) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 1.456.268.313.534 | (2.365.276.358.094) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | 91.236.204.747 | 578.460.982.561 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 3.208.194.249.666 | 2.597.616.954.888 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2015 | 2014 |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (12.380.215.282) | 3.050.776.878 |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo | 62 | 209.419.128.969 | 29.065.535.339 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62) | 70 | 3.496.469.368.100 | 3.208.194.249.666 |



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đong đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí ("Công ty mẹ"), 7 công ty con và 6 công ty liên doanh, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 11 ngày 11 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, mã số doanh nghiệp số 0302495126. Công ty mẹ được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Petrovietnam").

Công ty mẹ có hai xí nghiệp trực thuộc và hai chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng quản trị và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng quản trị và Giấy Chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria.
- Chi nhánh Myanmar được thành lập theo Quyết định số 01/03/2015/QĐ-HĐQT ngày 04 tháng 3 năm 2015 của Hội đồng quản trị và Giấy Chứng nhận thành lập số 594/CNĐK-SCT ngày 18 tháng 6 năm 2015 do Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Myanmar đặt tại số 33/36, Garden Street (U Yin Lane), Bahan Township, Yangon, Myanmar.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 465 người và 2.406 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 457 người và 2.520 người).

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Offshore bao gồm chế tạo, sửa chữa, kiểm định, bảo dưỡng vật tư thiết bị và phương tiện chuyên ngành dầu khí; cung ứng lao động có chuyên môn khoan, khai thác dầu khí cho các nhà thầu hoạt động trong và ngoài nước; tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu cho các phương tiện và hoạt động có rủi ro gây tràn dầu.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Well bao gồm cung cấp dịch vụ kéo thả ống chống, cho thuê thiết bị khoan, dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, cung cấp vật tư thiết bị chuyên ngành phục vụ công tác dịch vụ giếng khoan.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Logging bao gồm cung cấp dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan dầu khí, thử giếng khoan dầu khí, thử vỉa, bơm trám xi măng, cung ứng nhân lực, vật tư, thiết bị cho các dịch vụ có liên quan.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là "PVD Tech") được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Tech bao gồm cung cấp vật tư thiết bị cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác, thực hiện các dịch vụ lắp đặt, kiểm tra sửa chữa, bảo dưỡng giàn khoan, giàn sửa giếng, giàn khai thác dầu khí.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Training bao gồm đào tạo, giới thiệu và cung ứng nhân lực ngành dầu khí trong và ngoài nước, cho thuê nhà và văn phòng, kho bãi.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là "PVD Deepwater"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Deepwater bao gồm dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung ứng giàn khoan biển nước sâu phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí; cung ứng vật tư thiết bị, máy móc ngành dầu khí và các ngành nghề khác có liên quan; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm tự nhiên và khoa học kỹ thuật; tư vấn về công nghệ trong lĩnh vực dầu khí.

Công ty PV Drilling Overseas Company Private Limited (gọi tắt là "PVD Overseas") được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng Liên doanh với Falcon Energy Group Limited theo Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 9 Temasek Boulevard, #31_00 Suntec Tower 2, Singapore. Hoạt động chính của PVD Overseas bao gồm đầu tư, cho thuê giàn khoan, cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí.

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

| Tên công ty con | 31/12/2015 | | | | 31/12/2014 | | | |
|-----------------|--------------------------|---------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------------|---------------------|--------------------------------|----------------------|
| | Tỷ lệ sở hữu/ biểu quyết | Vốn điều lệ đăng ký | Vốn điều lệ đã góp của các bên | Giá trị khoản đầu tư | Tỷ lệ sở hữu/ biểu quyết | Vốn điều lệ đăng ký | Vốn điều lệ đã góp của các bên | Giá trị khoản đầu tư |
| | % | (nguyên tệ) | (nguyên tệ) | USD | % | (nguyên tệ) | (nguyên tệ) | USD |
| PVD Offshore | 100 | 130.000.000.000 VND | 130.000.000.000 VND | 6.748.980 | 100 | 130.000.000.000 VND | 130.000.000.000 VND | 6.748.980 |
| PVD Well | 100 | 80.000.000.000 VND | 80.000.000.000 VND | 4.081.469 | 100 | 80.000.000.000 VND | 80.000.000.000 VND | 4.081.469 |
| PVD Logging | 100 | 80.000.000.000 VND | 80.000.000.000 VND | 4.236.959 | 100 | 80.000.000.000 VND | 80.000.000.000 VND | 4.236.959 |
| PVD Tech | 100 | 200.000.000.000 VND | 200.000.000.000 VND | 10.324.805 | 100 | 200.000.000.000 VND | 200.000.000.000 VND | 10.324.805 |
| PVD Training | 52 | 28.958.670.000 VND | 28.958.670.000 VND | 1.096.066 | 52 | 28.958.670.000 VND | 28.958.670.000 VND | 1.096.066 |
| PVD Deepwater | 100 | 764.000.000.000 VND | 764.000.000.000 VND | 39.692.090 | 100 | 764.000.000.000 VND | 764.000.000.000 VND | 39.692.090 |
| PVD Overseas | 81,6 | 41.961.000 USD | 66.698.050 USD | 54.400.000 | 81,6 | 41.961.000 USD | 51.141.000 USD | 41.728.800 |
| | | | | 120.580.369 | | | | 107.909.169 |

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con: hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh trong năm 2015 diễn ra ổn định, đều có lợi nhuận và không có sự kiện quan trọng ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi.

Các công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty với tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ là 50%:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ - PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của BJ-PVD bao gồm cung cấp trọn gói toàn bộ các dịch vụ như bơm trám xi măng, kích vỉa, kéo thả ống mềm và bơm nitơ... cùng với các giải pháp kỹ thuật, dịch vụ phòng thí nghiệm và cung cấp hóa chất. Tổng vốn điều lệ của BJ - PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD-Baker Hughes bao gồm cung cấp dịch vụ khoan định hướng và khảo sát, dịch vụ đo trong khi khoan, dịch vụ lấy mẫu lõi, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ treo đầu ống chống lừng, dịch vụ cứu kẹt, dịch vụ choàng khoan, dịch vụ ép vỉa nhân tạo, dịch vụ hoàn thiện giếng thông minh và dịch vụ công nghệ khai thác mỏ. Tổng vốn điều lệ của PVD - Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Cản ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1,



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được căn đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Tubulars bao gồm cung cấp các sản phẩm cần khoan, ống chống, ống khai thác và cung cấp dịch vụ quản lý ống chống trọn gói cho tất cả các công ty dầu khí đang hoạt động thăm dò, khai thác trong bờ, ngoài khơi và cả những vùng nước sâu tại Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

Công ty TNHH Vietubes (gọi tắt là "Vietubes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và các sửa đổi bổ sung. Trụ sở đăng ký của Vietubes đặt tại Đường số 11, Khu công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của Vietubes bao gồm ren, gia công, sửa chữa, phục hồi và kiểm tra, kiểm định các loại cần khoan ống chống, chế tạo đầu nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ cho hoạt động khoan thăm dò, khai thác dầu khí; gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ổn định cấu trúc kim loại; gia công cơ khí chính xác chi tiết lớn trên máy tự động. Tổng vốn điều lệ của Vietubes là 77.297.205.000 đồng tương đương 3.707.300 Đô la Mỹ. Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Vietubes.

Công ty TNHH PV Drilling Expro International (trước đây là Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International, gọi tắt là "PVD-Expro") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Expro đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD - Expro bao gồm cung cấp các dịch vụ thử vỉa giếng khoan và cho thuê các thiết bị khai thác, cung ứng nhân lực nhằm cung ứng nhân lực cho chính các mảng dịch vụ đơn vị đang hoạt động với đội ngũ các kỹ sư, công nhân có tay nghề cao và kinh nghiệm làm việc từ các nhà thầu nước ngoài. Tổng vốn điều lệ của PVD-Expro là 6.371.352 Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech-Oil States Industries (gọi tắt là "PVD-OSI"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PVD-OSI đặt tại Đường số 11, Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hoạt động chính của PVD-OSI bao gồm sản xuất, chế tạo ren, tiện các loại đầu nối ống chống và cấu kiện, phụ tùng thay thế phục vụ ngành khoan thăm dò và khai thác dầu khí; và cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các loại đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí. Tổng vốn điều lệ của PVD-OSI là 105.000.000.000 đồng, tương đương 5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố đầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Trong năm 2015, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng nào có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được căn đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất chuyển đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 41.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi

Tổng Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối niên độ kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22.450 VND/USD (là tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ) được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn hoặc mua lại cổ phiếu quỹ;
- Chênh lệch tỷ giá được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân năm tài chính vì tỷ giá này xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn). Theo đó, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm là 21.907 VND/USD của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của niên độ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại từ khoản đầu tư vào công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Lợi thế thương mại có được từ việc mua phần vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, lợi thế thương mại này không được phân bổ theo quy định của Thông tư 202.

Khi bán công ty con hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho mua ngoài bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|----------------------------|--------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 6 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 20 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 4 |
| Phương tiện vận tải | 7 |
| Tài sản khác | 3 - 7 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chuyển đổi.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí đi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản dài hạn khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty như trình bày tại phần chính sách kế toán cho "Lợi thế thương mại".

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính.

Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1 năm đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chuyển đổi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của niên độ kế toán và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất chuyển đổi theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất chuyển đổi;
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc chuyển đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối năm được tính toàn bộ cho công ty mẹ và được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất chuyển đổi.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi công ty con hoặc chi nhánh ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt | 3.937.774.900 | 4.755.577.164 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.038.492.844.350 | 979.949.207.994 |
| Các khoản tương đương tiền | 1.454.038.748.850 | 2.223.489.464.508 |
| | 3.496.469.368.100 | 3.208.194.249.666 |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|--------------------|-----------------|-----------------------|----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 889.864.501.650 | 889.864.501.650 | 11.937.320.052 | 11.937.320.052 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại đáo hạn trong thời gian trên 3 tháng với lãi suất thay đổi hàng kỳ theo thông báo của các ngân hàng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng | | |
| - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông - bên liên quan | 534.005.229.456 | 585.950.194.534 |
| - Công ty Điều hành Dầu khí Cửu Long - bên liên quan | 610.777.173.746 | 457.851.029.224 |
| - Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước (Lô 09-2/09) | 321.023.885.156 | 418.512.900 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 1.165.569.054.992 | 3.657.135.574.480 |
| Trong đó: Phải thu các công ty liên doanh của Tổng Công ty | | |
| Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling | 3.012.430.800 | 10.103.832.744 |
| Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes | 8.246.603.400 | 37.432.413.822 |
| Công ty TNHH Căn ống Khoan Dầu khí Việt Nam | 67.342.860.900 | 57.675.368.916 |
| Công ty TNHH PV Drilling Expro International | 6.988.258.450 | 11.790.064.026 |
| | 2.631.375.343.350 | 4.701.355.311.138 |

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Phải thu lãi tiền gửi | 5.980.904.500 | 6.334.856.082 |
| Phải thu về lợi nhuận được chia | 4.799.652.850 | 64.861.807.170 |
| Phải thu người lao động | 1.402.676.000 | 524.266.296 |
| Ký cược, ký quỹ | 4.897.422.600 | 7.727.913.810 |
| Phải thu khác | 50.071.222.800 | 43.166.709.222 |
| | 67.151.878.750 | 122.615.552.580 |

9. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi đường | 38.352.075.850 | - | 5.282.095.536 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 870.580.894.550 | (131.906.344.450) | 784.576.154.772 | (56.597.623.074) |
| Công cụ, dụng cụ | 1.816.496.850 | - | 3.635.764.242 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 52.521.797.450 | - | 48.649.728.180 | - |
| Hàng hoá | 131.019.165.350 | - | 351.821.692.272 | - |
| Hàng gửi đi bán | 41.518.760.600 | - | 88.437.494.808 | - |
| | 1.135.809.190.650 | (131.906.344.450) | 1.282.402.929.810 | (56.597.623.074) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Thiết bị văn phòng VND | Phương tiện vận tải VND | Tài sản khác VND | Tổng VND |
|-------------------------------|--------------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------|---------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 351.582.887.232 | 16.252.523.619.210 | 62.133.183.390 | 66.786.142.374 | 1.041.967.578 | 16.734.067.799.784 |
| Tăng trong năm | 2.262.160.634 | 215.771.419.196 | 5.747.936.753 | 5.988.563.241 | - | 229.770.079.824 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 3.437.427.370 | 4.857.375.513.979 | - | - | - | 4.860.812.941.349 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (4.254.865.168) | (1.350.325.573) | - | - | (5.605.190.741) |
| Giảm khác | - | (432.203.203) | (421.293.517) | - | - | (853.496.720) |
| Chênh lệch tỷ giá | 9.598.231.014 | 677.195.853.086 | 2.722.423.447 | 2.412.387.335 | 56.061.922 | 691.984.956.804 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 366.880.706.250 | 21.998.179.337.100 | 68.831.924.500 | 75.187.092.950 | 1.098.029.500 | 22.510.177.090.300 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 106.434.301.536 | 5.028.858.194.430 | 48.481.693.566 | 47.825.617.086 | 896.942.382 | 5.232.496.749.000 |
| Khấu hao trong năm | 19.392.032.586 | 1.341.837.837.292 | 5.974.433.226 | 7.775.210.533 | 202.683.564 | 1.375.182.197.201 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (3.391.159.786) | (1.342.176.169) | - | - | (4.733.335.955) |
| Giảm khác | - | (286.324.490) | (311.232.749) | - | - | (597.557.239) |
| Chênh lệch tỷ giá | (1.360.031.922) | 169.454.306.554 | 2.216.282.876 | 2.019.297.481 | (1.596.446) | 172.328.258.543 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 124.466.302.200 | 6.536.472.854.000 | 55.019.000.750 | 57.620.125.100 | 1.098.029.500 | 6.774.676.311.550 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2015 | 242.414.404.050 | 15.461.706.483.100 | 13.812.923.750 | 17.566.967.850 | - | 15.735.500.778.750 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 245.148.585.696 | 11.223.665.424.780 | 13.651.489.824 | 18.960.525.288 | 145.025.196 | 11.501.571.050.784 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ Đồng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình là giàn PV DRILLING II, PV DRILLING V, PV DRILLING VI với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10.837.351.449.800 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giàn PV DRILLING II, giàn PV DRILLING III, giàn PV DRILLING V: 9.657.941.815.962 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 365.812.600.589 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 279.905.958.150 đồng).

Khấu hao tài sản cố định hữu hình trong năm bao gồm 2.474.724.255 đồng là hao mòn tài sản cố định đầu tư, mua sắm bằng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ (năm 2014: 2.300.049.468 đồng).

Vào tháng 3 năm 2015, giàn khoan PV DRILLING VI đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Nguyên giá của giàn khoan này được ghi nhận theo các chi phí tạm tính có liên quan đến việc xây dựng giàn khoan.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Khác VND | Tổng VND |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 185.294.290.758 | 58.865.208.654 | 34.052.578.896 | 278.212.078.308 |
| Tăng trong năm | - | 9.084.263.318 | - | 9.084.263.318 |
| Chênh lệch tỷ giá | 7.370.778.592 | 3.337.853.928 | 1.929.742.304 | 12.638.374.824 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 192.665.069.350 | 71.287.325.900 | 35.982.321.200 | 299.934.716.450 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 15.829.988.189 | 34.269.626.982 | 27.827.759.635 | 77.927.374.806 |
| Khấu hao trong năm | 3.591.652.650 | 10.945.942.085 | 6.384.072.219 | 20.921.666.954 |
| Chênh lệch tỷ giá | 899.066.461 | 2.037.235.833 | 1.735.220.396 | 4.671.522.690 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 20.320.707.300 | 47.252.804.900 | 35.947.052.250 | 103.520.564.450 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 31/12/2015 | 172.344.362.050 | 24.034.521.000 | 35.268.950 | 196.414.152.000 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 169.464.302.569 | 24.595.581.672 | 6.224.819.261 | 200.284.703.502 |

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Đồng Việt Nam và Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ Đồng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 61.265.460.014 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 23.219.179.758 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|-----------------------|--------------------------|
| Xây dựng cơ bản giàn PV DRILLING VI | - | 1.415.866.541.268 |
| Xây dựng cơ bản hình thành thiết bị khoan | 264.371.200 | 45.022.292.370 |
| Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự | - | 173.707.296 |
| Khác | 52.634.810.750 | 15.334.045.548 |
| | 52.899.181.950 | 1.476.396.586.482 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Tóm tắt các thông tin liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty liên doanh của Tổng Công ty:

| Tên công ty liên doanh | Vốn điều lệ đăng ký USD | Tỷ lệ s ở hữu % | Vốn điều lệ đã góp USD | Giá gốc khoản đầu tư | |
|---------------------------|-------------------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------|-------------------|
| | | | | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
| BJ-PVD | 5.000.000 | 49 | 2.450.000 | 48.039.113.955 | 48.039.113.955 |
| PVD-Expro | 6.371.352 | 51 | 3.249.390 | 34.238.560.029 | 34.238.560.029 |
| PVD Tubulars | 3.500.000 | 51 | 1.785.000 | 30.515.952.000 | 30.548.750.000 |
| PVD-Baker Hughes | 20.000.000 | 51 | 10.200.000 | 211.753.000.000 | 211.753.000.000 |
| Vietubes | 3.707.300 | 51 | 1.890.723 | 86.637.631.068 | 86.637.631.068 |
| PVD-OSI | 5.000.000 | 51 | 2.550.000 | 53.111.400.000 | 53.111.400.000 |

Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|------------------|------------------------|------------------------|
| BJ-PVD | 83.854.184.850 | 88.242.605.250 |
| PVD-Expro | 83.229.019.700 | 107.664.487.428 |
| PVD Tubulars | 68.871.009.950 | 62.682.647.442 |
| PVD-Baker Hughes | 228.990.000.000 | 216.709.200.000 |
| Vietubes | 89.506.645.850 | 95.100.559.098 |
| PVD-OSI | 63.063.217.400 | 63.032.760.276 |
| | 617.514.077.750 | 633.432.259.494 |

Biến động giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong năm như sau:

| | Tại ngày 01/01/2015 VND | Lợi nhuận trong liên doanh VND | Lợi nhuận được chia VND | Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính VND | Tại ngày 31/12/2015 VND |
|---------------------|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|--|-------------------------------|
| BJ-PVD | 88.242.605.250 | 27.230.620.070 | (36.198.213.026) | 4.579.172.556 | 83.854.184.850 |
| PVD-Expro | 107.664.487.428 | 23.700.438.462 | (48.135.900.588) | (5.602) | 83.229.019.700 |
| PVD Tubulars | 62.682.647.442 | 2.572.407.568 | - | 3.615.954.940 | 68.871.009.950 |
| PVD-Baker Hughes | 216.709.200.000 | 200.083.295.615 | (200.083.295.615) | 12.280.800.000 | 228.990.000.000 |
| Vietubes | 95.100.559.098 | 7.842.224.046 | (15.513.398.236) | 2.077.260.942 | 89.506.645.850 |
| PVD-OSI | 63.032.760.276 | 30.428.823 | - | 28.301 | 63.063.217.400 |
| | 633.432.259.494 | 261.459.414.584 | (299.930.807.465) | 22.553.211.137 | 617.514.077.750 |

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi này, báo cáo tài chính của PVD-Baker Hughes cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn chưa chính thức được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của liên doanh. Vì vậy, phần lợi nhuận của Tổng Công ty trong công ty liên doanh này vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trong yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên doanh trong năm: Xem thuyết minh số 39.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời là chi phí phải trả, các khoản dự phòng khác và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện khi đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được căn đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

| | Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND | Tổng VND |
|---|---|---|-----------------------|
| Tại ngày 01/01/2014 | (1.385.515.104) | 1.282.375.596 | (103.139.508) |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm | 8.887.737.879 | (877.829.066) | 8.009.908.813 |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | 23.916.214 | 15.403.465 | 39.319.679 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 7.526.138.989 | 419.949.995 | 7.946.088.984 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm | 19.473.636.161 | 3.856.157.768 | 23.329.793.929 |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | 870.261.000 | 121.173.737 | 991.434.737 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 27.870.036.150 | 4.397.281.500 | 32.267.317.650 |

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| Chi tiết các khoản phải trả người bán ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|---|--------------------------|---------------------------|--------------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Oil States Industries (Asia) Pte. Ltd. | 216.643.240.850 | 216.643.240.850 | 282.013.348.890 | 282.013.348.890 |
| Các khoản phải trả người bán khác | 1.226.579.591.900 | 1.226.579.591.900 | 2.589.765.086.778 | 2.589.765.086.778 |
| | 1.443.222.832.750 | 1.443.222.832.750 | 2.871.778.435.668 | 2.871.778.435.668 |

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 51.529.395.200 | 211.305.683.574 |
| Thuế nhập khẩu | 1.332.115.650 | 3.845.526 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 33.399.403.800 | 154.506.265.992 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 21.629.991.300 | 41.085.259.848 |
| Các loại thuế khác | 60.455.739.700 | 66.967.200.786 |
| | 168.346.645.650 | 473.868.255.726 |

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước trong năm của Tổng Công ty như sau:

| | 01/01/2015 VND | Số phải nộp VND | Số đã nộp VND | Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo VND | 31/12/2015 VND |
|--|------------------------|--------------------------|--------------------------|--|------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 211.305.683.574 | 743.976.200.527 | 908.736.031.059 | 4.983.542.158 | 51.529.395.200 |
| Thuế nhập khẩu | 3.845.526 | 48.985.256.885 | 47.652.829.331 | (4.157.430) | 1.332.115.650 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 154.506.265.992 | 390.617.758.296 | 512.795.660.415 | 1.071.039.927 | 33.399.403.800 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 41.085.259.848 | 431.409.545.540 | 452.190.317.334 | 1.325.503.246 | 21.629.991.300 |
| Các loại thuế khác | 66.967.200.786 | 877.405.231.237 | 888.963.713.949 | 2.685.618.376 | 58.094.336.450 |
| | 473.868.255.726 | 2.492.393.992.485 | 2.810.338.552.088 | 10.061.546.277 | 165.985.242.400 |
| Trong đó: | | | | | |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | - | | | | (2.361.403.250) |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 473.868.255.726 | | | | 168.346.645.650 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được căn đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|------------------------|--------------------------|
| Chi phí hoạt động của các giàn khoan | 129.896.126.550 | 817.481.874.280 |
| Chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ | 253.414.163.200 | 414.018.762.384 |
| Chi phí lãi vay | 30.207.956.700 | 31.536.648.822 |
| Các khoản khác | 129.753.658.850 | 119.219.591.940 |
| | 543.271.905.300 | 1.382.256.877.426 |

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận phải trả các bên BBC | 231.331.855.586 | 215.307.920.070 |
| Các khoản phải trả khác | 6.268.213.314 | 38.961.382.212 |
| | 237.600.068.900 | 254.269.302.282 |

19. VAY NGẮN HẠN

| | 31/12/2014 | | Trong năm | | | 31/12/2015 | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | Tăng | Giảm | Chênh lệch tỷ giá | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 2.578.180.854 | 2.578.180.854 | 139.388.632.808 | (130.693.306.368) | (38.539.494) | 11.234.967.800 | 11.234.967.800 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22) | 1.154.055.610.104 | 1.154.055.610.104 | 1.121.576.990.700 | (1.168.759.327.371) | 14.703.717.267 | 1.121.576.990.700 | 1.121.576.990.700 |
| | 1.156.633.790.958 | 1.156.633.790.958 | 1.260.965.623.508 | (1.299.452.633.739) | 14.665.177.773 | 1.132.811.958.500 | 1.132.811.958.500 |

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|----------------|----------------|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") | 11.234.967.800 | 2.578.180.854 |

Khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng vay. Khoản vay này đã được PVD Tech thanh toán hết đến ngày lập báo cáo tài chính này.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Dự phòng quỹ lương VND | Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định VND | Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa VND | Dự phòng trợ cấp thôi việc VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|------------------------|---|---|--------------------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2015 | 103.602.061.014 | 220.545.016.886 | - | - | 324.147.077.900 |
| Chuyển qua từ dài hạn | - | 157.882.785.092 | - | - | 157.882.785.092 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | 91.432.182.350 | 80.896.176.063 | 10.972.729.350 | 23.363.176.200 | 206.664.263.963 |
| Sử dụng trong năm | (37.694.082.387) | (107.794.424.641) | - | - | (145.488.507.028) |
| Hoàn nhập dự phòng | (65.907.978.627) | - | - | - | (65.907.978.627) |
| Tại ngày 31/12/2015 | 91.432.182.350 | 351.529.553.400 | 10.972.729.350 | 23.363.176.200 | 477.297.641.300 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Dự phòng quỹ lương được trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo Quyết định của Tổng Công ty.

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi năm căn cứ vào chi phí ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn sẽ phát sinh trong vòng một năm tiếp theo theo yêu cầu kỹ thuật cho các giàn khoan và các thiết bị phục vụ hoạt động khoan của Tổng Công ty.

Dự phòng bảo hành sản phẩm là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp đã bán, đã bàn giao cho người mua nhưng Tổng Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng.

Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan và được duyệt theo Quyết định của Tổng Công ty.

| 21. VAY DÀI HẠN | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|-------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------------|-----------------------|
| | VND | | VND | |
| Các khoản vay dài hạn | 6.379.812.690.550 | | 4.247.999.962.182 | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | (1.121.576.990.700) | | (1.152.196.776.318) | |
| | 5.258.235.699.850 | | 3.095.803.185.864 | |
| | 31/12/2014 | | 31/12/2015 | |
| | Số có khả năng trả nợ | | Số có khả năng trả nợ | |
| | Giá trị VND | Tăng VND | Giảm VND | Chênh lệch tỷ giá VND |
| Vay dài hạn | 3.095.803.185.864 | 3.095.803.185.864 | 3.038.108.036.292 | (1.121.576.990.700) |
| | | | 245.901.468.394 | |
| | | | 5.258.235.699.850 | 5.258.235.699.850 |

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") | 1.328.776.818.650 | 1.750.421.333.142 |
| MBBank và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank") | 985.939.119.500 | 1.142.297.129.895 |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC") | - | 122.164.500.000 |
| Ngân hàng Standard Chartered ("SC Bank") | 265.960.166.100 | 505.603.413.021 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") | 236.724.204.600 | 304.452.423.851 |
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ("Seabank") | 3.562.412.381.700 | 424.920.000.000 |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | - | (1.858.837.727) |
| | 6.379.812.690.550 | 4.247.999.962.182 |

Thông tin bổ sung cho các khoản vay của Tổng Công ty:

| Ngân hàng | Mục đích tài trợ xây dựng | Lãi suất % | Hình thức đảm bảo | Dư nợ 31/12/2015 | Đơn vị tiền tệ |
|-------------|--|---------------------------|--|------------------|----------------|
| BIDV | Giàn PV DRILLING II | Tiết kiệm 12 tháng + biên | Giàn PV DRILLING II | 59.188.277 | USD |
| SC Bank | Giàn PV DRILLING V | SIBOR 12 tháng + biên | Giàn PV DRILLING V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC | 8.246.778 | USD |
| SC Bank | Giàn PV DRILLING V | SIBOR 6 tháng + biên | Giàn PV DRILLING V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC | 3.600.000 | USD |
| Vietcombank | Giàn PV DRILLING V | LIBOR 6 tháng + biên | Giàn PV DRILLING V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC | 8.531.778 | USD |
| MBBank | Giàn PV DRILLING V | LIBOR 6 tháng + biên | Giá trị giàn PV DRILLING V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC | 43.917.110 | USD |
| Vietcombank | Mua sắm máy móc thiết bị tại PVD Tech | Tiết kiệm 12 tháng + biên | Tài sản hình thành từ dự án | 28.747.265.687 | VND |
| Vietcombank | Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống tại PVD Well | Tiết kiệm 12 tháng + biên | Tài sản hình thành từ dự án | 16.579.434.945 | VND |
| SeABank | Giàn PV Drilling VI | LIBOR 3 tháng + biên | Giàn PV DRILLING VI tương ứng với tỷ lệ cho vay | 158.682.066 | USD |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 1.121.576.990.700 | 1.152.196.776.318 |
| Trong năm thứ hai | 1.219.070.089.350 | 951.570.840.810 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 2.839.235.560.500 | 1.933.190.366.832 |
| Sau năm năm | 1.199.930.050.000 | 211.041.978.222 |
| | 6.379.812.690.550 | 4.247.999.962.182 |
| Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn) | (1.121.576.990.700) | (1.152.196.776.318) |
| Số phải trả sau 12 tháng | 5.258.235.699.850 | 3.095.803.185.864 |

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

| | Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định VND | Dự phòng bảo hành VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|---|-----------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2015 | 220.078.390.680 | - | 220.078.390.680 |
| Chuyển qua ngắn hạn | (157.882.785.092) | - | (157.882.785.092) |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | 169.994.148.012 | 9.858.535.850 | 179.852.683.862 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 232.189.753.600 | 9.858.535.850 | 242.048.289.450 |

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi năm căn cứ vào chi phí ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn sẽ phát sinh trong tương lai theo yêu cầu kỹ thuật cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

Dự phòng bảo hành sản phẩm là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp đã bán, đã bàn giao cho người mua nhưng Tổng Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng.

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế để phát triển các hoạt động khoa học công nghệ.

Tình hình trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|--------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tại ngày đầu năm: | 870.861.026.106 | 551.976.478.032 |
| - Quỹ khoa học công nghệ khả dụng | 856.808.041.331 | 551.555.818.167 |
| - Giá trị còn lại của tài sản được hình thành từ Quỹ khoa học công nghệ | 14.052.984.775 | 420.659.865 |
| Tăng trong năm: | 215.660.512.119 | 318.514.438.540 |
| - Trích lập | 215.660.512.119 | 318.514.438.540 |
| Giảm trong năm (*): | (4.880.433.608) | (2.911.894.933) |
| - Sử dụng | (42.547.834.234) | (16.544.219.843) |
| Trong đó: Chi đầu tư TSCĐ | 40.142.134.234 | 15.921.879.708 |
| - Khấu hao tài sản cố định | (2.474.733.608) | (2.289.554.798) |
| Chênh lệch tỷ giá do quy đổi | 40.003.842.233 | 3.282.004.467 |
| Tại ngày cuối năm: | 1.121.644.946.850 | 870.861.026.106 |
| - Quỹ khoa học công nghệ khả dụng | 1.069.924.561.449 | 856.808.041.331 |
| - Giá trị còn lại của tài sản được hình thành từ Quỹ khoa học công nghệ | 51.720.385.401 | 14.052.984.775 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

(*) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, số Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ đã sử dụng lũy kế của Tổng Công ty là 60.620.219.840 đồng

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần 11, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.484.662.590.000 đồng, tương đương 181.630.323 Đô la Mỹ. Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|---|--------------------|--------------------------|--------------------|--------------------------|
| | Số lượng cổ phần | VND | Số lượng cổ phần | VND |
| Số cổ phần được duyệt | 348.466.259 | 3.484.662.590.000 | 303.073.350 | 3.030.733.500.000 |
| Số cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phần phổ thông | 328.314.259 | 3.283.142.590.000 | 282.921.350 | 2.829.213.500.000 |
| Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu | 20.152.000 | 201.520.000.000 | 20.152.000 | 201.520.000.000 |
| | 348.466.259 | 3.484.662.590.000 | 303.073.350 | 3.030.733.500.000 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phần phổ thông | (416.000) | (4.160.000.000) | (36.450) | (364.500.000) |
| | (416.000) | (4.160.000.000) | (36.450) | (364.500.000) |
| Số cổ phần hiện đang lưu hành | | | | |
| Cổ phần phổ thông | 327.898.259 | 3.278.982.590.000 | 282.884.900 | 2.828.849.000.000 |
| Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu | 20.152.000 | 201.520.000.000 | 20.152.000 | 201.520.000.000 |
| | 348.050.259 | 3.480.502.590.000 | 303.036.900 | 3.030.369.000.000 |

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần phổ thông của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty là Petrovietnam hiện sở hữu 175.671.690 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 50,40% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 50,39% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 so với tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | Tổng VND |
|---------------------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------|
| Tại ngày 01/01/2014 | 2.755.286.950.000 | 2.446.049.927.854 | (11.963.553.191) | 683.185.976.226 | 735.587.990.807 | 338.229.607.392 | 2.891.864.978.472 | 29.564.751.696 | 9.867.806.629.256 |
| Chia cổ tức | 275.446.550.000 | - | - | - | - | - | (826.431.040.000) | (3.211.193.300) | (554.195.683.300) |
| Tăng vốn trong năm | - | - | - | - | - | - | - | 199.971.601.200 | 199.971.601.200 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (364.500.000) | - | - | - | - | - | (364.500.000) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - | - | 101.838.530.014 | (981.668.041) | (490.837.103) | 3.229.579.469 | (146.548.781) | 103.449.035.558 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 236.672.637.933 | 46.936.790.473 | 2.539.982.464.388 | (1.472.518.138) | 2.539.982.464.388 |
| Phân phối quỹ | - | - | - | - | - | - | (9.816.794.777) | 9.816.794.777 | - |
| Phân phối cho cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | - | - | (110.756.720.828) | - | (110.756.720.828) |
| Phân phối cho các bên BCC | - | (11.963.553.191) | 11.963.553.191 | - | - | (53.908.801) | (303.953.428) | - | (537.862.229) |
| Thuởng cổ phiếu quỹ | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Điều chỉnh giảm khác | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2014 | 3.030.733.500.000 | 2.434.086.374.663 | (364.500.000) | 785.024.506.240 | 971.278.960.699 | 384.621.651.961 | 3.873.193.525.639 | 234.522.887.454 | 11.713.096.906.656 |
| Phân loại lại theo Thông tư 200 | - | - | - | - | 384.621.651.961 | (384.621.651.961) | - | - | - |
| Tại ngày 01/01/2015 | 3.030.733.500.000 | 2.434.086.374.663 | (364.500.000) | 785.024.506.240 | 1.355.900.612.660 | - | 3.873.193.525.639 | 234.522.887.454 | 11.713.096.906.656 |
| Chia cổ tức | 453.929.090.000 | - | - | - | - | - | (907.915.115.000) | (2.997.316.611) | (456.983.341.611) |
| Tăng vốn trong năm | - | - | - | - | - | - | - | 63.220.315.950 | 63.220.315.950 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (20.584.059.850) | - | - | - | - | - | (20.584.059.850) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - | - | 566.893.530.306 | - | - | (150.742.067) | (1.898.548.248) | 564.844.239.991 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 167.959.385.282 | - | 1.747.567.635.677 | - | 1.747.567.635.677 |
| Phân phối quỹ | - | - | - | - | - | - | (403.950.054.629) | (1.191.171.218) | (237.181.840.565) |
| Phân phối cho cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | - | - | (11.220.094.785) | 11.220.094.785 | - |
| Phân phối cho các bên BCC | - | - | - | - | - | - | (72.123.595.867) | - | (72.123.595.867) |
| Cổ tức chia cho cổ đông khác | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Thuởng cổ phiếu quỹ | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Điều chỉnh tăng khác | - | - | - | - | 951.772.754 | - | 886.071.115 | - | 1.837.843.869 |
| Tại ngày 31/12/2015 | 3.484.662.590.000 | 2.434.086.374.663 | (20.948.559.850) | 1.351.918.036.546 | 1.523.859.997.942 | - | 4.226.353.331.722 | 303.762.383.227 | 13.303.694.104.250 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã mua lại 379.550 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 01/12/2014/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2014.

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Theo quy định của Thông tư 200, Tổng Công ty không trích lập quỹ dự phòng tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và số dư quỹ dự phòng tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được chuyển vào quỹ đầu tư phát triển. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2014 là 30% vốn điều lệ với 15% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 15% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền là 20.579.602 Đô la Mỹ, tương đương 453.986.025.000 đồng. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 20.535.132 Đô la Mỹ, tương đương 453.929.090.000 đồng từ việc thanh toán 15% cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

| | CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VND | CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con và quy đổi từ VND sang USD VND | Tổng VND |
|----------------------------|---|---|--------------------------|
| Tại ngày 01/01/2014 | (7.344.997.676) | 690.530.973.902 | 683.185.976.226 |
| Phát sinh trong năm | (12.480.469.029) | 114.318.999.043 | 101.838.530.014 |
| Tại ngày 31/12/2014 | (19.825.466.705) | 804.849.972.945 | 785.024.506.240 |
| Phát sinh trong năm | (23.083.252.551) | 589.976.782.857 | 566.893.530.306 |
| Tại ngày 31/12/2015 | (42.908.719.256) | 1.394.826.755.802 | 1.351.918.036.546 |

25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training và PVD Overseas và lợi ích của các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh với chi tiết như sau:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|--|-----------------------|------------------------|
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại PVD Training và PVD Overseas (*) | 11.220.094.785 | 9.816.794.777 |
| Lợi ích của các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (**) | 72.123.595.867 | 110.756.720.828 |
| | 83.343.690.652 | 120.573.515.605 |

(*) Chi tiết lợi ích cổ đông không kiểm soát tại PVD Training và PVD Overseas

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại PVD Training và PVD Overseas tại ngày kết thúc niên độ kế toán được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

| | PVD Training VND | PVD Overseas USD |
|--|---------------------|---------------------|
| Vốn điều lệ của công ty con | 28.958.670.000 | 66.698.050 |
| Trong đó: | | |
| Vốn phân bổ cho Công ty mẹ | 14.996.960.000 | 54.400.000 |
| Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát | 13.961.710.000 | 12.298.050 |
| Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 48,21% | 18,44% |

Tài sản thuần của PVD Training và PVD Overseas tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tổng tài sản | 5.371.603.167.908 | 1.719.005.230.024 |
| Tổng nợ phải trả | (3.766.274.916.196) | (560.799.003.138) |
| Tài sản thuần | 1.605.328.251.712 | 1.158.206.226.886 |
| Chi tiết như sau: | | |
| Vốn điều lệ | 1.526.329.892.500 | 1.115.500.356.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 312.482.400 | 312.482.400 |
| Các quỹ khác | 12.270.479.609 | 11.232.634.935 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 66.415.397.203 | 31.160.753.551 |

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 303.762.333.227 | 234.522.887.454 |
| Chi tiết như sau: | | |
| <i>PVD Training</i> | | |
| Vốn điều lệ | 13.961.710.000 | 13.961.710.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 150.655.698 | 150.655.698 |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | (2.103.530.924) | 4.976.385.517 |
| Các quỹ khác | 5.915.909.738 | 3.953.158.872 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 17.064.052.756 | 11.509.376.167 |
| <i>PVD Overseas</i> | | |
| Vốn điều lệ đã góp | 263.191.917.150 | 199.971.601.200 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 5.581.618.809 | - |

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---------------------------------------|----------------|----------------|
| Lợi nhuận trong năm | 41.966.714.132 | 20.361.482.395 |
| Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát | 11.220.094.785 | 9.816.794.777 |

(**) Chi tiết lợi ích của các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC")

Tổng Công ty cùng với Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Quân đội (gọi tắt là "MBBank") và Ngân hàng TMCP Đại Dương (gọi tắt là "OceanBank") hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (giàn khoan "TAD" hay giàn khoan "PV DRILLING V") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại BCC như sau:

| | Tỷ lệ góp % |
|-------------------------------|-------------|
| Phần vốn góp của Petrovietnam | 23,00 |
| Phần vốn góp của Tổng Công ty | 62,43 |
| Phần vốn góp của MBBank | 9,71 |
| Phần vốn góp của OceanBank | 4,86 |

Tình hình tài chính của BCC được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi của Tổng Công ty như sau:

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tổng tài sản | 3.836.078.982.536 | 3.975.038.627.418 |
| <i>Trong đó: Giá trị còn lại của giàn khoan PV DRILLING V</i> | <i>2.893.022.103.049</i> | <i>3.239.518.502.053</i> |

Phần vốn thực góp của đối tác trong BCC bao gồm Petrovietnam, MBBank và OceanBank nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan TAD được ghi nhận là phải trả dài hạn khác. Số dư khoản phải trả dài hạn khác này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Petrovietnam | 278.173.894.859 | 278.173.894.859 |
| MBBank | 133.229.238.748 | 133.229.238.748 |
| OceanBank | 68.756.768.760 | 68.756.768.760 |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | (1.492.496.767) | 16.323 |
| | 478.667.405.600 | 480.159.918.690 |

Tình hình hoạt động kinh doanh và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu | 1.538.094.982.842 | 1.629.815.284.468 |
| Giá vốn | 1.119.120.168.443 | 1.131.888.440.625 |
| Chi phí quản lý | 97.751.246.607 | 112.485.359.207 |
| Chi phí tài chính | 158.755.494.251 | 121.774.304.403 |
| Doanh thu tài chính | 25.306.988.307 | 14.300.891.336 |
| Lợi nhuận khác | - | 2.845.837.960 |
| Lợi nhuận thuần | 187.775.061.848 | 280.813.909.529 |
| Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC | 4.196.176.315 | 13.986.968.892 |
| Lợi nhuận thuần phân phối cho các bên BCC | 191.971.238.163 | 294.800.878.421 |
| Phân chia theo tỷ lệ vốn góp | | |
| Tổng Công ty | 119.847.642.296 | 170.057.188.701 |
| Các bên khác trong BCC: | 72.123.595.867 | 110.756.720.828 |
| <i>Petrovietnam</i> | <i>44.153.385.812</i> | <i>67.804.202.037</i> |
| <i>MBBank</i> | <i>18.640.407.662</i> | <i>28.625.196.100</i> |
| <i>OceanBank</i> | <i>9.329.802.393</i> | <i>14.327.322.691</i> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi này, kết quả hoạt động kinh doanh của BCC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ vốn góp.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày ở Thuyết minh số 37.

Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|-------------------------|-------------------|-------------------|
| Đồng Việt Nam ("VND") | 2.691.384.099.209 | 2.506.771.758.512 |
| Euro ("EUR") | 10.094 | 9.056 |
| Bảng Anh ("GBP") | 5.779 | 10.152 |
| Đô la Singapore ("SGD") | 36.930 | 17.493 |
| Dinar Algeria ("DZD") | 27.853.768 | 57.432.042 |

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

- Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:
- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan (gọi tắt là "Dịch vụ khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại (gọi tắt là "Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác (gọi tắt là "Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Dịch vụ khoan VND | Thương mại VND | Dịch vụ khác VND | Tổng VND |
|----------------------------------|----------------------|-------------------|---------------------|---------------------------|
| Tài sản | | | | |
| Tài sản bộ phận | 21.650.281.475.300 | 1.113.524.063.450 | 2.151.421.867.050 | 24.915.227.405.800 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | - |
| Tổng tài sản hợp nhất | | | | 24.915.227.405.800 |
| Nợ phải trả | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 9.211.707.999.050 | 822.828.262.850 | 1.576.997.039.650 | 11.611.533.301.550 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất | | | | 11.611.533.301.550 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Dịch vụ khoan VND | Thương mại VND | Dịch vụ khác VND | Tổng VND |
|--|----------------------|-------------------|---------------------|--------------------------|
| Doanh thu gộp | 8.523.233.679.358 | 1.460.297.091.882 | 4.460.749.278.979 | 14.444.280.050.219 |
| Doanh thu thuần | 8.523.233.679.358 | 1.460.297.091.882 | 4.460.749.278.979 | 14.444.280.050.219 |
| Giá vốn hàng bán | 6.530.541.719.976 | 1.361.115.843.943 | 3.361.436.499.842 | 11.253.094.063.761 |
| Lợi nhuận gộp | 1.992.691.959.382 | 99.181.247.939 | 1.099.312.779.137 | 3.191.185.986.458 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 137.050.520.605 | 14.429.571.318 | 59.784.290.628 | 211.264.382.551 |
| Chi phí tài chính | 448.391.994.046 | 29.775.381.004 | 49.155.430.461 | 527.322.805.511 |
| Chi phí bán hàng | 32.610.387.781 | 1.343.490.589 | 12.933.761.358 | 46.887.639.728 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 705.288.438.527 | 50.110.378.498 | 242.426.520.469 | 997.825.337.494 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 943.451.659.633 | 32.381.569.166 | 854.581.357.477 | 1.830.414.586.276 |
| Thu nhập khác | 8.131.155.469 | 3.050.221.145 | 41.079.787.330 | 52.261.163.944 |
| Chi phí khác | 279.467.599 | (336.622.962) | 31.671.497.575 | 31.614.342.212 |
| Lợi nhuận khác | 7.851.687.870 | 3.386.844.107 | 9.408.289.755 | 20.646.821.732 |
| Lợi nhuận trước thuế | 951.303.347.503 | 35.768.413.273 | 863.989.647.232 | 1.851.061.408.008 |
| Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh | - | - | - | 262.626.132.703 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | 389.449.698.963 |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | (23.329.793.929) |
| Lợi nhuận sau thuế | | | | 1.747.567.635.677 |

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | Dịch vụ khoan VND | Thương mại VND | Dịch vụ khác VND | Tổng VND |
|----------------------------------|----------------------|-------------------|---------------------|---------------------------|
| Tài sản | | | | |
| Tài sản bộ phận | 19.500.799.108.627 | 1.363.275.446.382 | 2.440.685.918.147 | 23.304.760.473.156 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | - |
| Tổng tài sản hợp nhất | | | | 23.304.760.473.156 |
| Nợ phải trả | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 9.201.048.158.166 | 1.068.150.192.330 | 1.322.465.216.004 | 11.591.663.566.500 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất | | | | 11.591.663.566.500 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | Dịch vụ khoan VND | Thương mại VND | Dịch vụ khác VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------|-------------------|---------------------|--------------------------|
| Doanh thu gộp | 12.469.789.037.788 | 1.680.058.583.350 | 6.734.481.103.462 | 20.884.328.724.600 |
| Doanh thu thuần | 12.469.789.037.788 | 1.680.058.583.350 | 6.734.481.103.462 | 20.884.328.724.600 |
| Giá vốn hàng bán | 9.869.342.280.317 | 1.590.608.084.188 | 5.303.009.346.542 | 16.762.959.711.047 |
| Lợi nhuận gộp | 2.600.446.757.471 | 89.450.499.162 | 1.431.471.756.920 | 4.121.369.013.553 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 56.383.085.957 | 20.040.686.655 | 84.862.667.741 | 161.286.440.353 |
| Chi phí tài chính | 257.135.585.268 | 14.198.338.852 | 20.322.608.171 | 291.656.532.291 |
| Chi phí bán hàng | 32.452.332.491 | 1.480.430.000 | 25.268.596.908 | 59.201.359.399 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 840.285.195.670 | 40.173.202.268 | 242.363.964.724 | 1.122.822.362.662 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 1.526.956.729.999 | 53.639.214.697 | 1.228.379.254.858 | 2.808.975.199.554 |
| Thu nhập khác | 48.210.253.493 | 1.913.117.391 | 74.250.768.064 | 124.374.138.948 |
| Chi phí khác | 3.676.351.819 | 2.492.642.289 | 48.541.523.184 | 54.710.517.292 |
| Lợi nhuận khác | 44.533.893.429 | (579.524.898) | 25.709.253.125 | 69.663.621.656 |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.571.490.623.428 | 53.059.689.799 | 1.254.088.507.983 | 2.878.638.821.210 |
| Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh | - | - | - | 299.206.704.142 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | 645.872.969.777 |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | (8.009.908.813) |
| Lợi nhuận sau thuế | | | | 2.539.982.464.388 |

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty chủ yếu thực hiện hoạt động tại Việt Nam (PVD Overseas, công ty con đặt trụ sở ở Singapore, cũng chỉ thực hiện việc cho thuê giàn khoan ở vùng biển của Việt Nam). Đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 1.460.297.091.882 | 1.680.058.583.350 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan | 8.523.233.679.358 | 12.469.789.037.788 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác | 4.460.749.278.979 | 6.734.481.103.462 |
| | 14.444.280.050.219 | 20.884.328.724.600 |

Doanh thu với các bên liên quan: xem Thuyết minh số 39

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Giá vốn bán hàng hóa | 1.361.115.843.943 | 1.590.608.084.188 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan | 6.530.541.719.976 | 9.869.342.280.317 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác | 3.361.436.499.842 | 5.303.009.346.542 |
| | 11.253.094.063.761 | 16.762.959.711.047 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2015 VND | 2014 VND |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.056.289.535.779 | 2.655.598.083.370 |
| Chi phí nhân công | 2.997.392.261.151 | 3.900.713.396.486 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.393.920.305.837 | 1.068.110.216.897 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.419.255.954.780 | 8.870.671.103.845 |
| Chi phí khác | 430.948.983.436 | 1.449.890.632.510 |
| | 12.297.807.040.983 | 17.944.983.433.108 |

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2015 VND | 2014 VND |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Lãi tiền gửi | 103.601.971.004 | 99.336.387.722 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 107.662.411.547 | 61.950.052.631 |
| | 211.264.382.551 | 161.286.440.353 |

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay | 187.043.368.048 | 144.676.565.627 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 24.977.108.285 | 27.093.074.493 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 274.465.052.338 | 111.619.451.985 |
| Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | 13.460.957.818 |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | - | (17.745.005.003) |
| Chi phí tài chính khác | 40.837.276.840 | 12.551.487.371 |
| | 527.322.805.511 | 291.656.532.291 |

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2015 VND | 2014 VND |
|----------------------------------|------------------------|--------------------------|
| Chi phí nhân công | 407.044.897.502 | 394.509.702.627 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 34.000.649.815 | 34.570.218.847 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 176.453.217.550 | 190.085.498.931 |
| Chi phí khác | 380.326.572.627 | 503.656.942.256 |
| | 997.825.337.494 | 1.122.822.362.661 |

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.113.687.540.711 | 3.177.845.525.352 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế: | | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | (222.111.914.623) | (374.298.560.954) |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 72.773.892.929 | 78.982.061.397 |
| Thu nhập tính thuế | 1.964.349.519.017 | 2.882.529.025.795 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 389.449.694.725 | 586.369.083.954 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước | - | 61.607.423.202 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi | 4.238 | (2.103.537.379) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 389.449.698.963 | 645.872.969.777 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành 22%, ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 22% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến năm 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến năm 2016).
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho các hoạt động. Công ty được hưởng ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí đối với hoạt động sản xuất. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD Deepwater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ thu nhập dự án đầu tư giàn khoan PV DRILLING V (năm 2011). PVD Deepwater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ | 1.664.223.945.025 | 2.419.408.948.783 |
| Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi | (235.990.669.347) | (330.965.559.251) |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.428.233.275.678 | 2.088.443.389.532 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền | 348.180.410 | 348.306.801 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 4.102 | 5.996 |

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Tổng Công ty loại trừ số lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC, và 45.392.909 cổ phần được phát hành thêm vào ngày 25 tháng 8 năm 2015 để thanh toán 15% cổ tức năm 2014 như sau:

| | Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND | Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền Cổ phiếu | Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND |
|--|--|--|------------------------------|
| Số báo cáo trước đây | 2.419.408.948.783 | 302.913.892 | 7.987 |
| Điều chỉnh ảnh hưởng của việc loại trừ lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi và phát hành cổ phần chi trả cổ tức | (330.965.559.251) | 45.392.909 | |
| Số liệu trình bày lại | 2.088.443.389.532 | 348.306.801 | 5.996 |

36. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất

| | 2015 VND | 2014 VND |
|--|----------------|----------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm | 50.791.072.802 | 56.429.063.883 |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Trong vòng một năm | 38.751.977.700 | 46.374.196.596 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 38.621.610.550 | 46.527.252.780 |
| Sau năm năm | 35.034.774.050 | 34.180.692.276 |
| | 112.408.362.300 | 127.082.141.652 |

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

Cam kết thuê giàn khoan phục vụ hoạt động kinh doanh

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty thuê các giàn khoan và cho khách hàng thuê lại theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê được tính theo đơn giá thuê và số ngày hoạt động thực tế của các giàn khoan.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|---------------------|---------------------|
| Các khoản vay | 6.391.047.658.350 | 4.252.436.976.822 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | (3.496.469.368.100) | (3.208.194.249.666) |
| Nợ thuần | 2.894.578.290.250 | 1.044.242.727.156 |
| Vốn chủ sở hữu | 13.303.694.104.250 | 11.713.096.906.656 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | 0,22 | 0,09 |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.496.469.368.100 | 3.208.194.249.666 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 2.693.629.799.500 | 4.816.242.949.908 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 889.864.501.650 | 11.937.320.052 |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 23.202.321.950 | 25.713.502.650 |
| | 7.103.165.991.200 | 8.062.088.022.276 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 6.391.047.658.350 | 4.252.436.976.822 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 968.311.918.300 | 2.906.807.990.628 |
| Chi phí phải trả | 543.271.905.300 | 1.382.256.877.426 |
| | 7.902.631.481.950 | 8.541.501.844.876 |

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

| | Công nợ | | Tài sản | |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
| Đô la Mỹ (USD) (các công ty con) | 3.022.138.240.254 | 3.604.366.396.227 | 1.750.434.918.750 | 1.412.409.281.242 |
| Đồng Việt Nam (VND) (Công ty mẹ) | 425.530.994.500 | 327.933.209.810 | 1.532.391.965.300 | 4.190.611.515.762 |
| Dinar Algeria (DZD) | 14.782.202.500 | 8.857.252.341 | 41.631.504.500 | 18.915.301.840 |
| Đô la Singapore (SGD) | 2.235.999.687 | 27.248.088.835 | 651.207.150 | 7.146.287.047 |
| Euro (EUR) | 1.036.476.399 | 5.286.580.714 | 594.543.350 | 1.406.293.334 |
| Bạt Thái (THB) | 10.394.350 | 96.417.950 | - | - |
| Bảng Anh (GBP) | 840.404.691 | 520.209.879 | 352.150.700 | 3.304.497.931 |
| Đô la Úc (AUD) | - | 86.214.196 | - | 52.255.387 |

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 3% (năm 2014: 2%) được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% (năm 2014: 2%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ tăng/giảm 3% (năm 2014: 2%) thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty mẹ | 32.402.687.514 | 77.253.557.916 |
| Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con | 37.228.339.567 | 43.839.142.300 |
| (Giảm)/tăng lợi nhuận hợp nhất | (4.825.652.053) | 33.414.415.616 |

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 19.842.375.096 đồng (năm 2014: 12.732.005.436 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------|
| 31/12/2015 | | | | |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.496.469.368.100 | - | - | 3.496.469.368.100 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 2.693.629.799.500 | - | - | 2.693.629.799.500 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 889.864.501.650 | - | - | 889.864.501.650 |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 4.897.422.600 | 18.304.899.350 | - | 23.202.321.950 |
| | 7.084.861.091.850 | 18.304.899.350 | - | 7.103.165.991.200 |
| Công nợ tài chính | | | | |
| Các khoản vay | 1.132.811.958.500 | 4.058.305.649.850 | 1.199.930.050.000 | 6.391.047.658.350 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 968.311.918.300 | - | - | 968.311.918.300 |
| Chi phí phải trả | 543.271.905.300 | - | - | 543.271.905.300 |
| | 2.644.395.782.100 | 4.058.305.649.850 | 1.199.930.050.000 | 7.902.631.481.950 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 4.440.465.309.750 | (4.040.000.750.500) | (1.199.930.050.000) | (799.465.490.750) |
| | | | | |
| 31/12/2014 | | | | |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.208.194.249.666 | - | - | 3.208.194.249.666 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 4.816.242.949.908 | - | - | 4.816.242.949.908 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 11.937.320.052 | - | - | 11.937.320.052 |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 7.727.913.810 | 17.985.588.840 | - | 25.713.502.650 |
| | 8.044.102.433.436 | 17.985.588.840 | - | 8.062.088.022.276 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|-------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 31/12/2014 | | | | |
| Công nợ tài chính | | | | |
| Các khoản vay | 1.156.633.790.958 | 2.808.284.870.898 | 287.518.314.966 | 4.252.436.976.822 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 2.906.807.990.628 | - | - | 2.906.807.990.628 |
| Chi phí phải trả | 1.382.256.877.426 | - | - | 1.382.256.877.426 |
| | 5.445.698.659.012 | 2.808.284.870.898 | 287.518.314.966 | 8.541.501.844.876 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 2.598.403.774.424 | (2.790.299.282.058) | (287.518.314.966) | (479.413.822.600) |

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|--|
| Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam | Công ty cùng có vốn đầu tư từ Petrovietnam |
| Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty | Công ty liên doanh |
| Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí Petrovietnam | Công ty cùng có vốn đầu tư từ Petrovietnam |

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|--|--------------------|-------------------|
| Cung cấp dịch vụ | | |
| Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam | 896.271.430.013 | 2.327.895.452.085 |
| Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam | 11.559.367.177.496 | 9.834.464.079.774 |
| <i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị giao dịch:</i> | | |
| Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông | 2.373.995.516.083 | 2.305.403.826.151 |
| Các công ty liên doanh của Tổng Công ty | 229.721.751.891 | 615.212.038.202 |
| Mua hàng | | |
| Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam | 295.512.996.642 | 190.442.389.959 |
| Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam | 142.489.483.803 | 213.107.282.323 |
| Các công ty liên doanh của Tổng Công ty | 237.740.076.552 | 438.725.974.356 |
| Công ty TNHH LD Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes | 67.304.328.425 | 130.635.490.739 |
| Công ty TNHH PV Drilling Expro International | 145.106.469.343 | 271.228.107.096 |

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Các khoản phải thu | | |
| Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam | 80.139.126.083 | 49.176.628.980 |
| Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam | 2.204.558.420.716 | 2.503.525.894.344 |
| <i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư:</i> | | |
| Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông | 534.005.229.456 | 585.950.194.534 |
| Các công ty liên doanh của Tổng Công ty | 85.590.153.550 | 117.001.679.508 |
| Các khoản phải trả | | |
| Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam | 245.689.945.246 | 485.375.620.476 |
| <i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư:</i> | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 446.392.454.950 | 447.235.034.982 |
| Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam | 73.740.881.379 | 183.196.758.162 |
| Các công ty liên doanh của Tổng Công ty | | |
| Công ty TNHH PV Drilling Expro International | 57.640.505.545 | 147.538.958.982 |

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| Lương | 5.593.922.277 | 5.466.162.000 |
| Tiền thưởng | 2.760.602.842 | 1.526.644.500 |
| Các khoản phúc lợi khác | 420.000.000 | 315.000.000 |
| | 8.774.525.119 | 7.307.806.500 |

40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 25.719.398.258 đồng (năm 2014: 12.332.267.897 đồng) là giá trị tài sản mua sắm, xây dựng trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 10.780.557.350 đồng (năm 2014: 71.196.663.252 đồng) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi trả chi phí lãi vay trong năm không bao gồm số tiền 30.207.956.700 đồng (năm 2015: 31.536.648.822 đồng) là số chi phí lãi vay phải trả trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm số tiền 453.929.090.000 đồng là cổ tức năm 2014 đã trả cho các cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu (năm 2014: 275.446.550.000 đồng). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được cân đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Đơn vị: VND

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC, cụ thể như sau:

| Bảng cân đối kế toán hợp nhất Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 | Mã số | Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC VND | Giá trị phân loại lại VND | Theo TT 200/2014/TT-BTC VND |
|--|-------|----------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 97.675.786.758 | 24.939.765.822 | 122.615.552.580 |
| 2. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | - | 250.554.078 | 250.554.078 |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | 25.190.319.900 | (25.190.319.900) | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 216 | - | 17.985.588.840 | 17.985.588.840 |
| 5. Tài sản dài hạn khác | 268 | 17.985.588.840 | (17.985.588.840) | - |
| 6. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 1.822.880.284.992 | (440.623.407.566) | 1.382.256.877.426 |
| 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 103.602.061.014 | 220.545.016.886 | 324.147.077.900 |
| 8. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | - | 155.837.179.170 | 220.078.390.680 |
| 9. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 971.278.960.699 | 384.621.651.961 | 1.355.900.612.660 |
| 10. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 384.621.651.961 | (384.621.651.961) | - |

| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | Mã số | Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC VND | Giá trị phân loại lại VND | Theo TT 200/2014/TT-BTC VND |
|--|-------|----------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Các khoản dự phòng | 03 | 38.530.783.050 | 99.431.359.000 | 137.962.142.050 |
| 2. Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | 165.493.585.959 | 165.493.585.959 |
| 3. Giảm/(tăng) các khoản phải trả | 11 | 1.037.242.363.371 | (263.318.876.371) | 773.923.487.000 |
| 4. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (277.628.323.700) | (1.606.068.588) | (279.234.392.288) |

42. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI

Báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 25 tháng 3 năm 2016.



(Handwritten signatures of the four officials)

Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu



PV Drilling

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Sailing Tower, 111 A Pasteur,
Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tell: +84-8-39 142 012
Fax: +84-8-39 142 021 / 39 142 022
Web: www.pvdrilling.com.vn